

MỤC LỤC

1. PHẦN MỘT	5
Chương 1.....	6
Dải đá ngầm di động.....	6
Chương 2.....	10
Tán thành và phản đối	10
Chương 3.....	15
Xin tùy giáo sư.....	15
Chương 4.....	19
Nét len.....	19
Chương 5.....	25
May rủi.....	25
Chương 6.....	30
Mở hết tốc lực.....	30
Chương 7.....	37
Con cá voi không biết thuộc loại nào	37
Chương 8.....	44
Mobilis in mobile	44
Chương 9.....	51
Nét Len nổi khùng.....	51
Chương 10.....	58
Người chủ của biển cả.....	58
Chương 11.....	66
Tàu "nau-ti-lux"	66
Chương 12.....	71
Tất cả đều chạy bằng điện!.....	71

Chương 13.....	78
Vài con số	78
Chương 14.....	84
Dòng "sông Đen"	84
Chương 15.....	91
Giấy mời	91
Chương 16.....	98
Đạo chơi dưới đáy biển	98
Chương 17.....	102
Khu rừng dưới biển.....	102
Chương 18.....	107
Bốn ngàn dặm dưới thái bình dương	107
Chương 19.....	112
Va-ni-cô-rô.....	112
Chương 20.....	118
Eo biển Tô-rex.....	118
Chương 21.....	125
Mấy ngày trên đảo.....	125
Chương 22.....	134
Tiếng sét của thuyền trưởng Nê-mô	134
Chương 23.....	143
Cơ ngữ không thể giải thích được	143
Chương 24.....	148
Vương quốc san hô	148
PHẦN HAI.....	153
Chương 25.....	154
Ấn Độ Dương.....	154
Chương 26.....	158
Một đề nghị mới của thuyền trưởng Nê-mô.....	158

Chương 27.....	166
Viên ngọc giá mười triệu	166
Chương 28.....	173
Biển đỏ	173
Chương 29.....	179
Đường ngầm A-ra-bi-a.....	179
Chương 30.....	185
Quần đảo hy Lạp	185
Chương 31.....	194
bốn mươi tám giờ qua địa trung hải	194
Chương 32.....	196
Vũng biển Vi-gô	196
Chương 33.....	205
Một lục địa đã biến mất.....	205
Chương 34.....	211
Mỏ than ngầm dưới biển	211
Chương 35.....	215
Biển xác-gax.....	215
Chương 36.....	219
Cá nhà táng và cá voi	219
Chương 37.....	228
Băng giá mệnh mông.....	228
Chương 38.....	237
Nam cực.....	237
Chương 39.....	244
Một trở ngại ngẫu nhiên hay một trường hợp rủi ro... ..	244
Chương 40.....	250
Thiếu không khí.....	250
Chương 41.....	258

Từ mũi hoóc đến A-ma-dôn	258
Chương 42	264
Bạch tuộc.....	264
Chương 43	271
Dòng biển Gơn-xtơ-rim	271
Chương 44	278
Ở độ vĩ 47°24' và độ kinh 17°28'	278
Chương 45	282
Nghĩa địa khổng lồ	282
Chương 46	289
Những lời cuối cùng của thuyền trưởng Nê-mô	289
Chương 47	294
Kết luận.....	294

1. PHẦN MỘT

CHƯƠNG 1

DẢI ĐÁ NGẦM DI ĐỘNG

Năm 1866 được đánh dấu bằng một sự kiện kỳ lạ, một hiện tượng không được giải thích và không thể giải thích nổi mà chắc chưa ai quên. Những lời đồn đại về hiện tượng bí hiểm đó chẳng những làm nhân dân các thành phố cảng và các lục địa xôn xao, mà còn gây hoang mang lớn trong đám thủy thủ. Cánh lái buôn, chủ tàu, thuyền trưởng ở châu Âu và châu Mỹ, các sĩ quan hải quân các nước, và sau đó nhiều chính phủ ở cả hai châu đều hết sức lo lắng về sự kiện này. Số là thời gian gần đây, nhiều tàu buôn đi biển thường gặp một vật hình thoi dài đôi khi sáng lấp lánh, vượt xa cá voi về kích thước và tốc độ di chuyển. Những lời ghi trong nhật ký của các con tàu đó giống nhau một cách lạ lùng về sự miêu tả hình dáng bên ngoài, về tốc độ ghê gớm và sức mạnh của vật đó, cũng như về thái độ đặc biệt của nó. Nếu đó là một loại cá voi thì theo sự miêu tả, nó lớn hơn tất cả những con cá voi đã được khoa học biết đến. Không một nhà khoa học nào có thể tin được hiện tượng kỳ lạ này nếu không được nhìn thấy nó tận mắt. Nếu bỏ qua những sự đánh giá quá dè dặt cho rằng con quái vật không dài quá sáu mươi mét và gạt đi những lời thổi phồng quá đáng miêu tả nó như một con vật khổng lồ rộng một hải lý, dài ba hải lý, thì ta vẫn phải thừa nhận rằng quái vật, nếu có thật, nhất định vượt quá những kích thước đã được các nhà động vật học ghi nhận. Con người vốn cả tin những điều huyền hoặc, nên ta cũng dễ hiểu rằng hiện tượng kỳ lạ này đã làm họ xao xuyến thế nào. Một số người đã tìm cách xếp tất cả các câu chuyện đó vào một loại bịa đặt hão huyền, nhưng vô ích! Con vật kia vẫn tồn tại, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa. Ngày 20 tháng 7 năm 1866, chiếc tàu Ga-vóc-nơ Hi-ghin-xơn của công ty tàu biển Can-cút-ta-en Béc-nắc đã gặp một vật nổi khổng lồ cách bờ biển phía đông úc năm hải lý. Thoạt tiên, thuyền trưởng Bê-cơ định ninh rằng mình phát hiện ra một dải đá ngầm chưa được ghi trên bản đồ. Ông ta vừa bắt đầu xác định tọa độ của dải đá, thì từ trong lòng cái khối màu đen ấy bỗng vọt lên hai cột nước cao hơn bốn mươi mét. Vì sao vậy? Đó là

một dải đá mạch nước ngầm? Hay đó chỉ là một động vật có vú sống dưới biển phun không khí từ mũi ra làm vọt lên những luồng nước?

Ngày 23 tháng 7 năm đó, tàu Cri-xtô-ban Cô-lôn của Công ty tàu biển Đông ấn lại thấy hiện tượng này ở vùng biển Thái Bình Dương. Xưa nay đâu có chuyện cá voi bơi với tốc độ lạ thường như vậy? Chỉ trong ba ngày mà hai chiếc tàu gặp nó ở hai điểm cách nhau trên bảy trăm dặm. Mười lăm ngày sau, cách nơi nói trên hai ngàn dặm, tàu Hen-vê-xi-a của Công ty tàu biển Quốc gia và tàu Sa-nơn của Công ty Roi-ơn Mây-lơ trên đường đi giữa châu Mỹ và châu Âu gặp nhau ở Đại Tây Dương, đã phát hiện ra quái vật ở 42,15 độ vĩ bắc và 60,35 độ kinh về phía tây kinh tuyến Grin-uyt. Hai tàu cũng quan sát và xác định được bằng mắt, là con vật có vú, dài ít nhất hơn một trăm mét. Họ xác định được như vậy là vì hai tàu đều nhỏ hơn con vật, mặc dù cả hai đều dài một trăm mét. Giống cá voi khổng lồ ở vùng đảo A-lê-út cũng không thể dài quá năm mươi mét. Những tin tức này dòn dập bay về, những thông báo mới của tàu Pê-rê vượt Đại Tây Dương, cuộc chạm trán giữa quái vật với tàu ét-na, biên bản của các sĩ quan trên chiếc tàu chiến Pháp Noóc-măng-đi và bản báo cáo tỉ mỉ của Phít-xơ Giêm-xơ, thuyền trưởng tàu Lo Clai-đơ -tất cả những cái đó đã làm náo động dư luận. Ở những nước hay suy nghĩ hồ đồ thì hiện tượng kỳ lạ này là đề tài vô tận cho những chuyện bông đùa, nhưng những nước chín chắn hơn và có đầu óc thực tế như Anh, Mỹ, Đức thì hết sức quan tâm đến chuyện này. Ở thủ đô các nước, con quái vật đã trở thành "mốt": người ta hát về nó trong các tiệm cà phê, nhạo báng nó trên báo chí, đưa nó lên sân khấu. Vớ được dịp may hiếm có, mấy tờ lá cải tha hồ tung tin vịt. Họ dựng lên đủ loại quái vật hoang đường, từ con cá voi trắng khổng lồ ở các nước vùng Bắc cực đến những con bạch tuộc gớm ghiếc có thể dùng vòi cuốn cả tàu chở nặng năm trăm tấn chìm xuống đáy biển. Trong các hội nghiên cứu và các tạp chí khoa học nổi lên một cuộc tranh luận ồn ào không dứt giữa những người tin và không tin.

Các nhà báo, những người yêu khoa học trong cuộc tranh cãi với đối phương, đã phải đổ biết bao nhiêu mực thậm chí một số đã đổ cả máu vì cuộc đấu khẩu về con rắn biển đó dẫn tới những trận đấu chân đấu tay thực sự! Cuộc "chiến tranh" này đã kéo dài suốt sáu tháng ròng không phân thắng bại... Mấy tháng đầu năm 1867, câu chuyện quái vật hình như đã bị chôn vùi và chẳng cần gọi lại

làm gì. Nhưng những sự kiện mới lại lan truyền trong công chúng. Bây giờ không còn là chuyện giải quyết một vấn đề khoa học thú vị nữa, mà là một nguy cơ nghiêm trọng. Quái vật đó đã biến thành một hòn đảo, một dải đá ngầm di động, bí hiểm, không thể bắt được! Mừng năm tháng ba năm 1867, tàu Mô-ra-vi-an của Công ty tàu biển Mông-rê-an đang chạy nhanh ở 27,30 độ vĩ và 72,15 độ kinh bỗng đâm phải một dải đá ngầm không thấy ghi trên một bản đồ hoa tiêu nào. Nhờ gió thuận và động cơ mạnh bốn trăm sức ngựa, chiếc tàu chạy với tốc độ mười ba hải lý một giờ. Tàu đâm mạnh đến nỗi nếu vỏ tàu không thật vững vàng thì nhất định sẽ bị đắm cùng với hai trăm ba mươi bảy thủy thủ và hành khách từ Ca-na-đa về. Cuộc va chạm xảy ra lúc rạng đông, khoảng năm giờ sáng. Các sĩ quan trực nhật lao tới mũi tàu. Họ xem xét rất kỹ mặt biển, nhưng chẳng thấy gì đáng nghi ngờ, ngoài một đợt sóng to nổi lên cách đó hơn nửa ki-lô-mét. Xác định tọa độ xong, tàu Mô-ra-vi-an lại tiếp tục hành trình mà không thấy chỗ nào bị hư hại. Nó đã va phải cái gì vậy? Một dải đá ngầm hay xác một chiếc tàu bị đắm? Chẳng ai biết cả. Nhưng sau đó, khi xem xét phần dưới của tàu ở xưởng sửa chữa, người ta thấy một bộ phận của lòng tàu bị hư hại. Sự kiện nghiêm trọng này chắc cũng có thể bị lãng quên nhanh chóng như nhiều sự kiện khác tương tự, nếu ba tuần sau đó nó không được lặp lại trong những điều kiện y hệt. Và cũng do chiếc tàu mang cờ một cường quốc và thuộc một công ty hàng hải nên tin xảy ra tai nạn được truyền đi rất rộng...

Ngày 13 tháng 4 năm 1867, tàu Xcôt-len cũng thuộc công ty nói trên đang ở 15,37 độ kinh và 45,37 độ vĩ. Biển lặng, gió nhẹ. Nhờ động cơ rất mạnh, tàu chạy hơn mười ba hải lý một giờ. Guồng bánh quay đều trong sóng biển. Bốn giờ mười bảy phút chiều, khi hành khách đang ăn trong phòng ăn thì thân tàu bỗng rung lên vì va nhẹ vào một vật gì đó ở phía lái, sau guồng bên trái một chút. Xét tính chất của va chạm, có thể đoán là tàu vừa bị một vật nhọn đâm vào. Nhưng có lẽ cũng chẳng ai chú ý tới sự việc đó nhiều, nếu thợ đốt lò không chạy lên boong và kêu ầm lên:

- Hầm tàu bị thủng! Hầm tàu bị thủng!

Trong giây phút đầu, hành khách hoang mang nhốn nháo, nhưng thuyền trưởng An-đốc-xơn đã làm họ bình tĩnh lại. Thực ra tàu không bị đe dọa gì. Vì nó được chia thành bảy ngăn riêng biệt không thấm nước, nên một chỗ rò rỉ nhỏ chẳng đáng sợ. An-đốc-xơn lập tức xuống hầm tàu. Ông ta thấy ngăn số năm bị ngập

nước. Căn cứ vào tốc độ nước ủa vào, thì lỗ thủng ở thân tàu khá to. Cũng may là ở ngăn này không có nồi hơi, nếu có thì đã bị tắt ngấm. An-đóc-xơn ra lệnh tắt máy và cử một thủy thủ lặn xuống nước xem xét chỗ thủng. Một phút sau xác định được rằng phần dưới thân tàu có một lỗ thủng rộng hai mét. Vì không có khả năng bịt kín chỗ đó nên tàu Xcôt-len phải tiếp tục hành trình, để guồng bánh xe ngập một nửa xuống nước. Tai nạn xảy ra cách mũi Cle ba trăm hải lý. Thế là tàu Xcôt-len cập bến Li-vóc-pun chậm mất ba ngày, làm mọi người hết sức lo lắng. Tàu được đưa vào xưởng sửa chữa để các kỹ sư xem xét. Họ không tin ở mắt mình nữa! Ở thân tàu, dưới mặt nước hai mét rưỡi, có một lỗ thủng hình tam giác cân. Ba cạnh của lỗ thủng rất nhẵn, tựa như bị kéo cắt. Rõ ràng là vật chọc thủng thân tàu phải có độ rắn rất cao. Hơn nữa sau khi xuyên qua lá thép dày bốn cen-ti-mét, nó tự rút ra được. Sự việc đó không ai giải thích nổi!

Từ ngày đó, tất cả những tai nạn ngoài biển mà không có nguyên nhân đều quy cả cho quái vật. Nó phải chịu trách nhiệm về nhiều vụ đắm tàu. Đáng tiếc rằng số tàu bị đắm khá lớn và ít nhất có hai trăm trong số tàu đắm được coi là "mất tích". Dù sao thì cũng do quái vật mà giao thông giữa các lục địa ngày càng nguy hiểm. Dư luận tha thiết yêu cầu phải trừ khử quái vật đó bằng bất kỳ giá nào.

CHƯƠNG 2

TÁN THÀNH VÀ PHẢN ĐỐI

Khi xảy ra những việc vừa kể trên thì tôi đã hoàn thành công việc nghiên cứu ở bang Nê-brát-xca (bắc Mỹ) và đang quay về. Chính phủ Pháp cử tôi vào đoàn nghiên cứu khoa học với tư cách là phó giáo sư của Viện bảo tàng lịch sử tự nhiên Pa-ri. Sau khi đã đi khắp miền Nê-brát-xca trong sáu tháng và thu thập được những bộ hiện vật hết sức quý giá, cuối tháng ba tôi về tới Niu I-ooc. Tôi dự định sẽ lên đường về Pháp vào đầu tháng năm. Vì vậy, mấy ngày rồi rãi còn lại trước khi xuống tàu, tôi dành để xếp loại những bộ sưu tập về khoáng vật, thực vật và động vật của tôi. Chính lúc đó tàu Xcôt-len gặp nạn. Tất nhiên tôi theo dõi sát mọi việc đã làm dư luận xôn xao. Tôi đã đọc đi đọc lại tất cả những báo chí châu Mỹ và Châu Âu, nhưng những cái đó cũng chẳng soi sáng gì thêm cho vấn đề đang làm mọi người thắc mắc. Câu chuyện bí hiểm đã kích thích tính tò mò của tôi...

Tôi tới Niu I-ooc đúng lúc đang nổi lên những cuộc tranh cãi gay gắt xung quanh câu chuyện này. Những giả thiết về hòn đảo di động, về dải đá ngầm do những người ít thẩm quyền đề ra, đã bị vứt bỏ hoàn toàn. Thật vậy "dải đá ngầm" sao có thể di chuyển với tốc độ như vậy nếu nó không có máy móc cực mạnh? Giả thiết cho rằng đó là xác một chiếc tàu khổng lồ bị đắm trôi đi với tốc độ ghê gớm như vậy cũng bị gạt bỏ. Còn lại hai giả thiết có người ủng hộ: một số người cho rằng mọi sự bất hạnh đều do một con vật khổng lồ gây ra; một số khác thì cho rằng đó là một chiếc tàu ngầm có động cơ cực mạnh. Giả thiết cuối cùng đó có vẻ gần sự thật hơn cả, nhưng lại bị bác bỏ sau những cuộc điều tra ở cả hai bán cầu. Khó có thể tin rằng một tư nhân nào lại có được một chiếc tàu như vậy. Nó đã được đóng bao giờ và ở đâu? Và việc đóng một chiếc tàu khổng lồ như vậy làm sao có thể giữ kín được? Chỉ nhà nước mới có thể chế tạo ra những loại máy có sức phá hoại ghê gớm như vậy. Ở thời đại chúng ta, khi trí tuệ con người rất thành thạo trong việc

sáng chế ra những công cụ giết người thì cũng dễ tin được rằng có một nước nào đó đã bí mật chế tạo và đem thử chiếc tàu ngầm khiếp này. Nhưng cuối cùng giả thiết về một chiếc tàu ngầm quân sự đã đổ sụp, vì tất cả các chính phủ đều tuyên bố là không dính dáng gì đến chuyện này. Không thể nghi ngờ được sự thành thật của những bản tuyên bố đó, vì các đường biển quốc tế đều bị đe dọa. Hơn nữa, việc đóng một chiếc tàu ngầm khổng lồ như vậy không thể thoát khỏi sự chú ý của dư luận. Giữ bí mật trong những điều kiện như vậy đối với tư nhân đã hết sức khó, còn đối với từng nước là điều không tưởng vì mỗi hành động của họ đều bị các cường quốc đối địch theo dõi gắt gao. Thế là sau khi điều tra ở các nước Anh, Pháp, Nga, Phổ, Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Mỹ và cả Thổ nữa, giả thiết về tàu ngầm đã phá sản hoàn toàn. Mặc dù bị những tờ báo lá cải chế giễu, con quái vật kia lại nổi lên mặt nước. óc tưởng tượng được kích động lại vẽ nên những bức tranh vô lý nhất trong lĩnh vực khoa học viễn tưởng. Về tới Niu I-ooc, tôi có vinh dự được nhiều người đến hỏi ý kiến về vấn đề này. Ở Pháp tôi có cho xuất bản cuốn sách in thành hai tập, nhan đề "Những bí mật của biển sâu". Cuốn sách đó được giới khoa học hoan nghênh và đã khiến tôi trở thành chuyên gia nổi tiếng về một lĩnh vực ít được nghiên cứu của lịch sử tự nhiên. Người ta yêu cầu tôi phát biểu ý kiến về vấn đề này. Nhưng trong tay tôi không có một tài liệu cụ thể nào nên tôi từ chối, lấy cớ là hoàn toàn không hiểu biết gì cả. Tuy nhiên, bị dồn vào chân tường, tôi đành phải nói lên phán đoán của mình. Và cuối cùng, "Tôn ông A-rô-nắc", giáo sư viện bảo tàng Pa-ri, mà các phóng viên báo Niu I-oóc Hê-rơn yêu cầu "phát biểu ý kiến" phải đầu hàng. Tôi lên tiếng vì im lặng mãi cũng không tiện. Tôi xem xét vấn đề về cả mọi mặt chính trị và khoa học.

Tôi xin trích ra đây mấy đoạn trong bài báo đăng ngày 30-4: "Sau khi cân nhắc từng giả thiết đã được đề ra và không có những giả thiết khác vững chắc hơn, chúng ta đành thừa nhận sự tồn tại của một con vật sống dưới biển có sức mạnh phi thường. Những lớp nước sâu của đại dương hầu như chưa được nghiên cứu. Chưa một cuộc thăm dò nào xuống được tới những lớp nước đó. Cái gì đang xảy ra dưới vực thẳm chưa ai biết đến ấy? Những sinh vật nào đang sống và có thể sống ở độ sâu mười hai, hay mười lăm hải lý dưới mặt biển? Cơ thể của chúng ra sao? Bất kỳ giả thiết nào cũng chỉ là phỏng đoán mà thôi. Nhiệm vụ đặt ra cho chúng ta có thể giải quyết bằng hai cách: Hoặc là chúng ta đã biết hết các loài

sinh vật sống trên hành tinh chúng ta, hoặc là chưa biết hết. Nếu ta chưa biết hết, nếu trong lĩnh vực ngư học, thiên nhiên còn giấu ta nhiều điều bí mật, thì chẳng có cơ sở nào để không thừa nhận sự tồn tại của những con cá, hay động vật có vú thuộc những giống, loài mà ta chưa biết, những sinh vật đặc biệt sống được ở các lớp nước sâu; chỉ thỉnh thoảng mới nổi lên mặt biển do tác động của các Quy luật vật lý nào đó, hoặc do tính khí bất thường của thiên nhiên. Trái lại, nếu ta đã biết hết các loài động vật, thì cần tìm kiếm con vật nói trên trong số những con vật biển đã được phân loại, trong trường hợp này, tôi sẵn sàng cho rằng đây là một con cá thiết hình khổng lồ. Cá thiết hình bình thường, hay cá một sừng, dài tới mười tám mét. Hãy nhân kích thước nó lên năm lần, mười lần, hãy cho nó một sức mạnh, một cái sừng cân xứng với thân hình nó. Như vậy các bạn sẽ hình dung được con quái vật! Nó sẽ có kích thước mà các sĩ quan tàu Sa-nơn cho biết, có cái sừng nhọn đâm thủng được tàu Xcôt-len và các tàu vượt đại dương khác. Cá thiết hình có một sừng lớn sắc như gươm và rắn như thép. Người ta đã nhiều lần thấy những vết thương trên mình cá voi là loại động vật mà bao giờ cá thiết hình cũng đánh thắng.

Nhiều khi người ta lấy được những mảnh vụn của sừng cá ở vỏ tàu bằng gỗ bị đâm thủng. Viện bảo tàng của Đại học y khoa Pa-ri có một cái sừng cá thiết hình dài hai mét hai mươi lăm centi-mét, chu vi chỗ to nhất là bốn mươi tám centi-mét. Chúng ta hãy hình dung một cái sừng lớn hơn mười lần, con cá mạnh hơn mười lần, bơi nhanh hai mươi năm hải lý một giờ, hãy nhân khối lượng của con cá với tốc độ của nó, thì sẽ hiểu được nguyên nhân gây ra tai nạn. Tóm lại, trong khi chờ đợi những tin tức đầy đủ hơn, tôi nghiêng về ý kiến cho rằng đây là một con cá thiết hình khổng lồ có sừng nhọn, lớn như những tàu chiến bọc thép và cũng di chuyển nhanh như vậy. Tôi xin giải thích hiện tượng bí hiểm này như trên, nhưng với điều kiện là nó phải có thực chứ không phải là chuyện bịa đặt (điều này cũng có thể xảy ra)." Những lời cuối cùng là mưu mẹo của tôi: tôi muốn giữ uy tín của nhà bác học và không muốn cho dân Mỹ, một dân tộc hay đùa cợt, có cơ để nhạo báng. Tôi đã để lại một con đường để rút lui. Thực lòng tôi rất tin rằng đây là một quái vật. Bài báo của tôi đã gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi và được nhiều người đọc. Có cả những người tán thành tôi. Cách giải quyết vấn đề do tôi đề nghị, cho phép người ta được hoàn toàn tự do tưởng tượng. Trí tuệ con người được thỏa thích tạo nên hình tượng những con vật khổng lồ, mà

những động vật trên trái đất như: voi, tê giác, nếu đứng cạnh chỉ là những chú chim chích. Môi trường nước sản ra những loài có vú rất lớn, có lẽ cả những loài nhuyển thể khổng lồ, những loài giáp xác khổng khiếp, những con cua nặng hai trăm tấn! Đã có một thời, những động vật trên trái đất, những loài bốn chân bốn tay, bò sát và chim đều có hình thù đồ sộ. Sau đó thời gian đã rút ngắn kích thước của chúng lại. Vì sao ta không thể cho rằng dưới các lớp biển sâu chưa được nghiên cứu còn bảo tồn được những động vật khổng lồ của những thời kỳ xa xưa nhất?

Nhưng nếu tất cả câu chuyện huyền bí đó đối với một số người chỉ có ý nghĩa thuần túy khoa học, thì những người có đầu óc thực tế hơn, đặc biệt là người Mỹ và người Anh, lại rất lo lắng đến sự an toàn của các đường giao thông vượt đại dương và đặt việc trừ khử con quái vật ra một cách cấp thiết. Báo chí đại diện quyền lợi của các giới công nghiệp và tài chính xem xét vấn đề này một cách nguyên tắc, nghĩa là từ mặt thực tế này. Dư luận các nước, trước hết là Mỹ, ủng hộ sáng kiến đó của giới kinh doanh. Ở Niu I-ooc, người ta bắt đầu chuẩn bị một chuyến đi đặc biệt, nhằm tìm kiếm con cá thiết hình đó. Chiếc tàu chiến A-bram Lin-côn phải gấp rút ra khơi ngay. Cửa các kho quân sự được mở ra để cung cấp mọi thứ cần thiết cho thuyền trưởng Pha-ra-gút, chỉ huy tàu. Nhưng đúng lúc có quyết định trang bị cho đoàn thám hiểm, thì con cá lại biến mất. Suốt hai tháng trời con cá chẳng thấy tăm hơi nó đâu. Chẳng một chiếc tàu nào gặp nó. Hình như con cá cảm thấy người ta đang mưu hại nó. Người ta đã nói đến chuyện đó quá nhiều! Lại truyền đi bằng cả đường điện tín đặt ngầm dưới Đại Tây Dương nữa! Những người hay đùa quả quyết rằng con cá xảo quyết đó đã tóm được bức điện và đã có những biện pháp đề phòng. Chiếc tàu chiến đã chuẩn bị xong để đi xa, được trang bị loại đạn bắn cá voi rất mạnh, nhưng sẽ đi hướng nào thì chẳng ai được biết. Tình trạng căng thẳng đang lên tới đỉnh cao thì bỗng ngày 2 tháng 7 có tin đồn là chiếc tàu chạy thường xuyên giữa Xan Phran-xit-xcô và Thượng Hải ba tuần trước đây đã gặp quái vật ở phía bắc Thái Bình Dương. Tin đó đã gây một ấn tượng rất mạnh. Thuyền trưởng Pha-ra-gút chỉ còn không đầy hai mươi bốn tiếng đồng hồ để chuẩn bị. Lương thực đã được chất lên tàu. Các hầm tàu đầy ắp than. Thủy thủ đã tập hợp đông đủ. Chỉ còn việc đốt lò và nhổ neo! Pha-ra-gút không được phép chậm trễ dù chỉ mấy giờ! Vả lại, chính Pha-ra-gút cũng nôn nóng muốn ra khơi ngay. Trước khi tàu

Lin-côn nhổ neo ba tiếng đồng hồ, tôi nhận được một bức thư, nội dung như sau:

Kính gửi Ngài A-rô-nắc, giáo sư Viện bảo tàng Pa-ri. Khách sạn "Đại lộ số 5" Niu I-oóc, Thưa Ngài, Nếu Ngài có ý muốn tham gia đoàn thám hiểm trên tàu A-bram Lin-côn, thì chính phủ Mỹ sẽ lấy làm hài lòng về việc Ngài thay mặt nước Pháp đóng góp vào việc này, Thuyền trưởng Pha-ra-gút sẽ dành cho Ngài một phòng riêng trên tàu. Kính chào Ngài Bộ trưởng Bộ hàng hải Đ.B.Hộp-Xơn.

CHƯƠNG 3

XIN TÙY GIÁO SƯ

Khi nhận được thư của ông Hốp-Xơn, tôi đang vừa nghĩ nhiều về việc bắt con cá một sừng, vừa nghĩ nhiều về ý định vượt qua những cánh đồng Tây -Bắc. Tuy vậy, đọc xong thư của ông bộ trưởng, tôi hiểu ngay rằng sứ mệnh thực sự của tôi, mục đích của cả cuộc đời tôi là phải tiêu diệt được con quái vật này, không cho nó làm hại mọi người. Tôi vừa kết thúc một cuộc hành trình gian khổ nên rất mệt mỏi và cần nghỉ ngơi: Tôi rất mong trở về Tổ quốc, về với bạn bè và căn phòng ở Vườn bách thú, về với những bộ sưu tập quý giá của tôi! Nhưng không gì có thể ngăn cản tôi tham gia đoàn thám hiểm này. Sự mệt nhọc, bạn bè, những bộ sưu tập -tất cả đều bị quên đi! Không cần suy nghĩ nhiều, tôi nhận ngay lời mời của chính phủ Mỹ. Tôi nghĩ:

“Dù thế nào, mọi con đường cũng đều dẫn tới bờ biển nước Pháp! Nó sẽ giúp ta mang về Viện bảo tàng tự nhiên Pa-ri cái sừng dài không dưới nửa mét của nó”. Nhưng trong khi chờ đợi tương lai xa xôi đó, tôi còn phải tìm nó ở phía bắc Thái Bình Dương, nói khác đi, là phải đi về phía ngược với nước Pháp.

- Công-xây!

Tôi nóng ruột gọi to. Công-xây là người giúp việc tôi và theo tôi đi khắp nơi. Tôi mến anh ta và anh ta cũng quý tôi. Công-xây tính điềm đạm, trung thực, cần cù, thường nhìn nhận các bước ngoặt của số phận một cách triết lý, rất khéo tay và luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

Trái hẳn với tên gọi, anh ta chẳng bao giờ khuyên ai, ngay cả khi người ta đến hỏi ý kiến. Vì thường xuyên tiếp xúc với giới khoa học của Vườn bách thú. Công-xây học tập được nhiều điều. Anh ta chuyên về phân loại tự nhiên, rất thành thạo về các "kiểu, nhóm, lớp, bộ, họ, giống, loài". Nhưng kiến thức của anh ta đến đây cũng là hết. Phân loại là năng khiếu tự nhiên của Công-xây, anh ta

không tiến xa nữa. Nhưng dù sao Công-xây cũng là người rất tốt. Mười năm nay, Công-xây theo tôi trong tất cả các chuyến đi nghiên cứu. Tôi chưa hề thấy anh ta kêu ca phàn nàn khi chuyến đi bị kéo dài hay gặp khó khăn, gian khổ, Công-xây sẵn sàng theo tôi đi bất kỳ nước nào, dù đó là Trung Quốc hay Công-gô, dù đường xa đến mấy. Ngoài ra, Công-xây có thể tự hào về sức khỏe hiếm có bất chấp mọi bệnh tật, về những bắp thịt rắn chắc và một hệ thần kinh rất vững vàng. Công-xây ba mươi tuổi, so với tuổi tôi thì như mười lăm so với hai mươi. Xin các bạn thứ lỗi cho cách diễn đạt rắc rối của tôi vì đó chỉ là cách thú nhận rằng tôi đã bốn mươi tuổi! Nhưng Công-xây có một nhược điểm. Là người câu nệ hình thức, anh ta bao giờ cũng gọi tôi là "giáo sư", điều đó làm tôi rất bực mình.

- Công-xây!

Tôi gọi lần thứ hai và hồi hải chuẩn bị lên đường. Tôi rất tin ở lòng trung thành của Công-xây. Thông thường, tôi không hỏi xem anh ta có đồng ý đi theo tôi không, nhưng chuyến đi này có thể sẽ kéo dài chưa biết đến bao giờ, có thể sẽ nguy hiểm, vì đây là cuộc săn bắt một con vật có khả năng đánh chìm tàu chiến xuống biển như một cái vỏ hạt dẻ! Mọi người dù dừng dừng đến đâu cũng phải suy nghĩ ít nhiều!

- Công-xây!

Tôi gọi lần thứ ba. Công-xây xuất hiện.

- Giáo sư gọi tôi ạ?

Anh ta vừa vào vừa hỏi.

- Đúng vậy, anh bạn ạ. Anh hãy thu xếp đồ đạc của tôi và chuẩn bị cho mình nữa. Hai giờ nữa chúng ta sẽ lên đường!

- Xin tùy giáo sư, - Công-xây bình thản trả lời.

- Không được lè mè một chút nào! Anh xếp tất cả hành lý, quần áo của tôi vào va-li, càng nhiều càng nhanh càng tốt.

- Còn những bộ sưu tập của giáo sư thì sao ạ?

Công-xây hỏi.

- Chúng ta sẽ giải quyết sau.

- Sao lại sau ạ?

- Chúng sẽ được bảo quản ở khách sạn. Rồi tôi sẽ cho gửi về Pháp.

- Thế chúng ta không về Pa-ri ă?

- Ừ... tất nhiên sẽ về... nhưng có lẽ phải đi vòng một chút...

- Xin tùy ý giáo sư. Đi vòng cũng được ă!

- Vòng một chút thôi! Chúng ta chỉ đi chệch đường thẳng một chút thôi! Và đi bằng tàu A-bram Lin-côn.

- Xin tùy giáo sư.

Công-xây ngoan ngoãn trả lời.

- Anh bạn ă, anh biết không, chúng ta sẽ đi để trừ khử con quái vật, con cá thiết hình nổi tiếng đó. Tác giả bộ sách "Những bí mật của biển sâu" không thể từ chối việc đi cùng thuyền trưởng Pha-ra-gút trong chuyến thám hiểm này được. Nhiệm vụ thực vinh quang nhưng cũng rất nguy hiểm, vì phải hành động một cách mờ ám và con quái vật có nhiều điều bí ẩn. Nhưng dù thế nào, thuyền trưởng của chúng ta cũng sẽ không cho nó thoát!...

- Giáo sư đi đâu, tôi xin đi đó ă, - Công-xây trả lời.

- Anh cứ nghĩ kỹ đi! Tôi chẳng muốn giấu anh điều gì cả. Tham gia những cuộc thám hiểm thế này có thể sẽ không trở về đây.

- Xin tùy giáo sư.

Mười lăm phút sau, va-li đã xếp xong. Công-xây chuẩn bị rất nhanh, có thể bảo đảm là anh chẳng quên gì, vì anh ta xếp quần áo cũng thạo như phân loại chim và cá vậy. Người phục vụ ở khách sạn mang hành lý của chúng tôi ra phòng ngoài. Tôi chạy vội xuống tầng dưới, thanh toán tiền nong ở văn phòng khách sạn, nơi luôn luôn tấp nập khách mới đến. Tôi yêu cầu chuyển về Pa-ri những kiện hàng gồm tiêu bản động vật và thực vật đã sấy khô. Sau đó, tôi và Công-xây nhảy lên xe ngựa. Mấy phút sau, xe đỗ ở bến, nơi tàu Lin-côn đang thả từng cuộn khói dày đặc. Hành lý của chúng tôi được mang ngay lên boong. Tôi chạy lên tàu và hỏi thuyền trưởng Pha-ra-gút. Một thủy thủ dẫn tôi đi. Một sĩ quan tư thế hùng dũng bắt tay tôi và hỏi:

- Ngài là Pi-e A-rô-nắc?

- Vâng. Còn ngài là thuyền trưởng Pha-ra-gút?

- Vâng, chính tôi! Xin chào giáo sư! Chúng tôi đã dành cho ngài một phòng riêng!

Tôi đáp lễ và biết thuyền trưởng đang rất bận chuẩn bị cho tàu nổ máy nhổ neo, tôi chỉ đề nghị cho biết phòng riêng của tôi ở đâu. Tàu Lin-côn rất thích hợp với nhiệm vụ mới. Đó là một chiếc tàu chiến có những máy móc tối tân chạy bằng hơi nước có áp suất tới bảy at-mốt-phe. Với áp suất đó, tàu Lin-côn chạy nhanh mười tám hải lý một giờ. Tốc độ như vậy là nhanh nhưng tiếc thay vẫn chưa đủ để đuổi bắt con cá khổng lồ kia. Sự trang trí bên trong tàu cũng tương xứng với những phẩm chất hàng hải của tàu. Tôi rất hài lòng về căn phòng riêng ở phía lái và thông với phòng ăn.

- Chúng ta ở đây rất tiện, - tôi bảo Công-xây.

- Thưa giáo sư vâng.

Tôi bảo Công-xây mở va-li, xếp ra những đồ dùng cần thiết còn tôi thì lên boong xem tàu chuẩn bị nhổ neo. Đúng lúc đó, thuyền trưởng Pha-ra-gút hạ lệnh tháo dây neo tàu Lin-côn ở bến Blúc-lin. Nếu tôi đến chậm 15 phút, thậm chí ít hơn, thì có lẽ tàu đã lên đường và tôi sẽ không được tham gia cuộc thám hiểm rất đặc biệt, có một không hai này, cuộc thám hiểm dù có thuật lại một cách chân thực cũng vẫn bị coi như một chuyện bịa đặt hoàn toàn. Thuyền trưởng Pha-ra-gút không để mất một ngày, một giờ nào. Ông ta phải tức tốc tới những vùng biển đã phát hiện ra quái vật. Pha-ra-gút gọi trưởng máy lên hỏi:

- Áp suất đã đủ chưa?

- Thưa, đủ.

- Cho tàu chạy!

- Pha-ra-gút ra lệnh. Mệnh lệnh lập tức được truyền xuống buồng máy. Chân vịt quay ngày càng nhanh. Tàu Lin-côn hùng dũng tiên quân, có hàng trăm xuống và tàu kéo chở đầy người tiên đưa long trọng. Bên tàu Blúc-lin và tất cả khu vực dọc sông It-ri-vơ của Niu I-ooc chật ních người. Những tiếng hoan hô từ miệng năm mươi vạn người vang lên không ngớt. Hàng ngàn khăn tay được tung lên trời cho tới khi tàu Lin-côn ra tới vịnh Hút-dôn ở mồm ngoài cùng của bán đảo, nơi thành phố Niu I-ooc đang xây dựng. Ba giờ chiều. áp lực hơi nước tăng lên, chân vịt quay ngày càng nhanh. Chiếc tàu chạy dọc theo bờ cát thấp Long Ai-len và tới gần tám giờ sáng thì mở hết tốc lực vượt trên sóng nước Đại Tây Dương đen thẫm.

CHƯƠNG 4

NÉT LEN

Thuyền trưởng Pha-ra-gút là một người đi biển dày kinh nghiệm, thực xứng đáng với chiếc tàu chiến mà ông ta chỉ huy. Pha-ra-gút với con tàu chỉ là một. Ông ta là linh hồn của tàu. Ông ta không mấy may nghi ngờ sự tồn tại của con cá, nhưng cũng không cho phép ai được bàn tán nhằm nhí về vấn đề đó. Ông ta tin là có con quái vật không phải bằng óc mà bằng tim. Pha-ra-gút sẽ trừ khử được nó - ông ta thề như vậy.

Hoặc là thuyền trưởng Pha-ra-gút sẽ diệt con cá thiết hình, hoặc là con cá sẽ giết chết Pha-ra-gút. Không thể có sự thỏa hiệp nào! Toàn thể thủy thủ nhất trí với thuyền trưởng. Điều đó thể hiện rất rõ khi họ bàn luận, tranh cãi với nhau, khi họ cân nhắc từng khả năng giúp họ tìm ra con quái vật một cách nhanh chóng nhất, khi họ chăm chú quan sát mặt biển! Ngay cả những sĩ quan, lúc bình thường vẫn xem việc trực ban là một nhiệm vụ khổ sai, giờ đây cũng sẵn sàng trực thêm giờ. Về phía thủy thủ thì họ chỉ có một nguyện vọng: tìm thấy con cá một sừng, bắn trúng nó, kéo lên tàu rồi xả ra từng mảnh. Họ quan sát mặt biển một cách căng thẳng. Cần nói thêm rằng thuyền trưởng Pha-ra-gút đã hứa là sẽ thưởng hai ngàn đô-la cho người nào phát hiện ra quái vật đầu tiên, không kể là thủy thủ đang học nghề, thủy thủ hay sĩ quan. Tôi cũng chẳng thua gì mọi người, tôi cũng đứng trên boong ngày này sang ngày khác. Chỉ có Công-xây là tỏ vẻ dửng dưng trước chuyện này và không hề có cái tâm trạng bị kích động đang lan tràn trên tàu. Thuyền trưởng Pha-ra-gút đã trang bị cho tàu của mình tất cả những thứ cần thiết để đánh con cá voi khổng lồ. Không một chiếc tàu đánh cá voi nào có thể được trang bị tốt hơn. Trên tàu Lin-côn có tất cả các thứ đạn bắn cá voi hiện đại nhất, từ loại đạn giống mũi tên nhọn phóng đi bằng tay, đến các loại đạn phá bắn bằng súng nòng dài. Phía mũi tàu có một cỗ đại bác kiểu cải tiến bắn loại đạn hình nón nặng bốn ki-lô-gam đi xa mười sáu

ki-lô-mét. Tóm lại, tàu Lin-côn được trang bị tất cả các loại vũ khí ghê gớm nhất. Nhưng chưa hết! Trên tàu còn có Nét Len - "vua" bắn cá voi. Nét Len, gốc Ca-na-đa, là thợ săn cá voi giỏi tuyệt vời. Anh ta chưa hề gặp đối thủ trong cái nghề nguy hiểm của mình. Ở Nét Len, sự khéo léo và bình tĩnh, lòng can đảm và sự nhanh trí đã kết hợp với nhau một cách cân đối. Cá voi hay cá nhà táng phải quở quyết ranh ma lắm mới thoát được phát đạn của anh ta. Nét Len khoảng gần bốn mươi tuổi. Anh ta cao lớn, vạm vỡ, vẻ mặt khắc khổ, ít cười mở, nóng tính, nên hơi một chút là nổi giận đùng đùng. Vẻ bề ngoài của anh ta làm mọi người chú ý, đặc biệt là đôi mắt cương nghị. Tôi cho rằng thuyền trưởng Pha-ra-gút đã hành động đúng khi mời Nét Len tham gia cuộc tìm kiếm. Cánh tay rắn chắc và đôi mắt tinh tường của anh ta cũng bằng tất cả đội thủy thủ rồi. Có thể ví Nét Len như một cái kính viễn vọng đồng thời là một khẩu đại bác luôn luôn sẵn sàng nhả đạn. Người Ca-na-đa thì cũng là người Pháp, và tôi phải thú thực rằng, mặc dù ít cười mở, Nét Len vẫn có đôi chút cảm tình với tôi; chắc anh ta bị quốc tịch của tôi hấp dẫn. Đã có dịp anh ta nói với tôi bằng tiếng Pháp, một thứ tiếng Pháp cổ từ thời Ra-bơ-le hiện còn dùng ở một số tỉnh của Ca-na-đa.

Nét xuất thân từ một gia đình gốc rễ lâu đời ở thành phố Quê-béc thuộc dòng dõi những thủy thủ can trường từ thời thành phố còn thuộc Pháp. Dần dần Nét cởi mở hơn, và tôi sẵn lòng nghe anh ta kể chuyện cuộc đời phiêu bạt của mình ở vùng biển Bắc và Nam cực. Chuyện đánh cá của Nét, chuyện chiến đấu tay đôi với cá voi đượm một chất thơ chân thực. Nét kể chuyện theo lối anh hùng ca, đôi lúc tôi có cảm tưởng như đang nghe một Hô-me người Ca-na-đa đang ca I-li-át... Tôi miêu tả con người can đảm đó đúng như tôi hiểu anh ta hiện nay. Tôi đã kết bạn với Nét. Chúng tôi ràng buộc với nhau bằng một tình bạn không gì phá vỡ nổi, một tình cảm nảy nở và củng cố qua những thử thách gay go của cuộc đời. Nét cừ lắm! Tôi sẵn sàng sống thêm một trăm năm nữa để nhớ tới anh, Nét ạ! Nhưng Nét có ý kiến gì đối với con vật đó? Phải thú thực rằng anh ta không tin sự tồn tại của con cá một sừng thần bí ấy. Và là người duy nhất trên tàu không tán thành sự mù quáng của số đông. Thậm chí anh ta lảng tránh không động chạm tới chuyện con quái vật mà tôi có lần định nói với anh ta. Buổi chiều ngày 30 tháng 7 tuyệt đẹp, ba tuần sau khi tàu nhổ neo, chúng tôi tới gần mũi Blăng. Tàu vượt qua chí tuyến nam và chỉ còn bảy trăm hải lý nữa về phía nam là tới eo biển Ma-gien-lăng. Tám

ngày nữa tàu Lin-côn sẽ bắt đầu rẽ sóng Thái Bình Dương! Tôi và Nét Len ngồi ở phía trước tàu nói chuyện phiếm, mắt không rời khỏi mặt biển. Câu chuyện tất nhiên chuyển sang vấn đề con cá một sừng, khổng lồ. Tôi bắt đầu điếm qua tất cả các trường hợp có thể quyết định ít nhiều sự thất bại của chuyến đi này. Nhưng thấy Nét lảng tránh, tôi đặt thẳng vấn đề:

- Ông Nét ạ, sao ông có thể nghi ngờ sự tồn tại của con cá mà chúng ta đang tìm diệt? Ông có cơ sở gì để không tin vào những sự việc đã xảy ra?

Nét đưa mắt nhìn tôi khoảng một phút. Trước khi trả lời, anh ta theo thói quen vỗ trán một cái rồi nhắm mắt lại dường như để tập trung tư tưởng, rồi mới nói:

- Có cơ sở vững chắc, ngài A-rô-nắc ạ!

- Ông hãy nghe tôi, ông Nét! Ông là thợ săn cá voi chuyên nghiệp, ông đã từng gặp những con cá rất lớn. Lẽ ra ông phải tin hơn nhiều người khác là có một con cá khổng lồ thật, như thế mới đúng. Ai chứ ông thì trong trường hợp này không nên là kẻ nghi ngờ.

- Ngài lầm rồi, giáo sư ạ. Nếu người dốt nát tin rằng có những ngôi sao chổi báo điềm dữ đang bay trên trời, rằng trong lòng đất có những con quái vật thời cổ xưa thì họ cứ việc tin! Nhưng nhà thiên văn học và nhà địa chất học thì thấy những chuyện huyền hoặc đó thật nực cười. Người đánh cá voi cũng vậy. Tôi đã bao lần săn cá voi, bắn trúng và diệt được cũng nhiều, nhưng dù chúng có to và khỏe đến đâu thì sừng và đuôi của chúng cũng không thể đâm thủng được vỏ tàu bằng kim loại.

- Nhưng ông Nét ạ, người ta kể lại rằng có những trường hợp rằng cá thiết hình đâm xuyên qua vỏ tàu.

- Tàu gỗ thì được thôi. Nhưng tôi cũng chưa thấy, và khi chưa thấy tận mắt thì tôi chưa thể tin được rằng cá voi, cá nhà táng và cá một sừng lại có thể đâm thủng tàu.

- Ông hãy nghe tôi, ông Nét...

- Xin lỗi giáo sư! Giáo sư muốn nói gì thì nói, nhưng đó nhất định không phải là cá. Là loại bạch tuộc khổng lồ thì còn có lý hơn.

- Bạch tuộc càng ít khả năng hơn, ông Nét ạ! Bạch tuộc là loài có thân mềm. Dù nó dài một trăm năm mươi mét đi nữa thì nó

vẫn là một loài không xương sống và hoàn toàn vô hại đối với những tàu lớn như Xcôt-len và Lin-côn. Đã đến lúc phải xếp những chuyện hoang đường về chiến công của các loại bạch tuộc và các quái vật tương tự vào kho rồi!

- Tóm lại, thưa nhà nghiên cứu tự nhiên, - Nét hỏi có vẻ châm biếm, -ngài tin chắc con cá voi khổng lồ đó là có thật?

- Đúng! Lòng tin của tôi dựa trên việc đối chiếu các sự kiện một cách lô-gic. Tôi tin rằng đó là một động vật có vú, cơ thể rất khỏe, thuộc loại có xương sống, như cá voi, cá nhà táng hay cá heo, và có một cái sừng rắn chắc đặc biệt.

- Hừm!

Nét lắc đầu nghi ngờ. Tôi nói tiếp:

- Ông bạn Ca-na-đa rất đáng kính ời, ông nên nhớ rằng, nếu con cá đó có thật, nếu nó sống dưới biển sâu, ở những lớp nước cách mặt biển mấy hải lý, thì tất nhiên nó phải có một cơ thể khỏe mạnh vô cùng.

- Khỏe mạnh thế để làm gì?

- Để chịu được áp lực của những lớp nước phía trên.

- Thật không?

Nét nheo mắt hỏi.

- Thật chứ! Để chứng minh, tôi có thể dẫn ra mấy con số.

- Con số để làm gì? Con số thì muốn nói thế nào chẳng được!

- Điều đó chỉ đúng trong việc buôn bán chứ không đúng trong toán học đâu. Ông nghe tôi nói nhé: Ta hãy hình dung áp lực một át-mốt-phe là áp lực một cột nước cao khoảng mười mét. Trên thực tế, cột nước đó thấp hơn một chút vì nước biển đặc hơn nước ngọt. Vậy khi ông lặn xuống nước sâu khoảng mười mét, thì mỗi cen-ti-mét vuông trên người ông phải chịu áp lực một áp-mốt-phe. Từ đây, ta có thể tính rằng ở độ sâu một trăm mét, áp lực nước bằng mười át-mốt-phe; ở độ sâu một ngàn mét, áp lực nước bằng một trăm át-mốt-phe; ở độ sâu một vạn mét, áp lực nước bằng một ngàn át-mốt-phe. Tóm lại, nếu ta xuống tới độ sâu thần kỳ như vậy thì mỗi cen-ti-mét vuông trên mình ta phải chịu một ngàn kilô-gam. Thế ông có biết bề mặt thân thể người ta là bao nhiêu cen-ti-mét vuông không, ông Nét?

- Thưa ngài, tôi thật không biết ạ.

- Khoảng mười bảy ngàn.

- Thế cơ ạ?

- Vì trong thực tế, áp lực không khí hơi nhỉnh hơn một ki-lô-gam trên một cen-ti-mét vuông nên mười bảy ngàn cen-ti-mét vuông người ông đang phải chịu áp lực mười bảy ngàn năm trăm sáu tám ki-lô-gam đấy!

- Thế mà tôi chẳng thấy gì cả!

- Thấy làm sao được! Dưới áp lực lớn như thế mà người ông không bị đè bẹp, chính vì không khí trong người ông cũng có áp lực như vậy. Nghĩa là có một sự cân bằng hoàn toàn giữa áp lực bên ngoài và bên trong, trung hòa lẫn nhau. Vì thế ông không cảm thấy gì cả. Nhưng ở dưới nước thì hoàn toàn không giống như vậy.

- À, à, tôi hiểu rồi!

Nét chăm chú nghe rồi trả lời.

- Nước khác với không khí, nó ép từ ngoài vào chứ không thấm được vào trong.

- Chính thế ông Nét ạ! Dưới độ sâu mười mét, ông sẽ chịu áp lực mười bảy nghìn năm trăm sáu tám ki-lô-gam, dưới độ sâu một trăm mét, áp lực đó tăng lên mười lần, nghĩa là bằng một trăm bảy mươi nhăm nghìn sáu trăm tám mươi ki-lô-gam. Nói một cách hình tượng, thì áp lực nước sẽ cán mỏng anh tốt hơn bất cứ một máy ép nào!

- Chà chà, khiếp quá nhỉ!

- Vậy thì, ông bạn bắn cá voi kính mến ời, nếu một con vật có xương sống dài mấy trăm mét và to ngang tương xứng, có thể sống ở độ sâu như thế, thì mấy triệu cen-ti-mét vuông trên thân nó phải chịu áp lực hàng chục tỷ ki-lô-gam. Con vật đó phải có các cơ mạnh thế nào, cơ thể nó phải có sức đề kháng cao thế nào mới chịu nổi một áp lực lớn như thế!

- Có lẽ nó được bọc một lá thép dày hai mươi cen-ti-mét hết như cái tàu bọc thép!

- Có lẽ thế đấy, ông Nét ạ. Ông thử nghĩ xem, một khối đồ sộ như vậy, lao đi với tốc độ xe lửa chạy nhanh, mà đâm vào thân tàu thì sẽ có sức phá hoại thế nào!

- Vàng... Đúng vậy... có thể...

Nét trả lời. Anh ta lúng túng vì những con số đó, nhưng vẫn chưa muốn đầu hàng.

- Thế nào, ông tin rồi chứ?

- Ngài đã thuyết phục tôi được một điều. Nếu quả thực dưới biển sâu có những con vật như vậy thì chúng phải rất khỏe đúng như ngài nói.

- Nhưng nếu ông cứ cãi bướng là chúng không có thực thì ông sẽ giải thích vụ tàu Xcôt-len như thế nào?

- Giải thích thế này...

Nét ngập ngừng.

- Nào, nào. Nói đi.

Giải thích rằng tất cả những cái đó đều là chuyện bịa đặt! Nhưng trả lời như vậy chỉ chứng tỏ là Nét ương bướng chứ chẳng có gì khác. Hôm đó, tôi để anh ta yên. Vụ tàu Xcôt-len không còn nghi ngờ gì nữa. Tàu bị thủng to đến nỗi phải hàn lại, và tôi thấy chẳng cần đòi hỏi những chứng cứ có tính thuyết phục hơn làm gì. Tàu không thể tự nhiên bị thủng, và vì đã loại trừ những ý kiến cho rằng tàu đã đâm phải một dải đá ngầm hay một viên đạn bắn cá voi, nên mọi sự đều gán cả cho cái sừng nhọn của quái vật. Tóm lại, dựa vào những lý lẽ đã trình bày ở trên, tôi xếp quái vật vào kiểu có xương sống, lớp có vú, bộ cá voi. Còn xếp nó vào họ, giống, loài nào thì sau này mới biết rõ được. Muốn giải quyết vấn đề này, cần phải mổ quái vật, muốn mổ thì phải bắt được; muốn bắt được thì phải bắn trúng -đó là việc của Nét Len; muốn bắn trúng thì phải tìm ra -đó là việc của cả tàu; muốn tìm ra thì phải gặp -đó lại là chuyện may rủi!

CHƯƠNG 5

MAY RỦI

Lúc đầu, tàu Lin-côn chạy một cách đơn điệu. Chỉ có một lần Nét Len được dịp trở tài khiến mọi người phải kính nể. Ngày 30 tháng 6, ở độ vĩ các đảo Ma-lu-in, tàu Lin-côn bắt liên lạc với chiếc tàu đánh cá voi Môn-rô-ê đang đi ngược chiều. Nhưng tàu đó chẳng được tin gì về con cá thiết hình cả. Khi thuyền trưởng tàu Môn-rô-ê biết trên tàu bạn có Nét Len, ông ta bèn yêu cầu Nét bắn giúp con cá voi mà họ đã phát hiện ra ở vùng biển này. Vì tò mò muốn xem Nét làm ăn thế nào, thuyền trưởng Pha-ra-gút cho phép Nét sang tàu Môn-rô-ê. Cuộc săn bắn rất đạt. Nét hạ được những hai con cá voi; một con hạ tại chỗ bằng một phát trúng tim; con thứ hai thì phải săn đuổi mất mấy phút! Thật tình, tôi không dám đảm bảo tính mạng cho con cá voi nào chạm trán với Nét. Tàu lướt nhanh dọc bờ biển đông nam của Nam Mỹ, và ngày mùng 3 tháng 7 đã tới cửa vào eo biển Ma-gien-lăng. Nhưng thuyền trưởng Pha-ra-gút không muốn vào cái eo khúc khuỷu đó nên hướng tàu về mũi Hoóc. Toàn hạm tàu tán thành quyết định của thuyền trưởng. Thực tế làm gì có khả năng gặp con cá một sừng ở eo biển hẹp này! Phần lớn, thủy thủ đều đinh ninh rằng con quái vật khổng lồ không thể bơi qua được eo này. Ngày 6 tháng 7, khoảng ba giờ chiều, tàu Lin-côn vòng qua hòn đảo đơn độc, mỏm đá cực nam của Nam Mỹ mà những người đi biển Hà Lan đã lấy tên thành phố Hoóc quê hương mình để đặt cho. Vòng qua mũi Hoóc, chúng tôi hướng về phía tây bắc và sớm hôm sau tàu bắt đầu vào vùng biển Thái Bình Dương. "Chú ý đấy! Chú ý đấy!"

Thủy thủ tàu Lin-côn bảo nhau. Họ chăm chú quan sát. Món tiền thưởng hai ngàn đô-la hấp dẫn họ. Mất họ và ông nhòm chẳng giây phút nào được nghỉ. Ngày đêm họ dõi nhìn mặt biển. Tôi không ham gì tiền thưởng nhưng cũng làm như họ. ...n, tôi cũng vội, ngủ, cũng chẳng yên. Mặc dù nắng cháy và mưa xối xả, tôi vẫn không rời boong tàu. Tôi đắm đắm nhìn những ngọn sóng bạc đầu

lan tận chân trời! Và đã bao lần tôi cùng anh em thủy thủ phải hồi hộp khi thấy cá voi phơi lưng đen trên mặt nước. Những lúc ấy, thủy thủ chạy ủa cả lên boong. Họ nín thở và căng mắt ra theo dõi con cá. Tôi cũng cố sức nhìn; đến mức có thể hỏng võng mô và mù mắt. Nhưng chúng tôi đều hồi hộp một cách uống công vô ích! Nhiều lần tàu Lin-côn đã tiến sát con cá. Nhưng đó chỉ là một con cá voi hay cá nhà táng bình thường. Chúng bỏ chạy khi nghe tiếng hò hét của thủy thủ. Trời rất đẹp. Tàu chạy trong những điều kiện thuận lợi, mặc dù lúc đó đang mùa mưa lớn. Biển lặng, tầm nhìn rất xa. Nét Len vẫn tỏ vẻ hoài nghi. Anh ta cố ý không lên boong trong những giờ không phải trực. Cặp mắt tinh tường của anh ta lẽ ra có thể rất được việc. Nhưng trong mười đồng hồ thì tám tiếng anh chàng Ca-na-đa bướng bỉnh này ngồi đọc sách hay nằm khàn trong phòng. Tôi đã trách anh ta hàng trăm lần về thái độ đứng đưng này. Nét trả lời:

- Ôi dào, thưa giáo sư, nếu con quái vật đó có thực thì liệu ta có nhiều may mắn tìm ra nó không? Đúng là ta chỉ tìm nó một cách hú họa. Người ta bảo đã thấy nó ở phía bắc Thái Bình Dương ư? Cho là thế. Nhưng từ ngày đó tới nay đã hai tháng, mà tính con cá không thích ở lâu một chỗ! Chính ngài đã nói:

"Con cá có khả năng di chuyển với tốc độ phi thường!" Thưa giáo sư, ngài hẳn rõ hơn tôi rằng thiên nhiên không tạo ra cái gì không có mục đích. Thiên nhiên chẳng bao giờ phú cho con vật bản chất lười biếng một sự nhanh nhẹn như vậy cả. Vì vậy, nếu con cá là có thật, thì nó đã chuồn đi rất xa rồi! Tất cả vấn đề là như vậy! Chúng tôi đang đi một cách hú họa! Nhưng biết làm thế nào! Hy vọng gặp con cá thiết hình ngày càng mong manh...

Ngày 20 tháng 7, tàu vượt qua chí tuyến nam ở 105 độ kinh và ngày 27 vượt xích đạo ở kinh tuyến 110 độ. Từ đây, tàu hướng mũi về phía tây, về khu vực trung tâm của Thái Bình Dương. Thuyền trưởng Pha-ra-gút phán đoán rất có lý rằng dễ bắt gặp con cá ở những vùng biển sâu, cách xa các lục địa và đảo lớn là những nơi nó không dám đến gần. "Vùng biển gần bờ đối với nó quá rộng" - người hoa tiêu giải thích cho chúng tôi như vậy. Tàu Lin-côn chạy ngang qua các đảo Pau-mô-tu, Mác-ki-dơ, Xan-uyt, vượt chí tuyến bắc ở độ kinh 132 độ rồi tiến vào biển Trung Hoa.

Cuối cùng, chúng tôi đã tới nơi diễn ra những "chiến công" mới nhất của quái vật! Mọi sinh hoạt trên tàu đều ngưng đọng lại. Mọi người đều bị kích động đến cao độ. Chẳng ai ăn ngủ gì được.

Mỗi ngày khoảng hai mươi lần chúng tôi bị nôn nao lên vì một sự tính toán lầm, hoặc vì một thủy thủ nhìn gà hóa cuốc. Thần kinh chúng tôi bị hưng phấn quá mức đến nỗi có nguy cơ sắp phản ứng lại. Và phản ứng đã xảy ra. Ba tháng, đã ba tháng ròng mà mỗi ngày dài như một thế kỷ, tàu Lin-côn rẽ sóng Thái Bình Dương để đuổi bắt những con cá voi gặp trên đường khi thì đột ngột đổi hướng, khi thì giảm tốc độ, khi lại phóng quá nhanh khiến máy móc trên tàu có thể bị hỏng. Từ bờ biển Nhật Bản đến bờ biển châu Mỹ, chẳng có chỗ nào không được xem xét kỹ... Nhưng vô ích! Biển cả vẫn hoang vắng, mịt mù! Chẳng có một dấu hiệu gì của con cá thiết hình khổng lồ, của hòn đảo ngầm hay dải đá di động, chẳng có dấu vết gì của chiếc tàu bị đắm bập bênh ở đây. Tóm lại, chẳng có gì lạ cả! Với tính hay dao động cố hữu của con người, đoàn thủy thủ đã đi từ cực này sang cực khác. Rất đáng buồn là những người trước kia ủng hộ cuộc thám hiểm hăng hái nhất bây giờ lại trở thành những kẻ phản đối nó kịch liệt nhất. Tình trạng bạc nhược lan tràn khắp tàu, và nếu thuyền trưởng Pha-ra-gút không hết sức kiên trì thì chắc hẳn tàu Lin-côn chẳng có điều gì đáng trách về thất bại này, vì họ đã làm mọi việc có thể làm được. Chỉ còn cách mau chóng quay tàu về nước. Một kiến nghị như thế được trao cho thuyền trưởng, nhưng Pha-ra-gút vẫn giữ ý định của mình. Anh em thủy thủ công khai tỏ vẻ bất mãn, kỷ luật trên tàu bị sa sút. Tôi không muốn nói rằng thủy thủ bắt đầu nổi loạn, nhưng sau một thời gian đấu tranh ngắn của họ, thuyền trưởng Pha-ra-gút, giống như Cô-lông xưa kia, đành phải xin hoãn trong ba ngày. Nếu trong ba ngày nữa không phát hiện ra quái vật thì tàu Lin-côn sẽ quay mũi về phía biển Châu Âu. Lời hứa của Pha-ra-gút được công bố ngày 2 tháng 11. Tinh thần của thủy thủ lại lên ngay. Họ hăm hở quan sát mặt biển, ai cũng muốn phóng tầm mắt nhìn đại dương lần cuối với hy vọng là sẽ thành công. Ông nhòm lại được sử dụng...

Hai ngày đã qua. Tàu Lin-côn chạy từ từ. Các thủy thủ nghĩ ra trăm phương ngàn kế để nhử con cá đến hay để "khiêu khích" nó nếu nó đang ở vùng biển này. Từng miếng mỡ to được buộc ở phía lái khiến lũ cá mập được một phen thỏa thích! Tàu đỗ lại. Các xuồng nhỏ bơi ngang dọc xung quanh tàu, không để sót một điểm nào trên mặt biển. Chiều mừng 4 tháng 11 đã tới mà tám màn bí mật vẫn chưa hé ra chút nào! Trưa ngày 5 tháng 11, hạn 3 ngày sắp hết. Khi chuông đồng hồ điểm tiếng cuối cùng, thuyền trưởng Pha-ra-gút, trung thành với lời hứa của mình, ra lệnh cho quay

tàu về hướng đông nam và từ biệt vùng biển phía bắc Thái Bình Dương.

Tàu Lin-côn lúc đó cách bờ biển Nhật Bản không đầy hai trăm hải lý. Trời đã tối. Đồng hồ điểm tám giờ. Những đám mây dày che khuất mặt trăng lưỡi liềm. Từng làn sóng nhẹ lăn tăn bên thân tàu. Tôi đứng ở mũi tàu, tựa mình vào thành. Công-xây đứng cạnh tôi và nhìn thẳng về phía trước. Anh em thủy thủ trèo lên cao quan sát chân trời đang bị bóng đêm thu hẹp lại. Các sĩ quan dùng ống nhòm chăm chú theo dõi mặt biển đang tối dần. Đôi lúc mặt trăng lọt qua kẽ mây hắt những tia bạc xuống mặt biển màu thẫm. Nhưng mây đen lại kéo đến làm tắt ngấm ánh trăng. Nhìn Công-xây, tôi thấy anh ta lần đầu tiên hòa mình vào tâm trạng chung. Có thể là lần đầu tiên trong đời, thần kinh anh ta bị căng lên vì tò mò.

- Thế nào, Công-xây, - tôi nói, -đây là dịp cuối cùng để kiếm hai ngàn đô-la đấy.

- Thưa giáo sư, tôi xin nói là chưa bao giờ tôi trông ngóng vào món tiền thưởng đó. Giả dụ chính phủ Mỹ hứa thưởng cả một trăm ngàn đô-la, họ cũng sẽ chẳng mất đi một xu nào!

- Anh nói đúng Công-xây ạ. Thật là một việc làm ngu dại! Chúng ta đã hành động một cách hồ đồ khi nhúng tay vào việc này. Chúng ta đã lãng phí biết bao thời gian! Biết bao nhiêu lo lắng, băn khoăn vô ích. Lẽ ra ta đã về Pháp từ sáu tháng trước rồi...

- Vâng, về tới nhà giáo sư ở Viện bảo tàng Pa-ri rồi ạ! Và có lẽ tôi đã phân loại xong những khoáng vật trong bộ sưu tập của giáo sư rồi!...

- Đúng vậy, anh Công-xây ạ! Và tôi đang hình dung mọi người sẽ cười ta thế nào! Công-xây bình thản trả lời:

- Tôi nghĩ rằng người ta sẽ cười giáo sư. Tôi không biết có nên nói không? ...

- Anh cứ nói. -... và giáo sư bị cười cũng đáng.

- Sao lại thế?

- Khi đã có vinh dự được làm bác học như giáo sư thì không nên...

Công-xây chưa kịp nói hết lời thì một tiếng hô lớn phá tan bầu không khí tĩnh mịch. Đó là tiếng Nét Len:

- Ô, nó kia rồi! Ngay trước mũi tàu!

CHƯƠNG 6

MỞ HẾT TỐC LỰC

Tất cả xô tới chỗ Nét: thuyền trưởng, các sĩ quan, anh em thủy thủ. Thậm chí các kỹ sư và thợ đốt lò cũng bỏ máy và lò mà chạy lên. Pha-ra-gút ra lệnh hãm tàu lại và chiếc tàu chỉ còn chuyển động theo quán tính. Trời tối như mực. Tôi rất ngạc nhiên không hiểu vì sao Nét có thể nhìn thấy một vật gì đó trong đêm dày đặc như thế này. Tim tôi đập mạnh như muốn vỡ ra. Nhưng Nét không lầm. Một lát sau, mọi người đã nhìn thấy cái mà Nét chỉ. Cách tàu Lin-côn gần bốn trăm mét, biển hình như được chiếu sáng từ trong ra. Đó không phải là hiện tượng biển có ánh sáng như thường gặp. Con quái vật nổi lên những lớp nước phía trên và đang nghỉ. Từ thân nó tỏa ra cái ánh sáng rực rỡ khó tả mà nhiều thuyền trưởng đã nói đến trong báo cáo của họ. Những cơ quan phát sáng của con vật phải mạnh mẽ thế nào mới phát ra được ánh hào quang lung lẫy như vậy! Con vật đó có hình bầu dục lớn, thon dài, ở giữa đặc biệt sáng và giảm dần đi ở hai đầu.

- Đó chỉ là nơi tập trung những chất hữu cơ phát sáng thôi!

Một sĩ quan nói.

- Ngài lầm rồi, - tôi kiên quyết phản đối, - Động vật chẳng bao giờ phát ra chất sáng như vậy. Đó là ánh sáng điện... Kìa nhìn xem, nhìn xem kìa! ánh sáng đang chuyển động khi gần khi xa. Nó đang hướng về phía chúng ta đây! Có tiếng kêu la trên boong.

- Nghiêm!

Thuyền trưởng Pha-ra-gút hô.

- Cho tàu lùi! Mọi người chạy về vị trí của mình. Kẻ thì về buồng lái, người thì về buồng máy. Tàu Lin-côn vẽ một nửa vòng tròn trên mặt biển.

- Lái sang phải! Cho tàu chạy thẳng!

Pha-ra-gút ra lệnh. Chiếc tàu chiến tăng tốc độ và bắt đầu tránh ra xa điểm sáng. Tôi đã lầm. Chiếc tàu muốn lảng tránh, nhưng con quái vật đuổi theo với tốc độ lớn hơn. Chúng tôi nín thở. Có lẽ chẳng phải vì sợ hãi mà vì ngạc nhiên mà chúng tôi cứ đứng sững tại chỗ. Con vật lướt theo chúng tôi như đùa giỡn. Nó lượn quanh tàu lúc ấy đang chạy nhanh mười bốn hải lý một giờ. Nó rọi ánh sáng điện vào tàu rồi trong chớp mắt lại bơi ra cách tàu hai, ba hải lý và để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh trông tựa những cuộn khói từ một đầu tàu chạy nhanh phun ra. Bỗng nhiên từ phía sau đường chân trời đen thẫm, con quái vật lẩy đà lao thẳng tới tàu Lin-côn với một tốc độ ghê người. Nhưng đến cách tàu khoảng sáu mươi mét, nó đột ngột dừng lại và tắt điện. Không, nó không lặn xuống, vì nếu lặn thì ánh sáng phải giảm đi dần dần. Đàng này nó tắt phụt, tựa như nguồn ánh sáng bỗng bị cạn. Con quái vật lại xuất hiện ở phía bên kia tàu, chẳng biết là đã vòng qua hay chui luôn phía dưới. Từng giây phút có thể xảy ra tai nạn đâm vào nhau. Tôi ngạc nhiên về thái độ của con tàu. Nó bỏ chạy chứ không giao chiến. Chính con tàu có nhiệm vụ tìm diệt quái vật, thế mà giờ đây quái vật lại lướt theo tàu! Tôi lưu ý thuyền trưởng Pha-ra-gút về việc đó. Trên khuôn mặt gan góc của ông ta lộ rõ vẻ hoang mang cao độ. Ông ta nói:

- Ngài A-rô-nắc a, tôi không rõ đây là con vật gì nên không muốn cho tàu mạo hiểm trong bóng đêm này. Ngài định tấn công nó bằng cách nào? Và tự vệ thế nào? Ta hãy chờ tới rạng đông, lúc đó vai trò sẽ thay đổi.

- Ngài không còn nghi ngờ gì về hiện tượng này nữa chứ, thưa thuyền trưởng?

- Thưa ngài, hẳn đây là một con cá thiết hình khổng lồ và có điện.

- Vâng, có lẽ đúng. Nó cũng nguy hiểm như cá đuối điện. Và nếu nó có cả cơ quan phát điện thì nó quả là con vật đáng sợ nhất mà tạo hóa đã sinh ra! Vì vậy, thưa ngài, tôi đang áp dụng tất cả những biện pháp đề phòng.

Toàn hạm tàu suốt đêm đó ở tư thế sẵn sàng. Chẳng ai chớp mắt. Tàu Lin-côn không đủ sức độ tốc độ với quái vật nên phải chạy chậm lại. Quái vật cũng bắt chước tàu, lượn lờ với sóng và hình như không có ý định rời trận địa. Tuy vậy, tới gần nửa đêm nó cũng biến mất, hay nói đúng hơn, "tắt ngấm" đi như một con

đom đóm khổng lồ. Nó đã lần xuống biển sâu chăng? Chúng tôi chẳng dám hy vọng như vậy. Gần một giờ sáng bỗng vang lên một tiếng rít chói tai, dường như gần đâu đây có một vòi nước cực mạnh từ đáy biển vọt lên. Thuyền trưởng Pha-ra-gút, Nét Len và tôi lúc đó đang đứng ở mũi tàu và đắm đắm nhìn vào bóng đêm.

- Nét Len này, anh có hay được nghe tiếng cá voi phun nước không?

Thuyền trưởng hỏi.

- Thưa ngài, có! Nhưng tôi chưa hề gặp con cá voi nào mà chỉ phát hiện ra nó đã được thưởng hai nghìn đô-la cả.

- Anh thực xứng đáng nhận món tiền thưởng đó. Thế khi cá voi phun nước qua lỗ mũi, nó cũng gây tiếng rít như vậy à?

- Đúng vậy! Nhưng kêu to hơn. Không thể nào lầm lẫn được. Rõ ràng một con cá voi ở vùng biển này đang bám sát tàu ta. Nếu ngài cho phép, đến rạng sáng tôi sẽ nói chuyện với nó.

- Nếu lúc đó nó còn hứng nghe chuyện của ông, ông Nét ạ.

Tôi tỏ vẻ nghi ngờ.

- Thế thì tôi sẽ đến sát nó, nó sẽ phải nghe thôi!

- Nếu vậy, tôi phải cho anh một cái xuống à? Pha-ra-gút hỏi.

- Tất nhiên.

- Và thí mạng cả những người chèo xuống à?

- Thí mạng cả tôi nữa!

Nét bình thần trả lời. Gần hai giờ sáng, cách tàu Lin-côn năm hải lý, vệt sáng lại xuất hiện. Mặc dù cách xa và sóng gió âm ỉ, tiếng quẫy đuôi và tiếng thở phì phò của con cá vẫn rõ mồn một. Trước rạng đông, chúng tôi đã sẵn sàng nghênh chiến. Lưới đánh cá voi đã xếp ở hai thành tàu. Thuyền phó ra lệnh chuẩn bị loại súng bắn xa một hải lý và cả loại súng bắn đạn phá có thể hạ được những con thú lớn nhất. Nét Len mài sắc mũi lao, một thứ vũ khí diệt cá voi lợi hại trong tay anh ta. Sáu giờ, trời hửng sáng. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của cá thiết hình cũng phụt tắt. Tới bảy giờ, trời gần sáng rõ. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dùng ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào! Đến tám giờ sáng, những

dải sương mù dày đặc bắt đầu trôi trên sóng và từ từ bốc lên cao. Chân trời được mở rộng và sáng rõ. Bỗng lại có tiếng Nét Len nói:

- Nhìn xem kìa. Nó ở phía bên trái đuôi tàu!

Mọi người phóng tầm mắt nhìn về phía đó. Cách chiếc tàu chiến một hải lý rưỡi, có một vệt dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét. Đuôi nó quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. Chưa ai thấy đuôi cá quẫy sóng mạnh thế bao giờ! Con cá lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. Chiếc tàu tiến lại gần. Tôi bắt đầu ngắm kỹ con cá. Báo cáo của tàu Hen-vê-xi-a và Sa-nơn hơi cường điệu kích thước của nó. Theo tôi, con cá không dài quá tám mươi mét. Chiều ngang hơi khó xác định, nhưng tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều. Trong khi tôi quan sát con vật lạ thì từ hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét. Giờ đây tôi mới hình dung được đôi chút về cách thở của cá thiết hình. Các thủy thủ nóng lòng chờ lệnh thuyền trưởng. Pha-ra-gút quan sát con vật một lúc rồi ra lệnh gọi trưởng máy.

- Hơi nước đủ rồi chứ?

Thuyền trưởng hỏi.

- Báo cáo, đủ!

- Tăng áp lực! Cho tàu chạy hết tốc độ!

Nghe lệnh thuyền trưởng, toàn thể thủy thủ hoan hô ba lần. Giờ chiến đấu đã điểm. Mấy phút sau, hai ống khói tàu nhả ra những cuộn khói đen, boong tàu rung lên vì áp lực cao trong nồi hơi. Chân vịt bắt đầu quay. Tàu Lin-côn lao thẳng về phía con cá. Nó để chiếc tàu tới cách chừng một trăm mét rồi mới dừng đỉnh tránh ra một quãng khá xa. Cuộc đuổi bắt kéo dài ít nhất bốn mươi năm phút, nhưng tốc độ chiếc tàu không cho phép nó theo kịp con cá. Thuyền trưởng Pha-ra-gút giận dữ rút rút bộ râu rậm. Ông ta gọi to:

- Nét Len! Nét tới.

- Thế nào, anh Nét, đã đến lúc thả xuống chưa?

- Thưa ngài, đành phải chậm lại một chút. Khi con vật này chưa muốn nộp mạng thì chưa bắt nổi nó đâu!

- Làm thế nào bây giờ?

- Thưa ngài nếu có thể tăng áp lực hơi nước. Khi tàu tiến gần hơn chút nữa, tôi sẽ phóng cho nó một phát lao.

- Anh đi đi!

Pha-ra-gút trả lời Nét, rồi ra lệnh cho thợ máy tăng áp lực hơi nước. Nét Len lên vị trí chiến đấu. Lò hơi hoạt động mạnh, chân vịt bắt đầu quay bốn ba vòng phút. Đồng hồ chỉ tốc độ mười tám hải lý rưỡi một giờ. Nhưng con cá cũng bơi với tốc độ y như vậy! Trong suốt một giờ, chiếc tàu chiến không tiến gần thêm được một sải! Thật là nhục nhã cho một trong những chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ! Anh em thủy thủ tức giận điên người. Họ nguyên rửa quái vật, nhưng nó vẫn phớt lờ. Trưởng máy lại được gọi lên.

- Áp lực đã tăng chưa?

Pha-ra-gút hỏi.

- Báo cáo, đã.

- Bao nhiêu át-mốt-phe?

- Sáu phẩy năm.

- Hãy nâng lên tám át-mốt-phe. Thật là một mệnh lệnh kiểu Mỹ! Thuyền trưởng của một công ty nào đó trên sông Mít-xít-xi-pi muốn cạnh tranh với một tàu khác cũng không thể hành động hơn thế.

- Công-xây, - tôi bảo người giúp việc trung thành của tôi, - chúng ta chắc sẽ bay lên trời mất!

- Thưa vâng!

- Công-xây trả lời. Thú thật, lòng dũng cảm của thuyền trưởng rất hợp ý tôi. Tàu Lin-côn lao lên phía trước. Người ta lại đo tốc độ.

- Bao nhiêu?

Pha-ra-gút hỏi.

- Báo cáo thuyền trưởng: mười chín phẩy ba hải lý.

- Tăng thêm áp lực!

Trưởng máy tuân lệnh. áp kế chỉ mười át-mốt-phe. Nhưng quái vật cũng "mở hết tốc lực", chẳng vất vả gì lắm cũng đạt mười chín phẩy ba hải lý một giờ. Tôi không thể miêu tả hết tâm trạng

của mình trong cuộc đuổi bắt ấy! Từng đường gân thớ thịt trong người tôi rung lên. Nét Len đứng ở vị trí bắn, lao cầm tay. Con cá mấy lần cho tàu đến gần. Nét kêu lên:

- Ta sắp đuổi kịp rồi! Sắp kịp rồi!

Nhưng đúng lúc anh ta chuẩn bị bắn thì con cá lại bỏ chạy với tốc độ ít nhất ba mươi hải lý một giờ. Và khi tàu chúng tôi phóng nhanh nhất thì nó lại bơi vòng quanh tàu, hình như muốn chế nhạo chúng tôi. Đến giữa trưa, tàu vẫn cách con cá một khoảng như lúc tám giờ sáng. Cuối cùng, thuyền trưởng Pha-ra-gút quyết định dùng những biện pháp quyết liệt hơn.

- À, quái vật muốn thoát khỏi tay tàu Lin-côn à! Thử xem mày có thoát được loại đạn hình nón này không? Thủy thủ trưởng đâu? Ra lệnh cho anh em tới khẩu súng đằng mũi.

Khẩu súng lập tức được nạp đạn. Một tiếng nổ vang lên, nhưng viên đạn bay cao hơn con cá một chút. Con cá lúc đó ở cách tàu nửa hải lý.

- Cho xạ thủ giỏi hơn bắn!

Thuyền trưởng ra lệnh.

- Ai bắn trúng quái vật sẽ được thưởng năm trăm đô-la!

Bác xạ thủ già có bộ râu bạc - tới nay tôi còn như đang thấy cái nhìn bình thản và điềm đạm của bác - bước tới khẩu súng ngắm và điều chỉnh khá lâu. Tiếng súng chưa dứt đã nghe tiếng hoan hô vang dậy. Viên đạn rơi trúng đích. Nhưng lạ chưa nó trượt trên lưng con cá, văng đi độ hai hải lý nữa rồi rơi tòm xuống biển.

- Chà chà!

Ông lão giận dữ.

- Con quái vật này có lẽ được bọc thép dày tới một trăm năm mươi mi-li-mét!

- Quân khôn kiếp!

Thuyền trưởng Pha-ra-gút hét lên. Cuộc săn bắt lại tiếp tục. Pha-ra-gút nghiêng mình về phía tôi và nói:

- Chẳng nào tàu Lin-côn chưa tung lên trời thì tôi còn săn con cá này!

- Ngài làm thế là đúng.

- Tôi trả lời. Có thể hy vọng rằng con cá sẽ thấm mệt và không chịu được cuộc độ sức với chiếc tàu chạy hơi nước.

Nhưng không đúng! Mấy tiếng đồng hồ đã qua mà nó chẳng tỏ vẻ gì mệt mỏi. Nói cho công bằng thì tàu Lin-côn đã săn đuổi con cá một cách kiên trì đặc biệt. Tôi cho rằng nó đã vượt ít nhất năm trăm ki-lô-mét trong ngày 6 tháng 11 rui ro ấy! Nhưng đêm đã tới và trùm tấm màn đen lên đại dương đang nổi sóng. Trong giây phút đó, tôi cảm thấy cuộc tìm kiếm của chúng tôi đã kết thúc, và từ nay sẽ không bao giờ gặp quái vật nữa. Nhưng tôi đã nhầm. Mười giờ năm mươi phút đêm hôm ấy, cách tàu ba hải lý lại bùng lên ánh điện sáng chói như đêm trước. Con cá nằm yên. Có lẽ vì thấm mệt nên giờ đây nó ngủ. Thuyền trưởng Pha-ra-gút quyết định lợi dụng thời cơ thuận lợi này. Ông ta ra lệnh cho tàu chạy từ từ để đổi thủ khỏi thức giấc. Bắt gặp cá voi ngủ giữa biển khơi không phải là chuyện hiếm, chính Nét Len đã bắn trúng nhiều con đang ngủ như vậy. Nét lại lên vị trí chiến đấu. Tàu Lin-côn lặng lẽ tới cách con cá bốn trăm mét. Đến đây, máy ngừng chạy, tàu chỉ còn chuyển động theo quán tính. Trên boong im lặng hoàn toàn. Mọi người đều nín thở. Chúng tôi chỉ còn cách đếm sáng khoảng ba mươi mét. Độ sáng mỗi lúc một tăng lên làm chúng tôi lóa mắt. Tôi đứng tựa thành tàu và thấy Nét đứng phía dưới, vũ khí sẵn sàng. Tàu chỉ còn cách con cá hơn sáu mét. Cánh tay Nét bỗng giơ cao, phóng mũi lao sắt lên không trung. Một tiếng kêu lạnh lạnh phát ra như tiếng kim loại chạm nhau. ánh điện tắt phụt. Hai cột nước khổng lồ ập xuống boong tàu, quật ngã mọi người. Tàu kêu rầm rầm một cách ghê sợ. Tôi chưa kịp bấu lấy thành tàu thì đã bị văng xuống biển!

CHƯƠNG 7

CON CÁ VOI KHÔNG BIẾT THUỘC LOẠI NÀO

Bất thần bị ngã xuống biển, tôi choáng váng nhưng không bị ngất, tôi chìm ngay xuống sâu khoảng sáu mét. Tôi bơi giỏi... và không đến nỗi mất tinh thần khi rơi xuống nước. Tôi quẫy hai cái thật mạnh và nổi lên mặt biển. Tôi đưa mắt tìm tàu Lin-côn. Nó có quay đi hướng khác không? Pha-ra-gút có biết thả xuống xuống tìm tôi không? Có hy vọng thoát nạn không? Bóng tối dày đặc. Khó khăn lắm tôi mới nhận ra một khối đen ở đằng xa đang chạy về phía Đông, ánh đèn tắt dần. Đó là chiếc tàu chiến. Thế là hết!

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Tôi kêu to và cố sức bơi theo chiếc tàu. Quần áo bị sóng nước dính chặt vào mình làm tôi khó cử động. Tôi bị chìm xuống và ngạt thở!...

- Cứu tôi với!

Tôi kêu lên lần cuối. Tôi bị sặc nước và cố chống lại, nhưng đáy biển sâu cứ kéo tôi xuống... Bỗng một cánh tay mạnh mẽ nắm lấy cổ tôi kéo tôi lên mặt nước. Rồi tôi nghe thấy, vâng, đúng là nghe thấy tiếng người nói bên tai:

- Nếu giáo sư tựa vào vai tôi thì sẽ dễ bơi hơn.

Tôi nắm lấy tay Công-xây trung thành của tôi.

- Công-xây đấy à?

Tôi reo lên.

- Công-xây! Anh bị ngã xuống nước cùng tôi à?

- Thưa không. Nhưng là người giúp việc giáo sư, tôi phải theo ngài. Anh ta thấy hành động đó của mình là tự nhiên!

- Thế tàu đâu?

Công-xây vừa bơi giữa vừa trả lời:

- Xin giáo sư đừng trông chờ gì ở nó nữa!
- Anh nói gì vậy?
- Khi tôi nhảy xuống biển thì người trực ban kêu lên: “Chân vịt bị gãy rồi!”
- Gãy rồi à?
- Vâng! Quái vật đã dùng sừng nhọn đâm thủng. Tôi nghĩ rằng tàu Lin-côn chỉ bị hỏng xoàng. Nhưng đối với chúng ta thì rất đáng buồn vì tàu không điều khiển được nữa!
- Thế thì chúng ta đành chịu chết!
- Có nhiều khả năng, - Công-xây bình thản trả lời.
- Chúng ta còn mấy tiếng đồng hồ nữa, trong thời gian đó có thể xảy ra nhiều chuyện!

Thái độ bình tĩnh của Công-xây đã động viên tôi. Tôi ráng sức bơi nhưng quần áo bị sũng nước nặng như chì làm tôi vất vả lắm mới khỏi chìm. Công-xây nhận thấy điều đó.

- Thưa giáo sư, ngài cho phép tôi cắt bỏ quần áo trên người ngài?

Anh ta nói. Công-xây rút dao rạch một nhát từ trên xuống dưới bộ quần áo, rồi được tôi đỡ, anh ta kéo quần áo ra khỏi người tôi. Tôi cũng giúp Công-xây trút bỏ quần áo như vậy. Sau đó, chúng tôi bám vào nhau mà bơi. Tuy nhiên tình hình cũng vẫn tệ hại như trước. Có lẽ người ta không biết là chúng tôi đã mất tích. Vả lại, nếu có biết thì chiếc tàu hỏng lái cũng chẳng chạy được ngược gió để đến cứu chúng tôi. Chỉ có thể trông chờ vào chiếc xuồng nhỏ. Công-xây bình tĩnh thảo luận về giả thiết ấy và lập kế hoạch hành động. Thật là một con người kỳ lạ! Đến lúc này mà anh ta vẫn ung dung như ở nhà vậy! Thế là hy vọng độc nhất giờ đây là mấy chiếc xuồng của tàu Lin-côn. Để tiết kiệm sức, chúng tôi quyết định làm như sau: trong khi người này khoanh tay, duỗi chân, nằm ngửa để nghỉ, thì người kia vừa bơi vừa đẩy đi. Cứ mười phút chúng tôi lại thay phiên. Như vậy, chúng tôi hy vọng có thể sống trên mặt nước vài tiếng đồng hồ, có thể tới rặng đông! Hy vọng thật mong manh! Nhưng con người sinh ra ở đời vốn không bao giờ tuyệt vọng. Vả lại, chúng tôi có những hai người... Chiếc tàu chiến và quái vật đâm vào nhau khoảng mười một giờ đêm. Nghĩa là còn gần tám tiếng đồng hồ nữa mới sáng. Nhiệm vụ đề ra

hoàn toàn có thể hoàn thành được nếu chúng tôi được luân phiên nghỉ. Biển lặng, bơi không vất vả lắm. Thỉnh thoảng tôi lại nhìn vào bóng đêm dày đặc đôi chỗ có ánh nước sáng như lân tinh. Tôi nhìn những làn sóng lấp lánh vỗ vào tay tôi rồi tản ra trên mặt biển... Gần một giờ sáng, tôi bỗng cảm thấy mệt mỏi rã rời. Công-xây phải đỡ tôi và cáng đáng cả gánh nặng của hai người. Một lát sau, tôi thấy tiếng thở nặng nhọc và hổn hển của anh ta. Công-xây đuối hơi. Tôi hiểu rằng anh ta không cầm cự được lâu nữa.

- Buông tôi ra! Buông ra!

Tôi nói.

- Buông giáo sư ra ư? Không đời nào!

Công-xây trả lời.

- Có chết thì tôi chết trước.

Trong giây phút đó, mặt trăng lộ ra từ sau đám mây đen và gió đang lùa về phía nam. ánh trăng hiền hòa cho chúng tôi thêm sức. Tôi ngẩng đầu lên và đưa mắt nhìn chân trời. Phía xa, cách chúng tôi năm hải lý, bóng chiếc tàu chỉ còn lơ mờ. Nhưng chẳng thấy một chiếc xuồng nào! Tôi muốn kêu lên. Nhưng cách xa thế ai nghe thấy tiếng tôi? Vả lại, môi tôi bị sưng vều lên không sao há ra được. Lúc đó Công-xây ráng sức la to:

- Cứu chúng tôi với! Cứu chúng tôi với!

Ngừng lại một giây, chúng tôi lắng nghe. Cái gì vậy? Tai bị ù vì máu dồn lên đầu, hay là tiếng đáp lại lời kêu cứu của Công-xây?

- Anh có nghe thấy không?

Tôi khẽ hỏi.

- Có.

Rồi Công-xây lại ra sức kêu. Không làm được nữa rồi! Có tiếng người đáp lại Công-xây! Phải chăng đó là tiếng của một người cũng bất hạnh như chúng tôi, cũng bị hất xuống đáy biển như chúng tôi! Hay đó là tín hiệu từ chiếc xuồng mà chúng tôi không nhìn thấy trong bóng đêm? Công-xây thu hết sức tàn và tựa vào vai tôi lúc đó đã tê dại. Anh ta nghe nửa người lên khỏi mặt nước nhưng gục xuống ngay vì kiệt sức.

- Anh thấy gì?

- Tôi thấy, - Công-xây thêu thào, - tôi thấy... tốt nhất là ta nên im lặng... giữ lấy sức!

Công-xây đã thấy gì vậy? Ý nghĩ về con quái vật bỗng nảy ra trong óc tôi. Hay là anh ta đã nhìn thấy quái vật? ...

Nhưng còn tiếng người nói thì sao? Công-xây dùng chút sức còn lại đẩy tôi đi. Thỉnh thoảng anh ta ngóc đầu lên nhìn về phía xa và kêu. Đáp lại anh ta là một tiếng người nghe ngày càng rõ, hình như đang tiến lại gần. Nhưng tai tôi bắt đầu điếc đặc. Sức tôi đã kiệt, các ngón tay cứng đờ, miệng không thể mím lại được vì cơ miệng bị co rút mạnh. Tôi bị sặc nước mặn và lạnh buốt tới xương. Tôi ngóc đầu lên lần cuối cùng rồi chìm xuống. Nhưng tôi chạm ngay vào một vật rắn. Tôi vói lấy nó. Tôi cảm thấy mình được đưa lên mặt nước và dễ thở hơn... tôi ngất đi... Chắc là nhờ được xoa bóp mạnh toàn thân, nên tôi tỉnh lại ngay. Tôi mở mắt...

- Công-xây!

Tôi thêu thào.

- Giáo sư gọi tôi ạ?

Công-xây đáp lại. Dưới ánh trăng đang lặn, thấp thoáng một khuôn mặt mà tôi nhận ra ngay.

- Nét!

Tôi kêu lên.

- Chính tôi đây thưa ngài! Ngài thấy đấy, tôi vẫn chạy theo món tiền thưởng!

- Ông bị văng xuống nước khi tàu gặp nạn, phải không?

- Đúng vậy! Nhưng tôi may mắn hơn ngài. Tôi gặp ngay một hòn đảo di động.

- Một hòn đảo nhỏ?

- Nói đúng hơn là đã cưỡi trên lưng một con cá thiết hình khổng lồ.

- Tôi không hiểu ông nói gì, ông Nét ạ.

- Ngài thấy đó, tôi nghi ngờ ngay khi mũi lao của tôi không đâm thủng được da con quái vật, mà chỉ trượt trên mặt ngoài của nó.

- Vì sao vậy ông Nét? Vì sao?

- Thưa giáo sư, vì nó được bọc thép!

Khả năng suy nghĩ của tôi bỗng trở lại ngay, trí nhớ được phục hồi, tôi tỉnh hẳn là nhờ những lời nói của Nét. Tôi hơi lại sức sau cơn chấn động và trèo lên lưng vật đó. Tôi thử lấy chân gõ. Thân nó rắn như đá không mềm như cá voi! Nhưng nếu đó là cái mai bằng xương của loài động vật thời cổ đại thì sao? Nếu vậy thì tôi phải xếp quái vật này vào loài bò sát như rùa hay cá sấu. Nhưng không! Cái lưng đen bóng, nơi tôi đang đứng nhẵn thín, phẳng lì chứ không có vảy. Gõ xuống, nó kêu boong boong, và lạ thay, nó lại được ghép lại bằng thép lá. Không còn nghi ngờ gì nữa! Cái mà người ta vẫn tưởng là động vật, là quái vật, là hiện tượng kỳ lạ của thiên nhiên, cái đã làm cả giới bác học bế tắc, đã kích động óc tưởng tượng của các thủy thủ ở cả hai bán cầu, lại là một hiện tượng kỳ diệu hơn, do bàn tay người tạo ra. Nếu như tôi có may mắn xác định được sự tồn tại của một động vật kỳ quái nhất, tôi cũng chẳng ngạc nhiên tới mức ấy. Việc thiên nhiên tạo ra những điều kỳ diệu chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Nhưng khi chính mắt mình trông thấy một cái gì đó kỳ diệu, siêu nhiên, lại do thiên tài con người tạo ra, thì đó là điều đáng suy nghĩ! Tuy vậy, chúng tôi đâu có thì giờ để suy nghĩ nhiều. Chúng tôi đang nằm trên mặt một chiếc tàu ngầm kỳ lạ trông tựa một con cá bằng thép khổng lồ. Ý kiến của Nét Len về điểm này đã rõ. Tôi và Công-xây chỉ còn việc đồng ý với anh ta. Tôi nói:

- Nếu đây đúng là một chiếc tàu thì nhất định phải có máy móc làm chuyển động và người điều khiển chứ!

- Chắc là như vậy!

Nét trả lời.

- Nhưng tôi đứng trên hòn đảo di động này đã ba tiếng đồng hồ mà chẳng thấy một dấu hiệu nào của sự sống cả.

- Nhưng chiếc tàu chuyển động chứ?

- Thưa ngài, không! Nó bập bênh trên sóng chứ chẳng chuyển động chút nào.

- Chính chúng ta đã biết rõ hơn ai hết tốc độ con tàu này! Muốn đạt tốc độ đó cần có máy móc; muốn điều khiển máy móc phải có thợ. Từ đó tôi kết luận rằng... Chúng ta đã thoát chết!

- Hừm!

Nét nghi ngờ. Đang lúc đó, tựa như để khẳng định lời nói của tôi, phía sau chiếc tàu kỳ lạ đó có một tiếng rít. Đúng là chân vịt bắt đầu quay, đẩy tàu chạy. Chúng tôi vội bám lấy một chỗ ở mũi tàu nổi lên trên mặt nước chừng tám mươi cen-ti-mét. Cũng may là tàu chạy với tốc độ vừa phải. Nét Len lầu bầu:

- Chừng nào cái "phao" này còn nổi thì tôi chẳng có gì phản đối. Nhưng nếu nó giở trò lặn xuống thì cái mạng của tôi chẳng đáng hai đô-la!

Anh chàng Ca-na-đa này có thể đánh giá mạng mình rẻ hơn nữa. Cần cấp tốc đàm phán với những người trong chiếc tàu này: Tôi rờ rờ mặt ngoài để tìm một cái nắp, một lỗ hổng nào đó. Nhưng từng hàng đinh ri-vê tán chặt các nếp ngoài, không để một kẽ hở nào. Trăng đã khuất dưới chân trời. Chúng tôi chìm trong đêm tối. Phải đợi tới rạng đông để tìm cách lọt vào phía trong con tàu. Thế là tính mệnh chúng tôi hoàn toàn phụ thuộc vào ý muốn của những người điều khiển con tàu này! Họ cho tàu lặn xuống là chúng tôi toi mạng ngay! Còn nếu họ không làm như vậy thì tôi chẳng nghi ngờ gì khả năng đặt quan hệ với họ. Nếu họ không chế tạo dưỡng khí bằng phương pháp hóa học thì thỉnh thoảng họ cũng phải cho tàu nổi lên mặt biển để dự trữ không khí mới. Như vậy, phải có một lỗ thủng nào đó để lấy không khí vào trong tàu. Hy vọng thuyền trưởng Pha-ra-gút đến cứu đã tiêu tan! Tàu đang chạy về phía tây với tốc độ vừa phải, có lẽ không quá mười hai hải lý một giờ. Chân vịt rẽ nước rất đều và tung lên từng chùm tia nước lấp lánh. Gần bốn giờ sáng tốc độ con tàu tăng lên. Chúng tôi chặt vật lăm mới bám được vào mặt ngoài con tàu đang lao đi vun vút. Sóng quất vào chúng tôi từ bốn phía. Cũng may là Nét rờ được cái vòng neo. Chúng tôi vội bám chặt lấy nó. Cái đêm dài dằng dặc đó cũng đã qua. Tôi khó nhớ lại được tất cả những gì đã trải qua đêm đó! Tôi nhớ là đôi khi sóng yên gió lặng, từ xa vọng lại những nhịp đàn dồn dập, những âm điệu bị đứt quãng. Chiếc tàu ngấm bí hiểm này là thế nào? Nó đang chạy đi đâu? Những người trong tàu là ai? Cái động cơ kỳ lạ nào đã làm nó chạy được với tốc độ ghê người như vậy! Trời đã sáng. Sương sớm vây quanh chúng tôi một màu trắng đục. Nhưng rồi sương cũng tan. Tôi đã định xem xét kỹ phần trên của thân tàu nổi lên mặt nước thì bỗng cảm thấy tàu từ từ lặn xuống.

- Đồ quỷ!

Nét Len vừa quất vừa nện chân xuống vỏ tàu.

- Mở ra nhanh lên! Nhưng khó có thể nghe được cái gì, vì tiếng chân vịt quay âm âm. Cũng may là tàu tạm ngừng không lặn xuống nữa. Từ phía trong tàu có tiếng then cửa lạch cạch. Nắp tàu mở ra. Một người thò đầu lên nhìn. Hấn kêu lên một tiếng không nghe rõ rồi biến mất. Một phút sau, từ trong tàu bước ra tám người lực lưỡng, mặt bịt kín. Họ lẳng lặng kéo chúng tôi vào trong chiếc tàu ngầm khủng khiếp của họ.

CHƯƠNG 8

MOBILIS IN MOBILE

Cuộc bắt cóc trắng trợn đã diễn ra trong nháy mắt. Chúng tôi mãi không hoàn hồn. Tôi chẳng biết hai người kia cảm thấy gì trong cái nhà tù này, nhưng tôi thì sờn gai ốc. Những người trong tàu này là ai? Hẳn đây là bọn phỉ kiêu mới đang hoành hành ngoài biển theo cách chúng mới nghĩ ra. Cái nắp tàu vừa sập xuống thì tôi chìm ngay trong bóng tối như mực. Mắt đang quen với ánh sáng ban ngày nên chẳng nhìn thấy gì xung quanh. Hai bàn chân không giày của tôi dò dẫm trên những bậc thang sắt. Nét Len và Công-xây bị giải đi sau tôi. Dưới chân thang là một cái cửa. Nó mở rộng cho chúng tôi qua rồi đóng sập lại. Còn lại ba chúng tôi. Chúng tôi đang ở đâu thế này? Tôi chẳng hình dung nổi. Tất cả đều chìm đắm trong bóng tối, một thứ bóng tối dày đặc đến nỗi mấy phút sau vẫn không thấy một tia sáng le lói nào. Nét Len nổi giận vì bị đối xử thô bạo. Anh ta bộc lộ tất cả sự phẫn nộ của mình và hét lên:

- Đồ quỷ! Quân này đã vượt cả bọn man rợ về sự mền khách! Chỉ còn thiếu điều ăn thịt người nữa thôi. Tao chẳng lạ gì cái trò ấy đâu, nhưng tao tuyên bố trước là ăn thịt được tao còn mệt!

- Đủ rồi, ông bạn Nét ơi! Đủ rồi! Đừng vội nóng nảy! Chưa sao đâu!

- Sắp tử cả nút rồi còn chưa sao à? Và tôi như bưng thế này nữa.

Cũng may là tôi còn con dao găm, và chẳng cần nhiều ánh sáng lắm mới sử dụng được nó! Tên cướp nào cứ thử chạm vào tôi xem... Tôi bảo Nét:

- Đừng bực mình, ông Nét ạ. Đừng nóng nảy mà lâm vào thế bất lợi. Biết đâu chẳng có người đang nghe trộm chúng ta. Tốt hơn hết là cố tìm hiểu xem chúng ta ở đâu.

Tôi bắt đầu dò dẫm. Đi được năm bước, tôi vấp phải một bức tường bọc sắt. Lăn theo tường, tôi chạm phải một cái bàn gỗ và mấy chiếc ghế dài. Sàn được trải chiếu dày để đi cho êm. Xung quanh tường không thấy dấu vết gì của cửa sổ và cửa ra vào cả. Công-xây đi vòng về phía bên kia và cuối cùng gặp tôi. Chúng tôi cũng ra giữa căn phòng dài chừng sáu mét, rộng chừng ba mét. Còn chiều cao thì ngay Nét Len cũng không với tới trần được. Nửa tiếng đồng hồ đã qua mà mọi sự vẫn như cũ. Nhưng mắt chúng tôi đang quen với bóng tối bỗng bị lóa đi trong ánh sáng chói lọi. Tôi nhận ra ngay cái ánh sáng trắng rực rỡ trong đêm khủng khiếp ấy đã chiếu sáng tất cả khoảng không gian xung quanh chiếc tàu ngầm, cái ánh sáng mà chúng tôi lầm tưởng là hiện tượng lân tinh hóa của các sinh vật biển! Khi mở mắt ra, tôi thấy nguồn ánh sáng sinh động đó phát ra từ một cái đèn điện hình bán cầu gắn trên trần.

- Sáng rồi, có thể chứ!

Nét Len reo lên rồi đứng ở tư thế tự vệ, dao cầm trong tay.

- Nhưng tình hình chúng ta chưa sáng sủa ra chút nào!

Tôi trả lời.

- Xin giáo sư cứ yên tâm

Công-xây bình thản nói. Nhờ ánh sáng điện nên có thể quan sát mọi chi tiết nhỏ nhất trong phòng. Đồ đạc gồm một cái bàn và năm ghế dài. Cánh cửa bí mật đã đóng vào rất khít. Không một tiếng động nào bên ngoài lọt được vào chỗ chúng tôi. Hình như mọi vật đều đã chết trong con tàu này. Chẳng biết tàu đang chạy trên mặt biển hay đã lặn xuống đáy? Không thể đoán ra được. Nhưng quả cầu kia bật sáng chẳng phải vô cơ. Trong lòng tôi lóe lên một tia hy vọng là sẽ có người trong tàu xuất hiện. Vì nếu họ muốn quên chúng tôi đi thì còn bật đèn lên làm gì ở cái phòng này? Tôi đã không lầm. Có tiếng then cửa lách cách, cánh cửa mở ra, hai người bước vào. Một người tầm thước nhưng lực lưỡng, vai rộng, đầu to bộ tóc đen rối bù, có ria mép, đôi mắt sắc sảo. Tất cả cái vẻ ngoài linh lợi ấy làm anh ta giống một người xứ Prô-văng-xơ ở miền nam nước Pháp. Tôi có cảm tưởng là ngôn ngữ của anh ta nhiều màu sắc, giàu thành ngữ, giàu hình ảnh và độc đáo. Nhưng đó chỉ là cảm tưởng, vì trước mặt chúng tôi họ nói một thứ tiếng rất lạ tai mà tôi chưa hề biết. Người thứ hai đáng được miêu tả kỹ hơn. Tôi có thể khẳng định ngay những nét chủ yếu của tính cách

ông ta: lòng tự tin biểu lộ ở cái nhìn quả quyết và lạnh lùng của đôi mắt đen, sự bình tĩnh, tự chủ biểu lộ ở nước da mai mai, ý chí kiên cường biểu lộ ở đôi lông mày nhú lại, và cuối cùng là lòng dũng cảm được thể hiện rõ trong hơi thở sâu đầy sức sống. Xin thêm rằng đó là một người kiêu hãnh có cái nhìn kiên nghị và bình thản như toát lên sự suy nghĩ cao đẹp. Tất cả cái vẻ ngoài, phong thái, cử chỉ, nét mặt của ông ta, nếu có thể tin ở cái tài quan sát của người xem tướng, nói rõ bản chất thẳng thắn, cương trực của ông ta. Có ông ta, tôi "bất giác" cảm thấy mình được an toàn. Cuộc gặp gỡ này báo trước số phận của chúng tôi sẽ được giải quyết tốt đẹp. Ông ta bao nhiêu tuổi?

Có thể đoán là ba mươi lăm, hay năm mươi cũng được. Ông ta cao, hai hàm răng rất đẹp, hai bàn tay thon dài, tất cả đều biểu lộ sự say mê, cao quý. Tóm lại, ông ta là mẫu mực hoàn hảo của vẻ đẹp đàn ông mà tôi chưa từng gặp. Còn một đặc điểm nữa của khuôn mặt: đó là đôi mắt cách xa nhau có thể bao quát cả một phần tư chân trời! Khả năng ấy, sau này tôi mới biết, kết hợp với sự tinh tường, còn vượt xa Nét Len. Khi chăm chú nhìn ai, ông ta nhú mày, mắt hơi nheo lại. ại cái nhìn có thể thấu ruột gan người khác, xuyên qua những lớp nước biển mà mắt ta không thể qua được, có thể khám phá ra những bí mật của đáy biển!... Cả hai người đều đội bê-rê bằng da rái cá, đi giày cao cổ bằng da hải báo. Quần áo may bằng một loại vải đặc biệt bó lấy thân nhưng không cản trở hoạt động. Người cao cao -hắn là thuyền trưởng -ngắm nhìn chúng tôi hết sức chăm chú, nhưng chẳng nói một lời. Sau đó quay về phía người cùng đi, ông ta nói bằng một thứ tiếng nghe êm tai, mềm mại, nhấn mạnh ở nguyên âm. Người kia gật đầu và nói mấy lời cũng bằng thứ tiếng đó. Rồi anh ta nhìn tôi có ý hỏi. Tôi trả lời bằng tiếng Pháp rất rõ ràng là không hiểu anh ta hỏi gì. Nhưng anh ta cũng chẳng hiểu tôi. Tình hình trở nên khá khó khăn. Công-xây đáp:

- Dù sao giáo sư cũng nên kể cho họ nghe câu chuyện của chúng ta. Biết đâu các ngài ấy lại chẳng hiểu được đôi lời! Tôi bắt đầu kể về những chuyện phiêu lưu của chúng tôi. Tôi nói rõ từng vắn từng chữ, không bỏ sót một chi tiết nào. Theo đúng phép lịch sự, tôi tự giới thiệu là giáo sư A-rô-nắc, sau đó giới thiệu người giúp việc là Công-xây và Nét Len, thợ săn cá voi. Người có đôi mắt hiền từ, đẹp dễ nghe tôi một cách bình tĩnh, thậm chí có lễ độ và hết sức chăm chú, nhưng tôi chẳng thấy nét mặt ông ta thể hiện là

có hiểu chút gì về câu chuyện của tôi hay không. Tôi đã kể xong mà ông ta chẳng hề nói một lời. Còn lại khả năng trình bày với hai người này bằng tiếng Anh. Có lẽ họ cũng nói được thứ tiếng hầu như ai cũng biết này. Tôi đọc thạo cả tiếng Anh lẫn tiếng Đức, nhưng nói thì không thạo. Mà ở đây đòi hỏi trước hết phải trình bày một cách rõ ràng. Tôi bảo Nét Len:

- Nào, giờ đến lượt ông, ông Nét ạ. Mời ông bước vào đàm phán bằng thứ tiếng Anh chuẩn mực nhất. Biết đâu ông sẽ may mắn hơn tôi!

Nét chẳng đợi phải yêu cầu. Anh ta nhắc lại câu chuyện tôi vừa kể bằng tiếng Anh. Nói đúng hơn, anh ta truyền đạt lại cốt chuyện, còn hình thức thì khác hẳn. Anh chàng Ca-na-đa tính khí nóng nảy này đã nói một cách sôi nổi hơn. Anh ta dùng những lời lẽ rất mạnh để phản đối việc cầm tù chúng tôi, vi phạm rõ ràng quyền sống của con người! Anh ta hỏi họ dựa vào luật lệ nào mà được phép giam giữ người trong cái phao nổi này. Anh ta căn cứ vào sắc luật về quyền bất khả xâm phạm của con người do nghị viện Anh ban bố năm 1679 để dọa sẽ truy tố trước tòa án những kẻ đã cướp đoạt tự do của chúng tôi. Anh ta nổi khùng, vung tay quát tháo và cuối cùng thì cho họ biết rằng chúng tôi sắp chết đói.

Đó là một sự thật hoàn toàn, nhưng chúng tôi hầu như đã quên mất. Thật hết sức ngạc nhiên là anh chàng Nét này cũng chẳng thành công hơn tôi. Hai người kia vẫn mặt lạnh như tiền. Tôi nản lòng vì thất bại. Sau khi đã dùng hết cái vốn ngữ văn, tôi chẳng biết làm gì nữa. Nhưng Công-xây bảo tôi:

- Nếu giáo sư cho phép, tôi sẽ nói chuyện với họ bằng tiếng Đức.

- Sao, anh nói được tiếng Đức à?

Tôi reo lên.

- Thưa giáo sư, Tôi nói như bất kỳ người Đức nào.

- Thế thì tốt lắm! Anh nói đi, anh bạn!

Công-xây liền kể lại câu chuyện lần thứ ba. Nhưng mặc dù anh ta dùng nhiều cách nói trau chuốt và phát âm tuyệt vời, tiếng Đức cũng chẳng đem lại kết quả gì. Cuối cùng, bí quá, tôi đành khôi phục lại trong trí nhớ những tri thức thời niên thiếu và trình bày câu chuyện bằng tiếng La-tinh, Xi-xê-rô nếu còn sống thì hẳn phải bịt tai lại và tổng cổ tôi ra khỏi cửa, nhưng tôi cũng kể được

đến hết. Kết quả lần này cũng hết sức ngán ngẩm. Hai người đó trao đổi với nhau vài lời bằng thứ tiếng không ai hiểu rồi bỏ đi, chẳng để lại cho chúng tôi chút hy vọng nào! Cánh cửa đóng sập lại.

- Đồ khôn kiếp!

Nét Len nổi nóng có lẽ đã hai mươi lần.

- Người ta đã nói với chúng bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng La-tinh, thế mà bọn đều cáng ấy không thèm hé răng ra nói một lời!

- Hãy bình tĩnh, ông Nét, - tôi nói.

- La hét có giải quyết được việc gì đâu!

- Nhưng giáo sư thử nghĩ xem chúng ta có thể chết đói trong cái lồng sắt này ấy chứ!

- Chẳng sao!

Công-xây triết lý.

- Chúng ta còn sống lâu!

- Các bạn của tôi ơi, - tôi nói, -không nên tuyệt vọng. Tình hình trước kia còn xấu hơn. Xin các bạn đừng vội kết luận về thuyền trưởng và thủy thủ của tàu này. Nét trả lời:

- Tôi có ý kiến dứt khoát rằng chúng là những quân vô lại mặt hạng...

- Được! Thế họ là người nước nào?

- Nước vô lại!

- Ông Nét thân mến ơi, - tôi nói, -nước ấy chưa có trên bản đồ đâu!

Tôi xin thú thực rằng rất khó xác định quốc tịch của hai người này. Có thể đoán chắc rằng họ không phải là người Pháp, người Anh hay người Đức. Tuy vậy, tôi vẫn cảm thấy rằng họ là người miền nam. Nhưng họ là ai? Người Tây Ban Nha, người Thổ Nhĩ Kỳ, người A-rập hay người ấn Độ? Về ngoài của họ không đủ để xác định quốc tịch của họ. Còn về tiếng nói thì hoàn toàn không thể giải thích được nguồn gốc.

- Không biết tất cả các thứ tiếng quả là một thiếu sót lớn!

Công-xây nhận xét.

- Nếu tạo ra được một thứ tiếng chung thì có lẽ giản tiện hơn.
- Thế cũng chẳng ăn thua!

Nét Len phản đối.

- Anh không thấy là bọn này nói một thứ tiếng do chúng bịa ra để làm cho những người tử tế đang bị đói phải nổi khùng lên à? ở tất cả các nước trên thế giới, ai cũng phải hiểu rằng khi một người nào đó há mồm ra chóp chép là muốn bảo:

“Tôi đang đói đây! Cho tôi ăn đi!”.

- Cũng có những người chậm hiểu!...

Công-xây chưa nói hết câu thì cánh cửa mở ra. Một người phục vụ bước vào, mang cho chúng tôi quần áo may bằng thứ vải kỳ lạ. Tôi vội mặc ngay vào, Công-xây và Nét cũng làm theo tôi. Trong khi đó, người phục vụ -một người câm, có khi điếc nữa -trải khăn bàn và bày ba bộ đồ ăn. Công-xây nói:

- Tình hình đang rẽ sang một bước ngoặt quan trọng. Bắt đầu như vậy là đáng phấn khởi.

- Thôi đi!

Nét phản đối.

- Món ăn của chúng thì ra quái gì! Chắc là sẽ có món gan rùa, thịt thăn cá mập và bí-tết thịt chó biển chứ gì!

- Lát nữa sẽ rõ!

Công-xây nói.

Các món ăn được đặt bằng những lồng bàn nhỏ bằng bạc và bày ngay ngắn trên bàn trải khăn thơm mát. Chúng tôi ngồi vào bàn. Đúng là chúng tôi đang tiếp xúc với những con người văn minh. Nếu như không có ánh điện thì có thể tưởng tượng rằng mình đang ngồi trong khách sạn A-đen-phi ở Li-vóc-pun hay khách sạn Grăng ạt-tel ở Pa-ri. Nhưng họ không cho chúng tôi bánh mì và rượu vang. Nước uống trong và mát nhưng dù sao vẫn là nước trắng. Điều đó làm cho Nét Len chẳng hài lòng chút nào. Trong số những thức ăn mang đến, tôi thấy có mấy món cá quen thuộc nấu rất khéo. Nhưng mấy món khác thì tôi đành chịu không xác định được là chế biến từ động vật hay thực vật. Các bộ đồ ăn được trình bày rất mỹ thuật và sang trọng. Trên thìa, đĩa, dao, đĩa đều khắc mấy chữ in hình vòng cung, nguyên văn như sau:

MOBILIS IN MOBILE Nghĩa là: Linh hoạt trong môi trường linh hoạt! Phương châm thích hợp một cách kỳ lạ với chiếc tàu ngầm này. Chữ N hẳn là chữ đầu của tên con người đang làm chủ biển sâu! Nét và Công-xây không suy nghĩ như vậy. Họ lao vào ăn uống và tôi cũng theo gương họ. Giờ đây tôi đã yên tâm về số phận của ba người. Tôi cảm thấy rõ rằng những người chủ nhà của chúng tôi sẽ không để chúng tôi chết đói. Mọi sự trên đời này đều trôi qua, đều có kết thúc, ngay cái đói của những người suốt mười lăm tiếng đồng hồ không có gì vào bụng! ...nào rồi chúng tôi thấy buồn ngủ díp mắt. Phản ứng đó là hoàn toàn tự nhiên sau cuộc vật lộn với thần chết trong cái đêm dài vô tận ấy.

- Chà chà, tôi buồn ngủ quá!

Công-xây nói.

- Mình thì đã ngủ rồi, - Nét Len trả lời.

Thế là hai bạn tôi nằm thẳng cẳng trên chiếc chiếu trải dưới sàn và thiếp đi ngay. Nhưng tôi chẳng dễ ngủ như vậy. Hàng ngàn ý nghĩ vẩn vơ trong lòng, hàng ngàn câu hỏi chưa được giải đáp đang đặt ra với tôi, hàng ngàn hình ảnh không cho tôi chợp mắt! Chúng tôi đang ở đâu? Sức mạnh nào đang cuốn chúng tôi đi? Tôi cảm thấy tàu đang lặn xuống những lớp biển sâu nhất. Những cơn ác mộng ám ảnh tôi. Từ đáy biển huyền bí hiện lên từng đàn cá kỳ lạ, hình như cùng loại với con tàu, cũng linh hoạt và dữ dội như thế!... Trạng thái hưng phấn của não dịu dần đi, mộng mị cũng biến mất. Tôi thiếp đi trong giấc ngủ nặng nề.

CHƯƠNG 9

NÉT LEN NỔI KHÙNG

Không biết chúng tôi ngủ có lâu không, chắc là lâu vì tôi thấy người rất dễ chịu. Tôi dậy trước nhất. Hai chàng kia còn say sưa trong góc phòng. Đầu óc tôi tỉnh táo sáng suốt. Tôi lại bắt đầu nghiên cứu cái phòng giam chúng tôi. Chẳng có gì thay đổi cả. Phòng giam vẫn là phòng giam, tù vẫn là tù! Chỉ có mấy bộ đồ ăn là đã dọn đi. Chẳng có gì báo trước số phận chúng tôi sắp thay đổi. Tôi lo lắng tự hỏi: chẳng lẽ chúng tôi phải sống trong cái cũi này vô thời hạn. Cái tương lai đáng buồn càng bi đát hơn vì tôi bắt đầu thấy thiếu không khí. Tôi thấy tức ngực, mặc dù những cơn ác mộng đêm qua không diễn lại nữa. Thở ngày càng khó. Tôi sắp bị ngạt. Tuy phòng khá rộng nhưng chắc chúng tôi đã hít mất phần lớn ôxy trong không khí. Ta biết rằng mỗi người trong một giờ tiêu thụ một lượng ôxy có trong một trăm lít không khí. Vì vậy, nếu không khí chứa đựng một lượng thán khí như thế do con người thải ra thì không thể dùng được nữa. Tóm lại, cần thay đổi không khí trong phòng chúng tôi và tất nhiên trong cả chiếc tàu ngầm này. Nhưng tôi bỗng nảy ra một câu hỏi.

Trong trường hợp này, ông ta có thể chế được ôxi bằng phương pháp hóa học không? Dự trữ các hóa chất bị hết thì ông ta phải mua, và do đó, phải duy trì quan hệ với đất liền không? Cũng có thể ông ta dùng không khí nén đựng trong những bình đặc biệt. Mọi khả năng ấy đều có lý. Hay là ông ta giải quyết vấn đề đơn giản hơn, tiết kiệm hơn và thực tế hơn bằng cách cho tàu nổi lên mặt biển để thở như cá voi? Nhưng dù ông ta theo phương pháp nào thì, theo tôi, cũng đã tới lúc áp dụng ngay không chậm trễ! Tôi có thở gấp hơn và hít vào phổi chút ôxy còn lại trong căn phòng ngột ngạt. Bỗng một luồng không khí trong lành đượm mùi biển ứa vào phòng, một thứ không khí làm khỏe người, không khí của biển khơi! Tôi há to miệng và hít lấy hít để cái không khí thần kỳ ấy! Đúng lúc đó, tôi cảm thấy tàu bị xô nhẹ và tròn trành. Chiếc

tàu -con quái vật bằng thép ấy-đang nổi lên mặt nước để thở theo kiểu cá voi! Thế là cách thông gió của nó đã được xác định. Khi đã thở hít thoải mái, tôi bắt đầu tìm lỗ thông hơi và một lát sau thì thấy nó ở phía trên cánh cửa ra vào. Không khí mát vừa tràn vào phòng thì Nét và Công-xây tỉnh giấc. Hệt như theo một khẩu lệnh, hai người giụi mắt, vươn vai rồi nhồm dậy.

- Giáo sư ngủ có ngon giấc không ạ?

Công-xây lễ phép hỏi.

- Rất ngon, anh bạn ạ. Còn ông thế nào, ông Nét? Tôi ngủ say như chết, giáo sư ạ. Nếu tôi không lầm thì hình như có gió biển thì phải. Anh thủy thủ Nét quả không lầm. Tôi kể cho anh ta nghe những chuyện đã xảy ra khi hai người ngủ.

- Có thể chứ!

Nét nói.

- Bây giờ đã rõ tiếng rít chúng ta nghe thấy khi còn ở trên tàu Lin-con là tiếng gì rồi!

- Rất đúng, ông Nét ạ. Chính là tiếng thở của nó.

- Thưa giáo sư, ngài làm ơn cho biết đã mấy giờ rồi? Tôi không hiểu đã đến giờ ăn trưa chưa?

- Giờ ăn trưa ấy ư, ông bạn kính mến? Chắc ông muốn nói là đã đến giờ ăn sáng? Chúng ta đã ngủ suốt ngày hôm qua tới tận sáng nay!

- Thế ra chúng ta đã ngủ li bì suốt một ngày một đêm! Công-xây kêu lên.

- Tôi cũng cảm thấy như vậy, - tôi trả lời.

- Tôi sẽ không tranh luận với ngài đâu, giáo sư ạ, - Nét Len nói.

- Đối với tôi thì ăn trưa hay ăn sáng cũng vậy thôi! Chỉ cần người phục vụ bưng đến cho ta cả hai bữa một lúc.

- Cả hai bữa một lúc?

Công-xây nhắc lại.

- Đúng!

Nét nói.

- Chúng ta có quyền đòi hỏi cả hai bữa.

- Thế thì phải kiên nhẫn một chút, ông Nét ạ. Những người chủ nhà không quen biết này chắc không có ý định để chúng ta chết đói đâu. Nếu không, họ chẳng cho chúng ta ăn bữa hôm qua làm gì.

- Nhỡ họ cho chúng ta ăn no để giết thịt thì sao?

Nét hỏi.

- Đâu có thể!

Tôi trả lời

- Không phải chúng ta rơi vào tay bọn ăn thịt người đâu!

- Ăn thử một lần cũng chẳng sao, - Nét nghiêm nghị nói.

- Có thể là họ đã lâu không được ăn thịt tươi. Ba người khỏe mạnh như giáo sư, người giúp việc của ngài và tôi...

- Ông Nét ơi, xin ông hãy vứt những ý nghĩ nhảm nhí ấy ra khỏi đầu óc đi. Và chủ yếu là ông chớ nói chuyện kiểu ấy với chủ nhà của chúng ta. Nếu nói kiểu ấy thì tình hình của chúng ta chỉ xấu đi mà thôi.

- Thôi xin ngài! Tôi đang đói gần chết đây. Thôi thì bữa sáng hay bữa trưa cũng được, nhưng người ta có cho ăn gì đâu!

- Ông Nét ạ, đi trên tàu thì phải tuân theo nội quy. Tôi ngờ rằng dạ dày chúng ta đã báo hiệu sớm hơn tiếng chuông của đầu bếp đấy.

- Thế thì ta vụng lại kim đồng hồ thôi.

Công-xây điềm tỉnh nói. Nét Len sốt ruột la lên:

- Xin lỗi ông, ông bạn Công-xây ạ! Ông cứ bình chân như vại. Ông sợ hỏng thân kinh à? Không được ăn ông vẫn cảm ơn được như thường! Ông thà chịu chết đói còn hơn là kêu ca phàn nàn!

- Kêu ca phàn nàn thì có lợi gì?

Công-xây hỏi.

- Lợi gì à? Kêu lên được nó cũng nhẹ người đi chứ! Nếu bọn phỉ này...

- Tôi gọi chúng là "phỉ" vì nể ngài giáo sư, ngài cấm tôi gọi chúng là bọn ăn thịt người - nếu bọn phỉ này tưởng rằng chúng

giam giữ tôi trong cũi làm tôi chết ngạt mà tôi không dám chửi thì chúng làm to! Thưa giáo sư, xin ngài cứ thẳng thắn cho biết chúng còn hành hạ ta trong cái hòm sắt này đến bao giờ?

- Ông bạn ạ, thú thật là tôi cũng chẳng biết gì hơn ông!

- Nhưng ngài phỏng đoán thế nào?

- Tôi nghĩ rằng sự ngẫu nhiên đã cho phép chúng ta hé mở một điều bí mật quan trọng. Nếu những người trên chiếc tàu ngầm này quan tâm đến việc giữ gìn bí mật đó, và nếu đối với họ, điều bí mật đó còn quý hơn sinh mạng của ba chúng ta, thì tôi cho rằng chúng ta đang bị đe dọa nghiêm trọng. Nếu không thì con quái vật đã nuốt chửng chúng ta sẽ trả chúng ta về xã hội loài người rất nhanh chóng.

- Hay sẽ bắt chúng ta làm thủy thủ trên tàu, - Công-xây nói, - và sẽ giữ...

- ... cho tới khi có một chiếc tàu chiến nào đó chạy nhanh hơn, hay may mắn hơn tàu Lin-côn tóm được cái ổ cướp này và treo cổ cả bọn chúng, cả chúng ta lên cột buồm, - Nét nói tiếp.

- Ông nói rất có lý, ông Nét ạ, - tôi nhận xét, - Nhưng theo tôi biết, thì chưa ai đề nghị chúng ta điều gì cả. Vì vậy, xây dựng kế hoạch cho tương lai là điều vô ích. Tôi xin nhắc lại là phải đợi thời cơ, phải tùy hoàn cảnh cụ thể mà hành động, và hiện nay không được làm gì, vì cũng chưa có việc gì để làm!

- Thưa giáo sư, ngược lại, chúng ta phải hành động, - Nét không chịu đầu hàng.

- Cụ thể phải làm gì, ông Nét?

- Chạy trốn!

- Chạy trốn khỏi nhà tù trên mặt đất đã là một việc gay go, còn tính chuyện vượt khỏi cái ngục ngầm dưới biển này, theo tôi, là một điều viễn vông.

- Thế nào, ông Nét, - Công-xây hỏi, - ông nghĩ thế nào về nhận xét của giáo sư? Nét Len rõ ràng là lúng túng nên im lặng. Chạy trốn trong những điều kiện hiện tại là chuyện hoàn toàn không tưởng. Sau một phút suy nghĩ, Nét trả lời:

- Thưa giáo sư, ngài không đoán ra rằng nếu một người không vượt được ngục thì anh ta phải làm gì à?

- Tôi chịu không đoán được, ông bạn ạ!
- Rất đơn giản! Anh ta sẽ giành quyền làm chủ ở đó.
- Tất nhiên, - Công-xây nói.
- Ở lại trong cái nhà tù này còn hơn là ra ngoài!
- Nhưng trước hết phải tống cổ tất cả bọn cai ngục này đi, - Nét nói thêm.

- Thôi xin ông! Ông định chiếm chiếc tàu này thật đấy à?

Tôi hỏi.

- Chiếm thật chứ!

Nét trả lời.

- Không được đâu.

- Vì sao không được, thưa ngài? Chẳng lẽ không có cơ hội nào thuận tiện ư? Nếu có thì sao ta không lợi dụng? Nếu thủy thủ trên tàu này không quá hai mươi tên thì lẽ nào chúng có thể bắt hai người Pháp và một người Ca-na-đa phải lùi bước! Tốt hơn hết là lờ cái chuyện viển vông của anh chàng Nét đi và không tranh luận với anh ta. Vì vậy tôi nói khéo:

- Ông Nét ạ, nếu có dịp, chúng ta sẽ trở lại câu chuyện này. Nhưng xin ông hãy kiên nhẫn. Bây giờ phải hành động thận trọng. Tính nóng nảy của ông chỉ làm hỏng việc thôi! Ông hãy hứa với tôi là sẽ nghĩ đến hoàn cảnh chung của chúng ta mà không nổi nóng.

- Xin hứa với giáo sư, - Nét Len trả lời hơi miễn cưỡng.

- Chiều ý ngài, tôi sẽ ngậm tăm, sẽ không gây ra chuyện gì, dù chúng không cho tôi ăn.

- Ông đã hứa rồi nhé!

Tôi bảo Nét. Câu chuyện tới đây chấm dứt. Mỗi người chúng tôi lại chìm trong những ý nghĩ riêng tư của mình. Thú thật rằng, mặc dù Nét có nhiều hy vọng lạc quan, nhưng tôi chẳng nuôi một ảo tưởng gì. Tôi không tin sẽ có một lối thoát may mắn, như Nét hy vọng. Căn cứ vào cách điều khiển con tàu, có thể đoán rằng thủy thủ trên tàu này rất vững. Như vậy, nếu đấu với nhau, chúng tôi sẽ chạm trán với một đối thủ mạnh. Vả lại, muốn hành động thì phải được tự do, mà chúng tôi lại đang bị nhốt chặt! Tôi chưa hình dung được là sẽ trốn khỏi cái cũi sắt đóng kín mít này như

thế nào. Và nếu viên thuyền trưởng giữ bí mật con tàu -điều đó rất có thể xảy ra -thì ông ta sẽ không cho phép chúng tôi đi lại trên tàu. Ông ta sẽ đối xử với chúng tôi như thế nào? Sẽ giết hại hay sẽ cho chúng tôi lên một hòn đảo hoang nào đó? Chúng tôi đang nằm trong tay ông ta. Tất cả những giả thiết của tôi đều gần chân lý như nhau, và phải là người như Nét Len mới có thể hy vọng giành lại được tự do.

Tuy vậy, biết tính Nét Len hay bị những ý đồ riêng ám ảnh, tôi hiểu rằng càng để anh ta nghĩ ngợi thì anh ta càng liều lĩnh. Tôi cảm thấy những lời nguyên rủa đang nghẹn lại trong cổ Nét, và những cử chỉ của Nét biểu lộ một sự giận dữ khó kìm hãm nổi. Nét lồng lộn như một con thú trong chuồng đá chân đấm tay vào tường. Thời gian trôi qua, chúng tôi đói meo mà người phục vụ mãi chẳng thấy. Nếu chủ nhà của chúng tôi có ý định tốt, chắc không phớt lờ những kẻ bị nạn lâu như vậy! Nét Len đói quá, dạ dày co thắt lại, nên càng ngày càng tức giận. Tôi sợ anh ta nổi nóng khi có người nào đó trên tàu xuất hiện, mặc dù Nét đã hứa hẹn là không nổi nóng. Hai tiếng đồng hồ nữa đã qua. Nét kêu la âm ỹ nhưng vô hiệu. Những bức tường sắt vẫn câm lặng. Chẳng thấy một tiếng động nhỏ nào trên tàu, dường như mọi người đều đã chết. Chẳng thấy thân tàu rung nhẹ khi chân vịt quay. Chiếc tàu đang đứng im một chỗ. Khi đã lặn xuống đáy biển, nó không thuộc về trái đất nữa. Sự im lặng, thật là ghê sợ. Chúng tôi đã bị bỏ rơi và nhốt chặt trong căn hầm này. Tôi hốt hoảng khi nghĩ đến cảnh tù đầy có thể kéo dài. Tia hy vọng lóe lên khi gặp thuyền trưởng cứ tắt dần. Cái nhìn hiền từ, nét mặt khoan dung, phong thái cao thượng của ông ta đã phai mờ trong trí nhớ của tôi. Đúng là ông ta đã đặt mình lên trên lòng nhân đạo, chẳng biết thế nào là thương người, đã tự biến mình thành kẻ thù không đội trời chung với đồng loại, những người ông ta đã thề căm ghét suốt đời! Nhưng chẳng lẽ ông ta lại để chúng tôi chết trong bốn bức tường của cái phòng giam chật chội này, lại để chúng tôi đói khát, cực khổ vô chừng thế này? ý nghĩ khủng khiếp xâm chiếm lòng tôi óc tưởng tượng càng làm cho tâm trạng nặng nề hơn. Tôi tuyệt vọng. Công-xây vẫn bình thản. Còn Nét Len thì tức giận điên cuồng. Bỗng phía ngoài có tiếng động. Đó là những tiếng chân bước. Then cửa kêu lạch cạch. Cửa mở, người phục vụ bước vào. Tôi chưa kịp giữ Nét lại thì anh ta đã xô tới quật ngã và bóp cổ người này. Nạn nhân bị ngạt thở trong hai bàn tay hộ pháp của Nét. Công-xây định cứu người

phục vụ ra khỏi tay Nét. Tôi cũng đã sẵn sàng giúp Công-xây, thì bỗng sống người khi nghe thấy những lời nói bằng tiếng Pháp:

- Ông Len, ông hãy bình tĩnh, cả giáo sư nữa! Xin các ông hãy nghe tôi!

CHƯƠNG 10

NGƯỜI CHỦ CỦA BIỂN CẢ

Đó là thuyền trưởng. Nét Len chồm dậy ngay. Người phục vụ suýt bị chết ngạt, theo hiệu của chỉ huy lão đảo bước nhanh ra khỏi phòng. Uy quyền của thuyền trưởng lớn đến mức anh này không có một thái độ, cử chỉ nào biểu lộ sự tức giận của mình đối với Nét. Ngay cả Công-xây cũng phải ngậy người ra và bất ngờ. Cả ba chúng tôi im lặng chờ đợi đoạn kết của cảnh này. Thuyền trưởng đứng tựa vào bàn, tay khoanh trước ngực, chăm chú nhìn chúng tôi. Ông ta phân vân trong việc tiếp xúc với chúng tôi chẳng? Ông ta hỏi hặng là đã nói mấy câu tiếng Pháp chẳng? Rất có thể như vậy. Sự im lặng kéo dài mấy giây và chẳng ai muốn lên tiếng trước cả. Cuối cùng, thuyền trưởng nói bằng một giọng điềm đạm, thuyết phục:

- Thưa các ngài, tôi thạo tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng La-tinh. Tôi có thể nói chuyện ngay với các ngài nhưng tôi muốn trước hết quan sát các ngài rồi mới quyết định nên đối xử với các ngài như thế nào. Tất cả những điều các ngài đã kể cho tôi nghe, kể chung và kể riêng từng người, hoàn toàn khớp với nhau. Vì vậy, tôi tin rằng các ngài chính là những người như các ngài đã tự giới thiệu. Tôi biết rằng sự tình cờ đã khiến tôi gặp ngài A-rô-nắc, giáo sư môn lịch sử tự nhiên ở Viện bảo tàng Pa-ri, được phái ra nước ngoài làm công tác nghiên cứu khoa học. Tôi biết rằng những người cùng đi với giáo sư là ông Công-xây, giúp việc giáo sư, và ông Nét Len, người Ca-na-đa, thợ săn cá voi đi trên tàu Lin-côn thuộc hạm đội Mỹ. Tôi nghiêng mình tỏ vẻ đồng ý. Thuyền trưởng không hỏi tôi, do đó cũng chẳng cần trả lời. Ông ta nói tiếng Pháp rất thạo, phát âm chuẩn mực, dùng từ chính xác, cách diễn đạt rất có duyên. Thuyền trưởng nói tiếp:

- Chắc ngài cho rằng cuộc gặp mặt lần thứ hai của chúng ta có thể diễn ra sớm hơn. Nhưng khi được biết ngài là ai thì tôi lại lúng túng khó xử! Mãi tôi không quyết định được là nên thế nào.

Hoàn cảnh đáng buồn đưa giáo sư đến với một người đã cắt đứt quan hệ với loài người. Giáo sư đã phá vỡ sự yên tĩnh của tôi...

- Một cách miễn cưỡng thôi,- tôi nói.

- Một cách miễn cưỡng?

- Thuyền trưởng hơi cao giọng.

- Chẳng lẽ tàu Lin-côn đã miễn cưỡng săn đuổi tôi trên khắp mặt biển? Chẳng lẽ ngài đã miễn cưỡng phải xuống chiếc tàu đó? Chẳng lẽ những viên đạn của các ngài lại miễn cưỡng rơi vào thân tàu của tôi? Chẳng lẽ ông Nét Len lại miễn cưỡng lao tên nhọn vào tôi? Trong lời nói của ông ta tôi cảm thấy có một vẻ giận dữ đã được nén xuống. Nhưng để đáp lại tất cả những lời trách móc của ông ta, tôi chỉ có một câu trả lời hoàn toàn tự nhiên.

- Thưa ngài, tất nhiên là ngài không được nghe những lời đồn đại đang lan truyền ở châu Mỹ và châu Âu về chiếc tàu của ngài. Ngài không được biết là dư luận ở hai lục địa đã phản ứng thế nào trước những tai nạn rủi ro xảy ra khi các tàu lỗ đăm phải con tàu ngầm của ngài! Tôi không muốn ngài bị mệt vì phải nghe bảng thống kê những giả thiết mà người ta đã dùng để giải thích điều bí mật của ngài. Nhưng ngài nên biết rằng khi tìm kiếm ngài tận vùng biển xa xôi nhất của Thái Bình Dương, tàu Lin-côn vẫn đinh ninh rằng mình đang săn đuổi một con quái vật nào đó mà họ có nhiệm vụ phải tiêu diệt kỳ được! Một nụ cười thoáng trên môi thuyền trưởng.

- Ngài A-rô-nắc - ông ta nói, giọng bình tĩnh hơn, - ngài có đủ can đảm để khẳng định rằng tàu Lin-côn sẽ không dượt theo và bắn phá chiếc tàu ngầm một cách quyết liệt như khi dượt theo quái vật không? Câu hỏi của thuyền trưởng làm tôi lúng túng. Tôi biết thuyền trưởng tàu Lin-côn sẽ chẳng phải suy nghĩ gì nhiều. Ông ta sẽ cho mình có nhiệm vụ diệt chiếc tàu ngầm cũng như diệt quái vật mà thôi.

- Thế là ngài phải đồng ý rằng tôi có quyền đối xử với ngài như kẻ thù? Tôi vẫn im lặng chẳng trả lời, cũng vì lý do đã nói trên.

- Tôi đã phân vân nhiều,- thuyền trưởng nói tiếp.

- Chẳng có điều gì buộc tôi phải ân cần, niềm nở với các ngài. Nếu tôi định thanh toán các ngài, thì tôi đến gặp các ngài làm gì. Tôi có thể đưa các ngài lên boong, rồi cho tàu lặn xuống biển sâu

và quên hẳn các ngài đi! Chẳng lẽ tôi không có quyền cư xử như vậy sao?

- Một người man rợ mới có quyền xử sự như vậy, chứ người văn minh thì không!

Tôi trả lời.

- Thưa giáo sư, - thuyền trưởng phản đối, - tôi hoàn toàn không thuộc loại người mà ngài gọi là văn minh! Tôi đã cắt đứt mọi quan hệ với xã hội vì những lý do xác đáng. Xác đáng đến mức nào, chỉ riêng tôi biết. Tôi không phục tùng những luật lệ của cái xã hội đó, và xin ngài chờ bao giờ dựa vào nó. Ông ta đã nói hết. Cái nhìn của ông ta đầy căm giận và khinh bỉ. Tôi thoáng có ý nghĩ rằng quá khứ của con người này ẩn giấu một điều bí ẩn khủng khiếp. Chẳng phải vô cớ mà ông ta tự đặt mình ra ngoài những luật lệ xã hội, thoát khỏi vòng kiểm tỏa, giành độc lập và tự do theo ý nghĩa đầy đủ nhất của hai từ đó. Ai có gan rượt theo ông ta dưới biển sâu, nếu ông ta đã chặn đứng được mọi mưu toan gây chiến trên mặt biển? Tàu nào có thể chống chọi lại chiếc tàu ngầm này? Vỏ thép nào có thể chịu đựng được mũi nhọn của nó? Tất cả những ý nghĩ đó thoáng qua trong óc tôi khi con người khó hiểu đó đang suy tư trầm lặng. Tôi nhìn ông ta một cách khiếp sợ và tò mò. Cuối cùng, ông ta phá vỡ sự im lặng đó:

- Tôi đã phân vân nhiều. Nhưng sau khi suy nghĩ, tôi thấy rằng những quyền lợi của tôi vẫn có thể kết hợp được với lòng nhân từ mà bất kỳ sinh vật nào cũng có quyền hưởng. Các ngài sẽ ở lại cái tàu này, một khi số phận đã đẩy các ngài tới đây. Tôi sẽ cho các ngài tự do, nhưng rất tương đối. Ngược lại các ngài phải làm đúng một điều kiện. Đối với tôi, chỉ cần một lời hứa của các ngài là đủ.

- Thưa ngài, tôi xin nghe, - tôi trả lời.

- Tôi nghĩ rằng người tử tế sẽ không khó khăn gì lắm khi chấp nhận điều kiện của ngài!

- Tất nhiên! Thế này nhé, có thể là trong hoàn cảnh bất thường nào đó tôi buộc phải giữ các ngài trong phòng máy tiếng đồng hồ hoặc mấy ngày. Vì không muốn dùng bạo lực tôi muốn các ngài cam đoan rằng sẽ tuyệt đối phục tùng tôi trong những trường hợp như vậy. Các ngài sẽ không phải chịu trách nhiệm về tất cả những gì có thể xảy ra. Các ngài sẽ không được chứng kiến những

sự kiện mà các ngài không tham dự. Thế nào, các ngài có chấp nhận điều kiện của tôi không? Nghĩa là trên chiếc tàu ngầm này đang diễn ra những việc mà những người chưa đặt mình ra khỏi vòng pháp luật không nên biết!

Trong tất cả những sự bất ngờ đang quyết định tương lai của tôi, cái bất ngờ này chẳng phải là nhỏ.

- Chúng tôi xin nhận, - tôi trả lời, - Nhưng xin ngài cho tôi được hỏi.

- Xin ngài cứ hỏi.

- Ngài nói rằng chúng tôi sẽ được hưởng tự do trên tàu của ngài, phải không ạ?

- Tự do hoàn toàn.

- Tôi muốn biết ý kiến của ngài về cái tự do đó.

- Các ngài có thể đi lại tự do trong phạm vi tàu, xem xét tàu, quan sát sinh hoạt trên tàu, trừ vài trường hợp hãn hữu. Tóm lại, các ngài được tự do như tôi và các bạn tôi. Rõ ràng là chúng tôi chưa hiểu nhau.

- Xin lỗi ngài, nhưng đó là cái tự do của tù nhân trong xà lim! Chúng tôi không thể bằng lòng với cái tự do đó được.

- Cũng phải bằng lòng thôi!

- Sao? Chúng tôi phải từ bỏ mọi hy vọng nhìn thấy Tổ quốc, bạn bè, gia đình ư?

- Vâng, và nhân thể trút bỏ cả cái ách nặng nề mà người ta vẫn gọi là tự do đi!

- Còn về phần tôi, - Nét Len la lên, - tôi không bao giờ hứa là sẽ từ bỏ ý định trốn khỏi nơi đây đâu!

- Tôi cũng chẳng bắt ông phải hứa hẹn gì, ông Nét ạ, -thuyền trưởng lạnh lùng trả lời.

- Thưa ngài, - tôi cũng kêu lên vì không tự chủ được, -ngài đã lạm dụng quyền hành của mình. Thật là vô nhân đạo!

- Ngược lại, rất nhân đạo! Các ngài bị bắt làm tù binh tại trận địa! Chỉ cần tôi nói một lời là các ngài bị quăng ngay xuống đáy biển! Thế mà tôi đã để các ngài sống. Các ngài đã tấn công tôi. Các ngài đã biết được điều bí mật mà không một người nào trên

thế giới này được xâm phạm vào. Đó là bí mật về cá nhân tôi! Các ngài tưởng rằng tôi sẽ cho phép các ngài trở về cái mặt đất mà tôi đã vĩnh viễn từ bỏ ư? Không bao giờ! Tôi sẽ giữ các ngài trên tàu để bảo đảm an toàn cho tôi! Rõ ràng là thuyền trưởng đã có quyết định, và mọi lý lẽ chống lại đều bất lực.

- Thế là ngài cho chúng tôi được lựa chọn giữa cái sống và cái chết, phải không ạ?

- Đúng vậy.

- Các bạn, - tôi bảo Công-xây và Nét, -tình hình thế này tranh luận cũng vô ích. Nhưng chúng ta sẽ không có hứa hẹn gì ràng buộc ta với chủ chiếc tàu này.

- Chẳng cần hứa gì cả, -thuyền trưởng nói. Rồi ông ta dịu giọng nói thêm:

- Cho phép tôi kết thúc cuộc nói chuyện của chúng ta. Thưa ngài A-rô-nắc, tôi biết ngài. Nếu như không có hai người cùng đi thì có lẽ ngài cũng chẳng than phiền gì về sự ngẫu nhiên đã gắn số phận chúng ta với nhau. Trong số những cuốn sách tôi ưa thích, ngài sẽ thấy cả công trình nghiên cứu của ngài về đáy biển. Tôi thường đọc đi đọc lại cuốn sách đó. Ngài đã đẩy khoa hải dương học tiến lên một bước rất dài. Thưa giáo sư, cho phép tôi được đoan chắc với ngài rằng ngài sẽ không hối tiếc gì về thời gian ngài sống trên tàu của tôi. Ngài sẽ được đi du lịch vào một xứ sở diệu kỳ! Sự thay đổi ấn tượng sẽ làm óc tưởng tượng của ngài rung động. Ngài sẽ thường xuyên thấy hứng thú. Ngài sẽ không bao giờ hết ngạc nhiên về những cái được nhìn thấy. Cuộc sống của thế giới ngầm dưới nước sẽ không ngừng trải ra trước mắt ngài! Tôi đang chuẩn bị một chuyến đi dưới biển vòng quanh thế giới - biết đâu không phải là chuyến đi cuối cùng? Tôi muốn nhìn lại một lần nữa tất cả những gì tôi đã nhiều lần nghiên cứu dưới đáy biển! Ngài sẽ là người cùng tham dự công việc nghiên cứu khoa học này của tôi. Từ hôm nay, ngài sẽ bước vào môi trường mới, ngài sẽ thấy những điều mà người khác không bao giờ được thấy. Hành tinh của chúng ta sẽ mở ra trước mắt ngài những bí mật sâu kín nhất!

Tôi không giấu rằng những lời nói trên của thuyền trưởng đã gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc. Ông ta đã gãi đúng chỗ ngứa của tôi, và trong giây phút tôi quên mất rằng dù có được ngắm nhìn những kỳ quan dưới đáy biển cũng chẳng bù lại được cái tự do đã

mất. Nhưng tôi tự an ủi rằng giải quyết một vấn đề quan trọng thế này phải có thời gian. Vì vậy, tôi chỉ nói rất ngắn:

- Thưa ngài, dù ngài đã đoạn tuyệt với loài người, tôi vẫn hy vọng rằng ngài không xa lạ với những tình cảm con người. Chúng tôi gặp nạn, ngài đã rộng lòng tiếp nhận chúng tôi lên tàu của ngài. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên ơn đó. Về phần tôi, tôi xin thú thực rằng nếu khả năng phục vụ khoa học có thể làm tôi bớt nghĩ tới tự do, thì cuộc gặp mặt với ngài có thể đền bù quá đầy đủ cho sự thiệt thòi đó.

Tôi tưởng thuyền trưởng sẽ bắt tay tôi để giao ước, nhưng ông ta chẳng đưa tay ra.

- Còn vấn đề cuối cùng, - tôi nói vì thấy con người khó hiểu đó sắp bỏ đi.

- Ngài cứ nói.

- Xin ngài cho biết quý danh.

- Thưa ngài, đối với ngài, tôi là thuyền trưởng Nê-mô còn đối với tôi thì các ngài chỉ là hành khách của tàu Nau-ti-lux.

Thuyền trưởng Nê-mô gọi người hầu và ra lệnh cho anh ta vẫn bằng thứ tiếng khó hiểu ấy. Rồi ông ta bảo Công-xây và Nét Len:

- Bữa sáng đang chờ các ngài ở phòng riêng. Các ngài chịu khó đi theo anh này.

- Tôi sẵn sàng!

Nét trả lời. Thế là cuối cùng họ đã ra khỏi phòng giam, nơi họ đã bị nhốt hơn ba mươi tiếng đồng hồ.

- Ngài A-rô-nắc, bây giờ chúng ta cùng đi ăn sáng. Ngài có vui lòng theo tôi không?

- Thưa thuyền trưởng, tôi xin tuân lệnh ngài.

Tôi đi theo Nê-mô. Qua ngưỡng cửa, tôi bước vào một hành lang hẹp có điện sáng. Đi được khoảng mười mét chúng tôi vào một căn phòng lớn. Đó là phòng ăn được bài trí rất trang nhã. Mấy cái tủ thấp bằng gỗ sồi kê ở hai đầu trong có nhiều bát, đĩa, cốc, tách bằng sứ và pha lê quý giá. Những đồ dùng bằng bạc phản chiếu ánh sáng dội từ trên xuống. Những bức vẽ tinh vi trên trần làm

ánh điện dịu đi. Giữa phòng kê một cái bàn trên bày những bộ đồ ăn đất tiền. Thuyền trưởng Nê-mô nói:

- Mời ngài ngồi xuống ăn! Chắc ngài đã đói mềm.

Bữa sáng gồm nhiều món ăn làm hoàn toàn bằng những sản vật của biển. Tuy vậy, có mấy món khiến tôi thắc mắc. Dù được nấu rất ngon, tôi vẫn cảm thấy có một mùi vị lạ lạ, nhưng chỉ một lát sau tôi đã quên đi ngay. Tôi thấy tất cả những món ăn đó đều có nhiều lân nên khẳng định rằng nó đều là hải sản. Thuyền trưởng Nê-mô đưa mắt nhìn tôi. Tôi chẳng hỏi gì, nhưng tự ông ta trả lời những câu hỏi đang quay cuồng trong đầu tôi.

- Phần lớn những món này xa lạ đối với ngài, nhưng ngài cứ ăn đi, đừng sợ. Nó vừa lành vừa bổ. Từ lâu tôi không ăn thịt, nhưng ngài thấy đó, tôi vẫn khỏe mạnh như thường. Anh em thủy thủ của tôi ai cũng vạm vỡ sung sức, và chúng tôi ăn uống như nhau.

- Vậy là những món ăn này đều từ hải sản chế biến ra?

- Thưa giáo sư vâng! Biển thỏa mãn mọi nhu cầu của tôi. Tôi cứ bủa lưới là kéo được rất nhiều tôm cá. Tôi lặn xuống biển sâu nơi con người hình như không tới được, tôi săn bắt các loại cá trong những cánh rừng ngầm. Những đàn cá của tôi, tựa như đàn cá của vua thủy tề, nhón nhơ kiếm ăn trên những đồng cỏ ngầm dưới đại dương. Đất đai của tôi bao la và bàn tay tạo hóa cũng không đến nỗi nghèo sáng tạo.

Tôi ngạc nhiên nhìn Nê-mô và nói:

- Thưa ngài, tôi hiểu rõ rằng nhờ dùng lưới mà ngài đã có cá rất ngon. Tôi hiểu, tuy chưa rõ lắm, là ngài còn săn bắt cả ở những cánh rừng ngầm dưới biển. Nhưng tôi hoàn toàn không hiểu vì sao trong thực đơn lại có cả món thịt, dù rất ít?

- Thưa ngài, tôi không ăn thịt những thú vật trên cạn.

- Thế thì cái gì đây?

Tôi chỉ vào cái đĩa đựng mấy miếng thịt bò.

- Thưa giáo sư, cái mà ngài tưởng là thịt bò chỉ là thịt thăn của rùa biển. Còn đây là gan cá heo rán. Ngài rất dễ làm món này là ra-gu lợn! Đầu bếp của tôi bảo quản thực phẩm rất tài. Ngài nên nếm mỗi thứ một ít. Đây là kem làm bằng váng sữa cá voi. Đây là đường làm bằng cây phu-cút khổng lồ ở Địa Trung Hải. Và

cuối cùng, xin mời ngài ăn mứt làm bằng a-nê-môn, mà mùi vị chẳng kém gì các thứ quả chín thơm nhất trên mặt đất. Tôi ném mỗi thứ một chút không phải vì tham ăn mà vì tò mò. Trong khi đó, thuyền trưởng Nê-mô làm tôi mê đi bằng những chuyện thần kỳ của ông ta.

- Thưa ngài A-rô-rắc, biển đã nuôi tôi. Biển hào hiệp vô cùng. Biển chẳng những cho tôi ăn, còn cho tôi quần áo mặc. Vải may quần áo ngài đang mặc được dệt bằng túc ti của mấy loại nhuyển thể hai vỏ. Nước hoa để trên bàn rửa mặt ở phòng ngài được cất từ những thực vật biển. Đệm ngài nằm cũng làm bằng thứ cỏ mềm dưới biển. Ngòi bút ngài dùng chính là một sợi râu cá voi còn mực thì do một động vật biển tiết ra. Tôi sống bằng những tặng phẩm của biển và tới lúc nào đó biển cũng sẽ lấy lại những quà tặng của mình!

- Ngài có yêu biển không, thưa thuyền trưởng?

- Tôi rất yêu biển! Biển là tất cả! Nó chiếm bảy phần mười bề mặt trái đất. Hơi thở trong lành của nó cho ta thêm sức mạnh. Trong cảnh mê mông bát ngát của biển, con người không cô độc vì anh ta cảm thấy có nhịp đập của cuộc sống quanh mình. Trong biển cả có nhiều sinh vật kỳ diệu lạ thường. Biển là sự vận động vĩnh cửu và tình yêu, là cuộc sống vô tận như một nhà thơ của các ngài đã viết. Và, thưa giáo sư, môi trường nước thật là điều kiện ưu việt đặc biệt cho sự sống phát triển. Dưới nước có cả ba vương quốc của tự nhiên: khoáng vật, thực vật, động vật. Giới động vật có vô số giống, loài. Biển tĩnh mịch vô cùng! Biển không chịu khuất phục những tên bạo chúa. Trên mặt biển, bọn chúng còn có thể làm những điều ngang trái, gây ra chiến tranh, giết hại con người. Nhưng dưới độ sâu mười mét thì chúng bất lực, uy quyền của chúng cũng hết! Thưa ngài, ngài hãy ở lại đây, hãy sống giữa biển cả mênh mông này. Ở đây, chỉ có ở đây mới có độc lập thực sự! Ở đây không có bạo chúa! Ở đây tôi được tự do!

Thuyền trưởng Nê-mô bỗng im bặt. Ông ta đã vi phạm sự dè dặt thường ngày của mình chăng? Ông ta ân hận là đã nói quá nhiều chăng? Nê-mô bồi hồi đi đi lại lại mấy phút trong phòng. Thần kinh ông ta dần dần ổn định, vẻ mặt lại lạnh lùng như cũ. Cuối cùng, Nê-mô đến gần tôi và nói:

- Thưa giáo sư, nếu ngài muốn đi xem tàu Nau-ti-lux tôi xin hướng dẫn ngài.

CHƯƠNG 11

TÀU "NAU-TI-LÚX"

Tôi đi theo thuyền trưởng Nê-mô. Cánh cửa ở cuối phòng ăn mở ra, chúng tôi bước vào căn phòng bên cạnh cũng rộng như vậy. Đó là thư viện. Trong những chiếc tủ bằng gỗ mun, trên những giá rộng, sách xếp thành hàng, quyển nào cũng đóng bìa giống nhau. Tủ kê dọc tường, cao từ sàn tới trần. Cách tủ một chút là những chiếc đi-văng rộng, bọc da màu nâu, kê sát nhau. Giữa thư viện có một cái bàn trên bày nhiều tạp chí và một số báo cũ. Bỏ sung cho tất cả sự hài hòa đó, bốn bán cầu bằng kính mờ rọi ánh sáng điện từ trần xuống. Tôi quan sát căn phòng đẹp đẽ đó, trong lòng hết sức ngạc nhiên và thán phục.

- Thưa thuyền trưởng, - tôi nói với Nê-mô lúc đó đang nằm dài trên đi-văng, - thư viện của ngài có thể là niềm tự hào cho bất cứ tòa lâu đài nào trên lục địa. Tôi rất sung sướng khi nghĩ rằng cái kho báu này lại theo ngài đi du lịch dưới đáy biển!

- Thưa giáo sư, ngài có thể tìm thấy ở đâu những điều kiện thuận lợi để làm việc như thế này? ở đây im lặng, tĩnh mịch hoàn toàn. Ở phòng làm việc của ngài trong Viện bảo tàng Pa-ri đâu có được những điều kiện tốt như vậy.

- Tất nhiên là không! Tôi phải thú nhận rằng, so với phòng làm việc của ngài thì phòng làm việc của tôi ở Pa-ri còn rất nghèo nàn. Ngài có ít nhất sáu, bảy ngàn cuốn sách.

- Thưa ngài, mười hai ngàn cuốn tất cả. Sách báo là vật duy nhất nối liền tôi với mặt đất. Đối với tôi, thế giới này ngừng tồn tại từ ngày tàu Nau-ti-lúx lặn xuống biển lần đầu. Hôm đó lần cuối cùng tôi mua sách và báo chí. Thưa giáo sư, ngài có thể sử dụng thư viện của tôi một cách tự nhiên.

Tôi cảm ơn thuyền trưởng Nê-mô rồi đến xem những giá sách. Ở đây tập hợp các loại sách khoa học, triết học, văn học bằng các thứ tiếng. Nhưng tôi chẳng thấy một tác phẩm nào về kinh tế

chính trị cả. Chắc là đã có lệnh nghiêm cấm không cho mang loại sách này lên tàu. Một chi tiết đáng chú ý: sách được xếp thứ tự a, b, c, bất kể là được viết bằng thứ tiếng nào. Có lẽ thuyền trưởng Nê-mô thạo tất cả các thứ tiếng. Trong số sách báo, tôi thấy tác phẩm của những nhà văn, những nhà tư tưởng vĩ đại của thế giới cổ đại và hiện đại -tất cả những gì ưu tú nhất đã được thiên tài của con người sáng tạo ra trong lĩnh vực lịch sử, thơ ca, văn xuôi và khoa học, từ Hô-mê đến Vích-to Huy-gô, từ Ra-bơ-le đến Gioóc-giơ Xăng. Nhưng dù sao, sách khoa học cũng chiếm ưu thế trong thư viện này. Sách về cơ học, đan đạo học, thủy văn học, khí tượng học, địa lý học, động vật học v.v... xen kẽ với những tác phẩm về lịch sử tự nhiên, theo tôi hiểu, là đối tượng nghiên cứu khoa học chủ yếu của thuyền trưởng. Ở đây có toàn bộ tác phẩm của các nhà khoa học nổi tiếng thế giới, những "Thông báo của Viện hàn lâm khoa học", những tuyển tập của các hội địa lý, v.v...

Hai cuốn sách của tôi cũng vinh dự được đứng trong số sách đó, và có lẽ nhờ chúng mà tôi được đối xử tử tế trên tàu Nau-ti-lux này! Cuốn "Những cơ sở của thiên văn học" của Giô-dép Béc-tơ-răng xuất bản năm 1865 cho phép tôi kết luận tàu Nau-ti-lux được đưa xuống nước không sớm hơn năm đó. Như vậy, thuyền trưởng Nê-mô bắt đầu cuộc sống ngầm dưới nước mới ba năm trước đây. Tôi hy vọng sẽ xác định được thời điểm chính xác, nếu tìm thấy được sách báo đủ thì giờ để làm việc đó, hơn nữa tôi không muốn hoãn việc tham quan tàu Nau-ti-lux lại. Tôi nói:

- Xin cảm ơn ngài đã cho phép tôi sử dụng thư viện của ngài. Ở đây có bao nhiêu sách khoa học quý giá! Tôi sẽ không bỏ lỡ dịp may này.

- Đây chẳng những là thư viện mà còn là phòng hút thuốc nữa, - Nê-mô trả lời.

- Phòng hút thuốc ư?

Tôi ngạc nhiên.

- Phòng hút thuốc trên tàu Nau-ti-lux ư?

- Đúng vậy!

- Nếu thế thì, thưa ngài, tôi phải giả định rằng ngài vẫn có quan hệ với La Ha-ba-na.

- Hoàn toàn không. Xin mời ngài hút thử một điếu thuốc xì-gà. Nó thực không phải là xì-gà La Ha-ba-na, nhưng nếu ngài

sành hút thì nó chắc sẽ hợp khẩu vị của ngài. Tôi lấy một điều, hình dáng rất giống xì-gà La Ha-ba-na loại tốt nhất, nhưng hình như được cuốn bằng những lá vàng óng. Tôi châm lửa hút bên chiếc đèn lớn đặt trên một cái đế bằng đồng hun rất đẹp, rồi hít một hơi dài với vẻ say sưa của một anh nghiện bị đói thuốc lá đã hai ngày.

- Xì-gà ngon tuyệt, nhưng đây có thật là xì-gà không, thưa ngài?

Tôi hỏi.

- Xì-gà thật, nhưng không phải là của La Ha-ba-na hay Thổ Nhĩ Kỳ. Biển cung cấp cho tôi loại tảo hiếm, có nhiều chất ni-cô-tin này. Bây giờ ngài còn thèm xì-gà La Ha-ba-na không?

- Thưa thuyền trưởng, từ giờ phút này, tôi coi rẻ chúng rồi.

- Xin ngài cứ hút thỏa thích và đừng hỏi về nguồn gốc của nó. Chẳng ai đánh thuế nó cả, nhưng chẳng vì thế mà nó kém giá trị đi đâu.

- Ngược lại!

Lúc đó thuyền trưởng Nê-mô mở cánh cửa đối diện với cửa vào thư viện. Thế là tôi bước sang phòng khách ánh sáng chói lòa. Đó là một gian phòng lớn, dài mười mét, rộng sáu mét, cao năm mét. Mấy ngọn đèn giấu trên trần tỏa ánh sáng xuống những vật báu bày trong phòng bảo tàng. Đúng, đây là một phòng bảo tàng thực sự, nơi những tặng vật của thiên nhiên và những tác phẩm nghệ thuật được một bàn tay tài hoa hợp lại. Khoảng ba chục bức tranh của các họa sĩ vĩ đại trang hoàng xung quanh tường, xen vào giữa là những lá chắn và áo giáp của các kỵ sĩ thời xưa. Đó là những bức họa hết sức quý giá mà tôi đã được chiêm ngưỡng trong những phòng tranh tư nhân ở châu Âu và những triển lãm nghệ thuật. Nhiều trường phái hội họa cổ điển được trưng bày ở đây. Lời tiên đoán của thuyền trưởng Nê-mô bắt đầu thành sự thật: tôi đã ngạc nhiên hết sức!

- Thưa giáo sư, - Nê-mô nói, - tôi mong ngài thứ lỗi cho về việc đón tiếp ngài quá đơn sơ, và phòng khách không được gọn gàng lắm.

- Thưa thuyền trưởng, - tôi trả lời, - tuy chưa hiểu biết gì về ngài, tôi vẫn mạnh dạn cho ngài là một họa sĩ!

- Nghiệp dư thôi, xưa kia tôi rất thích sưu tầm những tác phẩm rất ưu tú do bàn tay con người làm ra. Tôi là người sưu tập say mê, không biết mệt mỏi và đã tìm được mấy tác phẩm rất quý giá. Bộ tranh này là kỷ niệm cuối cùng về mặt đất. Tôi xem những họa sĩ đương thời của ngài cũng như các họa sĩ thời xưa. Thiên tài đâu có tuổi tác!

- Thế còn các nhà soạn nhạc?

- Tôi chỉ vào các tác phẩm của Rốt-xi-ni, Mô-da, Be-tô-ven... bày la liệt trên chiếc đại phong cầm, chiếm cả khoảng tường giữa hai cửa ra vào. Thuyền trưởng Nê-mô trả lời:

- Đối với tôi, những nhạc sĩ này là những người đồng thời với Oóc-phê-ux, vì khái niệm thời gian đã bị xóa nhòa trong óc tôi...

Thuyền trưởng im lặng và suy nghĩ lắng xuống. Tôi nhìn kỹ khuôn mặt ông ta, lòng vô cùng xúc động, Nê-mô tựa vào cái bàn gỗ quý và dường như đã quên bằng tôi đi. Không muốn cản trở dòng suy nghĩ của Nê-mô, tôi quay ra xem những vật báu. Những tác phẩm nghệ thuật được bày cạnh những sản phẩm của thiên nhiên. Rong biển, vỏ ốc, vỏ trai và những tặng vật khác của đại dương, chắc do bàn tay Nê-mô sưu tầm, chiếm một vị trí nổi bật trong bộ sưu tập của ông ta. Giữa phòng khách có một bể phun nước được điện chiếu sáng từ dưới lên. Trong mấy tủ kính rất đẹp, những vật mẫu hiếm nhất của đại dương được xếp loại và dán nhãn bên ngoài. Các bạn thử hình dung xem một người nghiên cứu tự nhiên như tôi lúc đó sung sướng đến mức nào! Ở những ngăn đặc biệt có từng chuỗi ngọc trai đẹp tuyệt trần, óng ánh đủ màu sắc dưới ánh sáng điện, ngọc trai màu hồng lấy từ đáy biển Đỏ; ngọc màu xanh, màu vàng, màu da trời, màu đen, một sản phẩm kỳ lạ của loài nhuyễn thể ở tất cả các đại dương; cuối cùng là những viên ngọc vô giá lấy từ loại trai lớn nhất và hiếm nhất. Có mấy viên ngọc lớn hơn quả trứng chim câu, mỗi viên đều đắt hơn viên ngọc mà nhà thám hiểm Ta-véc-ni-ê đã bán cho vua Ba Tư lấy ba triệu đồng. Không thể xác định giá trị của bộ sưu tập này được. Thuyền trưởng Nê-mô phải tốn hàng triệu đồng để mua những vật báu này. Tôi tự hỏi, chẳng biết ông ta lấy tiền từ ở đâu để thỏa mãn những thích thú cầu kỳ của mình? Nhưng ngay lúc đó Nê-mô bảo tôi:

- Ngài xem những vỏ trai, ốc của tôi đấy ạ? Đúng là chúng có thể làm các nhà tự nhiên học thích thú, nhưng đối với tôi, chúng

còn có một vẻ quyến rũ đặc biệt vì tự tay tôi đã sưu tầm chúng và chẳng còn vùng biển nào trên trái đất mà tôi chưa tìm đến.

- Thưa thuyền trưởng, tôi hiểu, rất hiểu là ngài thú vị biết bao khi ngắm nhìn những vật báu của mình. Và chúng lại do chính tay ngài sưu tầm được! Chẳng một Viện bảo tàng nào ở châu Âu có nổi một bộ sưu tập động vật và thực vật biển phong phú như thế này. Nhưng nếu tôi quá say sưa những vật này thì còn đâu óc đâu để đi thăm tàu? Tôi hoàn toàn không muốn đi sâu vào những bí mật của ngài, nhưng xin thú thực rằng, cấu tạo của tàu Nau-ti-lux, những máy móc làm cho tàu có tính cơ động lạ thường như vậy đã kích thích cao độ tính tò mò của tôi! Trên tường phòng khách, tôi thấy những máy móc mà tôi không rõ dùng để làm gì. Tôi có thể tìm hiểu được không ạ?

- Thưa giáo sư, tôi đã nói rằng ngài được tự do trên tàu của tôi. Như vậy, không có chỗ nào trên tàu Nau-ti-lux này mà ngài không thể đặt chân tới! Ngài có thể xem xét tất cả các bộ phận của tàu, và tôi xin sẵn lòng hướng dẫn ngài.

- Thưa thuyền trưởng, tôi vô cùng cảm tạ ngài! Tôi sẽ không dám lạm dụng lòng tốt của ngài! Chỉ xin ngài cho tôi được tìm hiểu công dụng của các dụng cụ vật lý này...

- Thưa giáo sư, trong phòng tôi cũng có những máy móc y hệt như ở đây. Tôi sẽ giải thích để ngài rõ công dụng. Nhưng trước hết, xin ngài hãy cùng tôi xuống phòng đã chuẩn bị riêng cho ngài. Ngài cần biết mình sẽ sống trên tàu Nau-ti-lux thế nào!

Tôi đi theo thuyền trưởng Nê-mô. Sau khi đi qua một cánh cửa ở góc phòng khách, chúng tôi bước vào một hành lang hẹp, chạy dọc thành tàu. Tới mũi tàu, Nê-mô dẫn tôi vào những căn phòng rất đẹp, có giường, bàn rửa mặt và những tiện nghi khác. Tôi chỉ còn biết cảm ơn người chủ nhà đáng yêu đó thôi.

- Phòng của ngài liền với phòng tôi, - Nê-mô vừa nói vừa mở một cánh cửa khác, - phòng tôi lại thông với phòng khác, nơi ta vừa ra.

Phòng thuyền trưởng có vẻ khắc khổ gần như nhà tu. Một chiếc giường sắt, một bàn làm việc, mấy cái ghế, một chậu rửa mặt. Trong phòng tranh tối sáng. Chỉ có những đồ dùng cần thiết nhất. Thuyền trưởng chỉ vào một chiếc ghế và bảo tôi:

- Mời ngài ngồi. Tôi ngồi xuống ghế, và Nê-mô bắt đầu giải thích.

CHƯƠNG 12

TẤT CẢ ĐỀU CHẠY BẰNG ĐIỆN!

- Thưa ngài, - thuyền trưởng Nê-mô chỉ vào các máy móc treo trên tường, - đây là toàn bộ thiết bị dùng để điều khiển tàu Nau-ti-lux. Tại đây, cũng như trong phòng khách, chúng bao giờ cũng ở trước mặt tôi và bảo cho tôi biết chiếc tàu đang ở điểm nào của đại dương và chỉ cả hướng đi của tàu. Một số máy móc ngài đã quen thuộc. Đây là nhiệt kế để đo nhiệt độ không khí trong tàu. Đây là áp kế để đo áp suất không khí, nhờ đó có thể dự đoán thời tiết, ẩm kế để đo độ ẩm trong khí quyển. Đây là máy báo bão và địa bàn hoặc chỉ đường đi; máy xác định vĩ độ bằng độ cao của mặt trời; đồng hồ chính xác để xác định độ kinh. Và cuối cùng là những thứ ống kính viễn vọng ban ngày và ban đêm mà tôi dùng để quan sát chân trời mỗi khi tàu Nau-ti-lux nổi lên trên mặt biển.

- Vâng, tất cả những máy móc này đều là vật thông dụng của người đi biển mà tôi đã quen thuộc từ lâu. Nhưng có những thứ chắc liên quan tới những đặc điểm của việc điều khiển tàu ngầm. Như cái mặt đồng hồ lớn có kim chuyển động có phải là áp kế không?

- Đúng là áp kế! Nó dùng để đo áp lực nước, nhờ đó ta xác định được độ sâu của con tàu.

- Còn đây là những máy thăm dò kiểu mới, phải không ạ?

- Vâng, đó là những máy đo nhiệt độ ở các lớp nước khác nhau.

- Thế còn những dụng cụ này? Tôi không hiểu chúng dùng làm gì?

- Thưa giáo sư, đến đây tôi cần giải thích đôi lời để ngài rõ. Chẳng biết ngài có muốn nghe không? Ngừng một lát, thuyền trưởng Nê-mô nói tiếp:

- Trong thiên nhiên có một sức mạnh hùng hậu, dễ điều khiển, dễ sử dụng. Nó có thể ứng dụng vào nhiều trường hợp rất khác nhau và mọi thứ trên tàu của tôi đều phục tùng nó. Tất cả đều xuất phát từ nó! Nó chiếu sáng, sưởi ấm, làm máy móc hoạt động. Sức mạnh đó là điện năng.

- Điện năng?

Tôi ngạc nhiên.

- Thưa ngài, vâng.

- Thưa thuyền trưởng, tuy vậy tốc độ đặc biệt của chiếc tàu này có liên quan gì với những khả năng của điện. Cho tới nay sức sống của điện năng vẫn rất hạn chế và khả năng của nó hết sức không đáng kể.

- Thưa giáo sư, cách dùng điện lực trên tàu này rất khác với những cách thông thường. Tôi chỉ xin nói vắn tắt như vậy!

- Thưa ngài, tôi không dám nài gì thêm. Nhưng lời giải thích vừa rồi của ngài tuy ngắn nhưng đã làm tôi thỏa mãn. Thú thực là tôi rất sửng sốt. Chỉ xin hỏi ngài thêm một điều. Tôi hy vọng sẽ được ngài giải đáp nếu ngài không cho tôi là thiếu lịch sự. Những yếu tố dùng để tạo ra cái sức mạnh kỳ diệu ấy chắc rất chóng cạn, phải không ạ? Kẽm chẳng hạn, ngài sẽ thay thế bằng gì! Ngài có quan hệ gì với mặt đất đâu?

Thuyền trưởng Nê-mô nói:

- Tôi sẽ giải đáp câu hỏi của ngài. Trước hết xin nói để ngài rõ rằng ở đáy biển có những lớp quặng kẽm, sắt, bạc, vàng, v.v... Khai thác không khó gì lắm. Nhưng tôi không muốn sử dụng những của cải ở dưới đất mà muốn mượn của biển cả số năng lượng cần thiết để chạy con tàu này hơn.

- Mượn của biển cả, thưa ngài?

- Thưa giáo sư, vâng. Biển không thiếu gì loại năng lượng ấy. Tôi có thể đặt dây cáp ở các độ sâu khác nhau để lấy điện do sự chênh lệch nhiệt độ sinh ra. Nhưng tôi lại dùng một phương pháp thực tế hơn.

- Phương pháp nào ạ?

- Ngài đã biết thành phần nước biển. Cứ một ngàn gam thì có 96,5% nước nguyên chất, 2,66% clo-rua na-tri. Ngoài ra còn có một ít clo-rua ma-ge, và clo-rua can-xi, bro-mua ma-ge, sun-phát ma-

ge, sun-phát và can-xi các-bo-nát. Ngài đã biết là clo-rua na-tri có nhiều trong nước biển. Chính tôi đã tách nó ra khỏi nước biển để cung cấp cho các bình điện.

- Dùng clo-rua na-tri?

- Thưa vâng. Clo-rua na-tri kết hợp với thủy ngân tạo nên chất hỗn hợp thay thế được kẽm. Thủy ngân trong bình điện không bị phân hủy, chỉ có na-tri là bị tiêu đi, mà na-tri thì đã có biển cung cấp. Hơn nữa, phải nói rằng bình điện na-tri mạnh hơn bình điện kẽm ít nhất hai lần.

- Thưa thuyền trưởng, tôi hiểu rõ tất cả những điểm ưu việt của na-tri trong điều kiện cụ thể của ngài. Na-tri do biển cung cấp. Rất tốt! Nhưng vẫn phải tách nó ra khỏi hợp chất clo-rua chứ. Ngài tách nó ra bằng cách nào? Tất nhiên, các ắc-quy của ngài có thể dùng để phân hóa chất clo-rua na-tri nhưng nếu tôi không làm thì điện phân tiêu thụ rất nhiều na-tri. Như vậy số na-tri bị mất đi sẽ lớn hơn số na-tri tách ra được!

- Thưa giáo sư, do đó tôi không tách na-tri ra bằng điện phân mà dùng than đá.

- Dùng than đá?

- Vâng, gọi là than đá biển cũng được.

- Nghĩa là ngài đã tìm ra phương thức khai thác than đá ngầm dưới biển!

- Thưa giáo sư, ngài sẽ được thấy điều đó tận mắt. Chỉ xin giáo sư kiên nhẫn một chút, vả lại còn rất nhiều thì giờ rồi. Giáo sư chỉ cần nhớ một điều: tôi chịu ơn biển cả về mọi mặt. Biển cả cho tôi điện, mà điện thì cung cấp cho tàu Nau-ti-lux nhiệt năng, cơ năng, ánh sáng, tóm lại là cả sự sống.

- Nhưng không cung cấp không khí để thở?

-Ồ, tôi có thể làm được cả không khí, dưỡng khí tinh khiết nhất! Nhưng không cần thiết phải làm như vậy, vì bất kỳ lúc nào tôi cũng có thể cho tàu nổi lên mặt biển. Vả lại, nếu điện năng chưa tạo ra dưỡng khí thì nó cũng có thể dùng để chạy những máy bơm rất mạnh nén không khí trong những bình chứa đặc biệt, giúp tôi khi cần có thể cho tàu lặn lâu dưới biển.

- Thưa thuyền trưởng, tôi khâm phục ngài! Việc ngài tìm ra khả năng chạy máy của điện là một phát kiến khoa học! Tới một lúc nào đó, mọi người sẽ hiểu điều này!

- Tôi không rõ họ có hiểu không? Thuyền trưởng Nê-mô lạnh lùng trả lời

- Nhưng dù sao tôi cũng đã ứng dụng sức mạnh quý giá ấy một cách rộng rãi. Nó rọi lên chúng ta một thứ ánh sáng đều và cố định mà mặt trời không có được. Bây giờ mời ngài xem cái đồng hồ này: nó chạy bằng điện và rất chính xác. Tôi đã chế tạo nó theo sơ đồ của I-ta-li-a và chia mặt đồng hồ ra thành hai mươi bốn giờ, vì đối với tôi không có ngày đêm, không có mặt trời, mặt trăng, mà chỉ có thứ ánh sáng nhân tạo này mà tôi mang xuống đáy biển. Ngài thấy không, bây giờ là mười giờ sáng.

- Rất đúng.

- Và đây là một ứng dụng khác của điện. Cái mặt đồng hồ đối với ngài dùng để chỉ tốc độ của tàu Nau-ti-lux. Nó nối với chân vịt bằng dây điện và luôn luôn cho tôi biết tàu đang chạy với tốc độ nào. Ngài nhìn xem, chúng ta đang đi quá mười lăm hải lý một giờ.

- Thật kỳ diệu!

Tôi thốt lên.

- Quả là ngài đã giải quyết đúng đắn nhiệm vụ ứng dụng một năng lượng mới mà trong tương lai sẽ thay thế sức gió, sức nước và những động cơ hơi nước.

- Chúng ta chưa xem hết đâu, ngài A-rô-nắc ạ, - thuyền trưởng Nê-mô đứng dậy.

- Nếu ngài muốn, chúng ta sẽ xuống phía lái.

Thế là tôi đã thực sự làm quen với cấu trúc bên trong của chiếc tàu ngầm. Từ giữa tàu lên mũi tàu có: phòng ăn dài năm mét cách thư viện một bức tường không thấm nước; thư viện dài độ năm mét; phòng khách dài mười mét, cách phòng thuyền trưởng (dài năm mét) cũng bằng một bức tường không thấm nước; bên cạnh là phòng của tôi dài hai mét rưỡi; cuối cùng là khoang chứa không khí dài bảy mét rưỡi. Tổng cộng ba mươi lăm mét! Những bức tường không thấm nước và những cánh cửa đóng kín là những bảo vệ vững chắc, nếu bộ phận nào đó trong tàu bị rò rỉ. Tôi

theo thuyền trưởng Nê-mô đi dọc những hành lang hẹp và cuối cùng lại đến giữa tàu. Ở đó có một phòng hẹp nằm giữa hai bức tường không thấm nước. Một chiếc thang bắt vít chặt vào chân tường, ghêch lên tới trần. Tôi hỏi Nê-mô, chiếc thang đó dẫn tới đâu.

- Tới xuống, - Nê-mô trả lời.

- Sao? Ngài có xuống nữa à?

Tôi hơi ngạc nhiên.

- Tất nhiên! Một chiếc xuống tuyệt vời, vừa nhẹ, vừa chắc, dùng để dạo chơi và đánh cá.

- Nghĩa là ngài phải cho tàu nổi lên mặt biển để thả xuống xuống nước?

- Hoàn toàn không phải thế! Xuống được đặt ở một chỗ đặc biệt trên boong tàu, phía lái. Nó có một cái nắp không thấm nước và được vít bù-loong rất chặt. Chiếc thang này dẫn đến một cái nắp hẹp trên boong tàu. Cái nắp này lại thông với một cái nắp khác cũng như vậy dưới đáy xuống. Tôi chui qua hai cái nắp đó để vào xuống. Cái nắp trên boong đóng lại ngay. Sau đó tôi đóng chặt cái nắp trong xuống, rồi tháo bù-loong. Xuống lập tức nổi lên mặt nước. Tôi mở nắp xuống, dựng cột buồm, rồi chèo. Thế là tôi đã ở giữa biển khơi!

- Thế ngài trở về tàu bằng cách nào?

- Thưa giáo sư, tôi không trở về tàu theo lối cũ, mà chính tàu Nau-ti-lux phải nổi lên mặt biển!

- Theo lệnh ngài?

- Vâng, theo lệnh tôi. Xuống được nối với tàu bằng dây điện. Tôi gọi điện xuống tàu, thế là xong! Tôi ngắm nhìn tất cả những điều kỳ diệu đó rồi nói:

- Quả thực không có gì có thể đơn giản hơn! Chúng tôi đi ngang qua một cánh cửa mở vào một căn phòng nhỏ, dài không quá hai mét, nơi Công-xây và Nét đang chén một bữa ngon tuyệt. Sau đó, cánh cửa bên cạnh mở, chúng tôi ngó vào: đó là bếp dài ba mét, hai bên là kho chứa thực phẩm rộng. Điện quả là tiện hơn bất kỳ một thứ hơi đốt nào. Mọi thứ đều được chế biến bằng điện. Những dây điện chạy vào một cái máy làm bằng những tấm bạch kim nhỏ, nung đỏ bạch kim lên và duy trì một nhiệt độ cần thiết

để nấu ăn. Điện còn dùng để chạy máy lọc cung cấp nước ngọt tinh khiết cho tàu. Gần bếp là phòng tắm đầy đủ tiện nghi, có vòi nước nóng và nước lạnh... Tiếp theo là phòng ở của thủy thủ dài năm mét. Nhưng cửa phòng đóng kín nên tôi không xác định được số lượng người làm trên tàu. Bức tường không thấm nước thứ tư ngăn phòng ở của thủy thủ với buồng máy. Chúng tôi mở cửa bước vào buồng, nơi thuyền trưởng Nê-mô -một kỹ sư hạng nhất -đặt các máy móc chạy tàu Nau-ti-lux. Buồng máy dài khoảng hai mươi mét, điện sáng trưng. Nó gồm hai phần: phần đầu có những ắc-quy sản ra điện năng; phần sau gồm toàn máy móc. Tôi ngửi thấy ngay một mùi khó chịu trong buồng máy. Thuyền trưởng Nê-mô nhận ra điều đó và nói:

- Ngài đã ngửi phải mùi của chất khí lấy ra từ na-tri. Nhưng cũng đành chịu, biết làm thế nào?

Tuy vậy, sáng nào tôi cũng thông gió rất kỹ trong cả tàu. Tất nhiên tôi rất thú vị khi xem buồng máy của tàu Nau-ti-lux. Thuyền trưởng Nê-mô nói:

- Ngài thấy đây, điện do ắc-quy sản ra được đưa đến buồng máy, làm chạy động cơ điện. Những động cơ này thông qua một hệ thống máy phức tạp làm quay chân vịt. Mặc dù chân vịt có đường kính tới sáu mét, nó vẫn quay được với tốc độ một trăm hai mươi vòng một giây.

- Và đẩy tàu chạy nhanh...

- Năm mươi hải lý một giờ.

Ở đây có ẩn giấu một điều bí mật mà tôi không dám nài Nê-mô giải thích. Điện sao có được cường độ cao như vậy? Cái năng lượng cực mạnh ấy bắt đầu từ đâu?...

Tôi hỏi:

- Thưa thuyền trưởng, những thành tựu của ngài thật đã rõ ràng, tôi không dám đòi hỏi giải thích gì thêm. Tôi vẫn chưa quên chuyện tàu Nau-ti-lux đã chạy xung quanh tàu Lin-côn tài tình và nhanh thế nào. Nhưng tốc độ cao chỉ là một mặt. Còn cần phải thấy hướng đi của tàu. Còn cần biết cách lái tàu sang phải, sang trái, nổi lên, lặn xuống nữa! Ngài làm thế nào để có thể lặn xuống biển sâu, nơi áp suất lên tới một trăm át-môt-phe? Làm thế nào để nổi lên mặt biển được? Sau hết, làm thế nào để tàu chạy được ở

mức nước do mình lựa chọn? Nhưng hỏi ngài như vậy có lẽ hơi sỗ sàng, phải không ạ?

- Thưa giáo sư, không sao cả, - Nê-mô trả lời sau giây lát ngập ngừng, -vì ngài sẽ vĩnh viễn gắn bó với con tàu này. Bây giờ mời ngài vào phòng khách. Ở đó có một chỗ làm việc thật sự, ngài sẽ được biết tất cả những điều cần biết về tàu Nau-ti-lux.

CHƯƠNG 13

VÀI CON SỐ

Một lát sau, chúng tôi đã ngồi trên đi-văng phòng khách, miệng ngậm xì-gà. Thuyền trưởng trải ra trước mặt tôi những bản sơ đồ tàu Nau-ti-lux cắt ngang và cắt dọc. Ông ta nói:

- Thưa ngài, đây là những bản vẽ con tàu của chúng ta. Tàu có dáng một hình trụ dài, hai đầu hình nón. Nó giống một điều xì gà, và ở Luân Đôn người ta cho rằng hình đó là thích hợp nhất đối với loại tàu này. Tàu dài bảy mươi mét, chỗ rộng nhất là tám mét. Nó không được đóng theo tỷ lệ chiều rộng bằng một phần mười chiều dài như cái tàu chạy hơi nước của các ngài. Tuy vậy, với kích thước đó, tàu vẫn rẽ nước một cách dễ dàng và không bị ảnh hưởng gì đến tốc độ. Kích thước đó cho phép tính ra diện tích và thể tích tàu Nau-ti-lux. Diện tích nó là một ngàn mười một mét vuông, thể tích là một ngàn năm trăm mét khối. Tóm lại khi tàu lặn hẳn xuống nước, nó đẩy đi một ngàn năm trăm mét khối nước hay một ngàn năm trăm tấn nước. Khi thiết kế chiếc tàu ngầm này, tôi tính toán rằng lúc cho tàu xuống nước, chín phần mười thể tích nó sẽ chìm, còn một phần mười sẽ nổi. Trong những điều kiện đó, con tàu sẽ chỉ đẩy đi một lượng nước bằng chín phần mười thể tích của nó, nghĩa là một ngàn ba trăm năm sáu mét khối, hay một ngàn ba trăm năm sáu tấn nước. Như vậy, cấu tạo con tàu không cho phép một trọng lượng vượt quá con số đó. Tàu Nau-ti-lux có hai vỏ: một vỏ ngoài, một vỏ trong, được nối với nhau bằng những xà bằng sắt, khiến tàu có sức bền đặc biệt. Nhờ cấu tạo như vậy, tàu trở thành một khối vững chắc có thể chống lại mọi áp lực bên ngoài. Tàu vững chắc không phải do những đinh tán ở vỏ ngoài mà nhờ được hàn liền và tính đồng nhất của vật liệu. Do đó, tàu có thể chống chọi được với những vùng biển hung dữ nhất. Hai vỏ tàu được làm bằng thép tấm có tỷ trọng bảy phẩy tám. Vỏ ngoài dày ít nhất năm cen-ti-mét, nặng ba trăm chín tư phẩy chín sáu tấn. Vỏ trong lòng tàu: sòng, cao năm mươi cen-ti-mét, rộng hăm nhăm

cen-ti-mét, nặng sáu hai tấn. Máy móc, đồ đạc, thiết bị các loại tổng cộng nặng chín trăm sáu một phẩy sáu hai tấn. Như vậy, trọng lượng cả tàu là một ngàn ba trăm năm sáu phẩy năm tám tấn, ngài rõ chứ ạ?

- Rất rõ, - tôi trả lời.

Thuyền trưởng nói tiếp:

- Khi chạy trên mặt đại dương, tàu nổi lên một phần mười. Nếu muốn tàu chìm hẳn xuống thì cần có những bể chứa được một lượng nước bằng một phần mười thể tích của nó, hay là một trăm năm mươi phẩy bảy hai tấn nước. Lúc này trọng lượng tàu sẽ là khoảng một ngàn năm trăm linh bảy tấn, và nó sẽ chìm hẳn xuống. Thưa giáo sư, trên thực tế đúng là như vậy! Trong tàu Nau-ti-lux có những bể chứa, chỉ cần mở vòi là nước sẽ vào, tàu sẽ chìm xuống ngang mặt biển.

- Thưa thuyền trưởng, ở đây nảy ra một khó khăn chính. Cứ cho rằng tàu của ngài có thể chìm xuống ngang mặt biển. Nhưng xuống tới các lớp nước sâu, lẽ nào nó không phải chịu một áp lực rất cao của các lớp nước phía trên? Lẽ nào lớp áp lực đó lại không đẩy tàu từ dưới lên bằng một lực khoảng một át-mốt-phe ở độ sâu mười mét, nghĩa là khoảng một ki-lô-gam trên một cen-ti-mét vuông?

- Hoàn toàn đúng như vậy.

- Thế là muốn tàu Nau-ti-lux lặn xuống biển sâu, ngài phải cho nước vào đầy các bể chứa?

- Thưa giáo sư, chẳng cần tốn nhiều công sức lắm mới cho tàu lặn được sâu, vì vỏ tàu có khuynh hướng "chìm" trong nước... Tôi có những bể chứa dự trữ chứa được một trăm tấn nước. Nhờ đó, tôi có thể cho tàu lặn xuống rất sâu. Nếu muốn tàu nổi lên ngang mặt biển, tôi chỉ cần bơm nước ra khỏi bể chứa phụ. Nếu muốn tàu nổi lên khỏi mặt nước một phần mười thể tích, tôi phải bơm hết nước ra khỏi tất cả các bể chứa.

- Thưa thuyền trưởng, tôi phải thừa nhận là ngài đã tính toán rất đúng, tranh cãi với ngài thật vô ích, hơn nữa những tính toán đó hàng ngày được chứng minh là chính xác. Nhưng lại nảy sinh ra một nghi ngờ...

- Nghi ngờ gì, thưa ngài?

- Ở độ sâu một ngàn mét, vỏ tàu Nau-ti-lux phải chịu một áp suất là một trăm át-môt-phe, phải không ạ? Nhưng nếu ngài muốn bơm hết nước ra khỏi các bể chứa để tàu nổi lên mặt nước thì các máy bơm của ngài phải thắng được áp suất một trăm át-môt-phe, phải không ạ? Mà áp suất đó là một trăm ki-lô-gam trên một centi-mét vuông! Thế thì máy bơm phải mạnh lắm...

- Và chỉ có thể chạy bằng điện, - Nê-mô vội nói nốt.

- Thưa ngài, tôi xin nhắc lại rằng những khả năng của tàu Nau-ti-lux hầu như không bị hạn chế. Những máy bơm trên tàu rất mạnh. Ngài đã thấy điều đó khi cả một cột nước lớn do những máy bơm đó giội lên boong tàu Lin-côn. Vả lại, tôi chỉ dùng những bể chứa dự trữ trong trường hợp hãn hữu, nghĩa là khi cần cho tàu lặn xuống sâu từ một ngàn năm trăm mét đến hai ngàn mét. Chỉ khi cần lắm tôi mới bắt ắc-Quy làm việc nhiều. Và nếu tôi hứng lên muốn cho tàu lặn xuống đáy biển, dưới độ sâu hai ba hải lý, tôi sẽ dùng một phương pháp phức tạp hơn nhưng không kém bảo đảm hơn.

- Phương pháp gì vậy, thưa thuyền trưởng?

Tôi hỏi.

- Trước hết, tôi cần kể ngài nghe về cách lái con tàu.

- Thưa thuyền trưởng, tôi rất nóng lòng muốn nghe!

- Muốn lái con tàu sang trái, sang phải hay chạy vòng, tóm lại, muốn lái tàu trên mặt phẳng nằm ngang, tôi sử dụng tay lái bình thường. Nhưng tôi có thể lái tàu theo chiều thẳng đứng, từ trên xuống và từ dưới lên, bằng hai mặt phẳng nằm nghiêng, gắn ở thành tàu chỗ mực nước. Hai mặt phẳng đó không cố định, từ trong tàu có thể thay đổi vị trí của chúng bằng những đòn bẩy rất mạnh. Nếu chúng nằm song song với lòng tàu thì tàu chạy trên mặt phẳng nằm ngang. Nếu nó nghiêng đi thì tùy theo độ nghiêng mà tôi biết tàu đang lặn xuống theo một đường chéo có thể kéo dài tùy ý, hay đang nổi lên cũng theo đường chéo đó. Ngoài ra, còn có thể cho tàu nổi lên nhanh hơn bằng cách cho chân vịt ngừng hoạt động. Dưới áp lực nước, tàu Nau-ti-lux sẽ nổi phình lên mặt biển theo chiều thẳng đứng, như một quả khí cầu được bơm căng khinh khí.

- Thuyền trưởng cừ lắm!

Tôi reo lên.

- Nhưng làm thế nào lái được tàu một cách mờ mẫm như vậy?

- Buồng lái của tàu nhô lên khỏi thân tàu và được lắp một loại kính dày.

- Kính chịu sao được áp suất lớn như vậy?

- Chịu được rất tốt! Pha lê rơi xuống đất dễ vỡ, nhưng lại chịu được áp lực nước rất lớn! Năm 1864, ở biển Bắc đã tiến hành đánh cá thử bằng ánh sáng điện. Kết quả ra sao? Những đĩa nhỏ bằng pha lê dày bảy mi-li-met đã chịu được áp suất mười sáu atmốt-phe! Ngoài ra còn có thêm một dòng điện mạnh nữa. Còn những tấm kính tôi đang dùng thì dày ít nhất hai mươi một cen-ti-mét, nghĩa là dày hơn những đĩa pha lê nói trên ba mươi lần.

- Thưa thuyền trưởng, tôi đã rõ! Nhưng muốn định hướng trên đường đi thì phải có ánh sáng, mà dưới biển thì tối đen...

- Phía sau buồng lái có một đèn pha cực mạnh chiếu xa tới nửa hải lý.

- Thưa thuyền trưởng, thật là giỏi, giỏi lắm! Bây giờ tôi đã hiểu vì sao biển lại sáng rực một vùng, làm các nhà bác học phải lúng túng... Nhân tiện xin ngài cho biết thêm, vụ tàu Nau-ti-lux và Xcôt-len đâm vào nhau gây ra bao dư luận ồn ào, phải chăng chỉ là chuyện ngẫu nhiên?

- Thưa giáo sư, hoàn toàn ngẫu nhiên! Tàu tôi đang chạy dưới mặt biển hai mét thì xảy ra tai nạn. Nhưng tôi cũng thấy ngay là hậu quả không nghiêm trọng lắm.

- Thưa ngài, không sao! Nhưng còn việc ngài chạm trán với tàu Lin-côn...

- Thưa giáo sư, rất tiếc là một trong những chiến hạm tốt nhất của hạm đội Mỹ đã bị nạn. Nhưng người ta đã tấn công tôi, buộc tôi phải tự vệ. Tuy vậy, tôi cũng chỉ làm nó mất khả năng tấn công thôi. Nó chỉ cần sửa chữa qua loa ở một cảng gần nhất.

- Thưa thuyền trưởng, tàu Nau-ti-lux của ngài quả là một con tàu tuyệt diệu.

- Thưa giáo sư, vâng, - Nê-mô xúc động, - tôi yêu nó như máu thịt mình! Nếu tàu bè của các ngài phải chịu đựng mọi bất ngờ khi đi biển và gặp hiểm nguy ở khắp nơi, nếu ấn tượng đầu tiên mà biển gây ra cho các ngài là sự khiếp sợ vực thẳm, thì ở trên tàu

Nau-ti-lux này, con người có thể yên tâm. Ở đây chẳng sợ thân tàu bị bẹp vì hai vỏ tàu còn rắn hơn sắt; ở đây chẳng có buồm mà sợ gió làm rách, chẳng có nồi hơi mà sợ bị nổ, chẳng sợ cháy vì không có vật gì bằng gỗ, chẳng có than mà sợ hết, vì tàu hoàn toàn chạy bằng điện; chẳng sợ đâm vào tàu khác vì chỉ có mình nó dưới biển sâu; ở đây chẳng sợ bão táp vì chỉ dưới mặt nước vài mét, biển rất lặng! Thưa giáo sư, chiếc tàu ngầm này hoàn hảo như vậy đó! Và nếu đúng là người phát minh tin ở con tàu của mình hơn người chế tạo, và người chế tạo lại tin hơn thuyền trưởng, thì ngài hiểu là tôi tin tưởng ở tàu Nau-ti-lux đến mức nào, vì tôi vừa là người phát minh, vừa trực tiếp chế tạo, vừa là thuyền trưởng con tàu đó. Nê-mô nói rất hào hứng. Cái nhìn bốc lửa, những động tác mạnh mẽ làm ông ta khác hẳn lúc thường. Đúng, ông ta yêu quý con tàu của mình như cha yêu con. Một câu hỏi, có thể là sỗ sàng, bật khỏi miệng tôi:

- Thưa ngài Nê-mô, ngài là kỹ sư ạ?

- Thưa giáo sư, vâng. Tôi đã theo học ở Luân Đôn, Pa-ri và Niu I-oóc khi còn là người của mặt đất.

- Nhưng sao ngài có thể giữ được bí mật việc đóng chiếc tàu ngầm kỳ diệu này?

- Thưa ngài, mỗi bộ phận của tàu tôi đặt làm ở một nước. Công dụng của mỗi thứ hàng đặt làm tôi đều bịa ra. Thân tàu được đóng ở Cơ-dô (Pháp), trục quay làm ở Luân Đôn, vỏ tàu ở Li-vóc-pun (Anh) chân vịt ở Gla-dơ-gâu (Anh), bể chứa ở Pa-ri, mũi nhọn của tàu đặt làm ở Thụy Điển, máy móc chế tạo ở Phổ, các máy đo làm ở Niu I-oóc, vân vân. Họ nhận được những bản vẽ của tôi dưới những tên khác nhau.

- Nhưng sau khi nhận được những bộ phận riêng lẻ, ngài phải lắp ráp lại chứ ạ?

- Xưởng đóng tàu của tôi ở trên một hòn đảo vắng giữa đại dương. Ở đó anh em công nhân do tôi đào tạo, những đồng chí dũng cảm của tôi đã lắp ráp tàu Nau-ti-lux dưới sự điều khiển của tôi. Khi tàu đóng xong, chúng tôi đã đốt cháy mọi vết tích của mình trên đảo, và nếu có thể, tôi còn cho nổ tung cả đảo lên nữa!

- Có lẽ chiếc tàu đã làm ngài tốn khá nhiều tiền?

- Thưa giáo sư, mỗi tấn tốn một ngàn một trăm hăm nhăm Phrăng. Tàu Nau-ti-lux nặng một ngàn năm trăm tấn. Như vậy,

đóng nó tốn chừng hai triệu Phrăng, nếu chỉ tính tiền thiết bị. Cộng thêm ít nhất bốn

- năm triệu Phrăng nữa là giá trị các bộ sưu tập và các tác phẩm mỹ thuật được bảo tồn trên tàu.

- Xin thuyền trưởng cho tôi hỏi một câu cuối cùng!

- Xin ngài cứ hỏi.

- Thuyền trưởng giàu lắm, phải không ạ?

- Tôi giàu có vô tận. Tôi có thể trả hộ nước Pháp món nợ mười tỷ Phrăng một cách dễ dàng! Tôi đắm đắm nhìn Nê-mô. Chẳng biết ông ta có lạm dụng lòng tin của tôi không? Thời gian sẽ trả lời.

CHƯƠNG 14

DÒNG "SÔNG ĐEN"

Nước chiếm một diện tích hơn ba mươi tám triệu héc-ta trên mặt đất. Thể tích khối nước đó là hai tỷ hai trăm năm mươi triệu hải lý khối. Nếu hình dung khối nước đó là hình cầu thì đường kính của nó là sáu mươi dặm, nặng ba tỷ tấn. Nói một cách hình tượng thì đó là lượng nước của tất cả các dòng sông đều chảy liên trong bốn vạn năm!... Tương quan giữa đất và nước trên địa cầu đã nhiều lần thay đổi và cuối cùng địa hình có cái diện mạo như chúng ta thấy trên các bản đồ địa lý hiện nay. Đất liền đã lấn được của nước ba mươi bảy triệu sáu trăm năm bảy hải lý vuông, hay là mười hai tỷ chín trăm mười sáu triệu héc-ta. Hình dáng các lục địa cho phép chúng ta chia biển ra làm năm khu vực chính: Bắc Băng Dương, Nam Băng Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương. Thái Bình Dương chạy suốt từ bắc xuống nam, chiếm cả khoảng không gian giữa hai cực, và chạy từ tây sang đông, nằm giữa châu á và châu Mỹ, chiếm một trăm bốn mươi độ kinh. Đó là đại dương yên lặng nhất, luồng nước rộng và không chảy xiết, nước triều lên xuống vừa phải, mưa nhiều. Đó là đại dương mà tôi bắt đầu cuộc hành trình trong những điều kiện đặc biệt nhất. Thuyền trưởng Nê-mô nói:

- Thưa giáo sư, nếu ngài muốn ta sẽ xác định đúng nơi chúng ta đang ở, xác định đúng điểm xuất phát của cuộc hành trình của chúng ta. Bây giờ là mười một giờ bốn mươi phút. Tôi sẽ ra lệnh cho tàu nổi lên mặt biển. Thuyền trưởng bấm chuông điện ba lần. Lập tức các máy bơm bắt đầu bơm nước ra khỏi các bể chứa. Kim trên áp kế nhích dần lên trên, cho biết áp suất ngày càng giảm. Cuối cùng, kim đứng yên.

- Chúng ta đã lên tới mặt biển, - Nê-mô nói. Tôi đi về phía chiếc thang ở trung tâm. Sau khi trèo lên thang, tôi chui qua một cái nắp rồi lên boong tàu. Tàu nổi lên khỏi mặt nước không quá tám mươi cen-ti-mét. Thân tàu tròn và dài giống hệt một điều xì

gà. Tôi chú ý tới vỏ tàu bằng thép tấm ghép lại, trông tựa vảy của loài bò sát. Và tôi hiểu vì sao người ta tuy có những kính viễn vọng mạnh nhất, nhưng vẫn tưởng lầm con tàu là một con cá biển. Chiếc xuống được giấu một nửa trong thân tàu, tạo nên một chỗ lồi nhỏ ở giữa boong. Phía mũi và phía lái có hai buồng nhỏ, thấp, một phần được lắp kính dày: phía trước là buồng lái, phía sau có một đèn pha rất mạnh để soi đường.

Biển rất đẹp, trời quang. Thân tàu hình thoi chỉ hơi bập bênh trên sóng. Ngọn gió đông thổi nhẹ làm mặt biển lăn tăn. Sương mù không che phủ chân trời nên có thể quan sát một cách rất chính xác. Tâm mắt nhìn xa không bị vướng một vật gì. Chẳng có một hòn đảo nhỏ, một mỏm đá, chẳng còn một vết tích gì của tàu Lin-côn... Chỉ có trời nước mênh mông! Thuyền trưởng Nê-mô lấy máy chuẩn bị đo độ cao của mặt trời để xác định tàu đang ở độ vĩ nào. Khi quan sát, không một thớ thịt nào của tay ông ta rung lên, tựa như cái máy đang nằm trong tay một pho tượng vậy.

- Đúng giữa trưa, - Nê-mô nói, - thưa giáo sư, mời ngài... Tôi đưa mắt nhìn lần cuối cùng mặt nước màu hơi vàng, chắc là gần bờ biển Nhật Bản, rồi theo Nê-mô xuống phòng khách. Nê-mô dùng đồng hồ tính toán, xác định độ kinh của nơi đó rồi kiểm tra lại. Ông ta nói:

- Thưa ngài A-rô-nắc, chúng ta đang ở 137, 15 độ kinh tây.

- Theo kinh tuyến nào?

- Tôi hỏi ngay và hy vọng rằng câu trả lời sẽ làm sáng tỏ hơn vấn đề quốc tịch của Nê-mô.

- Thưa ngài, tôi có nhiều loại đồng hồ để theo kinh tuyến Pa-ri, kinh tuyến Grin-uyt và kinh tuyến Oa-sinh-tơn. Nhưng để tỏ lòng kính trọng ngài, tôi đã chọn kinh tuyến Pa-ri. Câu trả lời này chẳng giải đáp được vấn đề gì. Tôi nghiêng mình cảm ơn. Nê-mô nói tiếp:

- Chúng ta đang ở 137,15 độ kinh tây thuộc kinh tuyến Pa-ri và 30,7 độ vĩ bắc, nghĩa là cách bờ biển Nhật Bản ba trăm hải lý. Hôm nay, mùng 8 tháng 11, đúng 12 giờ trưa, chúng ta bắt đầu cuộc hành trình vòng quanh trái đất ngầm dưới biển.

- Cầu chúa che chở cho chúng ta!

Tôi nói.

- Bây giờ, xin giáo sư tiếp tục công việc của mình. Tôi đã ra lệnh cho tàu chạy theo hướng đông - đông bắc ở độ sâu năm mươi mét. Trên bản đồ sẽ đánh dấu đường đi của tàu. Phòng khách thuộc quyền ngài sử dụng. Xin tạm biệt ngài. Thuyền trưởng Nê-mô cáo từ rồi đi ra. Tôi ở lại với những ý nghĩ của mình. Tôi nghĩ về Nê-mô. Liệu sau này tôi có biết được quốc tịch của con người bí ẩn đã từ bỏ Tổ quốc mình không? Cái gì đã khiến ông ta căm ghét loài người, một lòng căm ghét, khao khát trả thù? Phải chăng ông ta là một trong những nhà bác học không được thừa nhận, là một thiên tài "bị người đời hắt hủi", như Công-xây nói? Chẳng ai biết! Số phận đã ném tôi lên tàu ông ta, tính mệnh tôi nằm trong tay ông ta. Ông ta tiếp đón chúng tôi một cách lạ lùng nhưng vẫn chu đáo. Đưa tay cho tôi bắt!

Tôi suy nghĩ liên miên suốt một tiếng đồng hồ và cố gắng đi sâu vào bí mật của con người ấy. Mắt tôi vô tình dừng lại nơi tấm bản đồ thế giới trải trên bàn. Tôi lần ngón tay trên bản đồ và tìm thấy giao điểm độ kinh và độ vĩ mà thuyền trưởng Nê-mô đã chỉ. Các đại dương cũng như các lục địa đều có những dòng sông của riêng mình. Đó là những hải lưu rất dễ nhận ra theo màu sắc và nhiệt độ. Hải lưu đáng kể nhất là Gơn-xtơ-rim. Khoa học đã ghi vào bản đồ trái đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở Phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng là phía nam Ấn Độ Dương. Rất có thể hải lưu thứ sáu đã tồn tại vào thời kỳ mà Lý Hải, biển A-ran và những hồ lớn của châu á còn nối liền với nhau làm một. Tàu Nau-ti-lux chạy theo một hải lưu kể trên, có cái tên Nhật Bản là Cu-rô-xi-vô, nghĩa là "Sông đen". Ra khỏi vịnh Băng-gan, được những tia thẳng đứng của mặt trời sưởi nóng, hải lưu này chảy qua eo Ma-lắc-ca, dọc theo bờ biển châu á rồi vòng theo bờ biển phía bắc Thái Bình Dương, tới quần đảo A-lê-út. Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đới, màu xanh thắm của hải lưu ấm áp khác hẳn với nước đại dương xanh ngắt. Tôi nghiên cứu đường đi của hải lưu trên bản đồ và thấy nó bị mất hút giữa Thái Bình Dương mênh mông. óc tưởng tượng đã làm tôi say sưa đến nỗi Nét Len và Công-xây vào phòng khách lúc nào không hay. Nét và Công-xây sống sờ trước cảnh huyền diệu đang hiện ra trước mắt.

- Chúng ta đang ở đâu thế này? ở đâu?

- Nét kêu lên.

- Có phải ở Viện bảo tàng Quê-béch không?

- Các bạn của tôi ơi, - tôi mời họ xích lại gần, -không phải các bạn đang ở Ca-na-đa hay ở Pháp đâu, mà đang ở trên tàu Nau-ti-lúx dưới mặt biển năm mươi mét.

- Giáo sư đã nói vậy thì phải tin thôi, - Công-xây đáp, - nhưng xin thú thật rằng phòng khách này có thể làm cho một người phơ-la-măng như tôi cũng phải ngạc nhiên.

- Anh bạn ơi, bạn cứ ngạc nhiên đi và hãy xem kỹ những tủ kính này. Ở đây bạn sẽ thấy nhiều điều kỳ lạ đối với một người chuyên phân loại như bạn. Công-xây thì chẳng cần phải cố vũ nhiều. Anh ta cúi xuống xem xét và lăm bắm những thuật ngữ sinh vật học. Trong khi đó, Nét Len, vì không thạo về nhuyễn thể học, nên hỏi han tôi về cuộc gặp gỡ vừa qua với thuyền trưởng Nê-mô, về lai lịch ông ta, về ý đồ của ông ta. Tóm lại, anh ta hỏi tôi liên miên làm tôi không kịp trả lời. Tôi nói lại với Nét tất cả những gì tôi biết, đúng hơn là những gì tôi không biết. Rồi tôi lại hỏi Nét về những điều anh ta nghe thấy được.

- Tôi chẳng nghe, chẳng nhìn thấy gì cả.

Nét trả lời.

- Thậm chí chẳng thấy một bóng thủy thủ nào. Chẳng lẽ thủy thủ cũng bằng điện?

- Bằng điện sao được!

- Ấy ấy, có thể bằng điện lắm chứ! Nhưng thưa ngài A-rô-nắc, - Nét bị ý nghĩ của mình ám ảnh, -ngài có thể cho tôi biết số người trên tàu này không? Mười người, hai mươi người, năm mươi người, một trăm người?

- Ông Nét ơi, tôi không thể trả lời ông được đâu! Ông hãy nghe tôi, hãy bỏ ngay cái ý định đoạt tàu Nau-ti-lúx hay bỏ trốn đi. Chiếc tàu này là một kỳ công của kỹ thuật hiện đại và tôi sẽ rất ân hận nếu không được tìm hiểu nó kỹ càng. Có lẽ nhiều người mong được ở vào địa vị chúng ta để được ngó những kỳ quan này! Vì vậy, ông hãy bình tĩnh lại. Chúng ta sẽ cùng quan sát những gì đang xảy ra xung quanh.

- Quan sát những cái gì?

Nét hét lên.

- Trong cái ngục tù bằng sắt này thì còn thấy gì nữa mà quan sát! Chúng ta đang đi như những thằng mù... Nét chưa kịp nói hết câu thì phòng khách bỗng tối sầm, khiến mắt tôi nhức nhối như khi từ trong bóng tối bước ra chỗ sáng gay gắt. Chúng tôi đứng sững tại chỗ và chẳng biết sau đó sẽ là điều hay, hay dở. Nhưng bỗng có tiếng rì rầm, tựa như vỏ tàu bằng sắt bắt đầu tách ra.

- Thôi chết rồi!

Nét nói.

- Bộ sửa thủy tức!

Công-xây lảo bầm. Phòng khách đột nhiên lại sáng lên. Ánh sáng từ hai phía dội vào phòng qua những ô kính hình bầu dục lớn ở tường. Nước biển chan hòa ánh điện. Ạ cửa bằng pha lê ngăn cách chúng tôi với đại dương. Thoạt tiên tôi rùng mình khi nghĩ tới chuyện những tấm kính mỏng manh kia có thể vỡ. Nhưng khung kính vững vàng bằng đồng khiến ô cửa có độ bền không gì phá vỡ nổi. Biển sâu được chiếu sáng một hải lý. Quang cảnh trước mắt tôi đẹp tuyệt vời, không bút nào tả xiết. Chẳng bàn tay họa sĩ nào vẽ được tất cả cái dẹt dẹt của màu sắc, của ánh sáng lung linh trong nước biển trong vắt từ đáy lên. Ai cũng biết nước biển rất trong. Người ta đã xác định rằng nước biển sạch hơn nước suối nhiều. Những chất khoáng và chất hữu cơ trong nước biển chỉ làm cho nó trong hơn. Ở một số nơi ngoài đại dương, gần quần đảo Ăng-ti, qua lớp nước sâu một trăm bốn mươi mét có thể thấy rất rõ đáy biển phủ cát, còn tia sáng mặt trời có thể xuyên sâu tới ba trăm mét...

Những ô cửa ở hai bên phòng khách nhìn ra đáy biển mênh mông. Bóng tối trong phòng càng tăng thêm ánh sáng rực rỡ bên ngoài. Nhìn qua ô cửa, ta có cảm tưởng như đứng trước một bể nuôi cá khổng lồ. Tàu Nau-ti-lux dường như đứng yên một chỗ, vì xung quanh chẳng thấy một điểm nào động đậy. Tuy nhiên nước biển do mũi tàu rẽ ra hai bên đôi khi lao qua vun vút trước mắt chúng tôi. Say mê cảnh đẹp biển sâu, chúng tôi tựa vào khung cửa, dán mắt nhìn qua ô kính, mãi chẳng nói nên lời. Cuối cùng, Công-xây bảo Nét:

- Anh Nét thân mến ơi! Anh vẫn muốn được xem, bây giờ hãy xem đi cho thỏa!

- Kỳ diệu thật! Kỳ diệu thật!

- Nét phấn khởi. Anh ta đã quên cả sự giận dữ lẫn những kế hoạch chạy trốn của mình.

- Từ xa đến đây để ngắm cảnh thần tiên này cũng đáng! Tôi nói:

- Đúng, bây giờ tôi đã hiểu được cuộc sống của con người này. Ông ta đã đi sâu vào một thế giới đặc biệt, và thế giới đó đã mở ra trước mắt ông ta những bí mật thâm kín nhất của nó!

- Nhưng cá đi đâu cả rồi nhỉ?

Nét hỏi.

- Tôi chẳng thấy con cá nào.

- Anh muốn thấy cá để làm gì, anh bạn?

- Công-xây trả lời.

- Anh có hiểu gì về cá đâu!

- Tôi ấy à? Tôi là dân chài mà không hiểu về cá à? Thế là giữa hai người nổ ra một cuộc tranh luận. Cả hai đều hiểu biết về cá, nhưng mỗi người theo cách riêng của mình. Công-xây nói:

- Anh Nét thân mến ơi, anh đánh cá rất cừ. Nhưng tôi cam đoan với anh rằng anh chẳng có một khái niệm gì về cách phân loại cá cả.

- Phân loại chúng ấy à?

Nét nghiêm chỉnh trả lời. Phân chúng ra làm hai loại: loại chén được và loại không chén được.

- Đó là xếp loại theo kiểu thực phẩm!

Công-xây bỗng reo lên.

- Kìa cá! Có thể nói trước mắt chúng ta là một bể nuôi cá!

- Không đúng!

Tôi nói.

- Bể nuôi cá dù sao cũng chỉ là một cái chậu, còn những con cá này tự do thoải mái như chim trên trời...

Đàn cá hộ tống tàu Nau-ti-lux suốt hai tiếng đồng hồ. Chúng tôi ngây người ra vì thích thú. Nét gọi tên từng loại cá. Công-xây phân loại chúng, còn tôi thì say sưa nhìn chúng tung tăng. Tôi chưa từng được thấy những con cá đẹp thế này trong môi trường

tự nhiên của chúng. Phòng khách bỗng lại bật đèn sáng. Những cánh cửa sổ bằng sắt khép lại. Cảnh thần tiên biến mất. Có lẽ tôi sẽ còn bị mê đi lâu nữa nếu mắt tôi không vô tình trông thấy những dụng cụ treo trên tường. Kim địa bàn vẫn chỉ hướng đông bắc, áp kế chỉ năm át-môt-phe, cho biết độ sâu là năm mươi mét, đồng hồ điện chỉ tốc độ mười lăm hải lý một giờ. Tôi chờ thuyền trưởng Nê-mô, nhưng ông ta không đến. Đồng hồ chỉ năm giờ chiều. Nét Len và Công-xây đã trở về phòng mình. Tôi cũng về phòng riêng. Bữa ăn đã dọn sẵn trên bàn. Tối hôm đó, tôi đọc, viết và suy nghĩ. Khi thấy buồn ngủ, tôi nằm xuống giường và thiếp đi trong lúc tàu Nau-ti-lúc băng theo dòng "Sông đen" chảy xiết.

CHƯƠNG 15

GIẤY MỜI

Hôm sau, mùng 9 tháng 11, tôi thức giấc sau khi ngủ mười hai tiếng đồng hồ liền. Theo lệ thường, Công-xây đến hỏi xem "Giáo sư ngủ có ngon giấc không" và có sai bảo gì không. Còn ông bạn Nét của anh ta thì vẫn ngủ li bì chẳng biết trời đất gì. Tôi cứ để Công-xây hỏi hết câu này đến câu khác, nhưng chỉ trả lời anh ta ậm ừ cho xong chuyện. Tôi thắc mắc vì thấy thuyền trưởng Nê-mô vắng mặt trong buổi qua và hy vọng sẽ gặp ông ta hôm nay... Mặc quần áo xong, tôi sang phòng khách. Vắng lặng. Tôi bèn nghiên cứu những nguyên thể quý trong tủ kính. Tôi xem xét kỹ mẫu những cây cỏ quý dưới biển mặc dù đã khô nhưng vẫn giữ được màu sắc tươi thắm. Ngày đã hết mà thuyền trưởng Nê-mô vẫn chẳng đến gặp tôi. Cánh cửa sổ bằng sắt ở phòng khách vẫn đóng kín. Hay người ta không muốn cho chúng tôi ngắm nhìn thỏa mãn cảnh tuyệt diệu vừa rồi? Tàu Nau-ti-lux chạy theo hướng đông -đông bắc ở độ sâu năm mươi, sáu mươi mét với tốc độ mười hai hải lý một giờ. Hôm sau, mùng 10 tháng 11, cũng trôi qua như vậy: không một thủy thủ nào xuất hiện, Nét và Công-xây gần suốt ngày ở bên tôi. Họ ngạc nhiên về sự vắng mặt của thuyền trưởng. Hay con người kỳ diệu đó bị ốm? Hay ông ta đã thay đổi ý định đối với chúng tôi? Tuy nhiên, như Công-xây đã nhận xét rất đúng, chúng tôi chẳng có điều gì phải phàn nàn: chúng tôi được tự do hoàn toàn, được ăn uống ngon lành, đầy đủ. Chủ nhà của chúng tôi nghiêm chỉnh tôn trọng những điều khoản đã thỏa thuận. Ngoài ra, chính hoàn cảnh đặc biệt của chúng tôi cũng đem lại bao nhiêu hứng thú, khiến chúng tôi không có quyền kêu ca gì về số phận. Từ ngày đó tôi bắt đầu ghi chép đều đặn những sự việc xảy ra. Vì vậy, tôi không thể thuật lại tất cả cuộc phiêu lưu một cách hết sức chính xác.

Một chi tiết đáng chú ý: tôi đã ghi nhật ký trên giấy làm bằng vỏ biển.

Ngày 11 tháng 11, tôi thức dậy từ sáng sớm. Làn không khí mát lạnh báo hiệu tàu đã nổi lên mặt đại dương để dự trữ dưỡng khí. Tôi bước ra phía cầu thang rồi trèo lên boong. Lúc đó là sáu giờ sáng. Trời âm đạm, biển màu xám nhưng chỉ hơi gợn sóng. Liệu thuyền trưởng Nê-mô có xuất hiện không? Tôi hy vọng gặp ông ta ở đây. Nhưng ngoài người lái tàu ngồi trong phòng kính, trên boong chẳng có ai. Ngồi trên chỗ để xuống nhô lên khỏi thân tàu, tôi tranh thủ thở hít không khí đại dương đượm mùi muối. Những tia nắng mặt trời dần dần xua tan sương mù. Ở chân trời phía đông nhô lên một vùng tròn đỏ rực. Biển bùng lên như thuốc súng. Những áng mây cao và tản mạn nhuộm những màu sắc êm dịu lạ thường, còn những đám mây vẫn viền quanh thì báo trước một ngày lộng gió. Nhưng tàu Nau-ti-lux thì đến bão cũng chẳng sợ nữa là gió! Tôi đang hân hoan đón mặt trời mọc - một hiện tượng huy hoàng đầy sức sống của thiên nhiên - thì bỗng nghe tiếng chân bước. Tôi chuẩn bị chào thuyền trưởng Nê-mô, nhưng đó chỉ là thuyền phó - tôi đã thấy ông này trong buổi gặp gỡ đầu tiên với Nê-mô. Ông ta lên boong, hình như không nhận ra sự có mặt của tôi. Ông ta đưa ống nhòm lên mắt và hết sức chăm chú quan sát chân trời. Rồi ông ta đi tới chỗ nắp tàu và nói một câu. Tôi nhớ rất chính xác vì sau này nó được nhắc đi nhắc lại hàng ngày trong những trường hợp tương tự. Câu đó như sau:

"Nautron respoc lorni virch!" Nghĩa là gì, tôi cũng chịu! Nói xong, thuyền phó đi xuống. Tôi sợ tàu lặn xuống nên cũng vội vã xuống theo. Năm ngày nữa trôi qua, không có gì thay đổi. Sáng nào cũng theo lên boong. Sáng nào thuyền phó cũng nói câu ấy. Thuyền trưởng Nê-mô vẫn không xuất hiện. Tôi tưởng sẽ chẳng bao giờ gặp lại ông ta nên đành an phận. Nhưng ngày 16 tháng 11, khi cùng Nét và Công-xây vào phòng, tôi thấy một mảnh giấy gửi cho tôi để trên bàn. Tôi vội mở ra xem. Thư viết tiếng Pháp nhưng kiểu chữ gô-tích in giống kiểu chữ cái Đức.

Kính gửi giáo sư A-rô-nắc, trên tàu Nau-ti-lux. Ngày 16 tháng 11 năm 1867. Thuyền trưởng Nê-mô mời giáo sư tham gia cuộc đi săn sáng mai trong khu rừng của thuyền trưởng ở đảo Crét-xpô. Thuyền trưởng hy vọng rằng sẽ không có gì cản trở giáo sư nhận lời này. Ngoài ra, thuyền trưởng rất sung sướng nếu những người bạn của giáo sư sẽ cùng đi.

Chỉ huy tàu Nau-ti-lux Thuyền trưởng Nê-mô.

- Đi săn à?

Nét hỏi.

- Trong khu rừng của ông ta ở đảo Crét-xpô nữa chứ!

Công-xây thêm.

- Thế là con người này đôi khi cũng lên bờ?

Nét hỏi.

- Ông ta nói rất rõ ràng như vậy, - tôi vừa đọc lại thư vừa trả lời.

- Còn đợi gì nữa! Ta nhận lời mời thôi.

Nét nói.

- Lên tới mặt đất, ta sẽ có cách xử sự. Thêm nữa, nếu được chén một miếng thịt tươi cũng tốt. Tôi không muốn xác định mối quan hệ giữa lòng căm ghét đất liền của thuyền trưởng Nê-mô với lời mời đi săn ở đảo Crét-xpô nên chỉ trả lời:

- Trước hết ta hãy xem đảo đó trên bản đồ ở 34,40 độ vĩ bắc và 167,50 độ kinh đông. Nó được thuyền trưởng Crét-xpô phát hiện ra năm 1801, và trên các bản đồ Tây Ban Nha cổ, nó có tên là Rocca de la Plata, nghĩa là "Mỏ đá bạc". Thế là chúng tôi đã cách điểm xuất phát một ngàn tám trăm hải lý và tàu Nau-ti-lux đã hơi quay mũi về hướng đông nam. Tôi chỉ cho Nét và Công-xây xem hòn đảo nhỏ và lởm chởm đá, chơi vơi ở phía bắc Thái Bình Dương. Tôi nói:

- Nếu thuyền trưởng Nê-mô có đôi khi lên cạn thì tất nhiên ông ta phải chọn những hòn đảo hoang vắng nhất. Nét Len không trả lời mà chỉ lắc đầu, rồi cùng Công-xây đi ra. Sau buổi tối do người phục vụ cầm lạng mang đến, tôi đi ngủ mà lòng vẫn hơi bồn chồn. Sớm 17 tháng 11, khi ngủ dậy, tôi thấy tàu Nau-ti-lux đứng yên tại chỗ. Tôi vội mặc quần áo rồi sang phòng khách. Thuyền trưởng Nê-mô chờ tôi ở đó. Thấy tôi vào, ông ta cũng đứng dậy chào và hỏi tôi có đồng ý cùng đi săn không. Nê-mô không nhắc nhở gì đến chuyện ông ta vắng mặt tám ngày nên tôi cũng không đề cập tới vấn đề đó mà chỉ trả lời là tôi và hai người cùng đi đã sẵn sàng. Tôi nói thêm:

- Nhưng xin ngài cho tôi hỏi một điều.

- Ngài cứ tự nhiên. Nếu có thể, tôi sẽ trả lời.

- Thưa thuyền trưởng, ngài đã cắt đứt mọi quan hệ với đất liền, sao ngài lại làm chủ những khu rừng trên đảo Crét-xpô?

- Thưa giáo sư, rừng của tôi không cần ánh sáng mặt trời, cũng chẳng cần nắng ấm. Ở đó không có sư tử, hổ, báo hay bất cứ một loài bốn chân nào khác. Những khu rừng đó chỉ có mình tôi biết và chỉ tồn tại cho riêng tôi. Đó không phải là rừng trên mặt đất mà ngầm dưới biển.

- Rừng ngầm à?

Tôi sửng sốt.

- Vâng.

- Thuyền trưởng định mời tôi đi thăm khu rừng ấy?

- Đúng vậy.

- Đi bộ.

- Vâng, đi bộ nhưng chân vẫn không bị ướt.

- Chúng ta sẽ săn bắn ở đó?

- Vâng, sẽ săn bắn ở đó.

- Mang theo súng?

- Vâng, mang theo súng. Tôi nhìn thuyền trưởng Nê-mô một cách không lễ độ gì lắm. Tôi nghĩ bụng:

“Chắc ông ta không được tỉnh táo. Có lẽ tám ngày qua ông ta bị ốm, chẳng biết đã khỏi chưa? Thật đáng tiếc! Dù sao nói chuyện với một người lâm cảm còn hơn là nói chuyện với người điên!”. Những ý nghĩ đó thể hiện rõ trên mặt tôi. Thuyền trưởng ra hiệu mời tôi đi theo. Tôi nhún nhục phục tùng ông ta. Chúng tôi vào phòng ăn, bữa điểm tâm đã bày sẵn. Nê-mô nói:

- Thưa ngài A-rô-nắc, mời ngài ăn lót dạ với tôi một cách tự nhiên. Vừa ăn, chúng ta vừa tiếp tục câu chuyện. Tôi mời ngài đi chơi rừng chứ không phải đi ăn hiệu! Vì vậy, tôi khuyên ngài ăn sáng thật no. Bữa trưa chúng ta sẽ ăn rất muộn. Nói thực lòng, bữa sáng ngon tuyệt. Thực đơn gồm toàn những món chế biến từ hải sản...

Thoạt tiên thuyền trưởng Nê-mô ngồi ăn lặng lẽ. Sau đó ông ta nói:

- Thưa giáo sư, rõ ràng khi nhận lời mời của tôi đi săn ở đảo Crét-xpô, ngài đã cho tôi là người trước sau không như một. Khi ngài biết là tôi mời ngài tới những khu rừng ngầm dưới nước thì ngài lại cho tôi là một kẻ điên rồ. Thưa giáo sư, chớ bao giờ xét đoán con người một cách hời hợt.

- Nhưng, thưa thuyền trưởng, xin ngài tin rằng...

- Xin giáo sư nghe tôi nói hết, sau đó ngài hãy xét xem có thể buộc tôi là trước sau không như một hoặc điên rồ được không.

- Xin ngài cứ nói.

- Thưa giáo sư, cũng như tôi, ngài biết rằng con người có thể sống dưới nước nếu có một dự trữ không khí đủ để thở. Khi làm việc dưới nước, thợ lặn mặc quần áo không thấm nước, đội mũ sắt và thở không khí bơm từ trên xuống qua một loại ống đặc biệt.

- Đó gọi là bộ đồ lặn.

Tôi nói.

- Rất đúng! Nhưng khi mặc đồ lặn, con người rất khó cử động. Cái ống cao su dẫn không khí thật là một cái xích trói buộc anh ta. Và nếu ta cũng bị cột chặt vào tàu Nau-ti-lux như vậy thì ta không thể đi xa được.

- Vậy làm thế nào để tránh được sự ràng buộc đó?

Tôi hỏi.

- Sử dụng máy Ru-cây-rôn Đơ-nây -ru-dơ do một người đồng hương của ngài sáng chế ra và được tôi cải tiến. Ngài có thể lặn xuống một môi trường có những điều kiện sinh học khác hẳn mà không sợ hãi gì đến sức khỏe. Máy đó là một bình chứa làm bằng sắt dày, trong có không khí nén dưới áp suất năm mươi át-mốt-phe. Bình chứa đó đeo trên lưng như chiếc ba-lô của lính. Máy Ru-cây-rôn thông thường có hai vòi cao su nối bình chứa với một mặt nạ đặc biệt: một vòi dẫn không khí vào, vòi kia thải không khí đã thở ra. Người thợ lặn khi cần sẽ lấy lưỡi ấn nắp đây từng vòi. Nhưng có thể chịu đựng được sức ép rất lớn của những lớp nước trên, tôi thay mặt nạ bằng một chiếc mũ bằng đồng có hai ống: ống hít vào và ống thở ra.

- Thưa thuyền trưởng, thật là ưu việt! Nhưng dự trữ không khí rất chóng cạn, và khi tỉ lệ dưỡng khí tụt xuống còn 15% thì không khí đó không dùng để thở được nữa.

- Tất nhiên. Nhưng tôi đã thua với ngài rằng máy bơm trên tàu cho phép tôi nén không khí dưới áp suất rất lớn, có thể bảo đảm cho người lặn đủ dưỡng khí thở trong chín - mười giờ.

- Về điểm này tôi không dám tranh cãi, - tôi trả lời, - tôi chỉ muốn hỏi thêm là ngài làm thế nào soi được đường đi dưới đáy biển?

- Tôi dùng máy Rum-coóc-phơ. Bình chứa khí nén đeo phía sau, còn máy này thì buộc ở thắt lưng. Nó gồm một pin điện mà tôi nạp bằng na-tri. Một dây cảm ứng thu dòng điện và đưa vào một cái đèn được cấu tạo đặc biệt. Đèn này gồm một ống thủy tinh xoắn rộng, chứa đầy khí các-bô-níc. Khi máy phát ra dòng điện thì khí cháy sáng lên. Như vậy tôi có thể vừa thở vừa nhìn thấy dưới nước.

- Thưa thuyền trưởng, ngài đã giải đáp tất cả những thắc mắc của tôi một cách tường tận đến mức tôi không dám nghi ngờ gì nữa. Nhưng tôi chỉ chịu thua trong vấn đề máy Ru-cây-rôn và máy Rum-coóc-phơ, còn về những khẩu súng săn mà ngài hứa trang bị cho tôi thì xin thú thật là chưa thông lắm.

- Nhưng đó có phải là súng bắn bằng thuốc nổ đâu, - Nê-mô trả lời.

- Vậy là súng bắn bằng khí nén?

- Tất nhiên! Sao tôi có thể làm được thuốc súng trên tàu khi chẳng có diêm tiêu, lưu hoàng trong tay?

- Ngoài ra, nếu bắn bằng đạn thông thường thì viên đạn sẽ gặp một sức cản rất lớn trong môi trường đặc biệt hơn không khí tám trăm năm nhăm lần!

Tôi thêm.

- Cũng chẳng phải vì vậy đâu? Có một thứ súng được cải tiến có thể bắn được trong những điều kiện như vậy. Nhưng tôi xin nhắc lại là vì không có thuốc súng, nên tôi dùng khí nén do những máy bơm trên tàu có thể cung cấp một cách đầy đủ.

- Nhưng khí nén rất chóng hết.

- Có sao đâu! Tôi có bình chứa Ru-cây-rôn cơ mà! Nếu cần tôi sẽ dùng đến nó. Chỉ cần vặn cái vòi là xong! Ngài sẽ thấy tận mắt những người đi săn dưới biển dùng không tốn nhiều dưỡng khí và đạn lắm đâu.

Dù sao tôi cũng cảm thấy rằng trong bóng tối lò mờ dưới đáy biển và do tỷ trọng rất lớn của nước biển, đạn không thể trúng đích ở xa được và không thể làm chết cá được.

- Thưa giáo sư, trái lại! Mỗi phát súng đều hạ được cá. Dù con cá có bị thương nhẹ đến đâu, nó cũng chết quay ra như bị sét đánh.

- Vì sao vậy?

- Vì những khẩu súng này không bắn bằng đạn thường mà bằng thứ đạn do nhà khoa học áo là Lê-ni-bróc sáng chế ra. Tôi dự trữ khá nhiều loại đạn này. Chúng chứa điện tích cao thế, chỉ cần khẽ chạm phải là con cá dù khỏe đến đâu cũng quỵ ngay. Tôi xin nói ngay là viên đạn loại này không lớn hơn đạn chì cỡ bốn và ổ đạn có thể chứa ít nhất mười viên.

- Tôi xin bái phục ngài!

Tôi vừa trả lời vừa đứng dậy khỏi bàn.

- Tôi chỉ còn việc nhận súng nữa thôi. Tóm lại, ngài đi đâu tôi xin đi theo đấy! Thuyền trưởng Nê-mô dẫn tôi xuống phía lái. Khi đi ngang qua phòng của Nét và Công-xây, tôi gọi họ. Hai người lập tức nhập bọn với chúng tôi. Sau đó chúng tôi vào một căn phòng cạnh buồng máy để mặc đồ lặn, chuẩn bị cho cuộc dạo chơi dưới biển.

CHƯƠNG 16

ĐẠO CHƠI DƯỚI ĐÁY BIỂN

Căn phòng vừa là kho vũ khí, vừa là kho quần áo của tàu Nau-ti-lux. Trên tường treo khoảng mười bộ đồ lặn. Nhìn thấy đồ lặn, Nét Len tỏ ý không muốn mặc. Tôi nói:

- Ông Nét, ông nghe tôi, rừng ở đảo Crét-xpô là rừng ngầm dưới biển cơ mà!

- Biết rồi!

Nét trả lời. Anh ta thất vọng vì ao ước được ăn thịt thú rừng bị tiêu tan.

- Còn ngài, lẽ nào ngài cũng định khoác cái của này lên người?

- Phải mặc thôi, ông Nét ạ!

- Tùy ngài!

Nét nhún vai.

- Về phần tôi, tôi sẽ chẳng bao giờ tự nguyện làm việc đó.

- Ông Nét ạ, không ai ép buộc ông đâu.

Nê-mô nói.

- Thế Công-xây có dám liều mạng đi không?

Nét hỏi.

- Giáo sư đi đâu, tôi đi đấy.

Công-xây trả lời. Thuyền trưởng gọi hai thủy thủ đến giúp chúng tôi mặc bộ đồ lặn khá nặng bằng cao su không thấm nước. Bộ đồ này nhằm chống lại áp suất lớn, trông giống chiếc áo giáp của hiệp sĩ thời trung cổ, chỉ khác ở chỗ co giãn được. Bộ đồ lặn gồm một cái mũ trùm kín đầu, một áo, một quần và một đôi giày có đế cao bằng chì. Thuyền trưởng Nê-mô, một thủy thủ to lớn, Công-xây và tôi nhanh nhẹn mặc đồ lặn vào người. Chỉ còn việc đội

cái mũ bằng kim loại lên đầu. Nhưng trước khi làm việc đó, tôi xin phép thuyền trưởng xem mấy khẩu súng. Đó là loại súng săn thông thường, báng bằng thép trong rỗng và hơi to hơn báng súng bắn đạn nổ. Báng súng là nơi chứa khí nén thông với nòng ngay khi cò súng mở nắp bình chứa. Trong ổ có chừng hai mươi viên đạn có điện được một lò xo đặc biệt đưa lên nòng súng. Sau mỗi phát, súng lại tự động nạp đạn. Tôi nói:

- Thưa thuyền trưởng, súng của ngài thật tuyệt diệu mà cấu trúc lại thật đơn giản. Tôi nóng lòng muốn được bắn thử. Nhưng chúng ta sẽ xuống đáy biển bằng cách nào?

- Tàu đang đỗ ở chỗ nước cạn, sâu độ mười mét, chúng ta có thể ra ngoài được.

- Ra bằng cách nào ạ?

- Rồi ngài sẽ thấy.

Thuyền trưởng Nê-mô đội mũ sắt lên đầu. Công-xây và tôi làm theo ông ta, còn Nét thì chúc chúng tôi "đi săn may mắn" bằng một giọng mỉa mai. Cổ áo chúng tôi được lắp một cái vòng bằng đồng có lỗ để vít chặt với chiếc mũ sắt hình cầu. Khi quay đầu, có thể nhìn ra bốn phía qua ba tấm kính dày ở mũ. Sau khi mở vòi khí nén ở máy Ru-cây-rôn đeo sau lưng, tôi buộc chiếc đèn Rum-coóc-phơ vào thắt lưng rồi cầm lấy súng. Bộ đồ lặn nặng nề và đặc biệt là đôi giày được đồ chì ghì chặt chân tôi xuống sàn. Tôi cảm thấy không thể nhấc nổi chân lên nữa. Nhưng mọi sự đều được dự tính trước. Tôi được đẩy vào một căn phòng nhỏ liền với phòng chứa quần áo. Những người cùng đi cũng vào theo. Tôi thấy tiếng cửa sập lại và bóng tối trùm xuống. Mấy phút sau, tôi nghe thấy tiếng rít và cảm thấy hơi lạnh dâng từ dưới lên. Đúng là ở buồng máy người ta đã mở vòi để nước chảy vào căn phòng chúng tôi đang đứng. Nước vừa ngập phòng thì cánh cửa thứ hai ở ngay thành tàu mở ra. Bên ngoài tranh tối tranh sáng. Một phút sau, chân chúng tôi đã chạm đáy biển. Làm sao có thể miêu tả được những ấn tượng về cuộc dạo chơi dưới biển này? Lời lẽ quả là bất lực trong việc dựng lại những kỳ quan của đáy đại dương. Nếu bút vẽ của họa sĩ cũng không đủ sức truyền đạt lại tất cả vẻ diễm lệ của biển cả thì sao có thể miêu tả được vẻ đẹp ấy bằng cây bút viết? Thuyền trưởng Nê-mô đi đầu, còn người thủy thủ thì đi sau chúng tôi mấy bước. Tôi và Công-xây đi cạnh nhau, làm như có thể

nói chuyện với nhau trong chiếc mũ sắt vậy! Tôi không còn cảm thấy sức nặng của bộ đồ lặn và của bình chứa khí nén nữa.

Khi chìm xuống nước, tất cả những vật đó đều đã mất đi một trọng lượng bằng trọng lượng của nước bị chúng chiếm chỗ. Tôi sẵn sàng ca ngợi định luật vật lý đó của ác-si-mét. Nhờ nó tôi không còn là một khối ì nữa, mà đã có thể cử động tương đối dễ dàng. ánh sáng do đèn phát ra chiếu sáng trưng đáy biển. Tất cả những vật ở cách xa một trăm mét đều rõ mồn một. Môi trường quanh tôi trông tựa không khí, tuy đặc hơn nhưng cũng trong như vậy. Phía trên tôi là mặt biển lặng sóng. Chúng tôi đi trên nền cát mịn phẳng lì mà nước triều lên xuống không để lại một vết tích gì. Tầm thẳm cát này quả là cái gương phản chiếu những tia sáng mặt trời. Khi tôi nói rằng ở độ sâu mười mét đáy biển cũng sáng như mặt đất ban ngày, chẳng biết có ai tin không? Chúng tôi đi đã được mười lăm phút trên mặt cát lấp lánh. Thân tàu Nau-ti-lux nhìn xa trông như một dải đá ngầm mờ dần đi, nhưng ánh sáng do đèn pha trên tàu chiếu ra sẽ chỉ đường cho chúng tôi về tàu khi trời tối. Ai đã quen với thứ ánh sáng điện tản mạn, lạnh lùng của các thành phố trên mặt đất thì khó hình dung được sức phản chiếu ánh sáng ở đáy biển. Trên mặt biển, ánh điện xuyên qua không khí chứa đầy bụi, làm chúng ta có cảm tưởng như đứng trước đám sương mù sáng đục. Nhưng trên mặt biển cũng như dưới biển sâu, ánh sáng điện có sức mạnh rất lớn. Chúng tôi đi mãi trên dải cát mênh mông. Tôi lấy tay khỏa nước sau lưng. áp lực nước trong nháy mắt xóa sạch vết chân tôi trên cát. Một lúc sau, ở phía xa dần dần hiện lên hình thù mọi vật. Tôi phân biệt được bóng dáng hùng vĩ của những mỏm đá ngầm và bị lóa mắt bởi hiện tượng ánh sáng đặc biệt chỉ có ở môi trường nước. Lúc đó là mười giờ sáng. Những tia sáng mặt trời chênh chếch bị khúc xạ trong nước giống như qua một lăng kính và tô điểm mép ngoài các mỏm đá, các vỏ ốc, trai... bằng cả bảy sắc của quang phổ mặt trời. Nhìn sự hòa hợp diệu kỳ các màu sắc đó thật sướng mắt! Sao tôi không thể trao đổi cảm xúc với Công-xây, những cảm xúc đang lay động óc tưởng tượng của tôi? Sao tôi không thể chia sẻ niềm hân hoan phấn khởi với Công-xây nhỉ? Sao tôi không biết làm những tín hiệu như thuyền trưởng Nê-mô và người thủy thủ cùng đi để trao đổi ý nghĩ với Công-xây nhỉ? Không tìm được cách giải quyết, tôi đành tự chuyện trò với mình, do đó lãng phí khá nhiều không khí dự trữ rất quý giá. ... Tôi mãi ngắm những vật lạ trên con đường ngắn ngủi không hơn một phần tư hải lý, và mỗi lần tôi ngừng lại,

thuyền trưởng Nê-mô lại ra hiệu mời tôi đi theo. Một lát sau, tính chất đáy biển thay đổi. Nền cát phẳng phiu nhường chỗ cho lớp bùn dính nhơm nhớp. Tiếp đó, chúng tôi đi ngang qua một bãi tảo dày đặc. Về độ mềm, những bãi tảo dưới đáy biển có thể sánh được với loại thảm dẹt khéo nhất. Tảo chẳng những trải ra dưới chân mà còn giăng ngang trên đầu. Những cây cỏ dưới biển đan quán vào nhau tạo thành những vòm màu xanh ở mặt nước.

Tảo quả là châu ngọc của tạo hóa, là một hiện tượng diệu kỳ trong giới sinh vật. Nó gồm những cơ thể thực vật vừa nhỏ nhất vừa lớn nhất. Bên cạnh những loại tảo li ti mà bốn vạn cây có thể xếp trên năm mi-li-mét vuông, ta còn gặp những loại tảo màu nâu xám dài tới một trăm mét. Chúng tôi ra khỏi tàu Nau-ti-lux đã được một tiếng rưỡi đồng hồ. Bây giờ đã gần trưa. Tôi đoán như vậy là căn cứ vào những tia sáng mặt trời thẳng đứng không bị khúc xạ trong nước nữa. Các màu sắc huyền ảo đã biến mất. Chúng tôi đi, mỗi bước chân đều vang lên trong nước. Một tiếng động nhỏ cũng lan ra với tốc độ mà tai chúng ta không quen. Nước là môi trường dẫn âm thanh nhanh hơn không khí bốn lần. Đường đi vẫn dốc xuống. ánh sáng mặt trời đã mất hiệu lực. Chúng tôi ở độ sâu một trăm mét và chịu áp suất 10 át-môt-phe. Nhưng bộ đồ lặn đã giúp chúng tôi thắng được áp lực đó. Tuy vậy, tôi cũng cảm thấy hơi đau ở các đốt tay, nhưng cảm giác đó cũng chỉ thoáng qua. Tôi chẳng thấy mệt mỏi gì sau hai tiếng đồng hồ đi trong bộ đồ lặn đặc biệt này. Trong môi trường nước tôi đã vận động một cách hết sức dễ dàng. Ở độ sâu một trăm mét, tôi vẫn cảm thấy những tia phản chiếu cuối cùng của mặt trời đang lặn và nhường chỗ cho hoàng hôn. Nhưng chúng tôi vẫn chưa phải dùng đến máy Rum-coóc-phơ. Thuyền trưởng Nê-mô bỗng dừng lại. Khi tôi bước tới chỗ ông ta thì ông ta chỉ cho tôi một khối xám sẫm hiện lên trong bóng tối mờ mờ, cách chúng tôi không xa. "Đảo Crét-xpô" - tôi nghĩ bụng như vậy và đã không lầm.

CHƯƠNG 17

KHU RỪNG DƯỚI BIỂN

Cuối cùng chúng tôi đã tới cửa rừng, một trong những nơi đẹp nhất thuộc quyền sở hữu của thuyền trưởng Nê-mô. Ông ta coi đó là tài sản riêng của mình và có toàn quyền sử dụng nó. Vả lại, ai có quyền tranh giành với Nê-mô quyền sở hữu đất đai ngằm dưới biển này nữa? Còn kẻ nào muốn liều mạng xuống đáy biển và dùng rìu dọn đường đi xuyên qua những bụi cây um tùm này nữa? Khu rừng ngằm này gồm toàn những loài thực vật hình cây. Tôi vừa bước vào trong vòm cành lá rậm rạp thì sự chú ý của tôi bị thu hút ngay vào một hiện tượng độc đáo của thiên nhiên mà trong đời hoạt động khoa học tôi chưa từng gặp. Không một cọng cỏ nào nằm ẹp dưới đất, không một cành cây nào bị cong xuống và mọc theo chiều ngang. Tất cả đều hướng thẳng lên mặt nước như những cái roi sắt. Rong biển dường như bất động, nên muốn đi qua, chúng tôi phải lấy tay rẽ chúng sang hai bên. Nhưng vừa buông tay, chúng lại trở về vị trí cũ. Đây thật là thế giới của những đường thẳng đứng! Một lát sau, tôi đã quen với khu rừng kỳ dị và cảnh tranh tối tranh sáng của biển sâu. Đáy cát lởm chởm đá nhọn làm chúng tôi khó đi. Thực vật ở đây hết sức phong phú, phong phú hơn cả những vùng biển Bắc cực và nhiệt đới. Thoạt tiên, tôi không phân biệt được giới động vật với giới thực vật. Nhưng ở địa vị tôi, ai có thể không nhầm lẫn được? Dưới biển sâu chúng thường rất giống nhau về hình thái. Tôi nhận thấy tất cả các loại thực vật chỉ dính xuống đáy biển chứ không mọc từ dưới lên... Chúng không có rễ nên không hút nhựa sống của đất mà chỉ nương tựa vào đất. Chúng mọc được cả trên đá, vỏ trai ốc, cát hay sỏi. Tất cả những gì cần thiết cho sự sinh tồn đều có trong nước. Phần lớn thực vật đều dẹt, hình thù kỳ dị. Màu sắc chủ yếu là màu hồng, đỏ tươi, xanh, vàng, hung hung đỏ và nâu xám. Tôi gặp những loại thực vật sống mà tiêu bản được giữ trong bộ sưu tập của tàu Nau-ti-lux. Khoảng một giờ trưa, thuyền trưởng Nê-mô ra hiệu nghỉ khiến tôi rất mừng. Chúng tôi ngồi dưới lùm cây a-la-ri thân vươn thẳng lên

như những mũi tên. Thời gian nghỉ tuy ngắn, nhưng hết sức dễ chịu. Chỉ phải một điều là không nói chuyện được với nhau. Tuy vậy, tôi vẫn ghé cái mũ bằng đồng to tướng sát vào mũ Công-xây. Sau mặt kính dày, mắt Công-xây sáng ngời lên vì thích thú, và để tỏ ý hài lòng, Công-xây quay quay đầu trong mũ một cách ngộ nghĩnh. Tôi rất ngạc nhiên vì đã đi bốn tiếng đồng hồ mà không đói. Tôi chẳng hiểu vì sao. Nhưng tôi lại buồn ngủ díp mắt; trạng thái này cánh thợ lặn thường gặp. Mí mắt tôi trĩu xuống, tôi thiu thiu ngủ. Thuyền trưởng Nê-mô và người thủy thủ lực lưỡng làm mẫu cho chúng tôi theo: hai người nằm dài ra trên đáy đại dương nước sạch trong như pha lê.

Tôi không xác định được là đã ngủ bao lâu, nhưng khi tỉnh dậy, tôi đã thấy mặt trời ngả xuống chân trời. Thuyền trưởng Nê-mô đã dậy, tôi cũng bắt đầu vươn vai, duỗi chân duỗi tay thì một sự bất ngờ làm tôi phải bật dậy. Cách chúng tôi vài bước, một con nhện biển khổng lồ khiếp cao tới một mét, đang chằm chằm nhìn chúng tôi bằng đôi mắt lác và sẵn sàng lao tới. Mặc dù bộ đồ lặn khá dày không sợ bị cắn thủng, tôi vẫn không giấu được nỗi kinh sợ trong lòng. Lúc đó Công-xây và anh chàng thủy thủ cũng thức dậy. Thuyền trưởng Nê-mô chỉ cho anh thủy thủ xem con vật gớm ghiếc. Anh ta bèn lấy báng súng nện chết ngay tức khắc. Tôi thấy những chân nhện giãy giụa trong cơn hấp hối. Sự việc này buộc tôi nhớ lại rằng trong bóng tối của đáy biển còn có những con vật nguy hiểm hơn nhiều, quần áo lặn cũng không chống lại được. Cũng lạ là trước đó tôi chẳng hề nghĩ tới điều này! Từ giờ phải thận trọng hơn mới được. Tôi cảm thấy hình như cuộc dạo chơi của chúng tôi tới đây là hết. Nhưng tôi đã lầm. Thuyền trưởng Nê-mô chưa có ý định quay về tàu Nau-ti-lux, ông ta vẫn dũng cảm đi lên phía trước. Đáy biển dốc tuột xuống. Khoảng ba giờ chiều, chúng tôi tới một chỗ đất trũng hẹp, hai bên là những mỏm đá thẳng đứng, cách mặt biển một trăm năm mươi mét. Nhờ bộ đồ lặn hoàn hảo, chúng tôi đã xuống chín mươi mét quá giới hạn mà thiên nhiên quy định cho những cuộc dạo chơi dưới nước của con người. Tôi xác định độ sâu ở chỗ chúng tôi đứng là một trăm năm mươi mét, mặc dù chẳng có một thứ máy đo nào. Nhưng tôi biết rằng ngay ở nơi nước trong nhất, những tia sáng mặt trời cũng không thể lọt xuống sâu hơn được. Cách mười bước chẳng nhìn thấy gì. Tôi đang dò dẫm thì bóng tối bỗng bị một tia sáng khá mạnh xuyên thủng. Thuyền trưởng Nê-mô đã bật đèn điện. Anh thủy thủ đi theo cũng bật đèn. Tôi và Công-xây làm theo. ánh đèn chiếu

sáng một khoảng có bán kính hăm nhăm mét. Nê-mô dẫn chúng tôi đi ngày càng xa, vào giữa khu rừng sâu thẳm. Nơi đây cây cỏ hiếm dần. Vì thiếu ánh sáng mặt trời, ở độ sâu này hầu như chẳng còn loại thực vật nào, trong khi xung quanh chúng tôi vẫn còn nhiều động vật kỳ lạ. Vừa đi tôi vừa nghĩ bụng rằng ánh sáng điện sẽ thu hút sự chú ý của các động vật dưới biển sâu. Nhưng nếu chúng có tới gần thì vẫn ở một khoảng cách súng bắn không tới được. Thuyền trưởng Nê-mô mấy lần dừng lại tì súng lên vai ngắm, nhưng lại hạ súng xuống rồi tiếp tục đi. Cuối cùng, khoảng bốn giờ chiều, chúng tôi đi tới đích của cuộc dạo chơi này. Trước mặt chúng tôi bỗng dựng lên một bức tường đá hoa cương, một khối đá hùng vĩ có nhiều hang hốc không thể vượt qua được. Đó chính là chân đảo Crét-xpô! Nê-mô dừng lại.

Ông ta ra hiệu cho chúng tôi nghỉ chân. Tôi chẳng khao khát vượt qua bức tường này nên tuân theo lệnh Nê-mô. Đây là ranh giới mà ông ta không muốn vượt qua. Bên kia là một thế giới khác mà Nê-mô không muốn đặt chân vào! Chúng tôi quay về. Nê-mô dẫn đầu và vững vàng đưa chúng tôi lên phía trước. Tôi cảm thấy hình như mình trở về bằng lối khác. Con đường mới dốc đứng nên trèo rất mệt, một lát sau chúng tôi lên tới gần mặt biển. Việc đi lên những lớp nước trên diễn ra từ từ và không thể có ảnh hưởng gì xấu. Ngược lại, áp lực thay đổi đột ngột có thể gây nguy hại cho cơ thể con người và đe dọa tính mạng những thợ lặn thiếu thận trọng. Mấy phút sau, chúng tôi lại đi vào lớp nước được chiếu sáng. Mặt trời đã lặn gần sát chân trời, và những tia sáng bị khúc xạ trong nước chiếu lên tất cả những vật xung quanh một ánh hào quang rực rỡ. Chúng tôi đi dưới độ sâu mười mét, từng đàn đủ loại cá lượn quanh. Cá nhiều và bơi nhanh hơn chim bay trên trời, nhưng chẳng con nào đáng bắn. Thuyền trưởng Nê-mô bỗng đưa súng lên vai rồi ngắm vào một con vật nào đó đang thấp thoáng trong bụi rậm. Ông ta bóp cò. Một tiếng rít nhẹ phát ra, thế là con vật bị trúng đạn ngã gục cách chúng tôi năm bước. Đó là một con rái cá tuyệt đẹp, loại bốn chân duy nhất sống ở biển. Bộ lông rái cá dài tới một mét rưỡi, màu nâu sẫm, ở đầu bốn chân màu trắng bạc, rất được ưa chuộng trên thị trường Nga và Trung Quốc. Vì mềm và mượt nên bộ lông con rái cá này trị giá ít nhất hai ngàn Phrăng. Tôi thích thú ngắm nhìn con vật có vú, đầu dẹt, tai ngắn, mắt tròn, có ria mép trắng như ria mèo, có màng chân rất phát triển và đuôi bông. Loài thú này bị săn bắt quá nhiều nên hết sức hiếm, chỉ còn thấy ở phía bắc Thái Bình Dương và có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Người thủy thủ vác xác con vật lên vai và chúng tôi lại đi tiếp. Chúng tôi bước trên cát phẳng suốt một tiếng đồng hồ. Đôi chỗ đáy gồ lên đến mức chúng tôi chỉ còn cách mặt biển hai mét... Đến đây, tôi được chứng kiến một phát súng kỳ diệu nhất mà người đi săn ít khi thấy. Trên đầu chúng tôi có một con chim lớn đang xòe rộng cánh bay. Khi nó cách mặt biển mấy mét, người thủy thủ ngắm rồi nổ một phát súng. Con chim rơi thẳng xuống biển mạnh đến nỗi thắng được sức cản của nước và chìm tới ngay chỗ chàng thủy thủ thiện xạ. Đó là một con chim báo bão, tiêu biểu xuất sắc cho các loài chim sống ngoài biển. Phát súng không dự kiến này không làm chúng tôi đi chậm lại. Trong hai tiếng đồng hồ, chúng tôi khi thì bước trên đáy cát bằng, khi thì len qua những bãi tảo. Tôi đang mệt lử thì một vệt sáng mờ bỗng xuyên qua bóng đêm tới nửa hải lý. Đó là ánh đèn pha của tàu Nau-ti-lux. Thế là chỉ còn hai mươi phút nữa là về tới tàu! Tôi sắp được nghỉ ngơi thoải mái rồi! Tôi bắt đầu cảm thấy dưỡng khí trong bình sắp cạn. Nhưng tôi không biết được rằng một cuộc gặp gỡ bất ngờ sẽ làm chúng tôi về tàu chậm một lúc. Tôi đang đi cách mấy người kia chừng hai chục mét. Thuyền trưởng Nê-mô bỗng quay ngoắt lại và bước về phía tôi. Cánh tay mạnh mẽ của ông ta ấn tôi nằm xuống sát mặt đất; người thủy thủ cũng làm như vậy đối với Công-xây. Trong giây phút đầu tiên, tôi chẳng hiểu vì sao có sự "tấn công" bất ngờ đó, nhưng thấy Nê-mô nằm yên bên cạnh, tôi an tâm. Tôi nằm thẳng dưới đất, có tảo phía trên che chở. Ngược nhìn lên, tôi thấy mấy bóng đen to tướng và sáng lấp lánh đang lướt qua. Tôi sờn gai ốc.

Tôi đã nhận ra những con cá khủng khiếp này. Đó là hai con cá mập, loại cá ăn thịt người, có đuôi lớn, mõm có những chấm sáng. Cái mõm gớm ghiếc này có thể đớp một cái là đứt đôi người! Tôi không biết Công-xây có xếp loại cá mập không, nhưng về phần mình, tôi nhìn cái bụng trắng bạc, hai hàm răng nhọn của chúng bằng con mắt của một nạn nhân hơn là của một nhà sinh học. Cũng phúc cho chúng tôi, là những con vật phàm ăn này mắt rất kém. Chúng bơi vọt qua mà không thấy chúng tôi. Thế là chúng tôi may mắn vượt qua được một nỗi nguy hiểm lớn hơn là gặp hổ giữa rừng sâu. Nửa tiếng sau, chúng tôi về tới tàu Nau-ti-lux. Nắp tàu mở, chúng tôi vừa chui vào căn phòng con thì thuyền trưởng Nê-mô đóng sập cửa ngoài rồi ấn nút. Máy bơm trên tàu chạy làm mực nước xung quanh chúng tôi rút xuống rất nhanh. Mấy giây sau, trong phòng chẳng còn một giọt nước nào. Lúc đó, cánh cửa trong mở ra, chúng tôi bước sang phòng thay quần áo. Chúng tôi

khá vất vả mới tháo bỏ được bộ đồ lặn. Tôi vừa quá mệt, vừa buồn ngủ nhưng hết sức thỏa mãn về cuộc dạo chơi tuyệt đẹp dưới đáy biển sâu. Tôi trở về phòng riêng của mình.

CHƯƠNG 18

BỐN NGÀN DẶM DƯỚI THÁI BÌNH DƯƠNG

Sáng 18 tháng 11, tôi thức dậy, người khoan khoái. Tôi lên boong tàu và lại thấy viên thuyền phó đang nói câu mà tôi đã nghe được nhiều lần. Tôi bỗng hiểu nghĩa câu nói đó. Đúng là ông ta nói rằng "biển bình yên vô sự". Biển bát ngát, mênh mông, chẳng thấy một cánh buồm, cũng chẳng thấy những mỏm đá của đảo Crét-xpô! Biển đã nuốt tất cả màu sắc của quang phổ mặt trời, chỉ còn lại một màu xanh ngất! Tôi đang mải ngắm cảnh đẹp của đại dương thì thuyền trưởng Nê-mô lên boong và bắt đầu quan sát thiên văn. Hình như ông ta không để ý gì đến tôi. Sau đó, Nê-mô tay lên buồng lái và đắm đắm nhìn về phía xa khơi. Lúc này độ hai mươi thủy thủ bước lên boong. Họ kéo lưới mà họ đã quăng đêm trước. Đó là những người khỏe mạnh, lực lưỡng, thuộc nhiều dân tộc khác nhau nhưng đều gốc châu Âu. Tôi dễ dàng nhận ra một người Ai-len, mấy người Pháp, mấy người Xla-vơ, một người Hy Lạp. Họ rất ít lời và nói với nhau bằng một thứ thổ ngữ chẳng rõ nguồn gốc từ đâu. Vì vậy tôi không thể chuyện trò với họ được. Họ kéo lưới lên tàu. Sáng hôm đó nhiều động vật kỳ lạ của biển đã lọt vào lưới. Tôi ước lượng họ đánh được ít nhất bốn trăm ki-lô-gam cá! Một mẻ lưới rất đạt nhưng cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên! Lưới mắc phía sau tàu và trong mấy tiếng đồng hồ đã cuốn theo tất cả những động vật gặp ở đường. Từ nay về sau, chúng tôi chẳng sợ thiếu cá ngon vì tàu chạy rất nhanh và chiếc đèn pha có sức hấp dẫn lớn. Cá đánh được liền đưa xuống bếp, một phần để dự trữ, một phần để ăn ngay. Mẻ lưới kết thúc. Không khí lại được dự trữ đầy các bể chứa. Tôi định ninh là tàu sắp lặn, nên muốn trở về phòng. Nhưng lúc đó thuyền trưởng Nê-mô quay về phía tôi và nói:

- Thưa ngài giáo sư, ngài hãy nhìn xem biển có phải là một sinh vật không? Biển lúc thì giận dữ, khi thì dịu hiền. Ban đêm

biển cũng ngủ như chúng ta và giờ đây đang tỉnh dậy, khoan khoái sau một giấc ngủ ngon!

Nê-mô chẳng chào hỏi gì. Hình như con người bí hiểm này đang tiếp tục một câu chuyện bị bỏ dở. Ông ta nói:

- Giáo sư nhìn xem: đại dương tỉnh giấc dưới ánh nắng dịu hiền. Nó bắt đầu cuộc sống ban ngày. Thật kỳ thú khi quan sát những biểu hiện đầy sức sống của cơ thể nó! Biển có tim, có mạch máu, và tôi hoàn toàn đồng ý với nhà bác học Mô-ri, người đã phát hiện ra rằng nước ở đại dương cũng tuần hoàn, hết như sự tuần hoàn của máu trong cơ thể sống.

Nê-mô chẳng đợi trả lời, và tôi cũng thấy nếu ngắt lời ông ta bằng nhiều câu "vâng", "tất nhiên", "rất đúng" trống rỗng thì thật là thừa. Ông ta như tự nói với mình và sau mỗi câu lại im lặng hồi lâu.

- Đúng, nước ở đại dương tuần hoàn không ngừng. Sự tuần hoàn đó sở dĩ có là do nhiệt độ thay đổi, do muối và các vi sinh vật trong nước biển. Nhiệt độ thay đổi làm thay đổi tỷ trọng của nước, do đó tạo nên những luồng nước chảy ngược nhau. Nước biển bốc hơi rất ít ở hai cực, nhưng bốc hơi rất nhiều ở vùng xích đạo. Hiện tượng này tạo ra sự giao lưu thường xuyên qua các vùng biển đó. Ngoài ra, tôi còn phát hiện được sự tuần hoàn theo chiều thẳng đứng từ mặt biển xuống dưới sâu và ngược lại. Hiện tượng đó đúng là sự hô hấp của biển! Trong các vùng biển ấm, nước đại dương bị đốt nóng ở lớp trên chảy đến các vùng biển lạnh, nhờ bị lạnh đi nên đậm đặc hơn, nặng hơn và chìm xuống dưới. Sau đó càng gần vùng xích đạo nó càng bị hun nóng và nổi dần lên trên, rồi lại chảy về vùng biển lạnh. Đến hai cực, giáo sư sẽ thấy rõ kết quả của hiện tượng này và sẽ đánh giá được sự nhìn xa của thiên nhiên, vì nhờ quy luật này mà nước biển chỉ đóng băng ở lớp trên!

- Khi Nê-mô nói đến câu cuối cùng, tôi nghĩ bụng:

"Chẳng lẽ con người liều lĩnh này lại định cho tàu chạy tới hai cực?". Nê-mô im lặng và chăm chú nhìn biển cả, môi trường mà ông ta đang cố sức nghiên cứu cặn kẽ. Một lát sau, ông ta nói:

- Biển chứa một lượng muối đáng kể. Nếu như có thể tập trung tất cả muối bị hòa tan trong đại dương lại thì nó sẽ chất thành một khối bằng bốn triệu rưỡi dặm khối. Và nếu trải đều trên mặt đất thì nó sẽ tạo thành một lớp dày hơn mười mét.

Nhưng ngài chớ tưởng rằng muối chứa trong nước biển là do sự trái tính của thiên nhiên. Không phải đâu! Muối làm giảm sự bốc hơi của nước biển và giúp các miền khí hậu ôn hòa tránh được mưa nhiều. Vai trò làm cân đối hoạt động của thiên nhiên trên trái đất thật quan trọng, thật vinh quang! Nê-mô im lặng. Ông ta đứng thẳng lên, đi mấy bước trên boong rồi lại bước về phía tôi:

- Còn hàng tỷ sinh vật có trong mỗi giọt nước cũng có vai trò không kém quan trọng. Chúng hấp thụ muối biển và chất vôi hòa tan trong nước. Khi chết đi, chúng lại trả lại cho nước những chất khoáng khác nhau, một phần dưới dạng xương dưới đáy biển. Thế là có một sự tuần hoàn mãi mãi, một cuộc sống vĩnh cửu! Cuộc sống ở biển khản trương hơn, thuận lợi hơn, vô cùng vô tận hơn trên đất liền. Nó nằm ngay trong mỗi giọt nước của biển cả trong môi trường rất nguy hại cho tính mạng con người nhưng rất có lợi cho hàng tỷ sinh vật khác, cho cả tôi nữa!

Nói những lời đó, con người Nê-mô khác lạ hẳn đi và gây cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ. Ông ta nói tiếp:

- Và cuộc sống thật sự là ở đây, chỉ ở đây thôi! Tôi tin là có khả năng xây dựng những thành phố ngầm, những tòa nhà ngầm dưới biển cứ mỗi sáng lại nổi lên mặt nước để dự trữ không khí trong lành giống như tàu Nau-ti-lux. Những thành phố độc lập, những thành phố tự do. Và nếu một tên bạo chúa nào đó...

Thuyền trưởng Nê-mô ngắt câu nói bằng một cử chỉ đe dọa. Rồi ông ta hỏi tôi dường như muốn xua đuổi những ý nghĩ đen tối:

- Giáo sư có biết đại dương sâu bao nhiêu không?
- Thưa thuyền trưởng, tôi có biết những kết quả đo đạc.
- Kết quả cụ thể ra sao? Khi có dịp, tôi có thể kiểm tra lại.

- Nếu tôi không lầm thì độ sâu trung bình ở phía bắc Đại Tây Dương là tám ngàn hai trăm mét, còn ở Địa Trung Hải là hai ngàn năm trăm mét. Những cuộc đo đạc có kết quả nhất đã được tiến hành ở phía nam Đại Tây Dương. Kết quả: một vạn hai ngàn mét, một vạn bốn ngàn chín trăm linh một mét, một vạn năm ngàn một trăm bốn chín mét. Tóm lại, nếu đáy đại dương được san bằng thì độ sâu trung bình là khoảng bảy ki-lô-mét.

- Tốt lắm!

Nê-mô trả lời.

- Tôi hy vọng sẽ cung cấp cho ngài những số liệu chính xác hơn. Về độ sâu trung bình ở vùng biển này của Thái Bình Dương, tôi có thể thông báo rằng nó không quá bốn ngàn mét. Nói đến đây, thuyền trưởng Nê-mô đi về phía nắp tàu rồi theo bậc thang sắt bước xuống dưới. Tôi đi theo ông ta. Ngay lúc đó chân vịt bắt đầu quay, đồng hồ chỉ tốc độ hai mươi hải lý một giờ... Những ngày sau đó, thuyền trưởng Nê-mô rất ít đến thăm hỏi. Họa hoằn lắm tôi mới thấy ông ta. Còn viên thuyền phó thì cứ sáng sáng lại ghi đường đi của con tàu trên bản đồ rất cẩn thận giúp tôi xác định vị trí con tàu một cách chính xác. Công-xây và Nét Len ở bên tôi hàng tiếng đồng hồ. Công-xây thuật lại cho Nét nghe chuyện anh ta đã được thấy những kỳ quan gì trong chuyến dạo chơi ngầm dưới biển. Nét hồi tiếc là đã không cùng đi. Tôi an ủi Nét rồi sẽ tổ chức xuống biển chơi một lần nữa. Hầu như ngày nào tám cửa sắt ở phòng khách cũng mở ra mấy tiếng đồng hồ, và chúng tôi lại được đi sâu vào những bí mật của thế giới ngầm dưới biển. Tàu Nau-ti-lux chạy theo hướng đông nam ở độ sâu một trăm - một trăm năm mươi mét. Nhưng có lần thuyền trưởng Nê-mô hứng lên cho tàu lặn sâu xuống hai ngàn mét. Nhiệt kế chỉ 4,25 độ, một nhiệt độ hình như chung cho độ sâu này ở mọi vĩ độ. Ba giờ sáng ngày 26 tháng 11 tàu Nau-ti-lux qua bắc chí tuyến 172 độ kinh. Ngày 27 tháng 11 tàu ngang qua quần đảo Xan-uyt, nơi thuyền trưởng Cúc nổi tiếng hy sinh ngày 14 tháng 2 năm 1779. Thế là chúng tôi đã đi được bốn ngàn tám trăm sáu mươi dặm kể từ ngày bắt đầu cuộc hành trình. Buổi sáng, khi lên boong, tôi nhìn thấy đảo Ha-oai cách tàu hai hải lý. Đó là đảo lớn nhất trong số bảy hòn đảo của quần đảo Ha-oai. Tôi thấy rõ những cánh đồng trồng trọt, vùng đồi và những dãy núi dọc bờ biển, những núi lửa trong đó sừng sững ngọn Mu-na Rê-a cao năm ngàn mét.

Tàu Nau-ti-lux vẫn chạy theo hướng đông nam. Ngày mùng 1 tháng 12, nó vượt qua xích đạo ở 142 độ kinh. Ngày 4 tháng 12, sau khi chạy khá nhanh và không xảy ra sự việc gì đặc biệt, tàu tới gần quần đảo Mác-ki-dơ. Qua quần đảo đẹp tuyệt vời ấy, từ mùng 4 tới 11 tháng 12 tàu đi được khoảng hai ngàn hải lý. Đêm mùng 9 rạng ngày 10 tháng 12 tàu gặp hàng đàn nhuyễn thể. Ban đêm chúng từ dưới biển sâu bơi lên các lớp nước trên rồi theo con đường di cư của cá trích và cá xác-đin mà bỏ sang vùng nước ấm hơn. Đây là cuộc di cư bình thường của hàng triệu tấn sinh vật biển!... Biển cả đang phô bày ra những bức tranh hết sức kỳ thú và muôn màu muôn vẻ. Biển cả chẳng những làm chúng tôi vui mắt,

cho chúng tôi quan sát những sinh vật trong môi trường tự nhiên của chúng mà còn mở ra trước chúng tôi những bí mật thâm kín nhất. Ngày 11 tháng 12 tôi ngồi ở phòng khách và đọc một cuốn sách lấy ở thư viện của thuyền trưởng. Nét và Công-xây thì mãi ngắm nước biển được chiếu sáng. Tàu Nau-ti-lux đang dừng. Tàu cho nước vào đầy các bể chứa và đỗ ở độ sâu một ngàn mét, nơi rất ít sinh vật, rất ít cá to.

Tôi đang đọc cuốn sách tuyệt vời của Giăng Ma-xê thì Công-xây gọi tôi:

- Thưa giáo sư, ngài có thể lại đây một phút không ạ?
- Anh ta nói bằng một giọng khác lạ.
- Có việc gì thế, Công-xây?

Tôi đứng dậy, bước tới cửa sổ và nhìn ra ngoài. Trong khoảng nước được đèn pha trên tàu rọi sáng, có một khối lớn màu đen đang lơ lửng. Tôi chú ý nhìn xem đó là gì. Trong óc tôi bỗng lóe lên một ý nghĩ.

- Tàu biển!

Tôi kêu lên.

- Đúng, - Nét trả lời, - một chiếc tàu biển bị gãy cột buồm! Nét Len đã không lầm. Trước mắt chúng tôi là một chiếc tàu bị đắm. Vỏ tàu còn tốt. Hình như nó mới bị đắm cách đây mấy tiếng đồng hồ... Chiếc tàu gây một ấn tượng rất đáng buồn! Nhưng khi thấy những xác người bị trói chặt bằng dây cáp trên boong thì còn thê thảm hơn nhiều!... Chúng tôi lặng im và hết sức xúc động nhìn cảnh tàu đắm. Những con cá mập háu đói đã ngửi thấy mùi thịt người và xông đến. Khi tàu Nau-ti-lux chạy vòng quanh chiếc tàu đắm, tôi thấy ở phía lái có dòng chữ đề:

“FLORIDA” SUNDERLAND

CHƯƠNG 19

VA-NI-CÔ-RÔ

Tai nạn thương tâm của tàu Phlo-ri-đa không phải là trường hợp đặc biệt gì lắm ngoài biển cả. Về sau này, khi tàu Nau-ti-lux qua các vùng biển đông tàu bè, chúng tôi đã gặp nhiều xác tàu đắm mục nát trong nước. Còn dưới đáy thì nào súng lớn, nào neo, nào xích và hàng ngàn đồ vật khác bằng sắt đang gỉ ra. Ngày 11 tháng 12, chúng tôi tới gần quần đảo Pau-mô-tu rải rác khoảng năm trăm dặm từ đông -đông nam tới tây -tây bắc. Quần đảo này có diện tích ba trăm bảy mươi dặm vuông và gồm sáu mươi nhóm đảo san hô. Nhờ đó khô đất này sớm muộn sẽ nhập làm một với quần đảo kề bên, và giữa Niu Di-lơn và Tân Ca-lê-đô-ni sẽ xuất hiện lục địa thứ năm. Một hôm tôi đề cập vấn đề đó với thuyền trưởng Nê-mô, nhưng ông ta trả lời tôi một cách lạnh lùng:

- Cần những con người mới chứ cần gì những lục địa mới!

Vẫn theo hướng cũ, tàu Nau-ti-lux chạy ngang qua đảo Cléc-mông Ton-ne, hòn đảo kỳ lạ nhất trong các nhóm đảo do thuyền trưởng Ben phát hiện ra năm 1822. Ở đây tôi có dịp quan sát các quần thể san hô đã tạo nên các đảo ở miền biển Thái Bình Dương này... Khi tàu nổi lên mặt nước, tôi có thể nhìn bao quát cả đảo Cléc-mông Ton-ne chỉ hơi nhô lên một chút có rừng rậm phủ kín. Những cơn bão biển đã biến đất đá vôi ở đây thành màu mỡ. Hạt cây do bão đưa từ đất liền ra, một hôm nào đó rơi xuống đảo này, lại được bón bằng xác tôm cá và tảo thối rửa, đã làm nhú lên bao mầm xanh. Sóng biển đã ném lên bờ một quả dừa chín từ xa tới. Thế là cây cối mọc lên. Cây làm nước bốc hơi và tạo ra một con suối. Cây cối dần dần phủ kín đảo. Luồng nước biển đã đưa tới đây các vi sinh vật, côn trùng cùng với những thân cây bị nhổ bật lên từ những hòn đảo bên. Rùa bắt đầu tới đây đẻ trứng. Chim chóc bay tới làm tổ trên những cây non. Thế giới động vật dần dần phát triển sự sống ở đây. Tiếp đó con người xuất hiện. Anh ta bị màu xanh tươi của cây cối và đất đai phì nhiêu hấp dẫn. Những hòn

đảo san hô - một sáng tạo vĩ đại của các sinh vật vô cùng nhỏ bé - đã được hình thành như vậy. Đến gần tối, đảo Cléc-mông Ton-ne khuất hẳn. Tàu Nau-ti-lux thay đổi hướng đi. Vượt qua chí tuyến nam ở 135 độ kinh, tàu chạy về phía tây bắc. Mặc dù mặt trời nhiệt độ nóng bỏng, chúng tôi vẫn không cảm thấy nóng vì ở độ sâu ba mươi, bốn mươi mét, nhiệt độ nước không quá 10 -12 độ. Ngày 15 tháng 12, tàu đi ngang quần đảo Xô-xi-ê-tê và Ta-i-ti diêm lệ, hoàng hậu của Thái Bình Dương. Tàu đã đi được tám ngàn một trăm hải lý. Sau đó nó chạy vào khoảng giữa quần đảo Tôn-ga Ta-bu và quần đảo Người đi biển rồi vượt qua quần đảo Phít-gi. Quần đảo này được Ta-xman phát hiện ra năm 1643. Cùng năm đó, To-ri-xe-li phát minh ra phong vũ biểu và vua Lu-i 14 lên ngôi. Xin để bạn đọc phán xét xem sự kiện nào đó ích lợi hơn cho loài người...

Đã một tuần nay thuyền trưởng Nê-mô không xuất hiện. Cuối cùng, sáng 27 tháng 12, ông ta bước vào phòng khách, tự nhiên thoải mái tựa như chúng tôi vừa chia tay với ông ta năm phút trước đây. Lúc đó tôi đang tìm vị trí con tàu chạy trên bản đồ. Nê-mô đến chỗ tôi, chỉ vào một điểm trên bản đồ rồi nói:

- Va-ni-cô-rô. Địa danh này tác động đến tôi một cách thần kỳ. Đó là tên những hòn đảo, nơi đoàn tàu của La Pê-ru-dơ bị đắm. Tôi giật mình hỏi:

- Tàu Nau-ti-lux chạy về phía Va-ni- cô-rô ư, thưa thuyền trưởng?

- Thưa giáo sư, vâng.

- Phải chăng tôi sẽ có dịp đến những hòn đảo nổi tiếng, nơi tàu Bút-xon và A-xơ-rô-láp bị đắm?

- Vâng, nếu giáo sư muốn.

- Thế đến Va-ni-cô-rô còn xa không ạ?

- Thưa giáo sư, Va-ni-cô-rô đây rồi.

Tôi cùng Nê-mô lên boong rồi chăm chú nhìn về chân trời ở phía đông bắc hiện lên hai hòn đảo to nhỏ khác nhau nhưng chắc cùng nguồn gốc núi lửa, có một hàng rào san hô bao quanh khoảng bốn mươi hải lý. Chúng tôi đã tới gần đảo, đúng hơn là tới cửa một vũng nhỏ. Cây cối xanh tươi phủ kín đảo, từ bờ biển tới đỉnh núi cao. Tàu vượt qua một eo biển hẹp để vào phía trong hàng rào san hô. Dưới bóng những cây sù, chúng tôi thấy rõ bóng những thổ dân

đang hết sức ngạc nhiên theo dõi con tàu. Có lẽ họ tưởng tàu hình thoi là một con cá voi mà họ cần đề phòng. Thuyền trưởng Nê-mô hỏi tôi đã biết gì về cái chết của La Pê-ru-dơ.

- Thưa thuyền trưởng, tôi cũng biết như mọi người thôi.

- Giáo sư có thể thuật lại cho tôi những điều mọi người đều biết không?

Nê-mô hỏi hơi mỉa mai.

- Thưa vâng!

Và tôi bắt đầu kể lại cho ông ta nghe nội dung những tin tức cuối cùng do Duy-mông Duyếc-vin báo về. Sau đây là tóm tắt những tin tức đó. Năm 1785, La Pê-ru-dơ và trợ tá của ông ta là thuyền trưởng Đờ Lãng-glơ được vua Lu-i 16 phái đi vòng quanh trái đất trên hai chiếc tàu Bút-xon và A-xtơ-rô-láp và bị mất tích. Năm 1791, chính phủ Pháp lo lắng về số phận hai chiếc tàu chiến của La Pê-ru-dơ nên đã thành lập một đội tàu đi cứu gồm hai chiếc Rơ-séc-sơ và E-xpê -răng-xơ dưới quyền chỉ huy của Bru-ni Đăng-tơ-rơ-ca-xtô. Hai tàu này nhổ neo ở cảng Brét-xtơ ngày 28 tháng 9. Hai tháng sau, theo báo cáo của một người tên là Bô-đoanh, chỉ huy tàu An-béc-man, thì người ta đã thấy những mảnh tàu vỡ ở bờ biển Tân Giê-óc-gi. Nhưng Đăng-tơ-rơ-cát-xtô không biết tin đó -và lại nó cũng khá mơ hồ -nên vẫn cho tàu chạy về đảo A-mi-rô-tê, theo báo cáo của thuyền trưởng Hơ-n-tơn, là nơi tàu La Pê-ru-dơ bị đắm. Nhưng cuộc tìm kiếm của Đăng-tơ-rơ Ca-xtô không đem lại kết quả gì. Hai tàu đi cứu đã đi qua Va-ni-cô-rô mà không dừng lại. Chuyến đi kết thúc một cách bi thảm vì chính Đăng-tơ-rơ-ca-xtô, hai thuyền phó và nhiều thủy thủ bị chết. Người đầu tiên dò ra đúng vết tích của đoàn tàu La Pê-ru-dơ là thuyền trưởng Đi-lông, một con sói biển lão luyện, rất thông thạo Thái Bình Dương. Ngày 15 tháng 5 năm 1824, tàu "Xanh Pa-tơ-ríc" của Đi-lông đi ngang qua đảo Ti-cô-pi-a thuộc nhóm đảo Tân Ă-brít. Tới đây, một thổ dân chèo thuyền độc mộc ra bán cho Đi-lông một cái chuỗi kiếm bằng bạc trên có khắc chữ. Người này kể lại cho Đi-lông nghe rằng sáu năm trước đây, anh ta thấy trên đảo Va-ni-cô-rô có hai người R□u trong số thủy thủ của hai chiếc tàu bị đắm vì va phải dải đá ngầm gần đảo này. Đi-lông hiểu ngay đó là hai chiếc tàu của La Pê-ru-dơ bị mất tích và đã làm cho toàn thế giới xúc động. Đi-lông quyết định đến Va-ni-cô-rô, nơi theo lời người thổ dân hãy

còn vết tích của tàu đắm. Nhưng gió và luồng nước không cho phép Di-lông thực hiện được ý định ấy.

Ông ta quay về Can-cút-ta. Ở đây Di-lông đã làm cho Công ty châu á chú ý tới phát hiện của mình và giao cho ông ta một chiếc tàu cũng có tên là Rơ-séc-sơ. Ngày 23 tháng giêng năm 1827, Di-lông cho tàu nhỏ neo rời Can-cút-ta, có một đại diện Pháp đi theo. Sau nhiều lần ngừng lại ở Thái Bình Dương, ngày 7 tháng 7 năm 1827, tàu Rơ-séc-sơ thả neo ở chính cái vũng nơi tàu Nau-ti-lux đang đỗ. Di-lông tìm thấy ở đây nhiều di vật của tàu bị đắm: mấy cái neo, các loại dụng cụ hàng hải và một cái chuông bằng đồng đen có dòng chữ đề "Ba-danh-đúc" và nhãn hiệu của xưởng công binh Brét-xơ năm 1785. Không còn nghi ngờ gì nữa! Di-lông tiếp tục tìm kiếm di vật và đã ở nơi xảy ra tai nạn tới tháng 10. Sau đó ông ta cho tàu nhỏ neo và về Can-cút-ta bằng đường Niu Di-lon. Ngày 7 tháng 4 năm 1828, Di-lông về tới Pháp và được vua Sác-lơ X tiếp đón ân cần. Cũng trong thời gian ấy, Duy-mông Đuyéc-vin, chỉ huy tàu A-xơ-rô-láp, chẳng hay biết gì về phát hiện của Di-lông, nên vẫn lên đường tìm kiếm nơi tàu đắm. Lúc đó, một người thợ săn cá voi cho biết rằng thổ dân Lu-i-di-át và Tân Ca-lê-đô-ni hiện đang giữ một số huy chương và một huân chương chữ thập thánh Lu-i. Duy-mông Đuyéc-vin lên đường và cho tàu thả neo ở Hô-bác Tao-nơ hai tháng sau khi Di-lông rời Va-ni-cô-rô. Đến đây ông ta được biết về kết quả tìm kiếm của Di-lông. Ngoài ra, ông ta còn nghe tin báo của một người tên là Giem Hốp-xơ, thuyền phó tàu I-u-ni-ơn từ Can-cút-ta đến khẳng định rằng khi tới một hòn đảo nằm ở độ vĩ 8,18 độ và độ kinh đông 156,30 độ, Hốp-xơ thấy thổ dân có những thanh sắt dài và những mảnh vải đỏ. Duy-mông Đuyéc-vin lúng túng trước những tin tức trái ngược đó và không biết có nên tin không. Tuy vậy, ông ta vẫn cho tàu chạy theo đường Di-lông đã đi. Ngày 9 tháng 2 năm 1828, tàu A-xơ-rô-láp tới đảo Ti-cô-pi-a. Sau khi lấy một người trước là thủy thủ, nay sinh cơ lập nghiệp ở đây, lên tàu làm hoa tiêu và phiên dịch, tàu chạy về Va-ni-cô-rô. Ngày 20 tháng 2, tàu vượt qua hàng rào san hô rồi vào vũng. Ngày 23 tháng 2, thủy thủ tàu A-xơ-rô-láp đi vòng quanh đảo và chỉ mang về một số mảnh tàu vỡ ít giá trị. Thổ dân từ chối không chỉ cho họ chỗ tàu đắm, lấy cớ là không hiểu. Thái độ của thổ dân thật đáng nghi ngờ. Có lẽ họ đã dối xử tàn tệ với những người bị đắm tàu và sợ Duy-mông Đuyéc-vin đến để trả thù cho La Pê-ru-dơ và những người xấu số cùng đi. Cuối cùng, ngày 26 tháng 2, bị các tặng phẩm cám dỗ và hiểu rằng sẽ không

bị trả thù, các thổ dân mới chỉ cho thuyền phó Gia-ki-nô nới tàu đắm. Ở đó, dưới độ sâu bảy, tám mét, neo, súng đại bác và các thứ khác bằng kim loại đã bị phủ một lớp vôi. Anh em thủy thủ vất vả lắm mới kéo lên được một chiếc neo nặng hơn bảy trăm ki-lô-gam, một khẩu đại bác và hai khẩu súng cối. Hỡi thổ dân, Duy-mông Đuyéc-vin được biết thêm rằng, sau khi cả hai tàu vấp phải hàng rào san hô bị đắm, La Pê-ru-dơ nhặt những mảnh vỡ để đóng một chiếc thuyền nhỏ. Ông ta lại lên đường để lại bị đắm một lần nữa. Nhưng ở đâu thì chẳng ai hay. Thuyền trưởng tàu A-xơ-rô-láp dựng một đài kỷ niệm La Pê-ru-dơ và các thủy thủ dưới bóng cây sù. Đó là một hình tháp bốn cạnh, đơn giản, đặt trên bệ san hô. Duy-mông Đuyéc-vin muốn nhổ neo ngay. Nhưng thủy thủ bị sốt rét kịch liệt và bản thân Duy-mông cũng bị ốm. Mãi tới 17 tháng 3, ông ta mới lên đường về được... Đó là tất cả những gì tôi có thể thuật lại cho thuyền trưởng Nê-mô nghe. Nê-mô nói:

- Thế là cho tới nay vẫn chưa biết chiếc thuyền La Pê-ru-dơ đóng sau này bị đắm ở đâu à?

- Thưa không.

Nê-mô không trả lời mà chỉ ra hiệu mời tôi theo vào phòng khách. Tàu Nau-ti-lux lặn xuống mấy mét, cánh cửa sắt mở ra. Tôi chạy tới cửa, và giữa đám san hô, giữa ngàn vạn con cá nhỏ tuyệt đẹp, tôi nhận ra những mảnh tàu vỡ, những đại bác, neo... tóm lại, những bộ phận mà Duy-mông Đuyéc-vin không lấy lên được. Tôi đang mãi xem những di vật đáng buồn ấy thì thuyền trưởng Nê-mô nói:

- Thuyền trưởng La Pê-ru-dơ lên đường ngày 7 tháng 12 năm 1785 với hai tàu Bút-xon và A-xơ-rô-láp. Thoạt tiên, ông ta lập căn cứ ở Bô-ta-ni Bây, sau đó đến quần đảo Xô-xi-ê-tê, Tân Ca-lê-đô-ni, Xan-ta, Crux rồi thả neo ở Na-mu-ca nằm trong nhóm đảo Ha-oai. Cuối cùng, tàu Bút-xon của La Pê-ru-dơ tiến gần đến hàng rào san hô, hồi đó các nhà đi biển chưa biết, và phải dãi đá ngầm gần bờ biển phía nam. Tàu A-xơ-rô-láp vội đến cứu và cũng vấp phải dãi đá ngầm đó. Tàu Bút-xon bị đắm ngay tức khắc. Tàu A-xơ-rô-láp bị mắc cạn còn đứng được mấy ngày. Thổ dân trên bờ đối xử với những người gặp nạn khá tốt. La Pê-ru-dơ lên bờ và bắt đầu đóng một chiếc thuyền nhỏ bằng những mảnh vỡ của hai chiếc tàu bị đắm. Một số thủy thủ tự nguyện ở lại Va-ni-cô-rô. Những người còn lại bị ốm đau kiệt quệ thì theo La Pê-ru-dơ đi về hướng

quần đảo Xa-lô-mông và hy sinh hết ở gần bờ biển phía tây của hòn đảo chính của quần đảo này!

- Sao thuyền trưởng biết được điều đó?

Tôi sửng sốt.

- Tôi tìm thấy vật này ở nơi đắm tàu cuối cùng đây!

Nê-mô cho tôi xem một cái tráp bằng sắt tây, trên nắp có quốc huy nước Pháp, đã bị gở trong nước biển mặn. Khi ông ta mở nắp ra, tôi thấy một tờ giấy cuộn tròn đã ngả màu vàng nhưng vẫn đọc được. Đó là chỉ thị của Bộ trưởng Hải quân Pháp gửi thuyền trưởng La Pê-ru-dơ có lời phê của chính vua Lu-i 16 viết ở lề!

- Đó là cái chết xứng đáng của một thủy thủ!

Nê-mô nói.

- La Pê-ru-dơ đã an nghỉ dưới nắm mồ san hô. Còn cái gì yên tĩnh hơn nắm mồ đó nữa? Cầu thượng đế cho tôi và các bạn tôi cũng được như vậy!

CHƯƠNG 20

EO BIỂN TÔ-REX

Đêm 27 rạng ngày 28 tháng 12, chúng tôi rời Va-ni-cô-rô. Tàu Nau-ti-lux mở hết tốc lực chạy về hướng tây nam và trong ba ngày đi được bảy trăm năm mươi dặm, nghĩa là vượt được khoảng cách ngắn giữa nhóm đảo của La Pê-ru-dơ và mỏm đông nam Tân Ghi-nê. Sáng mùng 1 tháng giêng năm 1868, sau khi ngủ dậy, tôi lên boong tàu. Công-xây đón chào tôi:

- Thưa giáo sư, xin chúc ngài nhiều hạnh phúc trong năm mới.

- Anh Công-xây, trong hoàn cảnh hiện nay, anh quan niệm thế nào là hạnh phúc? Anh khao khát thoát khỏi cảnh tù đầy này, hay mong muốn kéo dài cuộc hành trình ngằm dưới biển của chúng ta?

- Thưa giáo sư, tôi... tôi chẳng biết nói thế nào! Chúng ta đã thấy nhiều điều kỳ lạ, và thú thực là hai tháng nay chúng ta không có thì giờ để buồn. Người ta thường nói, cái kỳ diệu cuối cùng bao giờ cũng đáng ngạc nhiên nhất, và nếu cứ tiếp tục thế này mãi thì tôi cũng không biết mọi sự sẽ kết thúc thế nào! Tôi nghĩ chúng ta sẽ không bao giờ có dịp đi thế này nữa đâu...

- Không bao giờ, Công-xây ạ.

- Thưa giáo sư, tôi nghĩ rằng năm hạnh phúc nhất sẽ là năm chúng ta được thấy tất cả mọi thứ trên trái đất này...

- Thấy tất cả ư, Công-xây? Có lẽ đó là một câu chuyện rất dài. Ý kiến của Nét Len thế nào nhỉ?

- Ý kiến của Nét Len hoàn toàn khác chúng ta. Anh ta có đầu óc thực tế và một cái dạ dày đòi hỏi cao. Anh ta ngán ngẩm khi thấy cá, và phải ăn món cá. Là một người Ăng-glô Xắc-xông chính cống, anh ta quen chén bí-tết. Vì vậy cũng dễ hiểu là thiêu thịt, bánh mì và rượu vang, anh ta rất khó chịu!

- Về phần tôi, anh Công-xây ạ, tôi rất ít quan tâm đến chuyện ăn uống. Chế độ trên tàu thế này là tốt lắm rồi.

- Tôi cũng vậy ạ, - Công-xây nói.

- Vì thế, tôi vui lòng ở lại đây cũng như Nét Len sẵn sàng chạy trốn khỏi nơi này. Nếu năm mới sẽ rủi ro đối với tôi, thì đối với Nét sẽ ngược lại! Như vậy thì một trong ba người chúng ta nhất định sẽ được hài lòng. Cuối cùng, tôi xin chúc giáo sư tất cả những gì giáo sư mong muốn!

- Cám ơn Công-xây. Quà năm mới tôi xin khất anh đến khi khác và tạm thời thay bằng một cái bắt tay thật chặt. Anh bằng lòng nhé!

- Giáo sư chưa bao giờ rộng lượng như vậy!

Công-xây trả lời rồi đi. Mừng 2 tháng giêng. Chúng tôi đã đi được một vạn một ngàn ba trăm bốn mươi hải lý, hay năm ngàn hai trăm năm mươi dặm, kể từ ngày xuất phát từ biển Nhật Bản. Trước mắt chúng tôi là vùng biển san hô ở bờ biển đông bắc châu Đại Dương. Tàu chạy cách hàng rào san hô mấy hải lý. Nơi đây đoàn tàu của thuyền trưởng Cúc suýt bị đắm ngày 10 tháng 6 năm 1770. Tàu của Cúc húc phải bãi san hô ngầm nhưng không đắm chỉ vì tảng san hô bị vỡ đã bịt kín ngay lỗ thủng ở vỏ tàu. Tôi rất mong được xem bãi san hô chạy dài suốt ba trăm năm mươi dặm ở chân trời. Sóng biển xô vào bức tường đá đỏ, tung bọt trắng xóa và gây nên những tiếng động âm âm. Nhưng lúc đó tàu Nau-ti-lux lặn xuống sâu nên tôi không được thấy những bức tường san hô ở gần. Tôi đành bằng lòng với việc nghiên cứu các loại cá mắc lưới...

Hai ngày sau khi vượt qua biển san hô, ngày mừng 4 tháng giêng, chúng tôi nhìn thấy bờ biển Pa-poa. Nhân dịp này, thuyền trưởng Nê-mô báo cáo cho tôi biết ý định cho tàu chạy sang ấn Độ Dương qua eo biển Tô-rex. Ông ta chỉ nói có vậy. Nét Len hài lòng khi thấy rằng đi đường ấy thì chúng tôi sẽ tới gần bờ biển châu R□u hơn. Tô-rex là một eo biển nguy hiểm cho tàu bè chẳng phải chỉ vì nhiều đá ngầm, mà còn vì hai bờ hay xuất hiện những thổ dân hung dữ. Eo này tách châu Đại Dương ra khỏi một hòn đảo lớn là Tân Ghi-nê hay Pa-poa. Đảo Pa-poa dài bốn trăm dặm, rộng một trăm ba mươi dặm, diện tích là bốn mươi ngàn dặm địa lý. Đến giữa trưa, khi viên thuyền phó xác định độ cao của mặt trời, tôi không thấy rõ dãy núi ác-phan xếp thành bậc và có nhiều đỉnh nhọn hoắt. Thế là tàu Nau-ti-lux đã tới cửa của một cái eo nguy hiểm

nhất trái đất mà những người đi biển gan dạ nhất cũng không dám vào. Eo biển này do Lu-i Tô-rex phát hiện ra trên đường từ những biển miền nam về Ma-la-nê-đi. Cũng ở eo này, năm 1840 mấy chiếc tàu chiến của Đuy-mông Đuyéc-vin bị mắc cạn suýt nữa thì đắm. Ngay tàu Nau-ti-lux vốn coi thường những hiểm nguy ngoài biển cả, cũng phải thận trọng trước bãi san hô ngầm này. Eo Tô-rex dài khoảng ba mươi tư dặm, nhưng vô số đảo lớn nhỏ và mỏm đá cho tàu thuyền hầu như không qua lại được. Tính trước những khó khăn đó, thuyền trưởng Nê-mô đã đề ra những biện pháp đề phòng rất chu đáo. Ông ta cho tàu chạy ngang mặt nước ở tốc độ chậm.

Lợi dụng thời cơ, tôi, Công-xây và Nét Len trèo lên boong tàu lúc nào cũng vắng ngắt. Chúng tôi đứng sau buồng lái và nếu tôi không lầm thì chính Nê-mô đích thân lái tàu. Trước mắt tôi là tấm bản đồ vịnh Tô-rex vẽ rất tốt. Tôi hết sức chăm chú nghiên cứu bản đồ đó. Xung quanh chúng tôi là biển đang gào thét giận dữ. Luồng nước biển cuộn cuộn từ đông nam sang tây bắc với tốc độ hai hải lý rơi xô ầm ầm vào các mỏm san hô nổi lên giữa những đợt sóng tung bọt trắng xóa.

- Biển tôi tệ nhất!

Nét nói.

- Hết sức tồi tệ!

Tôi trả lời.

- Và hoàn toàn không thích hợp với loại tàu như tàu Nau-ti-lux.

Nét nói tiếp:

- Chắc cái ông Nê-mô đáng nguyên rủa này thạo đường lắm, nếu không thì tàu của ông ta đã húc vào những mỏm san hô mà tan ra từng mảnh rồi.

Tình hình quả là nguy hiểm. Nhưng tàu Nau-ti-lux tựa như có phép tiên, trườn qua những bãi san hô tệ hại đó một cách dễ dàng. Nê-mô không theo đường đi của tàu A-xơ-rô-láp và Dê-lê đã làm Đuy-mông Đuyéc-vin thất bại. Ông ta cho tàu ngược lên phía bắc, rẽ xuống tây nam rồi lại quay lên tây bắc, lượn quanh vô số đảo lớn nhỏ ít được nghiên cứu. Tôi tự hỏi:

“Chẳng lẽ Nê-mô lại liều lĩnh cho tàu vào một cái lạch, mà cả hai chiếc tàu của Duy-mông Duyếc-vin đã bị mắc cạn?”

Nhưng lúc đó, tàu Nau-ti-lux lại đổi hướng lần nữa và chạy thẳng về hướng tây nhằm phía đảo Ghê-bô-roa. Lúc đó là ba giờ chiều. Nước triều dâng lên tới đỉnh cao nhất. Tàu Nau-ti-lux chạy dọc bờ biển Ghê-bô-roa, cho đến nay vẫn in bóng cây Pan-đa-núc xanh rờn trong tâm trí tôi. Chúng tôi cách bờ ít nhất hai hải lý. Bỗng tàu bị xô mạnh, hất tôi ngã xuống. Nó đã vấp phải một dải đá ngầm, nghiêng đi và dừng lại. Tôi đứng dậy và thấy thuyền trưởng cùng thuyền phó đứng trên boong. Họ đang nghiên cứu tình hình và trao đổi với nhau những câu nói nhát gừng bằng thứ tiếng không ai hiểu nổi. Tình hình như thế này. Cách tàu hai hải lý là đảo Ghê-bô-roa chạy dài từ bắc sang tây như một cánh tay khổng lồ. Ở phía đông nam, nước triều xuống đã làm nhô lên những mỏm san hô. Chúng tôi bị mắc cạn đúng vào chỗ nước triều lên xuống, không đáng kể. Đó là điều rất bất lợi cho tàu Nau-ti-lux. Tuy vậy, tàu không hư hại gì vì khi bị va chạm vỏ tàu rất vững chắc. Nhưng nếu vỏ tàu không bị rò rỉ, thì tàu cũng có nguy cơ bị trói chặt vĩnh viễn vào dải đá ngầm này. Thế là chiếc tàu ngầm của thuyền trưởng Nê-mô hết đời! Nê-mô cắt ngang những suy nghĩ của tôi. Ông ta bao giờ cũng bình tĩnh, tự chủ. Trên mặt ông ta chẳng hề có nét gì là hoang mang, giận dữ.

- Thưa thuyền trưởng, đây là một tai nạn rủi ro?

Tôi hỏi.

- Không, chỉ là một trở ngại ngẫu nhiên thôi.

Tôi phản đối:

- Một trở ngại có thể buộc ngài phải trở về mặt đất, nơi ngài đang trốn tránh!

Nê-mô nhìn tôi một cách bí ẩn và lắc đầu. Cử chỉ ấy nói khá rõ là chẳng có cái gì có thể bắt ông ta lại đặt chân lên đất liền được. Ông ta nói:

- Thưa ngài A-rô-nắc, tàu Nau-ti-lux không chết được đâu. Nó sẽ còn giới thiệu với ngài nhiều kỳ quan của biển cả. Cuộc hành trình của chúng ta chỉ mới bắt đầu và tôi hoàn toàn không muốn chấm dứt quan hệ với ngài sớm như vậy.

- Nhưng, thưa thuyền trưởng, - tôi tỏ vẻ không hiểu ý của câu nói châm biếm đó, - chúng ta bị mắc cạn khi triều lên. Nói

chung, ở Thái Bình Dương triều dâng rất yếu. Nếu ngài không giảm bớt trọng lượng thừa của tàu đi thì tôi không hiểu tàu sẽ ra khỏi nơi này bằng cách nào?

- Thưa giáo sư, ngài nói đúng. Ở Thái Bình Dương nước triều lên không đáng kể, nhưng ở eo Tô-rêx này, khoảng chênh lệch của nước triều lên xuống là một mét rưỡi. Hôm nay là mùng 4 tháng giêng. Năm ngày nữa thì trăng tròn. Tôi sẽ hết sức ngạc nhiên nếu mặt trăng, người bạn đường chung thủy của hành tinh chúng ta, không nâng nước biển lên tới mức tôi cần. Chỉ có mặt trăng mới có thể giúp được tôi trong việc này! Nói đoạn, thuyền trưởng Nê-mô và viên thuyền phó đi xuống. Còn con tàu thì đứng tại chỗ không nhúc nhích, dường như đã bị san hô gắn chặt lại.

- Thế nào, giáo sư?

Nét Len hỏi tôi khi Nê-mô vừa đi khỏi.

- Ông bạn Nét ơi, chúng ta sẽ chờ con nước lên vào ngày chín tháng giêng chứ? Mặt trăng sẽ giúp ta thoát khỏi nơi này đây!

- Chỉ cần thế thôi ư?

- Chỉ cần thế thôi.

- Ông Nê-mô đành chịu bó tay mà trông chờ vào mặt trăng thôi ư? Sao ông không sử dụng neo và các máy móc?

- Chỉ cần nước triều lên là đủ!

Công-xây chất phác trả lời. Nét nhìn Công-xây và nhún vai. Máu thủy thủ trong người anh ta bốc lên.

- Thưa giáo sư, - Nét nói tiếp, - xin ngài hãy nhớ lời tôi: không bao giờ chiếc tàu này có thể chạy trên hoặc dưới mặt nước được nữa! Nó chỉ còn giá trị là một đồng sắt vụn. Tôi nghĩ đã đến lúc phải cắt đứt quan hệ với ông Nê-mô rồi.

- Ông bạn Nét ơi, - tôi trả lời, - về chuyện tàu Nau-ti-lux thì ý kiến tôi lại khác. Bốn ngày nữa chúng ta sẽ được dịp thử thách sức mạnh của nước triều Thái Bình Dương. Lời khuyên của ông chỉ hợp thời nếu chúng ta ở đâu đó gần bờ biển Anh hay Prô-văng-xơ, còn ở bờ biển Pa-poa này thì chẳng được đâu! Chỉ có thể nghe theo anh trong trường hợp tàu Nau-ti-lux không thoát được ra khỏi chỗ cạn này. Tôi vẫn cho hành động như vậy là hết sức liêm lĩnh.

- Có thể ngó lên đảo một chút không nhỉ?

Nét nói.

- Trên đảo có cây cối, dưới bóng cây rất sẵn muông thú mà ta có thể chế biến các món thơm ngon... Chao ôi, bây giờ có miếng thịt mà chén nhỉ.

- Lần này thì anh Nét đúng, - Công-xây nói, - tôi hoàn toàn tán thành anh Nét. Giáo sư có thể đề nghị thuyền trưởng cho chúng tôi lên đảo một lát được không? Nếu không thì chúng ta sẽ mất hết thói quen đi trên mặt đất. Tôi trả lời:

- Đề nghị thì tôi làm được, nhưng chắc ông ta sẽ từ chối.

- Nhưng nếu giáo sư cứ mạnh dạn đề nghị thì ít nhất ta cũng biết được Nê-mô tốt đến mức nào, - Công-xây nói.

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy thuyền trưởng Nê-mô đồng ý và tề nhị đến mức không đòi hỏi chúng tôi phải hứa quay về tàu. Và lại, chạy trốn qua Tân Ghi-nê vô cùng nguy hiểm, tôi chẳng khuyên Nét liều mạng làm gì. Thà làm tù binh trên tàu Nau-ti-lux còn hơn là rơi vào tay thổ dân Pa-poa hung dữ. Tôi không hỏi Nê-mô có cùng đi với chúng tôi không. Tôi tin chắc rằng không ai trong đội thủy thủ sẽ đi kèm chúng tôi trong chuyến dạo chơi này. Nét sẽ phải đích thân điều khiển xuống thôi! Tàu cách bờ không quá hai hải lý, Nét có thể lái chiếc xuống mỏng manh len lỏi giữa bãi đá ngầm đã gây bao tai họa cho những tàu lớn. Hôm sau, mừng năm tháng giêng, chiếc xuống được đưa thẳng từ boong tàu xuống nước. Hai người có thể làm việc một cách dễ dàng. Chúng tôi mang theo súng và rìu, đến tám giờ thì rời khỏi tàu Nau-ti-lux. Biển lặng. Gió thổi nhẹ từ bờ ra. Công-xây và tôi ra sức chèo. Nét lái thuyền len lỏi qua những lạch nước hẹp. Nét không giấu được sự phấn khởi. Anh ta cảm thấy mình như một người tù được phóng thích và chẳng hề nghĩ đến chuyện phải quay về "nhà tù". Anh ta nhắc đi nhắc lại:

- Thịt! Chúng ta sẽ ăn thịt, thịt rất ngon! Thịt ra thịt! Quả là có thiếu bánh mì! Tôi không bảo cá là dở, nhưng ăn cá mãi không chịu nổi! Nếu có miếng thịt tươi đem nướng trên than hồng thì thực đơn hàng ngày của ta cũng phong phú hơn!

- Sành ăn nhỉ!

Công-xây nhận xét.

- Mới nói thế mà tôi đã nhỏ dãi ra rồi!

- Cần tìm hiểu xem ở khu rừng này có nhiều muông thú không?

Tôi nói.

- Và chúng có vô người đi săn không?

- Vô cũng được, ngài A-rô-nắc ạ.

Nét trả lời và nhe những chiếc răng sắc như lưỡi rìu ra.

- Tôi sẵn sàng chén hết một con hổ nếu không tìm ra được một loài thú bốn chân nào khác trên đảo này.

- Ông bạn Nét làm chúng ta phát sợ, - Công-xây nói.

- Bất kỳ một con vật nào xuất hiện: có lông hay không có lông, bốn chân hay hai chân, tôi cũng sẽ "chào mừng" bằng một viên đạn!

- Ông Nét bắt đầu làm loạn rồi đấy!

Tôi nói.

- Đừng sợ, ngài A-rô-nắc ạ, - Nét trả lời, - chèo mạnh lên! Không đầy nửa tiếng nữa tôi sẽ thết các vị các món ăn do chính tay tôi làm. Đến tám giờ rưỡi, sau khi tránh được vòng đai đá ngầm, xuống vào tới bờ.

CHƯƠNG 21

MẤY NGÀY TRÊN ĐẢO

Tôi đặt chân lên đảo mà lòng không khỏi bồi hồi. Nét giẫm thử chân lên mặt đất, hình như còn muốn xem đất có vững chắc không. Đây là chúng tôi mới làm "hành khách của tàu Nau-ti-lux" (theo lời thuyền trưởng Nê-mô) đúng hơn là làm tù của Nê-mô có hai tháng! Một phút sau, chúng tôi đã đi vào cách bờ biển một quãng bằng tầm súng bắn. Đất ở đây gần như hoàn toàn bằng đá vôi san hô. Một dải rừng tuyệt đẹp che khuất chân trời. Những cây cối khổng lồ cao hơn sáu mươi mét, có dây leo chằng chịt với nhau và đung đưa trước gió, tạo nên những chiếc võng thiên nhiên. Thảo vật ở đây rất phong phú. Nhưng chúng không làm cho Nét mê. Anh ta thích những cái thực tế hơn. Nét chú ý tới cây dừa, chọc mấy quả rụng xuống rồi bỏ ra. Chúng tôi uống nước dừa, chén cùi dừa và thấy thú vị hơn các món ăn trên tàu Nau-ti-lux nhiều.

- Tuyệt quá!

Nét reo lên.

- Ngon tuyệt!

Công-xây tán thành.

- Tôi nghĩ ông Nê-mô của ngài sẽ không cấm chúng ta mang một ít dừa xuống tàu?- Nét hỏi.

- Tôi cho rằng Nê-mô sẽ không cấm, -Tôi trả lời.

- Nhưng bản thân ông ta sẽ không đụng đến.

- Thế thì ông ta thiệt, - Công-xây nói.

- Càng tốt cho ta, ta càng được chén nhiều!

Nét cãi lại.

- Ông Nét ạ, chỉ xin ông một điều!

Tôi bảo Nét khi thấy anh ta định chọc dừa ở cây thứ hai.

- Dừa là một thứ quả ngon, nhưng trước khi chắt xuống thuyền, có lẽ ta nên xem trên đảo có thứ gì ích lợi hơn không? Rau tươi có lẽ cần cho kho thực phẩm trên tàu hơn.

- Giáo sư nói rất xác đáng.

Công-xây tán thành.

- Tôi đề nghị dành chỗ cho ba loại thực phẩm: một chỗ chứa trái cây, một chỗ chứa rau tươi, còn chỗ thứ ba để chứa các muông thú săn được, mà hình như ở đây không có thì phải.

- Anh Công-xây ơi chớ nên tuyệt vọng! - Nét trả lời.

- Tóm lại, ta cần đi tiếp, - tôi nói, - nhưng phải cảnh giác đấy! Đảo này chắc không ai ở, nhưng dù sao vẫn có thể gặp những người đi săn không phải chỉ ham săn thú như chúng ta! Nét bỗng nhe răng và gầm lên.

- Sao thế anh Nét?

Công-xây vội hỏi.

- Thú thật là tôi bắt đầu hiểu cái thú ăn thịt người.

- Anh Nét! Anh Nét! Anh nói gì vậy?

Công-xây kêu lên.

- Té ra anh là kẻ ăn thịt người à? Sống trong một phòng với anh thật không an toàn chút nào cả. Có khi ngủ dậy đã thấy mình bị chén nửa người rồi cũng nên.

- Anh bạn Công-xây ơi, tôi yêu quý bạn, nhưng không cần thiết lắm thì cũng không chén thịt bạn đâu!

- Tôi nghi ngờ điều đó lắm!

Công-xây trả lời.

- Thôi, chúng ta nên đi săn là hơn! Phải hạ ngay một con thú để thết anh chàng ăn thịt người này, nếu không, một buổi sớm nào đó giáo sư chỉ còn thấy xương của tôi thôi!

Chúng tôi vừa bồng dừa như vậy vừa tiến sâu vào rừng cây rậm rạp, và trong khoảng hai tiếng đồng hồ đã đi từ đầu đến cuối rừng. Chúng tôi gặp may trong việc tìm kiếm thức ăn. Chúng tôi gặp một trong những loại cây có ích nhất của vùng nhiệt đới đã cung cấp cho tàu Nau-ti-lux một thứ thực phẩm đang thiếu. Đó là cây mì, mọc rất nhiều trên đảo Ghê-bô-roa. Đặc biệt quý là loại

quả mì không hạt mà người Ma-lai-xi-a gọi là ri-ma. Cây mì khác các loại cây khác ở chỗ có thân rất thẳng và nhẵn, cao tới mười hai mét. Tán cây tròn vành vạnh, lá to xếp thành nhiều tầng. Giữa đám lá sum sê là những quả tròn nặng trĩu, đường kính tới mười cen-ti-mét, vỏ xù xì. Thiên nhiên đã tặng cho những nước không có lúa mì loại cây có ích này. Nó không cần phải chăm sóc nhiều và ra quả suốt tám tháng trong năm. Nét Len rất quen thuộc loại quả này. Anh đã được ăn nhiều lần trong những chuyến đi biển và biết chế biến thành thức ăn rất ngon bổ. Nhìn thấy trái mì, anh đã ứa nước miếng. Nét nói:

- Thưa giáo sư, nếu không được nếm thử quả này thì tôi chết mất!

- Thì ông cứ nếm đi, ông bạn Nét, cứ nếm thoải mái! Chúng ta lên đảo này là để nếm mỗi thứ một ít mà. Ông bắt đầu đi! Nét nhóm bếp, chỉ mấy phút sau cây khô đã nổ lép lép. Trong khi đó, Công-xây và tôi lựa những quả mì chín nhất. Loại quả này không có hạt. Công-xây mang về hơn một chục quả, Nét xắt ra từng khoanh dày rồi đặt lên than hồng. Anh ta nói:

- Rồi ngài sẽ thấy loại bánh mì này ngon đến mức nào!

- Nhất là đã lâu không được thấy bánh mì, - Công-xây nói.

- Đây không phải là bánh mì thường, - Nét nói thêm, - mà là bánh ga-tô, vừa cho vào miệng là tan ra ngay! Thế giáo sư chưa được nếm bao giờ ạ?

- Chưa, ông Nét ạ.

- Thế thì xin ngài nếm cho, rất bổ, rất ngon. Nếu ngài không đòi hỏi suất nữa thì tôi không phải là thằng Nét, vua săn cá voi nữa! Mấy phút sau vỏ ngoài đã chín vàng. Bên trong là ruột trắng, giống hệt ruột bánh mì... Tôi ăn hết sức ngon miệng. Tôi nói:

- Đáng tiếc là khó bảo quản thứ quả này được lâu, nên theo tôi, có mang lên tàu cũng uổng công.

- Xin ngài!

Nét Len phản đối.

- Ngài lý luận như một nhà sinh vật học, còn tôi thì lại hành động như một anh thợ bánh mì. Nay Công-xây anh hãy lấy thật nhiều cho tôi, ta sẽ mang về tàu.

- Thế ông định bảo quản nó thế nào?

- Tôi sẽ biến nó thành bột chua. Khi cần tôi sẽ nướng thành bánh ở bếp dưới tàu. Mặc dù bánh sẽ có vị hơi chua, nhưng vẫn rất ngon.

- Ông Nét ạ, nếu thế thì bánh mì của ông ngon quá rồi, chẳng mong gì hơn nữa...

- Thưa giáo sư, tuy vậy vẫn thiếu rau và quả.

- Thế thì ta đi tìm xem có không. Hái xong quả mì, chúng tôi tiếp tục đi "bổ sung thực đơn" của bữa trưa. Việc tìm kiếm của chúng tôi không đến nỗi uổng công. Tới gần giữa trưa, chúng tôi đã tìm được một số chuối và dứa rất to. Tuy việc hái quả này làm mất nhiều thì giờ, chúng tôi cũng không tiếc. Công-xây bám sát Nét. Nét đi đầu và lựa chọn rất khéo những trái cây ngon nhất để dự trữ.

- Ông bạn Nét ơi, bây giờ chắc ông thỏa mãn rồi chứ?

- Công-xây hỏi.

- Hừm!

Nét âm ừ.

- Sao? Ông vẫn chưa hài lòng à?

- Tất cả những thứ rau cỏ này không thể thay thế bữa trưa được. Đó chỉ là cái thêm thắt, cái tráng miệng sau bữa ăn thôi. Còn xúp đâu? Thịt rán đâu? Tôi nói:

- Ông Nét hứa thết ta món sườn rán, nhưng rõ ràng đó là chuyện hoang đường trăm phần trăm. Nét trả lời:

- Thưa giáo sư, cuộc đi săn chưa kết thúc mà còn tiếp tục. Xin ngài ráng chờ chút nữa! Thế nào chúng ta cũng gặp một con chim hay một con thú nào đó, nếu không ở chỗ này thì ở chỗ khác...

- Nếu không hôm nay thì ngày mai, - Công-xây nói thêm, - nhưng cũng không nên đi quá xa bờ. Tôi đề nghị quay về tàu.

- Sao? Đã quay về rồi à?

Nét la lên.

- Chúng ta phải có mặt ở tàu trước đêm nay, - tôi nói.

- Thế mấy giờ rồi?

Nét hỏi.

- Ít nhất là hai giờ, - Công-xây trả lời.
- Thời gian trên mặt đất sao trôi quá nhanh thế!

Nét thở dài.

- Lên đường thôi!

Công-xây nói.

Chúng tôi quay về bằng đường rừng. Cả ba người đều "thò" quá nặng. Năm giờ chiều, sau khi chắt xuống thuyền tất cả những của quý, chúng tôi rời đảo và nửa tiếng sau thì tới tàu Nau-ti-lux. Chẳng ai ra đón chúng tôi. Khối thép đồ sộ hình trụ ấy dường như trống rỗng. Tôi trút bỏ gánh nặng rồi về phòng riêng. Ở đó đã bày sẵn bữa tối. ...n xong, tôi đi ngủ. Hôm sau, mừng sáu tháng giêng, trên tàu không có gì thay đổi. Chẳng có một tiếng động, một dấu hiệu gì của sự sống. Chiếc xuồng bập bênh cạnh tàu. Chúng tôi quyết định lại lên đảo Ghê-bô-roa. Nét Len hy vọng lần này đi săn sẽ kết quả hơn lần trước và muốn cầu may ở mé rừng bên kia. Chúng tôi lên đường lúc rạng đông. Gặp nước triều dâng, thuyền chẳng bao lâu đã tới bờ. Chúng tôi lên đảo và nghĩ rằng tốt nhất là nên tin vào bản năng của Nét và theo sát anh ta. Thế mà chúng tôi cũng mấy lần suýt mất hút anh bạn chân dài. Nét dẫn chúng tôi vào tít phía tây hòn đảo. Chúng tôi lội mấy bước rồi lên một khoảng đất bằng, xung quanh là rừng rất đẹp. Dọc những con suối nhỏ, có nhiều chim bói cá, nhưng thấy chúng tôi tới gần, chúng vội bay đi. Chắc những chú chim này đã nhiều lần gặp người nên đã có kinh nghiệm cần thiết. Vì vậy, tôi kết luận rằng nếu đảo này không có người ở thì vẫn có người từ nơi khác lui tới. Sau khi đi qua những đồng cỏ phì nhiêu, chúng tôi tới cửa một khu rừng non, từ đó vang ra tiếng chim hót và tiếng cánh vỗ rào rào.

- Ở đây chỉ có chim thôi, - Công-xây nói.

- Nhưng có cả chim ăn thịt được!

Nét trả lời.

- Anh bạn Nét ơi, khó lòng lắm, tôi chỉ thấy có giống vẹt thôi.

- Anh bạn Công-xây ơi, - Nét nghiêm trang trả lời, - một khi không có gì chén thì vẹt cũng có giá trị như gà lôi.

Tôi nói:

- Tôi nghĩ nếu biết nấu nướng khéo thì vẹt cũng chén rất tốt. Thực vậy trong đám lá rậm rì có cả một thế giới vẹt sẵn sàng cất

lên tiếng nói của người nếu có ai dạy. Chúng chuyển từ cảnh này sang cảnh khác và lú lo với các chú vẹt con đủ màu sắc. Qua một khu rừng thưa, chúng tôi ra một quãng trống, đôi chỗ có bụi rậm. Ở đây tôi được thấy những con chim rất đẹp lông dài, có thể bay ngược gió. Chúng bay phóng khoáng, vẽ nên những đường vòng lượn duyên dáng trong không trung, nom thật vui mắt. Tôi nhận ngay ra chúng.

- Chim thiên đường! -Tôi reo lên. - Ông Nét, tôi trông mong vào sự khéo léo của ông và hy vọng ông sẽ bắt được ít nhất một con thuộc loại quý nhất của vùng nhiệt đới này.

- Thưa giáo sư, tôi sẽ cố, mặc dù tôi bắn không giỏi lắm.

Người Ma-lai-xi-a thường bán chim thiên đường cho Trung Quốc. Họ bắt chim bằng nhiều cách mà chúng tôi không áp dụng được. Khi thì họ đặt thòng lọng trên ngọn cây, nơi chim hay làm tổ, khi thì họ phết nhựa dính lên cành. Đôi khi họ rắc thuốc độc xuống các nguồn nước mà chim hay tới uống. Còn chúng tôi thì đành phải bắn khi chúng đang bay, mà bắn kiểu ấy thì rất khó trúng. Quả thực, chúng tôi đã lãng phí một số lớn đạn. Tới gần 11 giờ trưa, chúng tôi đi ngang qua dãy đồi thứ nhất ở trung tâm đảo và không hạ được con chim nào. Chúng tôi đã thấy đói bụng. Cánh đi săn chúng tôi hy vọng sẽ được săn nhiều, nhưng đã tính lầm. Nhưng kìa! Công-xây hạ luôn được hai con chim bằng hai phát súng, điều làm chính Công-xây cũng hết sức ngạc nhiên. Chúng tôi vội vật lông và chất củi nướng. Trong khi đó Nét nướng quả mì. Thịt chim rất ngon, chúng tôi ăn chỉ còn lại ít xương.

- Thế nào ông Nét, bây giờ ông còn thèm gì nữa không?

Tôi hỏi.

- Còn thèm thịt thú bốn chân nữa. Giống chim câu này chỉ để ăn qua loa cho nhờn mép tí thôi. Chưa hạ được một con bốn chân để làm món sườn nướng thì tôi chưa yên tâm!

- Có khó gì đâu! Chúng ta sẽ tiếp tục săn.

Công-xây nói.

- Nhưng nên quay ra phía rừng gần bờ biển thì hơn. Công-xây nói đúng nên chúng tôi nghe theo anh ta. Một giờ sau, chúng tôi tới một rừng cây xa-gô rậm rạp. Những con rắn có lẽ không độc trườn dưới chân chúng tôi. Những con chim thiên đường cứ thấy chúng tôi là bay mất. Tôi đã hy vọng bắt một con mang về thì

Công-xây đang đi trước bỗng cúi người xuống rồi phẩn khởi reo lên. Anh ta quay lại tay xách một con chim thiên đường.

- Hoan hô Công-xây!

Tôi nói.

- Giáo sư quá khen!

Công-xây trả lời.

- Anh bạn thật là tài ba! Tay không mà bắt được chim.

- Nếu giáo sư nhìn kỹ hơn một chút thì sẽ thấy công lao của tôi không lớn lắm.

- Vì sao, Công-xây?

- Vì con chim bị say.

- Bị say à?

- Thưa giáo sư vâng. Nó ăn quá nhiều quả hồ đào nên say và bị bắt sống. Anh bạn Nét ơi, hãy xem đây! Sự thái quá đưa đến hậu quả tai hại thế này đây!

Trong khi đó, tôi nghiên cứu con chim lạ. Công-xây không lầm. Con chim đã say vì ăn quả bồ đào và không bay được nữa. Khó khăn lắm nó mới cử động được đôi chân. Nhưng tôi chẳng lo lắng gì về điều đó để nó tỉnh lại dần. Con chim vừa bắt được thuộc loài đẹp nhất trong số tám loài chim thiên đường sống trên đảo Tân Ghi-nê và các đảo lân cận. Nó dài ba mươi cen-ti-mét, đầu tương đối nhỏ, hai mắt ở gần mỏ. Lông chim rất đẹp và có màu sắc hài hòa, mỏ vàng, chân và móng màu nâu thẫm, cánh màu nâu nhạt, cổ màu ngọc bích, bụng và ngực màu hạt dẻ thẫm... Tóm lại, đó là giống chim thần kỳ mà thổ dân gọi bằng cái tên rất nên thơ:

"Chim mặt trời". Tôi mong ước mang về Pa-ri một mẫu chim này để tặng vườn bách thảo.

- Đây là một con chim hiếm à?

Nét hỏi. Là thợ săn anh ta không đánh giá chim muông cao lắm về mặt thẩm mỹ.

- Hết sức hiếm, ông bạn ạ, và chủ yếu là rất khó bắt sống nó. Ngay đến lông chim đã chết cũng có giá trị cao. Vì vậy, thổ dân thường làm tiêu bản giả, như người ta làm ngọc trai và kim cương giả.

- Sao?

Công-xây ngạc nhiên.

- Người ta làm giả cả tiêu bản chim thiên đường nữa ư?

- Đúng.

- Giáo sư có biết họ làm thế nào không?

- Có chứ! Khi gió đông thổi thì bộ lông đuôi đẹp của chim rụng đi. Người ta đi nhặt những lông đó rồi gắn hoặc khâu nó vào đuôi một chú vẹt nào đó đã bị vặt trụi lông. Cuối cùng, họ dùng sơn quét kín đường khâu, lau bóng rồi chở những tác phẩm độc đáo của họ sang bán cho các viện bảo tàng châu Âu hay cho những người sưu tầm của lạ.

Nét Len nói:

- Nếu chim có giả thì lông nó cũng thật. Tôi chẳng thấy vấn đề gì lớn lắm, vì người ta có mua chim về để quay đâu!

Nhưng nếu mong ước có một con chim thiên đường đã được thực hiện thì nguyện vọng của anh chàng Nét vẫn chưa được thỏa mãn. Tuy vậy, lúc gần hai giờ, Nét gặp may, bắn được chú lợn rừng tuyệt vời. Thế là chúng tôi có thịt thú bốn chân thực sự rồi. Nét rất kiêu hãnh về thành tích này. Con lợn trúng đạn bị gục ngay. Nét làm lông và mổ rồi chặt sườn để nướng ăn bữa tối. Sau đó cuộc đi săn tiếp tục và một lát sau lại ghi "chiến công" của Nét và Công-xây. Hai anh chàng sục sạo các bụi rậm làm một bầy đại thỏ nhảy vọt ra. Nhưng chúng có chạy nhanh đến đâu cũng bị những viên đạn có điện bắn trúng.

- Thưa giáo sư!

Nét nói oang oang trong cơn hăng.

- Món này mà ninh như thì ngon tuyệt! Tàu Nau-ti-lux sẽ có biết bao thực phẩm dự trữ. Hai! Ba! Năm con đã bị hạ! Giáo sư thử nghĩ xem, chỉ có chúng ta được chén số thịt này, còn cái quân ngu dân trên tàu thì đừng hòng động tới một miếng nhỏ!

Tôi nghĩ bụng: trong lúc phấn khởi, Nét có thể sẽ diệt cả bầy đại thỏ nếu không mải tán chuyện! Hơn một chục con đại thỏ bị hạ thuộc loại nhỏ, thường sống ở hốc cây và lẩn trốn rất nhanh. Tuy nhỏ nhưng thịt chúng rất ngon. Chúng tôi hết sức hài lòng về kết quả cuộc đi săn. Anh chàng Nét đề nghị hôm sau trở lại hòn đảo tuyệt vời này và đi bắn tất cả những thú bốn chân ăn thịt

được. Nhưng anh ta thường không tính đến những tình huống bất ngờ. Gần sáu giờ tối chúng tôi về tới gần bờ biển. Chiếc thuyền vẫn ở chỗ cũ. Cách bờ hai hải lý, tàu Nau-ti-lux vẫn nổi lên như một dải đá ngầm giữa những làn sóng biển. Nét Len tranh thủ thời gian chuẩn bị bữa ăn. Anh ta quả là một tay nấu ăn có tài. Tôi thấy hình như mình cũng lây phải bệnh của Nét. Tôi cũng phấn chấn lên vì một miếng thịt nướng! Xin bạn đọc tha thứ cho tôi, cũng như tôi đã tha thứ cho Nét về cái nhược điểm ấy! Bữa ăn rất thịnh soạn. Món chim bồ câu, bột xa-gô, trái mì, độ sáu quả dưa và nước dừa càng làm chúng tôi sướng mê người.

- Nếu hôm nay chúng ta không trở về tàu Nau-ti-lux thì sao nhỉ!

Công-xây hỏi.

- Nếu chúng ta không bao giờ trở về tàu nữa thì sao nhỉ?

- Nét nói thêm. Lúc đó một hòn đá bỗng rơi ngay gần chỗ chúng tôi ngồi, và câu hỏi của Nét chẳng có ai trả lời.

CHƯƠNG 22

TIẾNG SÉT CỦA THUYỀN TRƯỞNG NÊ-MÔ

Chúng tôi quay đầu nhìn về phía rừng. Tôi sửng sốt. Chẳng kịp đưa thìa lên miệng. Nét Len đang kết thúc công việc.

- Đá không phải từ trên trời rơi xuống, - Công-xây nói, -trừ thiên thạch. Hòn đá thứ hai tròn trặn làm chiếc thìa trong tay Công-xây rơi xuống, càng thêm trọng lượng cho nhận xét của anh ta. Chúng tôi bật dậy và đưa súng lên vai để chuẩn bị đẩy lùi cuộc tấn công.

- Có lẽ đá do khí ném, - Nét nói.

- Hình như vậy, - Công-xây trả lời, nhưng ngay sau đó anh ta hét lên:

- Thổ dân!

- Về xuống mau!

Tôi hô. Chúng tôi chạy như bay về phía bờ biển. Hành động của chúng tôi thật kịp thời. Phía bên phải, cách chúng tôi chừng một trăm mét, ở cửa khu rừng nhỏ xuất hiện chừng hai chục thổ dân trang bị cung tên. Chúng tôi còn cách bờ độ hai chục mét. Toán thổ dân đi từ từ nhưng rõ ràng có thái độ thù địch. Vì vậy đá và tên tới tấp bay đến! Mặc dù đang bị đe dọa nghiêm trọng, Nét vẫn không quên chỗ thực phẩm vừa kiếm được. Anh ta kẹp thịt lợn vào nách, còn tay thì xách con đại thú. Hai phút sau, chúng tôi tới bờ. Cho thực phẩm và vũ khí xuống thuyền, đẩy thuyền ra khỏi bờ và cầm lấy mũi chèo chỉ mất một phút đồng hồ. Xuống ra cách bờ chưa tới bốn trăm mét thì có đến hơn một trăm thổ dân lợi xuống nước đến ngực, vừa đuổi theo vừa kêu lên một cách man rợ và huơ tay đe dọa. Tôi không rời mắt khỏi tàu Nau-ti-lux và hy vọng tiếng la hét của thổ dân sẽ khiến thủy thủ trên tàu chú ý. Nhưng không, trên boong chiếc tàu ngầm đồ sộ vẫn vắng lặng như tờ. Độ hai mươi phút sau, chúng tôi bước lên boong tàu. Nấp tàu để ngó. Chúng tôi buộc chắc thuyền rồi đi vào trong tàu. Từ phòng khách

vọng ra tiếng đại phong cầm. Tôi vào. Thuyền trưởng Nê-mô đang cúi xuống các phím đàn và thả hồn trong thế giới âm thanh.

- Thuyền trưởng!

Tôi gọi. Nê-mô không nghe thấy gì.

- Thuyền trưởng!

Tôi chạm tay vào vai ông ta. Nê-mô giật mình quay lại:

- Giáo sư đây ư! Đi sẵn có được nhiều không?

- Thưa thuyền trưởng, được rất nhiều. Nhưng chẳng may chúng tôi lại dẫn theo cả một bầy hai chân!

- Cái gì hai chân?

- Bọn man rợ!

- Man rợ à?

Nê-mô nhắc lại bằng một giọng hài hước.

- Giáo sư ngạc nhiên khi đặt chân lên một nơi nào đó trên trái đất, ngài lại gặp những người man rợ à? Người man rợ thì ở đâu chẳng có? Những người ngài gọi là man rợ kém những người khác ở chỗ nào?...

- Nhưng thưa thuyền trưởng...

- Riêng tôi, thưa giáo sư, tôi gặp bọn man rợ ở khắp nơi.

- Nhưng nếu thuyền trưởng không muốn thấy họ trên tàu Nau-ti-lux này thì có cần áp dụng những biện pháp phòng ngừa không?

- Giáo sư chớ lo, chẳng có gì phải phòng ngừa họ cả.

- Nhưng chúng rất đông.

- Thế ngài đếm được bao nhiêu?

- Ít nhất là một trăm.

- Thưa ngài A-rô-nác, - tay Nê-mô vẫn không rời khỏi phím đàn, - cứ cho tất cả dân ở Niu Ghê-nê này tập trung ở bờ, tàu Nau-ti-lux cũng chẳng sợ gì.

Những ngón tay của Nê-mô lướt trên phím đàn. Tôi nhận thấy ông ta chỉ bấm xuống những phím đen. Vì vậy, các giai điệu, có màu sắc hoàn toàn Xcôt-len. Nê-mô quên hẳn sự có mặt của tôi mà thả hồn vào cõi mộng. Tôi chẳng muốn quấy rầy ông ta nữa.

Tôi lên boong. Đêm đã đến. Ở độ vĩ này mặt trời thường lặn đột ngột và không có hoàng hôn. Đảo Ghê-bô-Roa đã nhòa đi trong sương mù phía xa. Nhưng những đồng lửa còn cháy trên bờ chúng tỏ thổ dân chưa muốn giải tán. Tôi đứng một mình trên boong mấy tiếng liền, khi thì nhớ lại chuyện chạm trán với thổ dân nhưng không còn hoảng sợ nữa vì sự vững tin của thuyền trưởng đã truyền sang tôi -khi thì ngắm cảnh huy hoàng của đêm nhiệt đới. Tôi nhớ nước Pháp và dõi theo chòm sao hoàng đạo mấy giờ nữa sẽ lấp lánh trên bầu trời Tổ quốc tôi. Trăng mọc. Tôi nghĩ, vệ tinh trung thành và duyên dáng của hành tinh chúng ta hăm bốn tiếng đồng hồ nữa sẽ quay lại vùng biển này để dâng nước lên và nâng thuyền ra khỏi bãi san hô này. Đến gần nửa đêm, khi đã thấy rõ rằng trên những làn nước đen thẫm này cũng yên tĩnh như trong những khu rừng gần bờ, tôi xuống phòng riêng và ngủ một giấc ngon lành. Đêm trôi qua một cách êm ả. Chắc thổ dân Pa-poa hoảng sợ trước con quái vật đang nằm trên bãi san hô, nếu không, họ có thể dễ dàng lọt vào trong tàu. Chín giờ sáng mừng 8 tháng giêng tôi lên boong. Sương mù tan dần, và một lúc sau đảo hiện ra: thoát tiên là dải bờ biển, sau đó là những ngọn núi cao. Thổ dân vẫn tụ tập trên bờ. Họ đông hơn hôm trước có tới năm, sáu trăm người. Những người gan dạ hơn lợi dụng lúc triều xuống, tiến cách chỗ tàu đồ chừng gần bốn trăm mét. Tôi thấy rõ mặt họ. Đó là những người Pa-poa chính cống, thân hình lực lưỡng, trán rộng và thẳng đứng, mũi to nhưng không tẹt, răng trắng. Thật là một bộ lạc đẹp đẽ! Bộ tóc quăn hung đỏ rất trái ngược với nước da đen bóng. Rái tai xẻ đôi đeo những khuyên bằng xương xệ xuống. Nói chung họ không mặc quần áo. Tôi thấy mấy người đàn bà mặc váy đàn bằng cỏ, che không kín đầu gối. Một số đàn ông đeo những chuỗi hạt trắng và đỏ ở cổ. Hầu hết đều trang bị cung tên và lá chắn, sau lưng đeo lưới đựng đầy đá tròn mà họ phóng đi rất trúng đích.

Một thủ lĩnh của họ tiến đến khá gần tàu và chăm chú quan sát. Muốn bắn hắn ta thật chẳng khó gì. Nhưng tôi cho rằng tốt hơn là nên đợi họ tấn công trước. Khi chạm trán với thổ dân thì nên tự vệ hơn là tấn công. Trong thời gian nước triều xuống, thổ dân cứ lẩn quẩn ở quanh tàu nhưng không tỏ vẻ thù địch gì. Họ lặn đi lặn lại từ "át xát" mà theo cử chỉ của họ, tôi hiểu rằng họ muốn mời tôi lên bờ, nhưng tôi từ chối. Đến 11 giờ trưa, khi triều bắt đầu dâng lên làm các mỏm đá san hô chìm xuống thì đám thổ dân quay lên bờ. Chắc họ từ các đảo lân cận, đúng hơn là từ đảo

Pa-poa đến. Tuy vậy, chẳng thấy một chiếc thuyền độc mộc nào. Để giết thời gian, tôi nảy ra một ý kiến nạo vét đáy biển một chút, vì ở đây rất nhiều sò ốc và tảo. Qua làn nước trong vắt, có thể nhìn thấu biển sâu. Vả lại, hôm nay là ngày cuối cùng tàu Nau-ti-lux ở vùng biển này, vì theo lời thuyền trưởng Nê-mô, ngày mai khi triều lên, tàu Nau-ti-lux sẽ quay ra khơi. Tôi gọi Công-xây mang đến cho tôi một cái gàu.

- Còn những thổ dân kia thì sao?

Công-xây hỏi.

- Thừa giáo sư, hình như họ cũng không đến nổi dữ tợn lắm.

- Nhưng họ ăn thịt người anh bạn ạ!

- Chắc họ ăn thịt người, nhưng có thể vẫn lương thiện.

- Thôi được, Công-xây ạ, cứ tạm cho ý kiến anh là đúng. Giả sử họ chén thịt tù binh một cách lương thiện, nhưng tôi vẫn không muốn bị thịt nên phải cảnh giác.

Rõ ràng là thuyền trưởng Nê-mô không chuẩn bị những biện pháp đề phòng. Suốt hai tiếng đồng hồ, chúng tôi nạo vét đáy biển nhưng chẳng vớt được cái gì đáng kể... Tuy vậy, cuối cùng tôi bỗng vớ được một vật lạ của thiên nhiên, một vật hết sức hiếm. Đó là một vỏ ốc không xoắn từ phải sang trái như thường thấy, mà xoắn từ trái sang phải. Tôi và Công-xây đang mải ngắm cái vỏ ốc quý giá ấy và tôi đã nghĩ tới việc mang nó về viện bảo tàng Pa-ri thì một hòn đá bỗng rơi trúng con ốc làm nó vỡ nát trong tay Công-xây. Tôi hét lên. Công-xây vớ lấy khẩu súng của tôi, giơ lên ngắm vào người thổ dân đứng cách chỗ tôi chừng mười mét. Tôi lao tới chỗ Công-xây, nhưng anh ta đã bóp cò. Viên đạn có điện làm vỡ tan cái vòng đeo ở cổ tay người đó. Tôi kêu:

- Công-xây! Công-xây!

- Thừa giáo sư, ngài không thấy nó tấn công ta trước hay sao?

- Nhưng một con ốc không đáng để hại một người.

- Chà, quân ăn hại!

Công-xây rít lên.

- Thà nó làm gãy vai mình đi còn hơn! Công-xây nói thành thực, nhưng tôi vẫn giữ vững ý kiến của mình. Trong khoảng thời

gian ngắn ngủi mà chúng tôi mãi mê với cái vỏ ốc thì tình hình đã biến đổi. Độ hai chục chiếc thuyền độc mộc vây quanh tàu Nau-ti-lux. Thuyền độc mộc của thổ dân vùng này là những thân cây đẽo, dài và hẹp, đi rất nhanh và vững vàng. Trên thuyền là những người mình trần đóng khố. Tôi không khỏi lo lắng khi thấy họ ngày càng lướt tới gần tàu.

Chắc dân Pa-poa đã quan hệ với người Âu nên khá quen thuộc tàu thuyền của họ. Nhưng còn "điều xì gà" bằng thép dài, hơi nhô lên mặt nước, không cột buồm, không ống khói này thì sao? Nó chẳng hứa hẹn điều gì tốt lành cả! Vì vậy một thời gian họ không dám đến gần tàu. Nhưng thấy tàu đứng yên họ mạnh bạo dần và chờ thời cơ để "làm quen" với chúng tôi. Súng của chúng tôi bắn không kêu nên họ không sợ như những loại súng nổ to... Những chiếc thuyền độc mộc đã tới sát tàu và tên bắt đầu rơi như mưa bên boong.

- Quả là chúng bắn như mưa rào!

Công-xây nói.

- Chẳng biết tên có tẩm thuốc độc không?

- Phải báo cho thuyền trưởng Nê-mô biết mới được, - tôi vừa nói vừa bước vào trong tàu.

Tôi đi thẳng vào phòng khách. Ở đó chẳng có ai. Tôi bèn gõ cửa phòng thuyền trưởng.

- Mời vào, - có tiếng trả lời phía sau cửa.

Tôi bước vào. Thuyền trưởng đang bận tính toán, trên giấy toàn những dấu X và những công thức đại số phức tạp.

- Tôi đã làm phiền thuyền trưởng?

Tôi hỏi một cách lịch sự.

- Thưa ngài, đúng vậy. Nhưng chắc ngài có lý do gì đó quan trọng lắm.

- Hết sức quan trọng! Thuyền của thổ dân đã bao vây tàu và mấy phút nữa chắc chúng ta sẽ phải chống lại cuộc tấn công của họ.

- À! Thuyền trưởng bình tĩnh nói.

- Họ đến bằng thuyền độc mộc à?

- Vâng.
- Được! Cần đóng nắp tàu lại.
- Tất nhiên! Tôi đến để báo ngài biết.
- Không có gì đơn giản hơn, - Nê-mô nói. Rồi Nê-mô bấm chuông điện ra lệnh cho thủy thủ.
- Thưa giáo sư, thế là xong. Xuồng đã được đặt vào chỗ cũ, nắp tàu đã đóng. Tôi chắc ngài không sợ các vị đó chọc thủng vỏ tàu mà ngay đạn đại bác trên chiếc tàu chiến của ngài cũng không làm gì nổi.
- Thưa thuyền trưởng, vấn đề không phải ở chỗ đó! Có một mối nguy khác.
- Mối nguy gì, thưa ngài?
- Ngày mai, cũng vào giờ này, ta lại phải mở nắp tàu để bơm không khí vào các bể chứa.
- Đúng vậy! Tàu chúng ta thở theo kiểu cá voi.
- Lúc đó bọn Pa-poa sẽ chiếm boong tàu! Ta làm thế nào để trừ được chúng?
- Giáo sư tin rằng họ sẽ trèo lên tàu?
- Tôi tin vậy.
- Được, cứ để họ trèo lên. Tôi thấy không có lý do gì cản trở họ. Dân Pa-poa thật đáng thương! Tôi không muốn việc mình đến thăm đảo Ghê-bô-roa lại làm một người nào của họ bị thiệt mạng! Nói chuyện xong, tôi muốn cáo từ, nhưng Nê-mô giữ tôi lại và mời tôi ngồi xuống bên cạnh. Ông ta hỏi han tôi về những chuyến đi săn trên đảo và hình như không thể hiểu nổi sự thèm ăn thịt của Nét. Sau đó câu chuyện chuyển sang đề tài khác. Tuy Nê-mô không cởi mở hơn trước, nhưng tôi thấy ông ta có vẻ đáng yêu hơn. Chúng tôi đề cập tới tình hình tàu Nau-ti-lux bị mắc cạn ở vùng biển, nơi tàu của Đuy-mông Đuyéc-vin suýt bị đắm. Nê-mô nói:
 - Ông Đuyéc-vin là một trong những người đi biển vĩ đại của nước ông và là một trong những nhà hàng hải thông thái nhất. Ông ta thật bất hạnh! Ông ta đã chế ngự được băng giá Nam cực, những bãi san hô ngầm của châu Đại dương, nhưng lại chết một cách vô nghĩa trong một tai nạn xe lửa! Nếu như con người cương nghị ấy có thời gian suy nghĩ trong những phút cuối cùng của đời

mình thì giáo sư thử hình dung xem ông ta sẽ đau đớn đến mức nào? Nói những lời đó, Nê-mô không giấu được xúc động, và sự xúc động đó khiến ông ta đáng tôn kính.

- Những việc ông Đuyéc-vin làm trên mặt biển, - Nê-mô nói tiếp, - tôi đã làm lại dưới biển sâu, nhưng chính xác hơn và tốn ít công sức hơn. Tàu A-xơ-rô-láp và Dê-lê trước kia luôn luôn phải chống chọi với bão biển, không thể sánh được với tàu Nau-ti-lux - một tòa nhà ngầm dưới nước, một phòng nghiên cứu thật yên tĩnh!

- Nhưng thưa thuyền trưởng, - tôi nói, -giữa tàu của Đuyéc-vin và tàu Nau-ti-lux có một vài chỗ giống nhau.

- Thưa giáo sư, giống nhau ở chỗ nào?

- Cả ba tàu đều bị mắc cạn ở chỗ này!

- Thưa ngài, tàu Nau-ti-lux không bị mắc cạn đâu, - Nê-mô lạnh lùng trả lời.

- Cấu tạo của nó cho phép ta có thể nghỉ ngơi thoải mái giữa biển. Và để thoát khỏi chỗ cạn này, tôi không phải quá mệt nhọc như ông Đuyéc-vin đâu. Tàu A-xơ-rô-láp và Dê-lê suýt nữa thì chết ở eo biển này, còn tàu Nau-ti-lux của tôi thì chẳng gặp một nguy hiểm gì. Ngày mai vào giờ đã định, nước triều dâng sẽ nhẹ nhàng nâng tàu lên và tàu sẽ chạy ra khơi.

- Thưa thuyền trưởng, tôi không nghi ngờ.

- Đêm mai, - Nê-mô kết luận, -đêm mai vào hai giờ bốn mươi phút, tàu Nau-ti-lux sẽ nổi lên và ra khỏi eo biển này một cách vô sự. Nê-mô nói những lời đó một cách rất gay gắt rồi đứng dậy, gạt đầu tỏ ý kết thúc câu chuyện. Tôi trở về phòng riêng của mình. Công-xây đang ở đó. Anh ta muốn biết kết quả cuộc gặp gỡ với Nê-mô thế nào.

- Bạn ơi, - tôi nói, - Nê-mô đã cười tôi khi tôi vừa đề cập tới chuyện thổ dân Pa-poa đe dọa tàu Nau-ti-lux. Thôi được, chúng ta cứ trông cậy ở thuyền trưởng và chúc nhau ngủ ngon. Tôi nằm xuống nhưng ngủ không yên giấc. Vọng đến tai tôi những tiếng kêu điên dại của thổ dân đã ủa lên boong tàu. Thủy thủ vẫn im lìm như cũ. Họ chẳng hề lo lắng gì về sự có mặt của đám thổ dân trên tàu. Tôi thức dậy lúc sáu giờ sáng. Nắp tàu còn đóng kín. Đúng là dưỡng khí không được dự trữ thêm từ hôm qua. Tuy vậy, những bình dưỡng khí dự trữ được sử dụng kịp thời đã cung cấp mấy mét khối, làm không khí dễ thở hơn. Tôi làm việc trong phòng

đến giữa trưa mà chẳng thấy bóng Nê-mô đâu. Cũng chẳng thấy một sự chuẩn bị nào cho tàu chạy. Đợi thêm một lát, tôi ra phòng khách. Đồng hồ chỉ hai giờ rưỡi. Mười phút nữa, nước triều sẽ lên tới mức cao nhất, và nếu thuyền trưởng Nê-mô tính toán không lầm thì tàu sẽ thoát khỏi chỗ cạn. Nếu không, nó sẽ phải nằm hàng tháng trên bãi san hô này. Kia thân tàu đã bắt đầu rung chuyển, báo hiệu trước một sự giải phóng! Hai giờ ba mươi phút, thuyền trưởng bước vào phòng khách và nói:

- Chúng ta bắt đầu đi.

- Vâng!

Tôi trả lời.

- Tôi đã ra lệnh mở nắp tàu.

- Thế còn bọn Pa-poa?

- Bọn Pa-poa à?

Nê-mô hơi nhún vai.

- Nhỡ chúng lọt được vào trong tàu thì sao?

- Lọt vào bằng cách nào?

- Qua nắp tàu.

- Thưa ngài A-rô-nắc, - Nê-mô điềm tĩnh trả lời, -không phải bao giờ cũng vào được qua nắp tàu Nau-ti-lux ngay khi nó mở. Tôi nhìn Nê-mô.

- Giáo sư không hiểu à?

Ông ta hỏi.

- Hoàn toàn không.

- Mời giáo sư theo tôi, rồi ngài sẽ hiểu hết. Chúng tôi tới cầu thang giữa. Nét Len và Công-xây đã có mặt ở đó và đang tò mò xem mây thủy thủ mở nắp tàu. Những tiếng la hét từ boong tàu vọng xuống. Nắp tàu được lật ra phía ngoài... khoảng hai chục bộ mặt đáng sợ nhòm xuống. Nhưng người thổ dân thứ nhất chưa kịp nắm tay vào tay vịn cầu thang thì đã bị một sức mạnh vô hình hất ngã ra phía sau. Người đó rú lên một cách man rợ và cầm đầu chạy. Khoảng một chục người khác định lao xuống cầu thang nhưng cũng chịu chung số phận đó. Công-xây khoái trá. Nét Len

bị bản năng kích thích cũng lao tới cầu thang. Nhưng vừa chạm vào tay vịn, anh ta cũng bị hất ngã ra phía sau.

- Đồ quỷ!

Nét găm lên.

- Tôi như bị sét đánh. Đến đây thì tôi đã hiểu hết. Những tay vịn ở cầu thang chính là những dây cáp có điện mạnh. Ai đụng vào đó cũng bị giật. Điện giật có thể chết người nếu Nê-mô cho chạy vào đó tất cả các ắc quy trên tàu! Tóm lại, giữa những kẻ đang tấn công và chúng tôi tựa như có một bức màn điện mà chẳng ai lọt qua được một cách an toàn. Những người Pa-poa hoảng sợ xô nhau chạy. Còn chúng tôi thì phải nín cười mà an ủi và xoa bóp cho Nét Len lúc đó đang chửi bới âm ỉ. Một đợt sóng lớn bỗng nâng tàu Nau-ti-lux lên khỏi bãi san hô! Lúc đó là hai giờ bốn mươi phút, đúng thời gian Nê-mô đã nói. Chân vịt bắt đầu quay với tốc độ ngày càng tăng. Chiếc tàu ngăm nổi lên mặt đại dương và ra khỏi eo biển Tô-rex nguy hiểm một cách bình yên vô sự.

CHƯƠNG 23

CƠN NGỦ KHÔNG THỂ GIẢI THÍCH ĐƯỢC

Hôm sau, mừng 10 tháng giêng, tàu Nau-ti-lux ra khơi. Nó chạy với tốc độ ba mươi nhăm hải lý một giờ. Chân vịt quay nhanh đến nỗi tôi không thể tính được bao nhiêu vòng trong một phút. Nhưng khi tôi nhớ tới sức điện, cái sức mạnh thần kỳ chẳng những đẩy tàu chạy, sưởi ấm và chiếu sáng tàu mà còn bảo vệ tàu chống lại sự tấn công từ bên ngoài, biến tàu thành một vật bất khả xâm phạm. Và những ý nghĩ của tôi bất giác lại hướng về người đã tạo ra sức mạnh thần kỳ đó! Chúng tôi đi thẳng về hướng tây và ngày 11 tháng giêng vòng qua mũi Oét-xen. Đảo này rộng một ngàn sáu trăm hăm nhăm dặm vuông, do những tù trưởng Rát-giơ cai trị. Những tù trưởng này tự nhận là con trai của cá sấu, nói khác đi là xem mình thuộc loài thượng đẳng. Tổ tiên của họ -cá sấu -rất nhiều ở các con sông vùng này và được tôn sùng đặc biệt. Chúng được bảo vệ, chiều chuộng, cho ăn và được hiến dâng cả những cô gái đẹp. Rủi ro cho những thổ dân nào dám động tới con vật linh thiêng này! Nhưng tàu Nau-ti-lux không chạm trán với chúng. Tàu chạy ngang qua đảo Ti-mo lúc giữa trưa, khi viên thuyền phó lên quan sát như thường lệ...

Đến đây, tàu Nau-ti-lux hướng về phía tây nam và tiến vào án Độ Dương. Thuyền trưởng Nê-mô định đưa chúng tôi đến phương trời nào đây? Ông ta có quay lại bờ biển châu á không? Hay ông ta đến bờ biển châu R□u? Chắc không! Kẻ đang trốn tránh những lực địa đông người đi về phía đó làm gì? Hay Nê-mô sẽ vòng qua mũi Hảo Vọng và mũi Hoóc? Liệu ông ta có dám cho tàu đi Nam Cực không? Hay ông ta lại quay về Thái Bình Dương mệnh mông, nơi tàu Nau-ti-lux có thể tha hồ vùng vẫy? Tương lai sẽ giải đáp những câu hỏi này! Ngày 14 tháng giêng, tàu đã ra tới giữa biển khơi. Nó chuyển sang tốc độ trung bình và theo lệnh thuyền trưởng, lúc thì lặn xuống sâu, lúc thì nổi lên mặt nước. Trong khi tàu chạy, Nê-mô tiến hành những cuộc đo nhiệt độ đại

dương ở những độ sâu khác nhau. Tôi theo dõi việc nghiên cứu đó một cách hết sức thú vị. Nê-mô rất say 81 82 sưa với những thí nghiệm của mình. Tôi thường tự hỏi: ông ta nghiên cứu khoa học để làm gì? Để phục vụ loài người ư? Chắc không phải, vì sớm muộn những công trình nghiên cứu của ông ta cũng sẽ chết theo ông ta ở một vùng biển nào đó không được ghi trên bản đồ!... Tuy vậy, thuyền trưởng Nê-mô vẫn giới thiệu với tôi những số liệu thu được về kết quả nghiên cứu độ đậm đặc của nước ở những vùng biển chủ yếu nhất trên trái đất. Qua câu chuyện, tôi được biết Nê-mô không lãng tránh những vùng biển nhộn nhịp của châu Âu. Từ đó, tôi kết luận rằng sẽ có lúc - chẳng biết sớm hay muộn - chúng tôi sẽ tới gần bờ những lục địa văn minh hơn. Tôi nghĩ Nét Len chắc sẽ mừng lắm trước khả năng này. Tôi và thuyền trưởng Nê-mô có khi bỏ ra mấy ngày liền để nghiên cứu khoa học: xác định các độ sâu khác nhau của nước biển, xác định độ sâu của ánh sáng xuyên qua nước biển. Trong mọi trường hợp, Nê-mô đều tỏ ra có đầu óc sáng tạo lạ thường. Sau đó, ông ta lại biến mất và tôi lại trở về tình trạng cô đơn trên chiếc tàu ngầm của ông ta. Ngày 16 tháng giêng, tàu Nau-ti-lux dường như chìm trong giấc ngủ say dưới mặt biển mấy mét. Các máy điện ngừng chạy, chân vịt ngừng quay, để mặc con tàu trôi theo dòng nước. Tôi định ninh rằng các thủy thủ đang bận chữa máy vì vừa qua tàu đã chạy quá nhanh. Cũng hôm đó, tôi và các bạn tôi được chứng kiến một hiện tượng kỳ lạ. Cánh cửa sắt ở phòng khách mở ra. Chiếc đèn pha không bật sáng. Bầu trời bị mây đông bao phủ đang chiếu ánh sáng yếu ớt xuống lớp nước trên cửa đại dương. Tôi đang ngắm nhìn vùng nước xung quanh và những con cá lớn bơi ngang qua tàu thì bỗng rơi vào một dải ánh sáng chói lòa. Thoạt tiên tôi tưởng rằng đèn pha vừa bật lên, nhưng khi nhìn kỹ hơn, tôi hiểu là mình đã lầm. Tàu Nau-ti-lux bị dòng nước cuốn vào vùng nước sáng. ánh sáng đó do hàng hà sa số những cơ thể li ti dưới biển phát ra và càng được tăng lên khi gặp vỏ tàu bằng kim loại phản chiếu. Suốt mấy giờ liền, tàu chạy trong vùng nước đó. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy những con cá lớn vùng vẫy trong đó! Trong ánh sáng sinh động ấy tung tăng những chú cá heo, những anh "hề" không biết mệt mỏi của biển cả, và loài cá kiếm -báo báo -dài tới ba mét, nhiều khi chạm kiếm vào ô cửa kính của tàu. Sau đó xuất hiện hàng trăm loài cá nhỏ. Có lẽ phía trên đại dương đang có đông, nhưng ở dưới sâu mấy mét này thì không cảm thấy gì. Tàu vẫn bập bênh giữa những làn sóng biển. Những cảnh kỳ diệu nối tiếp nhau hiện ra trước những con

mắt kính ngạc của chúng tôi. Cuộc sống trong chiếc tàu ngầm đối với chúng tôi hình như có vẻ tự nhiên và dễ chịu hơn trước nhiều. Chúng tôi bắt đầu quên rằng có một cuộc sống khác trên trái đất này. Nhưng một chuyện bất ngờ đã xảy ra kéo chúng tôi trở lại thực tế. Ngày 18 tháng giêng, tàu Nau-ti-lux chạy ngang qua 105 độ kinh và 15 độ vĩ. Mây đen kéo đến, biển động.

Phong vũ biểu mấy ngày qua xuống dần, báo trước một cơn bão. Tôi lên boong đúng lúc viên thuyền phó đang quan sát chân trời. Tôi chờ ông ta nói lên câu nói thường lệ. Nhưng lần này ông ta lại nói một câu khác mà tôi cũng chẳng hiểu gì. Thuyền trưởng Nê-mô lập tức xuất hiện trên boong. Ông ta đưa kính lên quan sát chân trời. Mấy phút liền ông ta chăm chú theo dõi một chấm đen ở phía xa. Sau đó, ông ta quay lại trao đổi mấy câu với thuyền phó. Thuyền phó tỏ vẻ rất xúc động tuy đã cố giữ bình tĩnh. Nê-mô tự chủ hơn. Chắc ông ta vừa phát biểu một ý kiến gì mà viên thuyền phó không tán thành. Tôi đoán như vậy là căn cứ vào giọng nói và cử chỉ của hai người. Tôi căng mắt nhìn về phía xa mù sương nhưng chẳng thấy gì. Chân trời vẫn hoang vắng. Thuyền trưởng Nê-mô đi đi lại lại trên boong và không nhìn về phía tôi. Bước chân Nê-mô vẫn chắc nịch nhưng có vẻ không đều đặn như lúc thường. Đôi khi ông ta dừng lại và khoanh tay trước ngực nhìn ra biển. Ông ta tìm gì trong đại dương mênh mông này? Tàu Nau-ti-lux còn cách bờ hàng trăm hải lý. Đến lượt viên thuyền phó đưa ống kính lên quan sát. Ông ta bồn chồn, nôn nóng ra mặt, khác hẳn với thuyền trưởng. Câu chuyện khó hiểu này cũng sắp được sáng tỏ vì theo lệnh Nê-mô, máy móc trên tàu bắt đầu hoạt động khẩn trương. Viên thuyền phó lại lưu ý Nê-mô về một chấm đen phía chân trời. Nê-mô dừng lại rồi đưa ống kính về phía đó. Ông ta quan sát rất lâu. Còn tôi vì bị kích thích ghê gớm bởi chuyện đó nên xuống phòng khách lấy một ống kính rất tốt mà tôi vẫn dùng rồi mang lên boong. Nhưng tôi chưa kịp đưa ống kính lên mắt thì nó đã bị giật ra khỏi tay tôi. Tôi quay lại. Trước mặt tôi là thuyền trưởng Nê-mô. Tôi không nhận ra ông ta nữa. Mặt ông ta biến dạng đi: hai mắt đỏ ngầu, lông mày nhíu lại, hai bàn tay nắm chặt, đầu rụt lại - tất cả đều toát lên sự căm giận cao độ. Nê-mô không nhúc nhích! ống kính nằm lăn dưới sàn. Vì sao Nê-mô nổi giận? Hay ông ta cho rằng tôi đã khám phá ra điều bí mật mà với tư cách là tù nhân của tàu Nau-ti-lux tôi không được đụng chạm tới? Không! Nê-mô không nổi giận vì tôi! Thậm chí ông ta chẳng nhìn tôi nữa. Ông ta đắm đắm nhìn chân trời. Cuối cùng Nê-mô đã

tự chủ được. Mặt ông ta trở lại lạnh lùng như lúc thường. Ông ta trao đổi vài lời với viên thuyền phó. Rồi ông ta nói với tôi như ra lệnh:

- Ngài A-rô-nắc, ngài cần tuân theo điều kiện đã ràng buộc ngài với tôi.

- Thưa thuyền trưởng, điều kiện gì vậy?

- Ngài và hai người cùng đi phải ở trong phòng kín cho tới khi tôi thấy có thể phóng thích được các ngài.

Tôi trả lời, mắt nhìn đăm đăm vào Nê-mô:

- Ở đây ngài là chủ. Nhưng xin phép ngài cho hỏi một câu.

- Không hỏi gì hết, thưa ngài!

Tranh cãi lúc này là vô ích. Tôi đành phục tùng. Tôi vào phòng của Nét Len và Công-xây báo cho họ biết ý định của thuyền trưởng. Các bạn thử hình dung xem mệnh lệnh đó đã gây ấn tượng thế nào đối với Nét! Nhưng còn đâu thì giờ để lý sự nữa! Bốn thủy thủ đã chờ chúng tôi ở cửa. Chúng tôi được đưa sang đúng cái phòng mà họ đã giam giữ chúng tôi ngày đầu tiên trên tàu Nau-ti-lux. Nét Len định phản đối, nhưng cánh cửa đã sập lại.

- Thưa giáo sư, ngài có hiểu vì sao lại xảy ra chuyện này không?

Công-xây hỏi. Tôi kể lại tất cả những điều đã thấy. Nét và Công-xây cũng ngạc nhiên như tôi và cũng chẳng đoán ra chuyện gì. Về mặt giận dữ của thuyền trưởng vẫn ám ảnh đầu óc tôi. Tôi suy nghĩ mung lung và đề ra những giả thiết vớ vẩn. Tiếng reo của Nét kéo tôi ra khỏi sự suy nghĩ:

- Kìa, trên bàn có thức ăn sáng! Mệnh lệnh này chắc đã được thi hành lúc thuyền trưởng ra lệnh cho tàu phóng nhanh. Công-xây bảo tôi:

- Xin giáo sư cho phép tôi khuyên một điều.

- Anh bạn cứ nói.

- Giáo sư nên ăn sáng cho chắc dạ. Vì chưa biết sẽ xảy ra chuyện gì.

- Anh nói đúng.

- Chao ôi, người ta lại cho ăn món cá!

Nét Len phàn nàn.

- Anh bạn Nét ơi, nếu không được ăn sáng thì sao hả anh?

Ý kiến của Công-xây làm Nét hết kêu ca. Chúng tôi ngồi vào bàn và ăn một cách lặng lẽ. Tôi ăn ít. Công-xây thì tự ép mình ăn để phòng bất trắc. Còn Nét thì chẳng bỏ phí một chút nào! ...n xong, chúng tôi tựa vào các góc phòng mà thiu thiu ngủ. Bóng đèn bán cầu tắt đi khiến chúng tôi chìm trong bóng tối. Nét thiếp đi ngay. Tôi ngạc nhiên vì Công-xây cũng vậy! Cái gì đã gây cho anh ta cơn ngủ bất ngờ ấy? Cả tôi nữa cũng bắt đầu buồn ngủ díp mắt. Tôi chống lại. Nhưng hai mí cứ trĩu xuống và khép lại. Tôi bắt đầu thấy ảo ảnh. Đúng là thức ăn vừa rồi có trộn lẫn thuốc ngủ! Chẳng lẽ Nê-mô đã nhốt chúng tôi vào phòng kín lại còn bắt chúng tôi dùng thuốc ngủ nữa sao? Tôi thu hết sức lực còn lại để chống chọi với cơn ngủ. Nhưng không nổi nữa rồi! Ngày càng khó thở hơn. Chân tay tôi bị lạnh cứng ra như bị liệt. Mí mắt nặng như chì khép chặt lại không sao mở ra được. Tôi thấy ác mộng. Nhưng mộng mị bỗng chấm dứt. Tôi ngất đi.

CHƯƠNG 24

VƯƠNG QUỐC SAN HÔ

Đến sáng tôi tỉnh dậy, đầu óc tỉnh táo. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy mình nằm trên giường trong phòng riêng. Chắc Nét và Công-xây cũng được khiêng về phòng riêng của họ. Họ cũng không thể biết chuyện gì xảy ra đêm qua hơn tôi. Chỉ còn hy vọng một sự tình cờ nào đó trong tương lai sẽ làm sáng tỏ câu chuyện bí ẩn này. Tôi muốn thở hít không khí trong lành. Nhưng không biết có ra ngoài được không, cửa phòng có bị khóa không? Tôi đẩy cửa. Cửa không bị khóa. Tôi theo hành lang hẹp đi về phía thang. Nắp tàu hôm trước đóng kín, nay đã mở. Tôi lên boong. Nét Len và Công-xây đã đợi tôi ở đó. Tôi hỏi họ đêm qua thế nào, nhưng họ chẳng nhớ gì. Hôm qua họ bị thiếp đi đến sáng nay mới tỉnh dậy, và rất ngạc nhiên thấy mình nằm trong phòng riêng! Tàu Nau-ti-lux vẫn im lìm và bí ẩn như trước. Nó đang chạy giữa biển khơi với tốc độ vừa phải. Trên tàu chẳng thấy một sự thay đổi nào. Nét Len uống công quan sát chân trời. Đại dương vắng lặng. Nét chẳng thấy một cánh buồm nào, một dải đất nào. Gió tây thổi mạnh. Con tàu bập bênh trên sóng. Sau khi dự trữ không khí, tàu lại lặn xuống sâu độ mười lăm mét. Khi cần tàu có thể dễ dàng nổi lên mặt nước. Hôm đó, 19 tháng giêng, khác với lệ thường, tàu nhiều lần nổi lên lặn xuống.

Và cứ mỗi lần nổi lên, viên thuyền phó lại lên boong và nói câu nói quen thuộc. Thuyền trưởng Nê-mô không xuất hiện. Trong số thủy thủ, hôm đó tôi chỉ thấy người phục vụ vẫn lặng lẽ cho chúng tôi ăn uống một cách chu đáo. Khoảng hai giờ chiều, tôi đang ngồi chỉnh lý lại những ghi chép của mình thì thuyền trưởng Nê-mô vào. Tôi chào ông ta. Nê-mô gật đầu chào lại. Tôi tiếp tục công việc và thầm hy vọng rằng Nê-mô sẽ nói tới những việc xảy ra đêm qua. Nhưng ông ta chẳng nói gì. Tôi nhìn Nê-mô. Ông ta có vẻ mệt mỏi, hai mắt đỏ ngầu chứng tỏ đã thức trắng đêm. Một nỗi buồn sâu sắc và sự đau khổ thực sự đã in dấu trên khuôn mặt

cương nghị của Nê-mô. Ông ta đi đi lại lại trong phòng, ngồi xuống đi-văng rồi lại đứng dậy cầm lấy một cuốn sách nào đó rồi lại ném xuống, đến xem các máy móc nhưng không ghi chép gì như mọi khi. Hình như Nê-mô đang xúc động lắm. Cuối cùng Nê-mô hỏi tôi:

- Ngài A-rô-nắc, ngài là bác sĩ phải không? Tôi bị hỏi bất ngờ nên lúng túng và im lặng nhìn Nê-mô.

- Ngài là bác sĩ phải không?

Nê-mô nhắc lại.

- Nhiều người đồng sự với ngài như Gra-xi-ô-lê, Mô-can-h, Tăng-đông vân vân đều có học y.

- Vâng, tôi đã từng làm bác sĩ. Trước khi làm việc ở Viện bảo tàng, tôi đã nhiều năm làm bác sĩ điều trị ở bệnh viện.

- Thế thì tốt lắm!

Câu trả lời của tôi làm Nê-mô rất hài lòng. Nhưng tôi không biết ông ta định nói gì thêm nên chờ hỏi tiếp, định bụng sẽ tùy theo tình hình cụ thể mà trả lời. Nê-mô nói:

- Ngài A-rô-nắc, một thủy thủ của tôi đang cần được chữa chạy. Ngài có thể khám cho anh ta được không!

- Trên tàu có người ốm ả?

- Vâng.

- Tôi sẵn sàng phục vụ ngài.

Thú thật là tim tôi đập thành thịch. Tự nhiên tôi liên hệ việc người thủy thủ bị ốm với sự việc đêm qua. Nê-mô dẫn tôi về phía lái rồi mở cửa một căn phòng cạnh phòng thủy thủ. Một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi có khuôn mặt cương nghị của người Anh, nằm trên giường. Tôi tới gần giường. Đó là một người bị thương chứ không phải là người ốm. Đầu anh ta quấn băng bê bết máu, đặt trên gối. Anh ta nhìn tôi trừng trừng. Khi tôi tháo băng ra, anh ta không hề nói một lời. Vết thương thật khủng khiếp. Sợ bị một vật nhọn đâm thủng một lỗ sâu hoắm, phòi cả óc ra. Nạn nhân thở rất khó khăn. Đôi lúc mặt bị méo hằn đi. Tôi bắt mạch. Tim đập không đều, mạch thỉnh thoảng bị mất. Chân tay bắt đầu lạnh dần. Nạn nhân đang hấp hối, không có gì cứu vãn nổi! Tôi lấy bông băng mới băng lại vết thương rồi sửa lại gối cho ngay ngắn. Tôi quay lại hỏi Nê-mô:

- Vết thương này do vật gì gây ra.
- Vật gì gây ra mà chẳng vậy, thưa ngài!
- Nê-mô tránh không trả lời thẳng.

- Vì rung chuyển quá mạnh nên tay đòn của máy bị gãy và văng vào đầu người này. Ngài thấy nạn nhân thế nào? Tôi lưỡng lự.

- Ngài có thể nói được vì người này không biết tiếng Pháp. Tôi nhìn nạn nhân một lần nữa rồi nói:

- Độ hai tiếng nữa người này sẽ chết.
- Không gì có thể cứu sống anh ta nữa ư?
- Không!

Bàn tay Nê-mô nắm chặt lại, nước mắt trào ra. Tôi không tưởng tượng được rằng Nê-mô có thể khóc. Tôi đứng bên cạnh nạn nhân mấy phút. Ánh điện lạnh lùng càng tăng thêm sắc mặt nhợt nhạt và sớm nhăn nheo của anh ta. Chắc anh ta đã chịu gian khổ, thiếu thốn nhiều. Tôi chờ xem điều bí mật của cuộc đời anh ta có được mở ra qua những lời trăng trối cuối cùng không.

- Ngài A-rô-nắc, ngài có thể về, - Nê-mô nói. Tôi để Nê-mô ở lại một mình bên giường của người hấp hối.

Tôi trở về phòng mà lòng hết sức xúc động trước cảnh tượng vừa qua. Linh cảm u buồn làm tôi bồn chồn suốt ngày. Đêm tôi cũng không yên giấc. Tôi nghe thấy mãi tiếng thở dài náo ruột, tiếng cầu kinh. Rạng sáng hôm sau tôi lên boong. Thuyền trưởng đã ở đó. Thấy tôi, ông ta bước tới:

- Thưa giáo sư, hôm nay ngài có muốn tham gia một chuyến đi chơi ngầm dưới biển không?
- Đi cùng với Nét và Công-xây ạ?
- Nếu họ muốn.
- Thưa thuyền trưởng, chúng tôi sẵn sàng.
- Nếu vậy, mời ngài mặc đồ lặn vào.

Nê-mô chẳng hề nói một lời về nạn nhân đang hấp hối hoặc đã chết! Tôi tìm Nét và Công-xây báo cho họ biết lời mời của thuyền trưởng. Công-xây rất mừng và Nét lần này cũng vui vẻ nhận lời cùng đi. Chúng tôi mặc đồ lặn, đeo bình dưỡng khí và đèn

điện, và đúng tám giờ rưỡi sáng thì lên đường. Cánh cửa được mở rộng. Chúng tôi, đứng đầu là thuyền trưởng Nê-mô có mười hai thủy thủ hộ tống, bước xuống đáy biển rải đá ở độ sâu mười mét. Đáy biển ấn Độ Dương khác xa đáy biển Thái Bình Dương mà tôi đã được thấy trong chuyến dạo chơi dưới đáy biển lần đầu. Ở đây không có cát và những bãi bằng, cũng chẳng có tảo. Tôi nhận ra ngay một thế giới thần kỳ. Đó là "vương quốc" san hô! Cảnh vật đẹp mắt không bút nào tả xiết! Vì sao chúng tôi không thể trao đổi được cảm tưởng với nhau nhỉ? Vì sao chúng tôi lại bị gò bó trong cái vỏ bằng sắt và bằng kính kín mít như thế này? Vì sao tiếng nói không thoát ra ngoài được? Vì sao chúng tôi không thể sống trong khoảng nước mênh mông này như cá, hay hơn nữa như loài lưỡng thể sống thoải mái cả trên cạn cả dưới nước? Thuyền trưởng Nê-mô dừng lại. Chúng tôi cũng dừng lại. Nhìn về phía sau chúng tôi thấy các thủy thủ đứng thành hình vòng cung sau thuyền trưởng. Tôi nhận ra một vật dài dài mà bốn người đang vác trên vai. Chúng tôi đứng giữa một bãi rộng có rừng cây bao quanh. Dưới ánh đèn điện, trên nền đất in những bóng khổng lồ. Xung quanh tối đen như mực. Nét Len và Công-xây đứng cạnh tôi.

Chúng tôi chờ xem sao. Tôi bỗng thoáng có ý nghĩ là sẽ được chứng kiến một cảnh tượng đặc biệt. Đưa mắt nhìn quanh, tôi thấy đây đó có những gò nhỏ phủ một lớp đá vôi và được bàn tay con người sắp đặt theo một trật tự rõ ràng. Giữa bãi trống, trên một chỗ cao, có một chữ thập bằng san hô đỏ. Theo hiệu của thuyền trưởng, một thủy thủ tiến lên phía trước, rút chiếc cốc chim cài ở thắt lưng ra và bắt đầu đào một cái hố cách chữ thập khoảng một mét. Tôi hiểu cả rồi! Đây là nghĩa trang, cái hố đang đào đó là huyết, còn vật dài dài kia là xác người vừa chết đêm qua! Thuyền trưởng Nê-mô và các thủy thủ đang chôn bạn mình ở nghĩa trang dưới đáy đại dương này! Tôi chưa từng bị xúc động như vậy bao giờ! Tôi chưa thấy tình cảm mình bị bồi rối như vậy bao giờ! Tôi không muốn tin vào mắt mình nữa! Huyết đào khá chậm. Bầy cá hoảng sợ chạy ra bốn phía. Tôi thấy tiếng sắt chạm xuống nền đá vôi và lửa toé ra ở đầu cốc chim. Cái huyết ngày càng dài và rộng hơn, chẳng bao lâu đã đủ để đặt người xuống. Cái xác liệm vải trắng được khiêng tới và hạ xuống huyết đầy nước. Thuyền trưởng Nê-mô và các thủy thủ, tay khoanh trước ngực, quỳ xuống. Còn ba chúng tôi thì chỉ đứng cúi đầu. Huyết được lấp đầy đất đá và đắp lên không cao lắm. Đắp xong mộ, Nê-mô và những người cùng đi quỳ một chân xuống và gơ tay lên để vĩnh biệt lần

cuối cùng... Sau đó đám tang quay trở về... Phía xa thấp thoáng ánh đèn. Chúng tôi hướng theo ngọn lửa soi đường đó và một giờ sau thì bước lên tàu Nau-ti-lux. Thay quần áo xong, tôi lên boong và ngồi xuống cạnh chiếc đèn pha. Tôi đắm mình trong những ý nghĩ u buồn. Một lát sau thuyền trưởng Nê-mô tới. Tôi đứng dậy hỏi:

- Như tôi đã nói, người đó tắt thở lúc nửa đêm, phải không ạ?

- Thưa ngài vâng.

- Và bây giờ thì người đó đang yên nghỉ trong nghĩa trang san hô bên cạnh những người bạn mình phải không ạ?

- Vâng, và bị mọi người lãng quên, trừ chúng tôi!

Thuyền trưởng Nê-mô lấy tay che mặt, cố ghìm lại tiếng nức nở, nhưng vô hiệu. Sau đó, ông ta trấn tĩnh và nói:

- Ở dưới đó, ở độ sâu mấy chục mét dưới đáy biển là nghĩa trang của chúng tôi!

- Thưa thuyền trưởng, những người chết của ngài ở dưới đó được yên nghỉ mãi mãi. Cá mập chẳng làm gì được họ!

- Vâng, thưa ngài, cả cá mập, cả con người cũng chẳng làm gì được họ!

PHẦN HAI

CHƯƠNG 25

ẨN ĐỘ DƯƠNG

Đến đây bắt đầu phần thứ hai của cuộc hành trình ngầm dưới biển của chúng tôi. Phần thứ nhất kết thúc bằng cảnh tượng xúc động dưới nghĩa trang san hô, để lại cho tôi một ấn tượng sâu sắc. Như vậy, chẳng phải chỉ cuộc sống của thuyền trưởng Nê-mô trôi qua giữa lòng đại dương mênh mông, mà cả cái chết, ông ta cũng chuẩn bị ở dưới đáy biển sâu! Ở đó không một quái vật nào có thể quấy rối giấc ngủ cuối cùng của những người chủ tàu Nau-ti-lux, những người gắn bó với nhau lúc sống cũng như lúc chết, những người "không ai có thể động tới được", như Nê-mô đã nói. Giả thiết Công-xây đề ra không làm tôi thỏa mãn. Anh ta cho Nê-mô là một trong số những nhà bác học vì bị hắt hủi nên tỏ vẻ khinh bạc đối với mọi người, hoặc là một thiên tài bất đắc chí nên từ bỏ những cảm dỗ trần tục mà lui về ẩn náu trong biển cả, môi trường gần gũi với tâm hồn phóng khoáng của ông ta. Theo tôi, cách giải thích như vậy chỉ đúng một mặt của bản chất Nê-mô. Bí mật của đêm nọ là chuyện gì vậy? Vì sao họ phải giam giữ chúng tôi? Vì sao họ cho chúng tôi uống thuốc ngủ? Vì sao Nê-mô lại giật phắt chiếc ống nhòm, khi tôi chưa kịp đưa lên nhìn chân trời? Và người thủy thủ bị tử thương trong trường hợp hết sức bí hiểm kia? Tất cả những câu hỏi đó khiến tôi phải suy nghĩ. Không! Thuyền trưởng Nê-mô không phải chỉ trốn tránh mọi người! Chiếc tàu đáng sợ của ông ta có lẽ không chỉ là nơi ẩn náu của một người yêu tự do, mà còn là một vũ khí phục thù khủng khiếp! Đó chỉ là những phỏng đoán, chỉ là ánh sáng le lói trong đêm tối dày đặc. Tôi buộc phải ghi chép các sự kiện theo thứ tự của chúng. Chẳng có gì ràng buộc chúng tôi với thuyền trưởng Nê-mô cả. Ông ta biết rằng chạy trốn khỏi tàu Nau-ti-lux là một điều không tưởng. Nê-mô chẳng cần chúng tôi phải thề bồi cam đoan gì. Chúng tôi là người bị giam, là tù nhân mà người ta gọi lịch sự là khách. Tuy vậy, Nét vẫn không mất hy vọng giành lại tự do. Có thời cơ thuận lợi là anh ta chuồn ngay. Tất nhiên tôi cũng theo gương anh ta. Nhưng dù sao tôi cũng ân hận sẽ phải mang theo cả những bí mật

mà thuyền trưởng Nê-mô đã tin mà cho tôi biết. Cuối cùng con người ấy đáng căm ghét hay đáng khâm phục? Con người ấy là nạn nhân hay đao phủ? Thực lòng tôi cũng muốn, trước khi vĩnh biệt Nê-mô, làm một chuyến du lịch vòng quanh thế giới mà phần đầu đã hoàn thành một cách tuyệt mỹ! Tôi muốn được thấy hết những kỳ quan đang ẩn mình dưới các đại dương. Tôi muốn đi sâu vào những điều bí ẩn nhất, thậm chí dám hy sinh tính mạng để thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu những cái chưa biết! Cho tới nay tôi đã khám phá ra điều gì? Chưa được hoặc gần như chưa được điều gì, vì chúng tôi mới đi được sáu ngàn dặm dưới Thái Bình Dương...

Trưa ngày 21 tháng giêng năm 1868, viên thuyền phó lại lên boong xác định độ nghiêng của mặt trời như thường lệ. Tôi cũng lên boong châm lửa hút xì gà và theo dõi việc làm của ông ta. Rõ ràng ông ta không biết tí tiếng Pháp nào. Tôi cố ý nói lên mấy nhận xét để ông ta phản ứng lại nếu ông ta nghe, hiểu. Nhưng ông ta vẫn bình thản và lặng thinh. Trong khi viên thuyền phó đang quan sát thì có một thủy thủ lên boong. Đó chính là anh chàng lực lưỡng đã theo chúng tôi trong chuyến đi chơi ngầm ở đảo Crét-xpô. Anh ta lau kính đèn pha... Tàu Nau-ti-lux chuẩn bị lặn. Tôi vội chui xuống phòng khách. Nắp tàu đóng lại và tàu bắt đầu chạy về hướng tây. Chúng tôi đi trong ấn Độ Dương mênh mông, năm trăm năm mươi triệu héc-ta, nước trong vắt, đến nỗi nếu nhìn từ trên xuống thì có thể bị chóng mặt. Tàu phân lớn lặn sâu từ một trăm đến hai trăm mét trong mấy ngày liền. Ở địa vị tôi có lẽ ai cũng cho cuộc hành trình này là mệt mỏi và đơn điệu. Nhưng vì tôi say mê biển nên không còn thì giờ để mệt mỏi và để buồn. Mỗi ngày dạo chơi trên boong tàu lộng gió biển khơi và ngắm nhìn những cửa báu dưới đáy biển, qua ô cửa phòng khách, đọc sách trong thư viện của thuyền trưởng và ghi nhật ký đi đường -tất cả những việc đó đã choán hết thời gian của tôi. Tình hình sức khỏe của chúng tôi rất tốt, khẩu phần thức ăn trên tàu khá đầy đủ. Tôi có thể chẳng cần món "cải thiện" gì của Nét Len. Ngoài ra, nhiệt độ trên tàu rất dễ chịu, nên đến sổ mũi cũng chẳng có. Đã mấy hôm nay chúng tôi gặp vô số chim biển, trong số đó có những con to có thể bay xa và dọc đường hạ cánh xuống nghỉ trên ngọn sóng, như chim báo bão. Loài chim này rất đẹp, tuy tiếng nó kêu giống tiếng lừa. Còn về cá thì chúng tôi luôn luôn phải trầm trồ ngạc nhiên khi đi sâu vào những bí mật của chúng dưới đáy nước. Tôi phát hiện ra nhiều loài cá mà tôi chưa từng gặp trong môi trường tự nhiên. Từ 21 đến 23 tháng giêng, tàu Nau-ti-lux chạy với tốc độ

hai trăm năm mươi dặm một ngày. Nói khác đi, nó chạy năm trăm bốn mươi hải lý trong hăm bốn tiếng đồng hồ nghĩa là hăm hai hải lý một giờ. Chúng tôi chỉ quan sát được những con cá bơi theo tàu và lọt vào vệt sáng của đèn pha trên tàu. Nhưng vì tàu chạy nhanh nên đàn cá bơi theo cứ thưa dần và chỉ một số ít mới chạy đua thêm được với tàu một thời gian ngắn nữa. Sau khi chạy ngang qua đảo Ki-linh, một hòn đảo san hô không người ở, tàu hướng về phía tây-bắc tới mỏm cực nam của bán đảo ấn Độ. Hôm ấy Nét Len bảo tôi:

- Đó là những nước văn minh! Thưa giáo sư, ở ấn Độ có đường cái rải nhựa và đường sắt, có những thành phố đẹp đẽ. Đi đâu cũng gặp người đồng hương! Thế nào đã đến lúc chúng ta chia tay với thuyền trưởng Nê-mô chưa, thưa giáo sư?

- Không, không, ông Nét ạ!

Tôi trả lời rất cương quyết.

- Thôi cứ để mặc trời đất, như cánh thủy thủ các ông thường nói.

Tàu Nau-ti-lux đang hướng về các lục địa, đang tiến gần bờ biển châu Âu. Cứ để nó đưa ta tới đó, rồi ta sẽ tùy tình hình cụ thể mà định liệu. Nhưng tôi nghĩ thuyền trưởng Nê-mô sẽ không cho ta lên bờ sẵn bần như ở rừng Niu Ghi-nê đâu!

- Nhưng thưa ngài, cần gì đợi ông ta cho phép?

Tôi không trả lời Nét và chẳng muốn tranh luận làm gì. Trong thâm tâm, tôi muốn trải qua mọi thử thách của số phận đã đẩy tôi lên tàu Nau-ti-lux. Tàu chạy chậm lại nhưng luôn luôn đổi hướng đi và lặn xuống rất sâu. Nhiệt độ những lớp nước dưới có định là +4°. Tôi thấy ở những lớp nước trên, gần bờ, bao giờ nhiệt độ cũng thấp hơn ngoài biển khơi. Ngày 25 tháng giêng, đại dương hoàn toàn vắng lặng. Tàu Nau-ti-lux suốt ngày chạy trên mặt nước, cánh quạt làm nước bắn lên trắng xóa. Thật dễ lầm với một con cá voi khổng lồ! Tôi ở trên boong ba phần tư thời gian trong ngày. Tôi nhìn biển. Chân trời hoang vắng. Nhưng khoảng bốn giờ chiều thì xuất hiện một chiếc tàu ở phía tây. Chúng tôi nhìn thấy nó, nhưng nó không thể nhìn thấy chúng tôi, vì tàu Nau-ti-lux chỉ hơi nhô khỏi mặt nước. Tôi nghĩ tàu này thuộc công ty tàu biển chạy đường Xây-lan

- Xít-ni có ghé qua Men-buốc...

Hôm sau, 26 tháng giêng, chúng tôi vượt qua xích đạo và vào vùng biển Bắc bán cầu. Một đàn cá mập đáng sợ đi "hộ tống" tàu. Nhưng một lát sau tàu tăng tốc độ, bỏ rơi những con cá mập hung hăng nhất. Khoảng bảy giờ tối, tàu nổi lên mặt nước và chạy trên biển sữa. Biển xanh mênh mông biến thành màu trắng đục. Có phải vì ánh trăng không? Không! Trăng non mới được hai ngày và lúc đó chưa nhô khỏi chân trời. So với màu sữa của biển cả thì bầu trời sao hình như đen thẫm lại. Công-xây không tin ở mắt mình và yêu cầu giải thích nguyên nhân của hiện tượng kỳ lạ đó. Cũng may mà tôi có thể làm được việc này. Tôi nói:

- Đó gọi là biển sữa. Những vùng biển rộng lớn trắng như sữa là hiện tượng thường gặp ở độ vĩ này.

- Nhưng giáo sư có giải thích được nguyên nhân của hiện tượng đó không ạ? Nước biển thực ra đâu có biến thành sữa?

- Tất nhiên là không, anh bạn ạ! Màu sữa của nước làm anh ngạc nhiên chính là do hàng tỉ tỉ sinh vật hết sức nhỏ, không màu phát ra ánh sáng, dày bằng bề dày sợi tóc và dài bằng một phần năm milimét. Các sinh vật này kết vào nhau và tạo thành từng mảng rộng vài dặm.

- Vài dặm cơ ạ!

Công-xây sửng sốt.

- Đúng, anh bạn ạ! Và anh chớ uổng công tính đếm chúng làm gì cho mệt! Nếu tôi không lầm, một số người đi biển đã gặp những biển sữa rộng hơn bốn mươi dặm. Tôi chẳng biết Công-xây có nghe lời tôi khuyên không, nhưng anh ta lặng im suy nghĩ. Chắc Công-xây đang tính toán xem có bao nhiêu con trong diện tích bốn mươi dặm vuông nếu mỗi con chỉ dài một phần năm milimét. Còn tôi thì tiếp tục quan sát hiện tượng kỳ lạ ấy. Tới gần nửa đêm, biển trở lại màu xanh bình thường. Nhưng ở phía sau tàu, bầu trời phản ánh sáng màu trắng của nước tựa như hắt lại ánh sáng của bắc cực quang.

CHƯƠNG 26

MỘT ĐỀ NGHỊ MỚI CỦA THUYỀN TRƯỞNG NÊ-MÔ

Giữa trưa ngày 28 tháng giêng, tàu Nau-ti-lux nổi lên mặt nước và trông thấy đất liền cách tàu tám hải lý về phía tây. Ngay sau khi xác định được tọa độ, tôi xuống phòng khách tìm địa điểm đó trên bản đồ và thấy rằng mình đang ở gần bờ biển Xây-lan, hòn đảo nằm ở gần cực nam bán đảo Ấn Độ. Tôi vào thư viện tìm xem có cuốn sách nào nói cận kề về đảo Xây-lan, hòn đảo được coi như phì nhiêu nhất của trái đất này không. Tôi tìm thấy tác phẩm của Xi-rơ nhan đề "Xây-lan và người Xin-ga-le". Quay về phòng khách, trước hết tôi làm quen với những số liệu thống kê nói về Xây-lan. Đảo này nằm giữa 5055' và 9049' độ vĩ bắc và 79042' và 8204' độ kinh đông. Từ bắc xuống nam, đảo dài hai trăm bảy mươi hải lý, từ đông sang tây rộng một trăm năm mươi hải lý; diện tích đảo là hai vạn bốn ngàn bốn trăm bốn tám hải lý vuông, nói cách khác đi là gần bằng diện tích Iéc-lan. Lúc đó thuyền trưởng Nê-mô và thuyền phó vào phòng khách. Nê-mô nhìn bản đồ rồi quay lại bảo tôi:

- Đảo Xây-lan nổi tiếng về nghề mò ngọc trai. Ngài A-rô-nắc, ngài có đến xem nơi mò ngọc không?

- Thưa thuyền trưởng, xin sẵn sàng.

- Được cũng dễ thu xếp thôi. Thế này nhé: chúng ta sẽ tới chỗ đó nhưng không thấy thợ mò ngọc đâu. Mùa ngọc chưa bắt đầu. Nhưng không sao. Tôi sẽ ra lệnh cho tàu hướng về vịnh Ma-na và ta sẽ tới đó đêm nay.

Nê-mô nói mấy lời với thuyền phó. Ông này ra khỏi phòng khách. Một lát sau, tàu Nau-ti-lux bắt đầu lặn xuống. Kim đồng hồ chỉ độ sâu mười mét. Tôi cúi xuống bản đồ để tìm vịnh Ma-na. Tôi thấy nó ở vĩ tuyến 9, gần bờ biển tây bắc Xây-lan. Muốn tới đó, phải đi vòng hết bờ biển phía tây Xây-lan. Thuyền trưởng Nê-mô nói:

- Thừa giáo sư người ta mò ngọc trai ở vịnh Ben-gan, ở biển Ấn Độ, biển Trung Quốc và Nhật Bản, ở biển Nam Mỹ, ở vịnh Pa-na-ma, vịnh Ca-li-pho-ni-a, nhưng những vùng mò ngọc trai chủ yếu tập trung ở Xâ-y-lan. Đúng là chúng ta tới đó quá sớm! Thợ mò ngọc xuất hiện ở vịnh Ma-na sớm nhất là vào tháng ba. Lúc đó ở đây tập trung tới ba trăm thuyền làm cái nghề có lãi nhất này trong ba mươi ngày. Trên mỗi thuyền có mười người chèo và mười thợ lặn. Thợ lặn làm việc theo hai kíp. Khi lặn xuống sâu mười hai mét, họ kẹp vào giữa hai chân một hòn đá nặng. Tới độ 103 104 sâu cần thiết, họ buông hòn đá ra để người trên thuyền kéo đá lên.

- Thế nghĩa là người ta vẫn dùng cách mò ngọc cổ xưa nhất?

- Đáng tiếc là vẫn dùng, - Nê-mô trả lời, -mặc dù những nơi có ngọc đó thuộc một nước có nền công nghiệp lớn nhất là nước Anh.

- Tôi vẫn cảm thấy rằng bộ đồ lặn đã được cải tiến của ngài có thể giúp ích nhiều cho họ trong việc này.

- Vâng! Những người mò ngọc khôn khổ không thể ở lâu dưới nước được. Tôi biết một số thợ mò ngọc đã ở dưới nước 57 giây, những người dai sức nhất có thể lặn lâu tới 87 giây. Nhưng những người đó rất hiếm, và cứ mỗi lần lặn xong thì nước ở tai và mũi trào ra có hòa lẫn máu. Trong thời gian ngắn ngủi đó họ phải kịp cho vào rọ những con trai có ngọc vừa mò được! Thợ lặn thường không thọ. Họ rất sớm suy sụp, mắt kém đi, thân thể bị lở loét và thường hay chết dưới nước vì chảy máu não.

- Vâng, - tôi nói, - đó là một nghề buồn thảm. Và tất cả cũng chỉ nhằm thỏa mãn tính cầu kỳ của phụ nữ. Nhưng xin thuyền trưởng cho biết, một thuyền như vậy có thể mò được bao nhiêu trai một ngày?

- Khoảng từ bốn vạn đến năm vạn con. Người ta còn nói năm 1814 chính phủ Anh đã đứng ra tổ chức mò ngọc, chỉ trong hai mươi ngày thợ lặn đã mò được bảy mươi sáu triệu con trai.

- Ít nhất thì lao động của người thợ lặn cũng được trả giá cao chứ ạ?

Tôi hỏi.

- Thừa giáo sư, rất thấp. Ở Pa-na-ma mỗi tuần họ kiếm được không quá một đô-la. Thường họ chỉ được trả một xu mỗi con trai có ngọc. Mà còn biết bao nhiêu con không có ngọc!

- Một xu thôi ư? Thật là bất công! Thật là ghê tởm!

- Giáo sư và hai người cùng đi sẽ thăm vịnh Ma-na. Và nếu may mắn gặp một người thợ lặn nào đó đến mò trai sớm thì ngài sẽ được làm quen với kỹ thuật của họ.

- Thưa thuyền trưởng, vâng.

- Thế giáo sư có sợ cá mập không?

- Cá mập ă? Câu hỏi đó đối với tôi có vẻ thừa.

- Thế giáo sư có ý kiến gì về cá mập?

Nê-mô hỏi gặng.

- Thưa thuyền trưởng, xin thú thực rằng tôi chưa thật quen với loài cá này.

- Thế mà chúng tôi đã quen với chúng. Rồi ngài cũng sẽ quen thôi. Chúng ta sẽ trang bị vũ khí và nếu có thể, sẽ đi săn cá mập một chuyến. Săn cá mập hết sức thú vị. Xin hẹn giáo sư đến mai. Giáo sư hãy chuẩn bị lên đường thật sớm.

Nê-mô nói những lời đó bằng một giọng bình thản rồi ra khỏi phòng khách. Nếu người ta mời bạn đi săn gấu ở vùng núi Thụy-sĩ, bạn có thể nói:

“Tuyệt lắm! Mai sẽ đi!” Nếu bạn được mời đi săn sư tử ở thung lũng át-lax và săn hổ ở rừng rậm ấn Độ, bạn có thể nói:

“A! Ta sẽ đi ngay!”

Nhưng nếu bạn được mời đi săn cá mập dưới biển sâu thì chắc bạn phải suy nghĩ nhiều trước khi nhận lời. Còn tôi, tôi đã lấy tay lau trán lấm tấm mấy giọt mồ hôi lạnh. Tôi nghĩ bụng:

“Phải nghĩ cho kỹ. Chớ vội. Đi săn ở khu rừng ngầm gần đảo Crét-xpô là một chuyện, còn dò dẫm dưới đáy biển mà không biết lúc nào chạm trán với cá mập lại là chuyện khác hẳn!

Tôi được biết ở đôi nơi, đặc biệt là ở vùng đảo An-đa-man, những người da đen thường xông thẳng vào cá mập, một tay cầm dao găm, còn tay kia cầm thòng lọng. Nhưng tôi cũng được biết là trong cuộc chiến đấu tay đôi với cá mập, nhiều người gan góc đó đã về châu tổ tiên! Tôi hình dung ra cá mập, cái mồm to tướng với nhiều dãy răng có thể cắn đứt đôi người. Tôi đã cảm thấy đau ở thắt lưng. Tôi không chịu nổi cái giọng bình thản của Nê-mô đã

dùng để mời tôi đi săn! Vấn đề đâu có phải là lảng tránh một con cầy, con cáo nào đó trong rừng. Tôi nghĩ:

“Được! Tất nhiên Công-xây sẽ từ chối không tham gia cuộc đi săn này!”

Thế là tôi sẽ có cơ không đi cùng Nê-mô. Còn về Nét thì thú thực là tôi không tin ở sự chín chắn của anh ta. Sự nguy hiểm, dù lớn đến đâu, bao giờ cũng hấp dẫn cái bản chất hay gây gổ của Nét. Tôi cầm lấy cuốn sách của Xi-rơ, nhưng chỉ lật từng tờ như một cái máy. Giữa những dòng chữ hiện lên những cái mồm cá mập ngoác rộng. Nhưng lúc đó Công-xây và Nét vào. Hai người đều tươi tỉnh. Họ chẳng biết chuyện gì đang chờ đợi họ. Nét nói:

- Thưa giáo sư, thực thà mà nói, thuyền trưởng Nê-mô của ngài đã đề nghị chúng ta một việc rất đáng hoan nghênh.

- À, thế ra các bạn đã biết...

- Thưa giáo sư, - Công-xây trả lời, -thuyền trưởng Nê-mô mời chúng tôi cùng giáo sư đi thăm những nơi mò ngọc trai nổi tiếng của Xây-lan. Ông ta hết sức lịch thiệp và tỏ ra là một người quân tử.

- Nê-mô không nói gì nữa à?

- Thưa giáo sư, không, - Nét trả lời, - ông ta chỉ nói là đã mời ngài tham gia cuộc dạo chơi dưới biển này.

- Đúng vậy. Nhưng ông ta không dă động đến một chuyện...

- Thưa giáo sư, chẳng có chuyện gì cả. Ngài có đi với chúng tôi không ạ?

- Tôi... tất nhiên rồi! Tôi thấy ông Nét đã mê cái món dạo chơi dưới đáy biển rồi đấy!

- Vâng! Rất thú vị, rất thú vị ạ!

- Và nguy hiểm nữa!

Tôi thêm.

- Nguy hiểm gì?

Nét trả lời.

- Đó chỉ là một cuộc dạo chơi đơn giản thôi! Rõ ràng thuyền trưởng Nê-mô thấy không cần phải gọi cho các bạn tôi nghĩ tới cá mập. Tôi hoảng hốt nhìn hai người, tựa như họ đã bị cụt mất chân,

hoặc tay rồi. Tôi có nên báo cho họ biết trước nỗi hiểm nguy sắp tới không? Tất nhiên là nên. Nhưng tôi chẳng biết thế nào.

- Giáo sư có thể kể cho chúng tôi nghe chi tiết hơn về cách mò ngọc trai không ạ? Tôi hỏi:

- Về cách mò trai hay về những chuyện ngẫu nhiên liên quan tới việc mò trai?

- Tất nhiên là về cách mò trai!

Nét nói.

- Trước khi lên đường, cần biết sẽ theo hướng nào chứ...

- Thế thì mời các bạn ngồi xuống, tôi sẽ kể các bạn nghe tất cả những điều tôi biết về nghề mò trai có ngọc qua cuốn sách của Xi-rơ. Nét và Công-xây ngồi xuống đi-văng. Nét hỏi ngay:

- Thưa giáo sư, thế ngọc trai là gì?

- Đối với nhà thơ, ngọc trai là hạt lệ của biển cả. Đối với các dân tộc phương đông, đó là hạt sương sớm đã hóa đá. Đối với phụ nữ, đó là viên đá quý hình bồ dục màu xanh óng ánh mà họ đeo ở cổ, ở tay, ở tai như một thứ trang sức. Đối với nhà hóa học, đó là kết hợp của muối fotfat và canxi cacbonat. Cuối cùng, đối với nhà tự nhiên học, nó chỉ là một cái u hình cầu màu xanh nằm trong mô ác mềm của một số nhuyễn thể...

- Thế có trường hợp nào một con trai chứa nhiều ngọc không ạ?

Công-xây hỏi.

- Có chứ, anh bạn. Người ta kể là đã thấy một trăm năm mươi con cá mập trong một viên ngọc, tuy tôi không tin lắm.

- Một trăm rưỡi con cá mập à?

Nét sửng sốt.

- Tôi nói là "cá mập" ư?

Tôi lúng túng.

- Tôi muốn nói là một trăm rưỡi hạt ngọc ấy. Cá mập dính dáng gì đến chuyện này!

- Giá trị của viên ngọc tùy thuộc ở độ to nhỏ của nó phải không ạ?

Công-xây hỏi.

- Chẳng những tùy thuộc vào độ to nhỏ mà còn tùy thuộc ở hình dáng, màu sắc, ở độ sáng của ngọc...

- Phân loại ngọc chắc là một việc khó khăn và mất thì giờ.

Nét nói.

- Chẳng khó lắm đâu, ông bạn ạ! Người ta dùng sàng để phân loại. Có cả bảy mươi một loại sàng. Đầu tiên người ta dùng sàng thưa có từ hai mươi đến tám mươi lỗ. Những viên ngọc còn lại trên sàng được xếp loại một. Loại sàng có từ một trăm đến tám trăm lỗ cho ta ngọc loại hai. Loại sàng có từ chín trăm đến một nghìn lỗ cho ta ngọc loại ba.

- Họ khôn thật!

Công-xây nói.

- Tôi thấy họ đã phân loại ngọc một cách máy móc. Thưa giáo sư, ngài có biết việc khai thác các vùng biển có ngọc đem lại lợi nhuận bao nhiêu không ạ?

- Theo sách của Xi-rơ, những vùng biển có ngọc của Xây-lan hằng năm đem lại ba triệu con cá mập.

- Ba triệu quan chứ ạ!

Công-xây nói.

- Ừ, ừ, ba triệu quan!

- Tôi chữa lại.

- Tôi nghe nói có mấy viên ngọc quý đắt tiền lắm phải không ạ?

- Đúng vậy. Người ta kể lại rằng, Xê-da đã biếu Xéc-vi-li-a viên ngọc giá một trăm hai mươi ngàn phrăng! Nhưng tôi nghĩ chẳng ông vua nào có viên ngọc lớn bằng viên ngọc của thuyền trưởng Nê-mô.

- Viên này ạ?

Công-xây chỉ vào viên ngọc đặt trong hộp kính.

- Tôi đánh giá nó hai triệu phrăng đấy! Thế mà Nê-mô chỉ cần cúi xuống một chút là nhặt được.

- Biết đâu ngày mai đi chơi ta chẳng nhặt được một viên như thế.

- Hy vọng gì!

Công-xây nghi ngờ.

- Sao lại không?

- Trên tàu Nau-ti-lúx này thì có tiền triệu để làm gì?

- Đúng là trên tàu thì chẳng cần, nhưng... Ở chỗ khác...

- Ở chỗ khác à?

Công-xây lắc đầu.

- Ông Nét nói đúng.

Tôi nhận xét.

- Nếu sau này ta mang về châu Rô-u hay châu Mỹ một viên ngọc giá mấy triệu thì những chuyện ta kể càng có trọng lượng hơn và dễ tin hơn. Công-xây hỏi thêm:

- Nghề mò ngọc có nguy hiểm không ạ?

- Không!

Tôi trả lời ngay.

- Đặc biệt là nếu áp dụng một số biện pháp đề phòng.

- Nghề đó thì có gì là nguy hiểm? Chỉ uống mấy hụm nước mặn là cùng chứ gì!

Nét nói.

- Ông nói rất đúng!

Tôi cố nói bằng cái giọng bình thản của Nê-mô.

- À ông Nét này, ông có sợ cá mập không?

- Tôi ấy à? Tôi là thợ săn cá nhà nghề! Tôi coi khinh chúng!

- Vấn đề không phải là đứng trên tàu câu cá mập, kéo nó lên boong, lấy riu chặt đứt đuôi, mổ bụng moi tim rồi lại quẳng xác xuống biển đâu!

- Nghĩa là phải xuống nước chứ gì?

- Đúng đấy!

- Sợ quái gì! Thế súng săn của tôi để làm chi? Thưa giáo sư, cá mập là giống cá vụng về. Muốn đớp ngàì, nó phải ngửa bụng lên. Lúc đó... Nét nói chữ "đớp" bằng một giọng khiến tôi lạnh ớn xương sống.

- Thế còn anh, anh nghĩ thế nào về cá mập, Công-xây?

- Tôi xin nói thành thực với giáo sư thế này: nếu giáo sư quyết định đi săn cá mập thì tôi, người đầy tớ trung thành của giáo sư, sao có thể không đi theo được?

CHƯƠNG 27

VIÊN NGỌC GIÁ MƯỜI TRIỆU

Đêm đã tới. Tôi đi ngủ nhưng cứ chập chờn mãi vì bị hình ảnh cá mập ám ảnh. Bốn giờ sáng hôm sau, người thủy thủ do thuyền trưởng Nê-mô cử đến phục vụ tôi, đánh thức tôi dậy. Tôi vội mặc quần áo rồi ra phòng khách. Thuyền trưởng Nê-mô đang chờ tôi ở đó. Ông ta hỏi:

- Ngài A-rô-nắc, ngài đã sẵn sàng rồi chứ?
- Vâng, tôi đã sẵn sàng.
- Xin ngài theo tôi.
- Còn những người cùng đi với tôi?
- Họ đã được báo trước và đang chờ ngài.
- Chúng ta mặc đồ lặn chứ ạ?
- Chưa mặc bây giờ. Tôi không muốn cho tàu Nau-ti-lux vào gần bờ quá, nên đã ra lệnh chuẩn bị xuồng để tới chỗ bãi cát nông của vịnh Ma-na còn cách đây khá xa.

Như thế chúng ta sẽ rút ngắn được quãng đường phải lội khá nhiều. Đồ lặn đã được đưa xuống xuống, chúng ta chỉ mặc vào trước khi lặn xuống nước. Nê-mô dẫn tôi đến cầu thang trung tâm. Nét và Công-xây đã chờ tôi ở đó. Cả hai người đều hân hoan về cuộc "du ngoạn vui vẻ" sắp tới. Năm thủy thủ ngồi trong xuồng sẵn sàng chèo lái. Trời chưa sáng. Những vì sao thưa thớt lấp lánh giữa những đám mây bao phủ bầu trời. Tôi đưa mắt tìm đất liền nhưng chỉ thấy một dải sương mờ chạy dài ba phần tư chân trời, từ tây-nam đến tây-bắc. Tàu Nau-ti-lux đêm qua chạy dọc bờ biển phía tây Xây-lan, giờ đây đang ở gần cửa vịnh giữa bờ biển Xây-lan và đảo Ma-na. Nơi đó, dưới những lớp nước sâu là những mỏm đá ngầm, những kho trai có ngọc vô tận rộng gần hai mươi dặm. Thuyền trưởng Nê-mô, Công-xây, Nét Len và tôi ngồi ở phía sau. Một thủy thủ cầm lái, còn bốn người kia chèo. Xuồng từ từ đi về

hướng nam. Tôi thấy mỗi động tác chèo cách nhau mười giây, như cách chèo xuống của hải quân...

Chúng tôi im lặng. Đến năm giờ rưỡi, khi bắt đầu bình minh thì chân trời hiện lên rõ hơn hình một dải núi. Chúng tôi chỉ còn cách đảo năm hải lý. Biển vắng, không một bóng thuyền. Thuyền trưởng Nê-mô nói đúng: chúng tôi tới đây trước mùa mò ngọc. Đến sáu giờ sáng, trời đột ngột sáng rõ. Đó là đặc điểm của những nước nhiệt đới, nơi rạng đông và hoàng hôn đều rất ngắn ngủi. Giờ đây tôi đã nhìn thấy rõ đảo, thậm chí cả những bóng cây thưa thớt trên bờ. Chiếc xuồng đang tiến gần đảo Ma-na. Thuyền trưởng Nê-mô đứng dậy và bắt đầu chăm chú quan sát phía xa. Theo hiệu của Nê-mô, chiếc xuồng thả neo nhưng chỉ mất không hơn một mét dây, vì nước ở đây cạn. Nê-mô bảo tôi:

- Ngài A-rô-nắc, chúng ta đến nơi rồi. Ngài có thấy cái vịnh kín này không? Một tháng nữa ở đây sẽ tập trung rất nhiều tàu thuyền, và hàng ngàn thợ lặn gan dạ sẽ lặn xuống đáy biển! Vịnh này thật là lý tưởng đối với nghề mò ngọc. Vịnh được núi chắn những cơn gió mạnh và biển ở đây không nổi sóng: đó là điều kiện hết sức thuận lợi cho thợ lặn. Thôi bây giờ chúng ta mặc đồ lặn vào và bắt đầu cuộc tham quan!

Tôi không trả lời. Một thủy thủ giúp tôi mặc bộ đồ lặn nặng nề vào người. Thuyền trưởng Nê-mô, Nét và Công-xây cũng làm như tôi. Không một thủy thủ nào đi theo chúng tôi trong chuyến tham quan đặc biệt này. Người ta đeo vào lưng chúng tôi những bình chứa khí nén nhưng không nói gì tới máy Rum-coóc-phơ. Trước khi đội mũ lặn vào đầu, tôi nhắc thuyền trưởng về điều này. Nê-mô trả lời:

- Không cần tới máy đó. Chúng ta không lặn xuống sâu, mà ở chỗ nông thì chỉ cần ánh sáng mặt trời là đủ. Hơn nữa, bật đèn điện ở vùng này là rất nguy hiểm. ánh sáng điện có thể làm cho loài cá dữ kéo tới. Trong khi Nê-mô nói, tôi quay về phía Công-xây và Nét Len. Nhưng họ đã đội mũ vào và không nghe thấy gì nữa. Tôi hỏi Nê-mô câu cuối cùng:

- Thế vũ khí của chúng ta đâu? Súng của chúng ta đâu?

- Súng à? Cần gì súng? Người miền núi đi săn gấu chỉ cần một con dao găm thôi mà! Lưỡi dao thép đâu có kém đạn chì? Đây là một con dao rất tốt, ngài hãy dắt vào thắt lưng rồi chúng ta lên đường.

Tôi nhìn Nét và Công-xây. Họ cũng được vũ trang như tôi và Nê-mô. Nét còn đeo thêm một cái mũi lao nhọn mà anh ta mang theo khi rời tàu Nau-ti-lux. Một phút sau, các thủy thủ lần lượt thả chúng tôi xuống nước. Ở độ sâu không quá một mét rưỡi, chân chúng tôi đã chạm cát. Thuyền trưởng Nê-mô lấy tay ra hiệu. Chúng tôi theo ông ta xuống một sườn dốc thoải thoải. Một lát sau, chúng tôi xuống tới một hồ sâu khá rộng. Những ý nghĩ đang đè nặng lên tôi bỗng tan mất. Tôi thấy trong lòng bình tĩnh lạ thường. Tôi yên tâm vì thấy vận động được thoải mái và sống sờ trước cảnh tượng diệu kỳ. Những tia sáng mặt trời rọi qua làn nước trong vắt, chiếu sáng cả đáy biển. Những con trai nhỏ nhất cũng nhìn thấy rõ. Mười phút sau, chúng tôi tới độ sâu năm mét. Đáy biển ngày càng bằng phẳng hơn... Độ bảy giờ sáng chúng tôi tới bãi cát nông, nơi có hàng triệu con trai đang sinh sản. Thuyền trưởng Nê-mô cho tôi xem nơi tập trung trai có ngọc ấy. Tôi hiểu rằng kho trai đó là vô tận vì sức sáng tạo của thiên nhiên vẫn lớn hơn bản năng phá hoại của con người. Nét Len vốn có bản năng phá hoại ấy nên vội lựa chọn những con trai đẹp nhất và nhét đầy túi lưới đeo ở thắt lưng. Nhưng chúng tôi không dừng lại lâu ở đây vì phải đi theo Nê-mô là người có vẻ thông thạo con đường này. Đáy vịnh dâng cao rõ rệt, và đôi khi bàn tay tôi giờ lên thò ra khỏi mặt nước. Trước mắt chúng tôi bỗng hiện ra một cái hang rộng được tạo nên trong một mỏm đá rất đẹp mắt có nhiều loài cây cỏ dưới biển phủ ngoài... Thuyền trưởng Nê-mô vào hang. Chúng tôi vào theo. Tôi thích ứng rất nhanh với bóng tối trong hang. Nê-mô dẫn chúng tôi vào sâu thế này làm gì nhỉ?

Sau khi lần xuống một bờ khá dốc, chúng tôi tới một chỗ trông tựa cái giếng. Tới đây Nê-mô dừng lại và chỉ cho chúng tôi xem một vật mà tôi chưa nhận ra ngay là cái gì. Đó là một con trai to lạ thường, đường kính khoảng hai mét, lớn hơn con trai ở phòng khách tàu Nau-ti-lux. Tôi tới gần con vật kỳ lạ ấy. Theo tôi, nó phải nặng tới ba trăm ki-lô-gam, trong đó ít nhất có mười lăm ki-lô-gam thịt. Thuyền trưởng Nê-mô chắc hẳn đã biết rõ con trai này và không phải lần đầu tiên vào hang này! Tôi nghĩ rằng ông ta dẫn chúng tôi đến đây chỉ là để cho xem cái vật lạ đó của thiên nhiên. Nhưng tôi đã lầm. Nê-mô có lý do riêng của mình: ông ta muốn biết tình trạng của con trai đó ra sao. Vỏ trai đang hé mở. Nê-mô tới gần rồi nhét con dao găm vào giữa hai vỏ để nó không ngậm lại được. Sau đó, ông ta lấy tay nâng mép ngoài có tua viền của áo trai lên. Giữa những nếp gấp hình lá có một viên ngọc to

bằng quả dưa. Một viên ngọc rất tròn và trong sáng tuyệt vời! Một vật vô giá! Trong lúc quá tò mò tôi đưa tay ra để chớp lấy hòn ngọc và xem nó nặng bao nhiêu! Nhưng Nê-mô ra hiệu cho tôi ngừng lại rồi rút ngay con dao ra khỏi vỏ trai. Thế là con trai ngậm ngay vỏ lại. Tôi hiểu ý định của Nê-mô rồi. Ông ta để viên ngọc lại dưới áo của con trai là để tạo cho khả năng lớn dần lên. Mỗi năm những chất tiết ra lại bồi thêm những lớp đồng tâm cho viên ngọc. Chỉ có Nê-mô mới biết cái hang có viên ngọc kỳ diệu này. Chỉ có ông ta biết nuôi dưỡng nó để sau này mang nó về phòng bảo tàng tuyệt vời của mình. Cũng có thể Nê-mô bắt chước người Trung Quốc hay người Ấn Độ, tự tạo nên sự phát triển của viên ngọc bằng cách đặt vào áo con trai một vật rắn, bằng kim loại hình cầu chẳng hạn, để trai tiết ra chất ngọc phủ ngoài. So sánh viên ngọc này với những viên tôi đã thấy và những viên đã có trong bộ sưu tập của Nê-mô, tôi đánh giá nó ít nhất mười triệu phrăng. Đó là viên ngọc do thiên nhiên sáng tạo ra chứ không phải là một vật xa xỉ! Vả lại, có cái tai phụ nữ nào chịu nổi sức nặng của viên ngọc này? Sau khi xem viên ngọc quý, thuyền trưởng Nê-mô ra khỏi hang. Đoàn tham quan chúng tôi ở vùng nước chưa bị dân mò ngọc làm vẩn đục này, lại tiếp tục đi. Mười phút sau, Nê-mô bỗng dừng lại. Tôi tưởng ông ta muốn quay về. Nhưng không! Nê-mô lấy tay ra hiệu cho chúng tôi nấp vào khe đá rồi chỉ cho xem một chấm đen dưới nước. Tôi chăm chú nhìn. Cách tôi năm mét, có một bóng đen thấp thoáng và đang chìm xuống đáy. ý nghĩ hốt hoảng về cá mập thoáng hiện trong óc tôi. Nhưng tôi đã lầm: lần này không phải là loài cá dữ. Đó là một người, một người còn sống, một người Ấn Độ nghèo khổ đến mò ngọc sớm hơn lệ thường.

Anh ta liên tục lặn xuống rồi lại ngoi lên. Khi lặn, anh ta kẹp một viên đá giữa hai chân, viên đá này có dây buộc phía sau thuyền. Đó là tất cả đồ lặn của anh ta. Xuống sâu khoảng năm mét, anh ta buông hòn đá ra, quỳ xuống rồi nhặt vội những con trai quanh đó nhét vào túi lưới buộc ở thắt lưng. Sau đó, anh ta ngoi lên mặt nước, đổ trai vào thuyền rồi lại bắt đầu những động tác nói trên trong khoảng ba mươi giây. Anh ta không thấy chúng tôi đang nấp sau mỏm đá. Vả lại, anh ta sao có thể tưởng tượng được rằng có những con người, những sinh vật giống hệt anh ta đang ở cạnh và quan sát từng hành động nhỏ của anh ta, không bỏ sót một chi tiết nào? Anh ta ngoi lên lặn xuống nhiều lần, mỗi lần chỉ mang lên được không quá một con trai vì trai bám vào đất rất chặt. Và trong số trai mà anh ta phải liềm thân để lấy, biết bao con

trong ruột chẳng có gì! Tôi chăm chú theo dõi anh ta. Anh ta lặn xuống ngoi lên trong từng khoảng thời gian đều đặn, và suốt nửa tiếng đồng hồ không gặp một nguy hiểm gì. Tôi đã bắt đầu chán cái việc quan sát ấy thì người thợ lặn đang ở tư thế quỳ bồng né sang một bên, bật dậy và tìm cách ngoi lên mặt nước. Tôi đã hiểu vì sao anh ta hoảng sợ. Một bóng đen khổng lồ lướt qua đầu người thợ lặn bất hạnh ấy. Đó là một con cá mập hết sức lớn đang lao tới anh ta, hai mắt đỏ ngầu, miệng há hốc. Tôi hoảng quá, đỡ cả người ra. Con cá háu ăn quẫy mạnh và lao thẳng tới người thợ lặn. Anh ta nhảy sang một bên và tránh được hàm răng nhọn của con cá, nhưng bị đuôi cá mập đập mạnh vào ngực ngã lăn ra. Tất cả những việc đó diễn ra trong nháy mắt. Con cá mập thoát tiên hơi ngập ngừng một chút, nhưng sau đó lật ngửa ra để lao tới cắn đứt đôi người. Đến đây, thuyền trưởng Nê-mô đứng cạnh tôi rút dao găm ra rồi tiến lên chiến đấu tay đôi với con cá dữ. Con cá đang ở tư thế sẵn sàng sát hại người ẩn Độ bất hạnh thì chợt chú ý tới đối thủ mới. Nó lật sấp lại rồi xông tới chỗ thuyền trưởng Nê-mô. Nê-mô hơi ngửa mình về phía sau rồi hết sức bình tĩnh chờ con cá đến gần. Khi nó đã tới sát, Nê-mô vô cùng khéo léo nhảy sang một bên tránh đòn, rồi cầm phập con dao găm vào bụng cá, ngập tới đuôi. Cuộc chiến đấu quyết liệt bắt đầu.

Con cá nổi khùng. Máu từ vết thương vọt ra như suối. Nước biển nhuộm màu đỏ thẫm khiến tôi chẳng còn nhìn thấy gì. Một lát sau, khi chỗ nước nhuộm máu bị cuốn trôi đi, tôi mới thấy thuyền trưởng Nê-mô dũng cảm đang bám chặt vào vây con cá mà đâm liên tiếp vào bụng nó. Nhưng ông ta không có khả năng đánh một đòn quyết định, nghĩa là đâm trúng tim kẻ thù! Con cá mập bị tử thương oằn mình lại và quẫy đuôi rất mạnh khiến tôi đứng không vững nữa. Tôi muốn xông tới giúp thuyền trưởng. Nhưng vì quá khiếp sợ, nên tôi đỡ người ra không bước lên được bước nào. Tôi thấy tình hình hai bên tham chiến đã thay đổi, Nê-mô bị thân hình to lớn của con cá xô ngã lộn nhào. Tính mạng Nê-mô đang như treo trên sợi tóc thì Nét Len nhanh như cắt xông tới và phóng lao nhọn vào con cá.

Nước biển lại nhuộm đỏ màu máu. Con cá điên cuồng lộn lộn làm cuộn lên từng đợt sóng lớn. Nét Len đã giáng một đòn trí mạng. Con cá hấp hối, quằn quại. Công-xây thì bị sóng xô ngã. Nét Len giúp thuyền trưởng thoát khỏi thân con cá đang đè lên người. Nê-mô không bị thương. Ông đứng dậy, chạy về phía người ẩn Độ,

cắt dây thừng buộc người đó với hòn đá rồi ôm người đó bơi lên mặt biển. Chúng tôi cũng bơi lên theo Nê-mô và mấy giây sau đã tới chiếc thuyền của người bị nạn. Trước hết, Nê-mô tìm cách làm cho người này hồi tỉnh. Tôi không tin Nê-mô sẽ cứu được anh ta sống. Anh ta chỉ ở dưới nước một thời gian ngắn, nhưng đuôi cá đập mạnh có thể giết chết anh ta! May thay, nhờ những biện pháp kiên quyết của Nê-mô và Công-xây, người bị nạn dần dần tỉnh lại. Anh ta mở mắt. Các bạn có thể hình dung được là anh ta đã ngạc nhiên, thậm chí hoảng sợ thế nào khi thấy bốn cái đầu bằng đồng đang cúi xuống anh ta! Nhưng anh ta không thể tưởng tượng được rằng Nê-mô rút ra một túi ngọc trai rồi giúi vào tay mình! Anh thợ lặn nghèo khổ đưa bàn tay run rẩy ra nhận tặng phẩm diệu kỳ của người chủ biển cả. Cái nhìn hoảng sợ chứng tỏ anh ta không biết những sinh vật kỳ lạ đã cứu sinh mạng và cho mình châu báu kia là ai. Theo hiệu thuyền trưởng, chúng tôi trở lại bãi ngọc và sau nửa tiếng đồng hồ đi trên con đường quen thuộc thì về tới chiếc xuồng đang thả neo chờ. Chúng tôi lên xuồng và được các thủy thủ giúp tháo bỏ những cái mũ đồng nặng nề ra. Câu nói đầu tiên của thuyền trưởng Nê-mô là dành cho Nét Len:

- Ông Nét, xin cảm ơn ông!
- Thưa thuyền trưởng, có gì mà cảm ơn! Tôi đã chịu ơn ngài nhiều. Nê-mô hơi mỉm cười và chẳng ai nói gì thêm nữa.
- Quay xuồng về tàu!

Nê-mô ra lệnh. Chiếc xuồng lướt trên sóng. Mấy phút sau, chúng tôi gặp xác con cá mập nổi lên mặt biển. Nhìn viền đen ở vây cá, tôi nhận ra đó là loại cá mập ăn thịt người rất đáng sợ ở Ấn Độ Dương. Nó dài gần tám mét. Cái mồm rộng hoác chiếm một phần ba thân. Đó là con cá đã trưởng thành vì có sáu hàng răng ở hàm trên. Khi tôi đang xem xác con cá thì có khoảng hơn mười con cá mập khác nổi lên quanh xuồng. Chúng chẳng chú ý gì tới chúng tôi mà lẫn xả vào xâu xé con cá bị chết. Đến tám giờ rưỡi, chúng tôi bước lên tàu Nau-ti-lux. Những ý nghĩ của tôi dần dần quay lại chuyến thăm quan vừa rồi ở vịnh Ma-na. Tôi thán phục lòng quả cảm tuyệt vời của thuyền trưởng Nê-mô mà chính tôi đã chứng kiến! Tôi hiểu rằng Nê-mô có thể hy sinh thân mình để cứu một người của cái xã hội mà ông ta đã từ bỏ! Dù con người bí hiểm đó có nói gì về mình thì ông ta cũng không thể hủy diệt được lòng thương người trong tim mình được.

Tôi nói với Nê-mô ý nghĩ đó. Ông ta trả lời tôi, giọng xúc động:

- Thưa giáo sư, đó là một người ẩn Độ, một đại diện của quần chúng bị áp bức; mà tôi thì sẽ là người bảo vệ cho họ đến hơi thở cuối cùng!

CHƯƠNG 28

BIỂN ĐỎ

Trưa ngày 29 tháng giêng, đảo Xay-lan khuất sau chân trời, tàu Nau-ti-lux chạy với tốc độ hai mươi hải lý một giờ. Thế là từ khi rời biển Nhật Bản tới nay, chúng tôi đã vượt một vạn sáu ngàn hai trăm hai mươi hải lý hay bảy ngàn năm trăm dặm. Hôm sau, 30 tháng giêng, khi tàu nổi lên thì chẳng còn thấy một hòn đảo nào. Tàu hướng về phía tây-bắc, về phía vịnh Ạ-man nằm giữa bán đảo A-ra-bi-a và bán đảo Ấn Độ: và là cửa vào vịnh Ba Tư. Đây thật là một vịnh kín, không có lối ra biển. Thuyền trưởng Nê-mô định đưa chúng tôi đi đâu? Tôi không thể biết được. Trả lời như vậy không làm Nét thoả mãn.

- Ông Nét ạ, đường chúng ta đi tùy thuộc ý muốn của thuyền trưởng.

- Ý muốn của thuyền trưởng không đưa chúng ta đi xa được đâu. Vịnh Ba Tư không có lối ra nào khác. Nếu ta vào thì phải đi ra bằng đường cũ.

- Thì sao! Sau khi vào vịnh Ba Tư, nếu tàu Nau-ti-lux muốn đến thăm biển Đỏ thì có thể sử dụng vịnh Báp-en Man-đép bất kỳ lúc nào.

- Thưa giáo sư, nhưng biển Đỏ, cũng như vịnh Ba Tư, chẳng có lối ra nào khác! Kênh Xuy-ê chưa đào xong. Vả lại, nếu có đào xong thì một chiếc tàu cần giữ bí mật như tàu của ta liệu có dám đi vào kênh đào có nhiều đập nước như vậy không? Tóm lại, biển Đỏ không phải là con đường đưa chúng ta về châu R□u.

- Nhưng tôi có nói là chúng ta đang về châu R□u đâu.

- Thế giáo sư dự kiến thế nào?

- Tôi cho rằng, sau khi thăm vùng biển A-ra-bi-a và Ai Cập, tàu Nau-ti-lux sẽ trở lại Ấn Độ Dương, hoặc qua eo Mô-dăm-bích, hoặc qua quần đảo Ma-xca-ren và sẽ tới mũi Hảo Vọng.

- Vâng, tới mũi Hảo Vọng rồi sao nữa!

Nét kiên trì hỏi.

- Vòng qua mũi Hảo Vọng, chúng ta sẽ ra Đại Tây Dương. Chúng ta chưa đến vùng biển đó bao giờ. Nay ông Nét, chẳng lẽ ông đã ngán cái kiểu đi ngầm dưới biển này rồi à? Còn tôi, nếu chuyến du lịch thú vị này đột nhiên chấm dứt thì tôi sẽ rất buồn. Chẳng phải ai cũng được may mắn như chúng ta đâu!

- Nhưng xin giáo sư chớ quên rằng chúng ta bị cầm tù trên tàu Nau-ti-lux đã được ba tháng.

- Ông Nét à, tôi chẳng muốn nhớ chuyện đó làm gì! Trên tàu này tôi chẳng tính ngày tính giờ làm gì!

- Nhưng rồi sẽ kết thúc ra sao?

- Sẽ có lúc phải kết thúc thôi! Nhưng chúng ta bắt lực trong việc làm cho nó kết thúc nhanh, và mọi cuộc tranh cãi về vấn đề này đều vô ích. Nếu ông bảo tôi:

“Đã có thời cơ chạy trốn rồi đấy!” thì tôi sẽ thảo luận ngay với ông về chuyện ấy. Nhưng thời cơ chưa tới và tôi thành thật nghĩ rằng thuyền trưởng Nê-mô không dám vào vùng biển châu Râu đầu. Nét Len kết thúc câu chuyện bằng một câu độc thoại:

“Cái gì cũng đẹp vô cùng. Nhưng tôi nghĩ, trong cảnh tù đầy này thì chẳng có gì đáng vui cả!” Suốt bốn ngày, tới mừng 3 tháng 2, tàu Nau-ti-lux chạy trong vịnh Ạ-man ở các tốc độ và độ sâu khác nhau. Hình như nó đang phân vân trong việc chọn đường đi. Tàu ra khỏi vịnh Ạ-man và tới ngày mừng 5 tháng 2 thì vào vịnh A-đen, nơi đây nước của ấn Độ Dương hòa với nước biển Đỏ. Ngày mừng 6 tháng 2, tàu Nau-ti-lux nhìn thấy thành phố A-đen xây dựng trên những mỏm đá nhô ra biển. Tôi tưởng Nê-mô cho tàu chạy tới đây thì quay lại. Nhưng tôi đã lầm. Hôm sau, mừng 7 tháng 2, tàu tiến vào eo biển Báp-en Man-đép, tiếng A-rập có nghĩa là "Cửa nước mắt". Eo này rộng hai mươi hải lý và chỉ dài năm mươi hai ki-lô-mét. Tàu Nau-ti-lux chạy thật nhanh chỉ mất một tiếng đồng hồ là vượt qua. Đến trưa tàu vào tới biển Đỏ. Biển Đỏ! Chưa bao giờ có mưa rào trên biển này. Không một con sông lớn nào đổ vào biển này! Hằng năm nước bốc hơi làm mực nước ở đây tụt xuống một mét rưỡi! Biển Đỏ dài hai ngàn sáu trăm ki-lô-mét và rộng trung bình hai trăm bốn mươi ki-lô-mét. Thời cổ đại đây là một đường mậu dịch quốc tế chủ yếu.

Tôi không muốn tìm nguyên nhân đã thúc đẩy thuyền trưởng Nê-mô nhưng tôi chẳng thắc mắc gì khi được đến đây. Tàu chạy ở tốc độ trung bình, khi thì nổi, khi thì lặn xuống sâu để tránh gặp các tàu thuyền khác. Thế là tôi được quan sát biển này cả trên mặt nước, cả dưới sâu. Tàu Nau-ti-lux tiến gần bờ biển châu Phi, nơi có nhiều vực thẳm. Ở đó dưới các lớp nước trong như pha lê, qua ô cửa kính, chúng tôi ngắm nhìn những đám san hô ngầm được những tấm thảm bằng tảo phủ ngoài. Cảnh tượng đó thật khó phai mờ trong trí nhớ! Ngày 9 tháng 2, tàu Nau-ti-lux tới quãng rộng nhất của biển Đỏ. Trưa hôm đó, sau khi xác định tọa độ, thuyền trưởng lên boong, nơi tôi đang đứng. Tôi định lợi dụng cơ hội này để thăm dò ý đồ sắp tới của Nê-mô. Thấy tôi, Nê-mô bước đến ngay, mời tôi hút xì gà rồi hỏi:

- Thế nào, giáo sư có thích biển Đỏ không? Ngài có quan sát được những kỳ quan ẩn náu dưới sâu không?

- Thưa thuyền trưởng, tất nhiên là có! Tàu Nau-ti-lux quả là hết sức thích hợp với việc quan sát những kỳ quan đó. Thật là một chiếc tàu thông minh!

- Vâng, thưa ngài, con tàu rất thông minh, dũng cảm và an toàn! Nó chẳng sợ gì bão táp thường hoành hành ở biển Đỏ, cùng những luồng nước mạnh và những dải đá ngầm ở đây.

- Biển Đỏ được xem là một trong những vùng biển nguy hiểm nhất, và nếu tôi không lầm, thì từ thời cổ đại nó đã nổi tiếng chẳng lành.

- Thưa ngài, đúng vậy! Những nhà sử học Hy Lạp và La Mã nhận xét về nó rất tiêu cực. Theo họ, vô số tàu thuyền đã bị đắm vì vấp phải những dải cát nổi và chẳng một thuyền trưởng nào dám cho tàu chạy ban đêm ở biển này. ..

- Rõ ràng là các nhà sử học đó không được đi tàu Nau-ti-lux.

Tôi nói.

- Tất nhiên!

Thuyền trưởng mỉm cười.

- Song trong lĩnh vực đóng tàu, những người đương thời với chúng ta cũng chẳng tiến xa hơn người cổ đại bao nhiêu. Phải mất mấy thế kỷ con người mới phát minh ra máy hơi nước! Chẳng biết

một trăm năm sau có xuất hiện được một chiếc Nau-ti-lux thứ hai không?

- Thuyền trưởng nói rất đúng. Chiếc tàu của ngài tiến trước thời cổ đại cả một thế kỷ, nếu không nói là hàng thế kỷ! Thật đáng tiếc, phát minh này sẽ mất đi cùng với người sáng tạo ra nó. Nê-mô im lặng không trả lời. Tôi nói tiếp:

- Thưa thuyền trưởng, chắc ngài đã nghiên cứu rất kỹ biển này. Xin ngài cho biết vì sao lại gọi là biển Đỏ?

- Về vấn đề này có nhiều cách giải thích khác nhau. Nhưng theo tôi, tên biển Đỏ là từ chữ Do Thái "Edom" mà ra. Người xưa căn cứ vào màu nước mà đặt tên cho biển này.

- Nhưng tôi chẳng thấy nó có màu sắc gì đặc biệt cả. Nước ở đây cũng như nước những biển khác trong xanh mà chẳng đỏ chút nào.

- Đúng vậy! Nhưng vào sâu trong vịnh, ngài sẽ thấy một hiện tượng lạ. Một lần ở vũng To-rơ, tôi được thấy nước biển tựa như trước mắt tôi là một hồ máu.

- Vì sao lại có hiện tượng ấy? Có phải vì những loài tảo đỏ li ti không?

- Đúng vậy! Đó là kết quả bài tiết của một loài tảo rất nhỏ. Muốn phủ kín một milimét vuông, cần có bốn vạn đơn vị. Có thể ngài sẽ được quan sát hiện tượng đó khi tàu vào vũng To-rơ.

- Thưa thuyền trưởng, chắc không phải lần đầu ngài cho tàu Nau-ti-lux vào biển Đỏ?

- Vâng, không phải lần đầu!... Tiếc rằng tôi không thể cho ngài xem kênh đào Xuy-ê, nhưng ngày kia, khi tàu vào Địa Trung Hải, ngài sẽ được thấy con đê dài ở Po Xa-ít.

- Vào Địa Trung Hải ạ?

Tôi sửng sốt.

- Vâng! Giáo sư ngạc nhiên ạ?

- Vâng, tôi ngạc nhiên vì ngày kia chúng ta đã tới Địa Trung Hải rồi!

- Đúng vậy!

- Thưa thuyền trưởng, tôi ngạc nhiên thật, mặc dù đi trên tàu Nau-ti-lux thì chẳng nên ngạc nhiên về điều gì nữa.

- Nhưng giáo sư ngạc nhiên về điều gì vậy?

- Tàu Nau-ti-lux phải chạy với tốc độ thế nào để có thể trong một ngày đưa chúng tôi vòng theo lục địa châu Phi qua mũi Hảo Vọng rồi vào Địa Trung Hải?

- Ai bảo ngài là chúng ta sẽ đi vòng châu Phi qua mũi Hảo Vọng?

- Nếu tàu Nau-ti-lux không chạy trên cạn, hay bay qua eo đất Xuy-ê.

- ... Hay là chạy ngầm dưới eo đất đó!

- Dưới eo đất đó, thưa ngài?

- Tất nhiên, - Nê-mô bình thản trả lời

- Thiên nhiên từ lâu đã tạo nên dưới eo ấy cái mà con người đang làm trên mặt đất.

- Sao? Chẳng lẽ lại có một lối đi ngầm?

- Vâng, có một lối đi ngầm mà tôi gọi là đường ngầm A-ra-bi-a.

- Nhưng eo Xuy-ê là do cát phù sa bồi lên.

- Ở trên là cát, nhưng ở dưới sâu 5

- 10 mét bắt đầu có lớp đá hoa cương rất rắn chắc.

- Ngài phát hiện ra con đường ngầm đó một cách ngẫu nhiên a?

Tôi ngày càng sửng sốt.

- Thưa giáo sư, vừa ngẫu nhiên, vừa có tính toán.

- Thưa thuyền trưởng, tôi nghe ngài nói mà không tin ở tai mình nữa.

- Đó là chuyện thường tình thôi! Đường ngầm đó chẳng những có thật mà còn dùng làm đường giao thông được. Tôi đã cho tàu chạy qua đó nhiều lần. Nếu không thì tôi chẳng dám vào cái biển kín này làm gì.

- Thưa thuyền trưởng, có lẽ tôi hơi đường đột, nhưng xin hỏi ngài làm sao phát hiện ra con đường ngầm đó?

- Thưa giáo sư, giữa những người gắn bó với nhau mãi mãi thì có điều gì phải giữ kín nữa! Tôi làm ra vẻ không hiểu câu nói bóng gió ấy và chờ Nê-mô trả lời.

- Thưa giáo sư, - Nê-mô giải thích, -tính tò mò của nhà tự nhiên học gợi ý cho tôi rằng ở dưới eo đất Xuy-ê hần có một đường ngầm chưa ai biết. Tôi thấy biển Đỏ và Địa Trung Hải đều có những loài cá giống hệt nhau. Xác định được điều đó, tôi tự hỏi liệu có một lối thông nhau giữa hai biển không? Nếu có, thì vì mực nước ở biển Đỏ cao hơn nên luồng nước sẽ bắt nguồn từ đó chứ không phải từ Địa Trung Hải. Để kiểm tra xem có đúng không, tôi bắt nhiều loài cá khác nhau ở vùng biển gần Xuy-ê, đeo vào đuôi mỗi con một chiếc vòng bằng đồng rồi thả xuống nước. Một tháng sau, ở bờ biển Xi-ri, một số cá đeo vòng đó bị sa lưới. Lối đi ngầm giữa hai biển đã được chứng minh. Tôi lao vào tìm lối đi đó rồi liệu cho tàu chạy vào. Giáo sư sắp được đi qua đường ngầm A-ra-bi-a của tôi đó.

CHƯƠNG 29

ĐƯỜNG NGẦM A-RA-BI-A

Ngay hôm đó tôi kể lại cho Công-xây và Nét Len về cuộc nói chuyện giữa tôi và thuyền trưởng Nê-mô mà tôi chắc họ sẽ thích thú. Khi tôi nói hai ngày nữa tàu sẽ tới Địa Trung Hải thì Công-xây vỗ tay, còn Nét nhún vai nói:

- Đường ngầm à? Đường nối liền hai biển à? Chưa nghe ai nói bao giờ!

- Anh bạn Nét ơi, - Công-xây trả lời, - thế trước kia anh bạn có được nghe nói về tàu Nau-ti-lux không? Không! Thế mà nó vẫn tồn tại. Vậy anh đừng nhún vai làm chi vô ích và đừng viện cớ chưa nghe thấy ai nói mà phủ nhận tồn tại của sự vật.

- Được, rồi xem!

Nét lắc đầu phản đối.

- Mà nếu con đường ngầm mà Nê-mô nói là có thật thì còn gì bằng nữa. Cầu trời phù hộ cho Nê-mô đưa được chúng ta sang Địa Trung Hải!

Chiều tối hôm đó, tàu Nau-ti-lux nổi lên mặt nước gần bờ biển A-ra-bi-a. Phía xa là thành phố Gít-đa, một trung tâm buôn bán quan trọng của nhiều nước như Ai Cập, Xi-ri, Thổ Nhĩ Kỳ và Ấn Độ. Một lát sau, bóng tối trùm lên thành phố và tàu Nau-ti-lux vội lặn xuống làn nước lấp lánh như lân tinh. Hôm sau, mừng mười tháng hai, xuất hiện những chiếc tàu chạy ngược chiều. Tàu Nau-ti-lux lại lặn xuống. Nhưng đến giữa trưa, lúc cần xác định tọa độ, biển vắng lặng, tàu lại nổi lên mặt nước. Tôi cùng Nét và Công-xây lên boong. Dải bờ biển ẩn hiện trong sương mù phía đông. Chúng tôi đang tựa vào đáy xuống và nói chuyện phiếm thì Nét bỗng chỉ vào một chấm đen trên mặt biển rồi hỏi:

- Giáo sư có nhìn thấy gì không?

- Chẳng thấy gì cả! Ông cũng biết mắt tôi chẳng lấy gì làm tinh lắm.

- Giáo sư hãy nhìn kỹ xem. Phía trước mặt chúng ta đấy. Tôi chăm chú nhìn rồi nói:

- Đúng là trên mặt biển có một vật gì đen và dài đang chuyển động.

- Lại một tàu Nau-ti-lux nữa!

Công-xây nói.

- Đâu phải!

Nét phản đối.

- Nếu tôi không lầm thì đó là một động vật. Chẳng lẽ ở biển Đỏ lại có cá voi?

Công-xây hỏi.

- Có, anh bạn ạ, -Tôi trả lời.

- Thỉnh thoảng người ta cũng gặp cá voi ở vùng biển này.

- Nhưng đây không phải là cá voi, - Nét vẫn không rời mắt khỏi chấm đen.

- Cá voi thì tôi quen thuộc lắm. Tôi nhận ra chúng từ xa.

- Chúng ta hãy kiên nhẫn.

Công-xây nói.

- Tàu đang chạy về phía đó. Chỉ một lát nữa ta sẽ biết nó là cái gì. Tàu còn cách vật đen đen đó một hải lý. Vật đó giống phần trên của một dải đá ngầm. Nhưng nó là cái gì thì tôi chưa thể xác định được. Công-xây bỗng reo lên:

- A! Bò nước! Một chú bò nước thực sự! Bò nước! Đúng là chúng ta đã gặp một con thuộc họ bò nước mà truyền thuyết đã biến thành một động vật biển hoang đường nửa cá nửa phụ nữ.

- Không phải bò nước đâu mà là một động vật khác thỉnh thoảng còn thấy ở biển Đỏ. Đó là con đuy-gông, thuộc họ bò nước.

Nét Len sẵn sàng chiến đấu. Mắt anh ta rực lửa. Anh thợ săn cá voi này đang đợi thời cơ để nhảy xuống biển quyết chiến với con vật! Anh ta nói giọng run run vì xúc động:

- Ôi, tôi chưa từng được "đánh" những con như thế này bao giờ!

Cả con người Nét thể hiện trong câu nói đó. Vừa lúc ấy, thuyền trưởng Nê-mô lên boong. Ông ta nhìn thấy ngay con đuy-gông, thông cảm với sự xúc động của Nét và hỏi anh ta:

- Nếu trong tay ông có súng thì có lẽ ông chẳng chịu để yên đâu nhỉ?

- Thưa thuyền trưởng đúng vậy.

- Và có lẽ ông không từ chối nếu được trở lại làm thợ săn cá voi trong một ngày đâu nhỉ?

- Vâng, sao lại từ chối ạ!

- Thế thì được, ông hãy cố gắng nhé!

- Xin cảm ơn thuyền trưởng!

Mắt Nét Len sáng ngời.

- Nhưng ông chớ bắn trượt nhé! Nếu trượt thì thiệt cho ông đó!

- Chẳng lẽ đuy-gông lại nguy hiểm đến thế cơ ả?

Tôi hỏi Nê-mô mà chẳng chú ý tới Nét đang nhún vai.

- Trong vài trường hợp, nó khá nguy hiểm.

Nê-mô trả lời.

- Đôi khi nó xông thẳng tới kẻ thù rồi lật úp thuyền. Nhưng ông Nét thì chẳng có gì phải sợ nó vì có đôi mắt rất tinh và hai cánh tay vững chắc. Tôi chỉ mong ông đừng để nó thoát vì thịt nó rất ngon. Nê-mô vừa dứt lời thì bảy thủy thủ đã lặn lẽ lên boong. Một người mang chiếc lao buộc vào sợi dây, giống như loại lao vắn dùng bắn cá voi. Họ tháo xuống rồi hạ xuống nước. Sáu người chèo, một người cầm lái. Nét, Công-xây và tôi ngồi ở phía sau.

- Thuyền trưởng có cùng đi không ả?

Tôi hỏi.

- Thưa ngài, không. Xin chúc các ngài thành công!

Xuồng bơi về phía con đuy-gông đang ở cách chúng tôi hai hải lý. Khi còn cách mấy trăm mét thì xuồng đi chậm lại. Nét Len cầm lao đứng ở mũi. Như ta đã biết, lao săn cá voi thường được

buộc dây rất dài và dễ tháo ra khi con cá lặn xuống sâu. Nhưng ở đây sợi dây chỉ dài không quá hai chục mét, đầu kia buộc vào một chiếc thùng rỗng để báo hiệu con cá bị thương đang nằm ở chỗ nào dưới biển. Tôi nhòe dậy và chăm chú nhìn đối thủ của Nét. Con đui-gông này thật đồ sộ: nó dài ít nhất bảy mét và nằm im không nhúc nhích. Hình như nó đang ngủ. Chiếc xuồng lặng lẽ tới cách con cá chừng sáu mét. Tôi bật dậy. Nét Len hơi ngả người ra phía sau rồi phóng lao. Lao bay vút đi. Con đui-gông biến mất. Mũi lao này phóng đi rất mạnh nhưng rơi xuống nước.

- Khó quá! Trượt rồi!

Nét phát điên.

- Trượt đâu?

Tôi nói.

- Nó bị thương rồi, có vết máu trên mặt nước kia.

Con đui-gông thỉnh thoảng lại nổi lên để thở. Rõ ràng vết thương chưa làm nó kiệt sức, vì nó còn bơi rất nhanh. Chiếc xuồng lướt theo vết con cá. Đôi lúc chúng tôi đuổi gần kịp và Nét đã chuẩn bị phóng lao nhưng nó lại lặn xuống ngay. Các bạn có thể hình dung được rằng Nét đã cáu kỉnh, giận dữ đến mức nào! Còn tôi thì thất vọng vì con đui-gông đã phá vỡ mưu kế của chúng tôi. Chúng tôi rượt theo nó suốt một tiếng đồng hồ. Bỗng nó có ý định trả thù những người đuổi bắt, nó quay lại và xông thẳng tới chiếc xuồng. Hành động của con đui-gông không lọt qua mắt Nét Len. Anh ta hô lên:

- Coi chừng!

Người cầm lái nói mấy lời bằng thổ ngữ khó hiểu chắc là ra lệnh cho các thủy thủ khác cảnh giác. Tới cách xuồng chừng hơn mười mét, con cá hít không khí vào qua hai lỗ mũi rất rộng rồi lại tiếp tục lao tới. Chúng tôi không kịp tránh đòn. Chiếc xuồng tròn trành. Nước ủa vào, chúng tôi phải tát ngay ra, nhưng nhờ sự khéo léo của người lái mà xuồng không bị lật úp. Nét Len phóng lao liên tiếp vào con vật khổng lồ. Nó bèn đội thuyền lên khỏi mặt biển tựa như con sư tử tung con dê lên trời. Chúng tôi xô vào nhau. Tôi không biết sự thế sẽ diễn ra thế nào nếu như Nét không phóng lao trúng tim con cá. Con đui-gông lặn xuống nhưng chỉ một lát sau xác nó bị lật ngửa, nổi bênh lên mặt biển. Chúng tôi liền lôi nó về tàu Nau-ti-lux. Con đui-gông nặng năm tấn. Việc mổ cá được tiến

hành dưới sự hướng dẫn của Nét. Hôm ấy, người phục vụ dọn cho chúng tôi món cá đuy-gông được đầu bếp trên tàu nấu rất khéo. Theo tôi, cá này ăn ngon hơn thịt bò. Hôm sau, 11 tháng 2, tàu từ từ chạy vào vùng Xuy-ê. Tôi thấy càng gần Xuy-ê nước biển Đỏ càng bớt mặn.

Tàu vượt qua eo Gu-ban rồi vào vịnh Xuy-ê. Đến sáu giờ, tàu chạy ngang qua thành phố To-rơ nằm sâu trong vũng biển có sắc nước đỏ đỏ như thuyền trưởng Nê-mô đã quan sát. Đêm đã tới. Cảnh tịch mịch chỉ thỉnh thoảng bị phá vỡ bởi tiếng kêu của bò nông hay một loài chim đêm nào khác, bởi tiếng sóng vỗ bờ hay tiếng còi tàu phía xa. Từ tám đến chín giờ, tàu chạy dưới mặt biển chừng vài mét. Theo sự tính toán của tôi, tàu đang ở gần eo đất Xuy-ê. Qua ô cửa phòng khách, tôi nhìn thấy chân các mỏm đá gần bờ được đèn pha trên tàu rọi sáng. Tôi cảm thấy eo biển hẹp dần lại. Chín giờ mười lăm phút, tàu nổi lên mặt nước. Tôi vội chạy lên boong vì nóng lòng muốn được vào ngay con đường ngầm của thuyền trưởng Nê-mô. Tôi tranh thủ hít thở không khí trong lành ban đêm. Một lúc sau, cách chúng tôi một hải lý, có ánh lửa thấp thoáng sau làn sương đêm.

- Đó là hải đăng nổi, -có tiếng người nói sau lưng tôi. Tôi quay lại thì thấy thuyền trưởng. Nê-mô nói tiếp:

- Đó là hải đăng nổi Xuy-ê. Chúng ta sắp tới cửa đường ngầm.

- Thưa thuyền trưởng, có lẽ vào đường ngầm cũng không dễ?

Tôi hỏi.

- Vâng, tất nhiên không dễ. Vì vậy tôi phải lên phòng hoa tiêu để tự tay lái tàu. Và bây giờ xin mời giáo sư xuống phòng vì tàu sắp lặn và sẽ chỉ nổi lên khi vượt qua hết đường ngầm. Tôi đi theo thuyền trưởng. Các ô cửa đóng lại. Các bể chứa được bơm đầy nước. Tàu lặn xuống sâu mười mét. Tôi định về phòng riêng thì Nê-mô ngăn lại:

- Giáo sư có muốn lên phòng hoa tiêu với tôi không?

- Thế thì còn gì bằng nữa ạ!

- Ta đi thôi! Ở đó ngài sẽ được thấy tất cả những gì có thể thấy được trong chặng đường ngầm dưới biển và dưới mặt đất này.

Phòng hoa tiêu của tàu Nau-ti-lux hình vuông mỗi bề gần hai mét. Ở chính giữa là tay lái, xung quanh lắp kính cho phép người lái nhìn được cả bốn phía. Trong phòng tối om, nhưng một phút sau tôi nhận ra bóng người hoa tiêu hai tay đang cầm lái. Biển được chiếu đèn pha ở phía sau rọi sáng trưng.

- Nào, bây giờ ta hãy tìm cửa vào đường ngầm.

Phòng hoa tiêu được nối với buồng lái bằng dây điện, giúp thuyền trưởng có thể vừa trực tiếp lái tàu, vừa điều khiển tốc độ của tàu. Nê-mô ấn nút, chân vịt liền quay chậm lại. Tôi lặng nhìn bức tường đá hoa cương dựng đứng. Tàu chạy dọc bức tường đó suốt một tiếng đồng hồ. Thuyền trưởng Nê-mô không rời mắt khỏi chiếc địa bàn. Theo hiệu của thuyền trưởng, người lái tàu thay đổi hướng tàu chạy từng phút. Đúng mười giờ mười lăm phút, thuyền trưởng bắt đầu đích thân cầm lái. Một hành lang rộng, sâu thẳm và ngoằn ngoèo đang hiện ra trước mắt chúng tôi. Tàu Nau-ti-lux dừng cảm đi vào dưới vòm cuốn tối đen của hành lang đó. Ở mạn tàu bên kia, có tiếng ào ào khác thường. Đó là nước biển Đỏ đang theo đường ngầm đổ vào Địa Trung Hải. Con tàu theo dòng nước lao đi như mũi tên, mặc dù máy móc trên tàu đã làm việc hết sức để giảm tốc độ bằng cách cho chân vịt quay ngược lại. Tim tôi đập thình thịch. Bất giác tôi đưa tay lên ngực. Đến mười giờ ba mươi lăm phút, thuyền trưởng Nê-mô trao tay lái cho hoa tiêu rồi bảo tôi:

- Địa Trung Hải rồi đó! Tàu Nau-ti-lux bị nước cuốn qua eo Xuy-ê mất không đầy hai mươi phút.

CHƯƠNG 30

QUẦN ĐẢO HY LẠP

Rạng sáng hôm sau, 12 tháng 2, tàu Nau-ti-lux nổi lên mặt nước. Tôi chạy lên boong. Ở chân trời phía nam, hiện lên hình dáng của thành phố Pê-lu-đi-om cổ kính. Gần 7 giờ sáng Nét Len và Công-xây cũng lên boong. Hai người bạn cố tri ngủ một mạch suốt đêm, chẳng quan tâm chút nào tới chiến công của tàu Nau-ti-lux cả.

- Thừa nhà tự nhiên học, - Nét hỏi tôi bằng một giọng hài hước, -Địa Trung Hải đâu ạ?

- Chúng ta đang ở Địa Trung Hải rồi đó, ông bạn ạ.

- Chà chà! Thế là đêm qua...

- Đêm qua trong ít phút chúng ta đã vượt qua eo đất hiểm.

- Tôi không tin, - Nét trả lời.

- Không tin sao được, ông Nét!

Tôi phản đối.

- Bờ biển thấp ở phía nam kia là bờ biển Ai Cập đó! Nét vẫn bướng bỉnh chưa tin. Tôi bảo Nét:

- Ông hãy nghe tôi. Thuyền trưởng đã cho tôi vinh dự được lên phòng hoa tiêu xem con đường ngầm. Ông ta tự tay lái tàu qua cái hành lang hẹp đó.

- Nghe thấy chưa, anh Nét?

Công-xây hỏi.

- Ông Nét ạ, - tôi nói tiếp, -mắt ông rất tinh. Ông có thể phân biệt một cách dễ dàng con đê chạy dài ra biển của cảng Po Xa-ít. Nét chăm chú nhìn rồi nói:

- Giáo sư nói đúng, còn thuyền trưởng của ngài quả là tài năng kiệt xuất. Chúng ta đang ở Địa Trung Hải thật. Bây giờ, nếu có thể, ta hãy bàn việc riêng một chút, nhưng chớ để ai nghe trộm.

Tôi hiểu rõ ý đồ của Nét và nghĩ bụng:

“Dẫu sao cũng nên bàn bạc với anh ta vì anh ta muốn thế”. Thế là ba chúng tôi ngồi xuống gần đèn pha. Tôi nói:

- Ông muốn nói gì thì nói đi, ông Nét. Tôi nghe đây.

- Thế này nhé. Chúng ta đang ở châu Âu. Trước khi Nê-mô có ý định cho tàu lặn xuống đáy biển Bắc cực hay quay lại châu Đại dương, ta phải chuồn khỏi tàu này!

Thú thực là cuộc thảo luận với Nét về chuyện đó làm tôi lúng túng. Tôi không hề muốn gò bó Công-xây và Nét nhưng cũng chẳng có chút nguyện vọng nào chia tay với thuyền trưởng Nê-mô. Nhờ Nê-mô, nhờ con tàu của Nê-mô mà hằng ngày tôi bổ sung cho mình biết bao kiến thức về hải dương học, tôi viết lại cuốn sách của mình nói về những bí mật dưới đáy đại dương ở ngay trong lòng biển. Liệu tôi còn dịp được quan sát những kỳ quan ẩn giấu dưới đại dương không! Tất nhiên là không! Tôi không thể chấp nhận ý nghĩ rằng phải rời khỏi tàu Nau-ti-lux mà chưa hoàn thành công trình nghiên cứu biển của chúng tôi.

- Ông bạn Nét ạ, - tôi nói, - ông hãy trả lời tôi một cách thẳng thắn nhé. Chẳng lẽ trên tàu Nau-ti-lux lại buồn sao? Ông ân hận rằng số phận đã đẩy ông đến với thuyền trưởng Nê-mô à? Nét không trả lời ngay. Anh ta khoanh tay trước ngực rồi nói:

- Thực tình, tôi chẳng ân hận gì về việc được làm một chuyến đi chơi ngầm dưới biển. Tôi sẽ nhớ lại chuyến đi này một cách thú vị, nhưng cũng phải cho nó kết thúc chứ! Đây, ý kiến của tôi là như vậy.

- Nó sẽ kết thúc, ông Nét ạ!

- Kết thúc ở đâu và bao giờ?

- Ở đâu thì tôi không biết. Bao giờ, tôi không thể nói được, nhưng tôi nghĩ chuyến đi này sẽ kết thúc khi tất cả những vùng biển đã mở ra trước chúng ta mọi bí mật của mình. Ở đời này cái gì chẳng có kết thúc!

- Tôi đồng ý với giáo sư, - Công-xây nói.

- Có lẽ sau khi đi khắp các biển trên trái đất, thuyền trưởng Nê-mô sẽ phóng thích tất cả ba người chúng ta.

- Phóng thích à?

Nét nói như quát.

- Tổng cổ đi thì đúng hơn!

- Hãy khoan, ông Nét!

Tôi nói.

- Chúng ta chẳng có gì phải sợ hãi thuyền trưởng, tuy vậy tôi cũng không đồng ý với Công-xây nghĩ rằng Nê-mô sẽ cho phép chúng ta loan tin ra khắp thế giới về chiếc tàu Nau-ti-lux.

- Vậy ngài hy vọng vào cái gì?

Nét hỏi.

- Tôi hy vọng trong tương lai tình hình sẽ thuận lợi hơn. Bây giờ, hay sáu tháng nữa cũng vậy thôi, phải không?

- Sao lại "cũng vậy thôi"?

Nét mỉm cười.

- Xin giáo sư cho biết sáu tháng sau chúng ta sẽ ở đâu?

- Có thể là vẫn ở chỗ này, có thể là ở Trung Quốc. Ông cũng biết tàu Nau-ti-lux chạy rất nhanh. Nó vượt đại dương như én bay trên trời, hay tàu nhanh chạy trên lục địa!

Nó chẳng sợ gì các vùng biển châu Âu. Ai dám cam đoan rằng nó sẽ không đến gần bờ biển nước Pháp, nước Anh hay nước Mỹ, nơi mà những điều kiện chạy trốn sẽ còn thuận lợi hơn?

- Thưa ngài A-rô-nắc, - Nét trả lời, những lý lẽ của ngài ngược lại với lẽ phải. Ngài nói toàn chuyện tương lai:

"Chúng ta sẽ ở đây, chúng ta sẽ ở đó!". Còn tôi thì nói chuyện hiện tại:

"Chúng ta đang ở đây, phải lợi dụng ngay thời cơ này!". Logic của Nét làm lập trường của tôi nghiêng ngả. Tôi cảm thấy mình bị thua vì đuối lý.

- Thưa giáo sư, - Nét nói tiếp, -giả sử ngay bây giờ thuyền trưởng Nê-mô yêu cầu chúng ta rời khỏi tàu Nau-ti-lux, ngài có chấp nhận yêu cầu đó không?

- Tôi không biết.

- Nếu Nê-mô nói rằng sẽ không yêu cầu lần thứ hai nữa thì ngài tính sao? Tôi im lặng.

- Anh Công-xây tính sao?

Công-xây bình thản trả lời:

- Công-xây thì không có ý kiến gì.

Đối với anh ta thì thế nào cũng xong. Anh ta sống độc thân như chủ của anh ta, như bạn của anh ta. Chẳng ai mong đợi anh ta ở quê hương cả. Rất tiếc là trong vấn đề tranh luận này, không thể trông đợi gì ở anh ta được. Ở đây chỉ có hai bên là giáo sư và Nét Len thôi. Anh ta sẵn sàng đứng làm trọng tài. Tôi bất giác mỉm cười khi nghe những lời khôi hài của Công-xây. Còn Nét trong thâm tâm chắc rất hài lòng vì đã loại ra được một đối thủ. Nét nói:

- Thưa giáo sư, nếu Công-xây không tham gia cuộc tranh luận này thì chỉ có tôi và ngài giải quyết vấn đề này. Tôi đã nói hết ý kiến và ngài cũng đã nghe hết. Thế bây giờ ngài thấy thế nào?

Đành phải có ý kiến dứt khoát vì tôi không chịu nổi sự quanh co:

- Ông bạn Nét ạ, tôi xin trả lời thế này. Ông nói đúng, những lý lẽ của tôi không có trọng lượng bằng lý lẽ của ông.

Thuyền trưởng Nê-mô không bao giờ tự nguyện thả chúng ta, không nên hy vọng gì vào điều đó. Vì bản năng tự vệ mà Nê-mô sẽ không trả lại tự do cho chúng ta. Nhưng cũng chính vì bản năng tự vệ mà khi có thời cơ là ta phải rời bỏ tàu Nau-ti-lux ngay.

- Ngài nói thật là chí lý!

- Nhưng còn một điều nữa là phải đợi cơ hội thật thuận lợi. Đã hành động là phải thành công. Nếu thất bại là đi đứt! Nê-mô không bao giờ tha thứ cho ta đâu!

- Thưa giáo sư, vâng. Nhưng ý kiến của ngài quá chung chung. Vấn đề là thế này: nếu có thời cơ thuận lợi là phải chớp lấy ngay, phải không ạ?

- Đồng ý. Bây giờ ông hãy nói rõ thế nào là thời cơ thuận lợi.

- Giả sử có một đêm nào đó tối trời, tàu chạy gần bờ biển châu Âu... thời cơ thuận lợi là đó.

- Thế ông định bơi vào bờ à?
 - Tất nhiên, tôi sẽ gắng bơi nếu tàu chạy trên mặt biển, còn nếu nó lặn xuống...
 - Thì sao?
 - Thì tôi sẽ cố chiếm cái xuống. Tôi biết cách lấy nó rồi. Tên hoa tiêu trong phòng lái sẽ chẳng thấy ta chạy trốn đâu.
 - Thế thì ông hãy đợi thời cơ! Nhưng ông chớ quên rằng nếu thất bại là nguy đây.
 - Thưa ngài, tôi sẽ không quên.
 - Ông Nét, bây giờ ông có muốn nghe ý kiến của tôi về kế hoạch của ông không?
 - Xin giáo sư cứ nói.
 - Tôi nghĩ rằng
 - Tôi không nói là "hy vọng rằng" - sẽ không có thời cơ thuận lợi như vậy đâu.
 - Vì sao?
 - Vì thuyền trưởng Nê-mô nhìn sự việc rất tỉnh táo và tất nhiên sẽ đề phòng chúng ta, đặc biệt là khi gần bờ biển châu Âu.
 - Tôi tán thành ý kiến của giáo sư, - Công-xây nói.
 - Rồi xem!
- Nét lắc đầu.
- Ông Nét ạ, - tôi nói thêm.
 - Chúng ta kết thúc câu chuyện này ở đây. Tuyệt đối không nên nói gì nữa! Hôm nào ông định chạy trốn thì báo trước cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ theo ông. Tôi hoàn toàn trông cậy vào ông.

Thế là kết thúc câu chuyện giữa ba chúng tôi, câu chuyện gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng sau này. Thật đau buồn cho Nét, những sự kiện xảy ra đã khẳng định ý kiến của tôi là đúng. Chẳng biết vì Nê-mô không tin chúng tôi hay vì ông ta tránh gặp các tàu thuyền ở Địa Trung Hải mà tàu Nau-ti-lux phần lớn chạy ngầm dưới nước và cách xa bờ. Đôi khi tàu chỉ hơi nhô khỏi mặt nước, nhưng thường là lặn xuống khá sâu. Giữa quần đảo Hy Lạp và Tiểu á, tàu lặn xuống hai ngàn mét mà chưa chạm đáy. Tôi

hôm sau, 14 tháng 2, gặp thuyền trưởng Nê-mô ở phòng khách, tôi cảm thấy ông ta có nhiều điều tư lự không vui. Trái với lệ thường, Nê-mô ra lệnh mở rộng cả hai ô cửa sổ rồi vừa đi đi lại lại giữa hai ô cửa đó vừa chăm chú nhìn vào khoảng nước mênh mông. Việc làm đó có ý nghĩa gì? Thôi mặc ông ta, tôi quay ra nghiên cứu các loài cá đang tung tăng ngoài ô cửa. Tôi đang ngắm nhìn không chán mắt những kỳ quan của đáy biển thì một hiện tượng bỗng làm tôi giật mình. Có một người, một người thợ lặn xuất hiện, lưng đeo túi da. Đó không phải là một cái xác không hồn trôi theo dòng nước mà là một người còn sống đang bơi bằng đôi tay rất khỏe. Thỉnh thoảng anh ta ngoi lên mặt nước để thở rồi lại lặn xuống. Tôi quay về phía thuyền trưởng Nê-mô và kêu lên, xúc động:

- Có người sắp chết đuối! Phải cứu ngay! Phải cứu bằng mọi giá!

Nê-mô chạy bổ tới ô cửa. Người đó bơi lại, áp mặt vào tấm kính và nhìn chúng tôi. Tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy Nê-mô lấy tay ra hiệu cho người đó. Người đó gật đầu trả lời rồi ngoi lên đi mất.

- Giáo sư đừng lo!

Nê-mô nói.

- Đó là anh Ni-cô-la ở mũi biển Ma-ta-pan, biệt hiệu là "Cá". Anh ta nổi tiếng khắp vùng đảo ấy về tài bơi lặn. Ni-cô-la sống dưới nước nhiều hơn trên cạn! Anh ta thường bơi từ đảo này sang đảo khác.

- Thuyền trưởng biết anh ta ạ?

- Sao tôi lại không biết?

Nói đoạn, Nê-mô bước tới chiếc tủ kê bên trái ô cửa. Gắn tủ là một cái hòm bịt sắt, trên nắp có tấm biển nhỏ bằng đồng ghi phương châm của tàu Nau-ti-lux: *Mobilis in mobile* Không đếm xỉa đến sự có mặt của tôi, Nê-mô mở tủ trong chứa đầy vàng thoi. Thứ kim loại quý đó lấy từ đâu ra? Và sao nhiều vậy? Nê-mô định dùng vàng để làm gì? Tôi chẳng nói một lời và trở mặt nhìn. Nê-mô lấy từng thoi vàng ra rồi xếp ngay ngắn vào hòm tới khi đầy ắp. Theo tôi, số vàng ấy phải nặng hơn một tấn, nói cách khác là bằng khoảng năm triệu phrăng. Nê-mô đẩy nắp hòm lại rồi viết địa chỉ hình như bằng tiếng Hy Lạp lên trên. Sau đó, Nê-mô ấn nút điện có dây chạy xuống phòng thủy thủ. Bốn thủy thủ chạy tới và khá

vất vả mới khiêng được hòm ra khỏi phòng khách. Thuyền trưởng quay lại hỏi tôi:

- Giáo sư nói gì vậy?
- Thưa thuyền trưởng, tôi chẳng nói gì.
- Thế thì xin chúc ngài ngủ ngon.

Nói xong, Nê-mô bước ra khỏi phòng khách. Tôi quay về phòng riêng và cố gắng ngủ. Tôi rất thắc mắc về thái độ của thuyền trưởng. Giữa sự xuất hiện của người thợ lặn và cái hòm chứa đầy vàng có mối quan hệ gì? Một lúc sau, tàu Nau-ti-lux từ lớp nước sâu nổi lên mặt biển. Tôi thấy tiếng chân lịch kịch trên boong. Người ta đang tháo xuống ra và hạ xuống nước. Chiếc xuống khê chạm vào thân tàu. Sau đó im lặng hẳn. Hai tiếng đồng hồ trôi qua. Lại có tiếng chân thành thịch trên boong tàu. Xuống được kéo lên. Tàu lại lặn. Thế là vàng đã được đưa tới địa chỉ, nhưng cụ thể là tới nơi nào trên lục địa này? Ai là người liên lạc của thuyền trưởng Nê-mô? Hôm sau, tôi trao đổi cảm tưởng đêm vừa rồi với Công-xây và Nét. Họ cũng ngạc nhiên chẳng kém gì tôi.

- Nê-mô lấy ở đâu ra nhiều vàng như vậy?

Nét hỏi. Biết trả lời thế nào? Ăn sáng xong, tôi đến phòng khách làm việc. Tôi soạn lại những ghi chép của mình đến năm giờ. Tôi bỗng thấy nóng bức nên bỏ áo ngoài ra. Sao nóng thế này? Tàu đã cách xa vùng nhiệt đới và đang chạy dưới biển sâu, nơi nhiệt độ thấp. Đồng hồ chỉ độ sâu mười tám mét dưới mặt biển. Ở độ sâu ấy, dù áp lực nước có tăng cũng chẳng có tác động gì. Tôi tiếp tục làm việc, nhưng nhiệt độ xung quanh tăng lên một cách đáng sợ. Tôi nghĩ bụng:

“Hay là tàu bị cháy?”.

Tôi đang định ra khỏi phòng khách thì thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện ở ngưỡng cửa. Ông ta bước tới chỗ đặt nhiệt kế, nhìn cột thủy ngân rồi bảo tôi:

- Bốn mươi hai độ!
- Vâng, nóng quá!

Tôi trả lời.

- Nếu nhiệt độ còn tăng lên nữa thì chúng ta sẽ bị chín như ra.

- Thừa giáo sư, nếu ta không muốn thì nhiệt độ sẽ không tăng nữa.

- Ngài có khả năng điều khiển cả nhiệt độ nữa à?

- Không phải! Nhưng tôi có thể ra khỏi cái lò lửa này.

- Đây là nhiệt độ của môi trường bên ngoài ạ?

- Tất nhiên! Tàu đang chạy trong nước sôi.

- Sao lại thế được!

Tôi sửng sốt.

- Giáo sư hãy xem đây. Ạ cửa ngoài mở ra khiến tôi trông thấy những ngọn sóng trắng xóa nổi lên quanh tàu. Từng đám hơi lưu huỳnh lan ra trong nước sôi sùng sục như trong chảo. Tôi vừa chạm tay vào ô kính thì phải rút ngay lại vì nó nóng giãy.

- Chúng ta đang ở đâu vậy?

Tôi hỏi.

- Đang ở quần đảo Xan-tô-rin, - Nê-mô trả lời.

- Tôi muốn để ngài xem núi lửa ngầm. Đó là một hiện tượng kỳ lạ!

- Tôi tưởng quá trình hình thành những đảo mới đã chấm dứt rồi.

- Trong lĩnh vực núi lửa thì quá trình hình thành đó không bao giờ chấm dứt. Ngọn lửa trong lòng đất hoạt động liên tục. Nếu ở Thái Bình Dương san hô có thể tạo nên các lục địa thì ở vùng biển này núi lửa cũng đóng vai trò như vậy. Ngài hãy nhìn xem hoạt động đó ở dưới biển sâu sôi nổi như thế nào! Tôi bước tới ô cửa. Tàu Nau-ti-lux đứng tại chỗ. Không khí nóng bức khôn tả. Nước từ màu trắng đã chuyển thành màu đỏ. Dù cửa đóng rất kín, hơi lưu huỳnh ngọt ngào vẫn lọt vào phòng khách, và ô ngoài cửa thỉnh thoảng lại bùng lên những ngọn lửa đỏ rực làm mờ cả ánh sáng của chiếc đèn pha. Người tôi đầm mồ hôi và thiếu không khí để thở. Tôi cảm thấy sắp bị chín như, nên bảo Nê-mô:

- Ta không nên ở lâu trong cái chảo nước sôi này làm gì.

- Vâng, ở mãi đây cũng nguy hiểm, - Nê-mô bình thản trả lời. Theo lệnh Nê-mô, tàu Nau-ti-lux chạy ngay ra khỏi vùng nước đó.

Mười lăm phút sau, tàu nổi lên mặt biển. Chúng tôi được thở hít không khí trong lành một cách thỏa thích. Tôi nghĩ bụng:

“Nếu Nét chọn vùng biển lửa vừa rồi làm nơi bỏ trốn thì chúng tôi chẳng còn ai sống sót”. Hôm sau, 16 tháng 2, tàu Nau-ti-lux vòng qua mũi Ma-ta-pan rồi ra khơi, từ biệt quần đảo Hy Lạp.

CHƯƠNG 31

BỐN MƯƠI TÁM GIỜ QUA ĐỊA TRUNG HẢI

Nước Địa Trung Hải xanh biếc, bờ biển chìm trong những vườn cam, vườn cây lô hội cây xương rồng, cây thông. Không khí Địa Trung Hải trong lành. Nơi đây, trên bờ biển này, ở vùng nước này, với khí hậu tốt nhất thế giới này, con người có thêm sức mạnh mới. Nhưng dù Địa Trung Hải đẹp đến đâu, tôi cũng chỉ nhìn biển nước rộng hai triệu ki-lô-mét vuông một cách thoáng qua. Thậm chí tôi không thể hỏi han gì thuyền trưởng Nê-mô vì suốt chặng đường vượt Địa Trung Hải chớp nhoáng ấy, Nê-mô không xuất hiện lần nào. Tôi đoán rằng tàu Nau-ti-lux đã chạy ngầm dưới biển đó chừng sáu trăm dặm trong hai ngày hai đêm. Chúng tôi rời bờ biển Hy Lạp ngày 16 tháng 2 thì rạng sáng 18 tháng 2 đã qua eo Gi-bran-ta. Tôi biết thuyền trưởng Nê-mô chẳng thích gì Địa Trung Hải bốn bề là những vùng đất mà Nê-mô đã từ bỏ. Sóng nước Địa Trung Hải trong xanh, những làn gió biển thổi nhẹ đã gọi lên trong lòng Nê-mô quá nhiều kỷ niệm, nếu không phải là quá nhiều thương tiếc. Nơi đây chẳng có cái tự do lựa chọn đường đi, cái độc lập hoàn toàn mà Nê-mô đã có ngoài đại dương. Giống như tàu Nau-ti-lux, Nê-mô cảm thấy tù túng trong khoảng không gian hạn chế giữa bờ biển châu Phi và châu Âu. Tàu chạy hai mươi lăm hải lý một giờ. Nét Len tuy rất chán ngán nhưng cũng phải từ bỏ ý định bỏ trốn lúc này. Tàu chạy nhanh từ mười hai đến mười ba mét giây, không cho phép sử dụng xuống. Trong điều kiện đó mà chạy trốn thì cũng liều lĩnh như nhảy ra khỏi xe lửa đang phóng nhanh. Hơn nữa, tàu chỉ nổi lên mặt biển ban đêm để dự trữ không khí, thời gian còn lại thì chạy ngầm theo địa bàn. Thế là Địa Trung Hải đã lướt qua mắt tôi như phong cảnh bên đường lướt qua mắt hành khách tàu nhanh. Tôi chỉ nhìn thấy những chân trời xa, còn tất cả những vật gần hơn thì chẳng rõ lắm. Tuy vậy, tôi và Công-xây cũng quan sát được một số cá Địa Trung Hải có vây rất khỏe giúp chúng có thể bơi kịp tàu Nau-ti-lux trong một thời gian ngắn. Chúng tôi ngồi bên ô cửa sổ phòng khách hồi lâu.

Những nhận xét sơ bộ cho phép chúng tôi có cái nhìn tổng quát về động vật và thực vật của Địa Trung Hải. Đêm 16 rạng ngày 17 tháng 2 tàu vào bờn thứ hai của Địa Trung Hải, nơi sâu nhất là ba ngàn mét. Tàu ngoan ngoãn tuân theo sự điều khiển và xuống tới những lớp nước sâu nhất.

Dưới đó, thay thế những kỳ quan của thiên nhiên, trước mắt tôi hiện ra những cảnh tượng thương tâm và khủng khiếp. Chúng tôi đang ở khu vực đã xảy ra bao nạn đắm tàu! Biết bao thuyền bè đã biệt tăm giữa bờ biển An-giê-ri và Prô-văng-xơ! So với Thái Bình Dương bao la, thì Địa Trung Hải chỉ là một cái hồ, nhưng đông đánh khó tính và hay đánh lừa con người. Trong cuộc dạo chơi chớp nhoáng ở các lớp nước sâu này, tôi đã thấy biết bao khung tàu bị đắm nằm dưới đáy biển. Tất cả những tàu thuyền đó đã bị đắm khi va phải đá ngầm. Một số chìm xuống theo chiều thẳng đứng, còn nguyên cả cột và dây buồm, tựa như đã hóa đá trong nước biển mặn. Khi tàu Nau-ti-lux rọi đèn pha vào chúng thì trên cột buồm hình như có một lá cờ sắp được kéo lên và chúng sắp bắn súng chào! Nhưng ở khu vực đầy tai ương này thì chỉ có sự im lặng và chết chóc! Tôi nhận thấy tàu Nau-ti-lux càng tiến gần eo Gi-bran-ta thì càng gặp nhiều xác tàu đắm. Bờ biển châu Phi và bờ biển châu Rô-ma càng gần lại nhau thì tàu bè càng hay đâm vào nhau. Cảnh tượng thật khủng khiếp! Biết bao người đã thiệt mạng trong những vụ đắm tàu này! Sóng nước đã cuốn đi biết bao sinh mệnh! Chẳng biết có một thủy thủ nào sống sót để kể lại những trường hợp rủi ro này không, hay biển cả tới nay vẫn giữ kín trong lòng những bí mật đáng sợ?

Tàu Nau-ti-lux vẫn lạnh lùng lướt qua cảnh hoang tàn, và khoảng 3 giờ sáng ngày 18 tháng 2, chúng tôi tới cửa eo Gi-bran-ta. Lợi dụng dòng nước thuận, tàu lướt nhanh qua eo biển hẹp đó. Mấy phút sau, chúng tôi đã cưỡi trên những lớp sóng Đại Tây Dương.

CHƯƠNG 32

VỮNG BIỂN VI-GÔ

Đại Tây Dương! Đó là một đại dương mênh mông, diện tích hai mươi nhăm triệu hải lý vuông, dài chín ngàn hải lý, rộng trung bình hai ngàn bảy trăm hải lý. Đại Tây Dương bao la như vậy, nhưng thời cổ đại hầu như không được nghiên cứu. Nhiều con sông lớn nhất thế giới đổ vào đại dương này. Biết bao tàu thuyền mang cờ tất cả các nước chạy dọc đại dương này. Sau khi đã vượt khoảng một vạn dặm trong ba tháng rưỡi, tàu Nau-ti-lux bắt đầu rẽ sóng Đại Tây Dương! Nói một cách hình tượng, nó đã đi được một chặng đường dài hơn xích đạo. Bây giờ tàu chạy đi đâu? Tương lai sẽ ra sao? Qua eo Gi-bran-ta, tàu chạy ra khơi và lại nổi lên mặt biển. Những cuộc dạo chơi trên boong lại tiếp tục. Tôi trèo lên boong để hóng mát. Nét Len và Công-xây theo tôi. Ngọn gió nam nổi lên khá mạnh. Biển động. Tàu bắt đầu bị lắc. Nước biển mặn sủi bọt bắn tung tóe lên chúng tôi. Chúng tôi vội lui xuống, tuy vậy vẫn kịp thở hít chút không khí trong lành. Tôi về phòng riêng. Công-xây cũng về phòng mình, nhưng Nét thì không biết có điều gì bất khoản nên đi theo tôi. Chặng đường qua Địa Trung Hải diễn ra quá nhanh đã phá tan mọi kế hoạch của Nét, và anh ta cũng chẳng giấu giếm nỗi thất vọng của mình. Cánh cửa phòng vừa đóng vào, Nét đã ngồi xuống và lặng lẽ nhìn tôi. Tôi nói:

- Ông Nét, tôi hiểu ông! Nhưng ông không thể tự trách mình được điều gì.

Tàu Nau-ti-lux đi nhanh như tên bắn mà nghĩ đến việc chạy trốn chỉ là một sự điên rồ! Nét im lặng. Đôi mắt anh ta mím chặt, lông mày nhú lại, chứng tỏ anh ta đang tập trung vào một ý nghĩ. Tôi nói tiếp:

- Ông Nét, ông hãy nghe tôi. Chớ vội buồn nản. Chúng ta đang đi dọc bờ biển Bồ-đào-nha, gần nước Pháp và nước Anh là nơi dễ tìm chỗ lẩn tránh. Nếu ra khỏi eo Gi-bran-ta mà tàu chạy về hướng nam, ra khơi, thì ông lo ngại là đúng. Nhưng chúng ta biết

thuyền trưởng Nê-mô không lảng tránh miền biển châu Âu. Vì vậy, tôi không nghi ngờ gì rằng mấy ngày nữa điều kiện sẽ thuận lợi hơn, khi đó...

Nét Len lại nhìn tôi chăm chú hơn, và cuối cùng bật ra:

- Ngay tối hôm nay...

Tôi giật mình. Thú thực, đề nghị đó của Nét rất đột ngột đối với tôi. Tôi muốn trả lời Nét nhưng chưa biết nói thế nào. Nét nói tiếp:

- Chúng ta đã quy ước với nhau chờ đợi thời cơ thuận lợi. Bây giờ thời cơ đã tới. Tôi nay, tàu sẽ cách bờ biển Tây-ban-nha mấy hải lý. Sẽ không có trăng. Gió thổi từ biển vào đất liền. Ngài A-rô-nắc, ngài đã hứa hẹn, tôi trông chờ ở ngài.

Tôi im lặng. Nét đứng dậy và đi đến chỗ tôi:

- Chín giờ tối hôm nay!

Nét nói.

- Công-xây đã được báo trước rồi. Vào giờ đó, Nê-mô sẽ ở phòng riêng và chắc sẽ đi ngủ. Bọn thủy thủ, bọn thợ máy chắc sẽ không nhìn thấy chúng ta. Tôi và Công-xây sẽ lên ra cầu thang giữa. Còn giáo sư thì hãy đến thư viện chờ ám hiệu của tôi. Chèo, cột buồm và buồm đã có sẵn trong xuồng. Tôi đã giấu vào đó một số lương thực. Tất cả đã sẵn sàng, xin hẹn giáo sư đến tối!

- Biển động, ông Nét ạ!

Tôi nói.

- Tôi đồng ý với ngài, nhưng cũng phải liệu thôi. Vả lại, chiếc xuồng khá vững chắc, xuôi gió mà chèo mấy hải lý cũng chẳng vất vả gì lắm! Nếu mọi việc trôi chảy thì khoảng mười đến mười một giờ đêm nay, ta sẽ đổ bộ lên một nơi nào đó ở biển... hoặc là chúng ta sẽ đi đứt cả. Thôi, xin hẹn ngài đến tối!

Nói đoạn, Nét đi ra, để tôi ngồi lại trong tâm trạng rối bời. Trước kia, tôi tự an ủi mình bằng hy vọng rằng còn khá lâu mới có được cơ hội thuận lợi, tôi sẽ có đủ thì giờ để suy nghĩ kỹ và cân nhắc tình hình. Nhưng anh bạn Nét đã không cho tôi thời gian. Tôi có thể nói gì với anh ta? Nét đã xử sự rất đúng! Cơ hội đến, anh ta chớp lấy ngay. Tôi có thể không giữ lời hứa và dậm vì tâm trạng riêng của mình mà gán lấy trách nhiệm về số phận của hai người cùng đi không? Đúng lúc đó, một tiếng rít khá mạnh báo

hiệu nước đang vào các bể chứa, và tàu Nau-ti-lux đang lặn xuống Đại Tây Dương. Tôi không ra khỏi phòng. Tôi chẳng muốn gặp thuyền trưởng Nê-mô vì sợ để lộ ra nỗi lo lắng của mình. Suốt một ngày mệt mỏi, phân vân giữa nguyện vọng muốn thoát ra tự do và sự luyến tiếc vì phải chia tay với tàu Nau-ti-lux mà chưa hoàn thành việc nghiên cứu đáy biển! Sao tôi có thể rời bỏ Đại Tây Dương - "Đại Tây Dương của tôi" như tôi thích gọi, - mà chưa được tận mắt thấy đáy biển sâu kín, chưa khám phá ra những bí mật của nó như ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương? Cuốn tiểu thuyết rơi khỏi tay tôi. Thời gian trôi qua nặng nề làm sao! Khi thì tôi mơ thấy mình đã thoát khỏi vòng nguy hiểm, đang vững bước trên mặt đất, cạnh Công-xây và Nét. Khi thì tôi lại rất cầu mong cho một chuyện gì đó bất ngờ xảy ra ngăn trở không cho Nét Len thực hiện ý đồ của mình. Tôi ra khỏi phòng khách hai lần. Tôi muốn dùng địa bàn kiểm tra xem tàu đang chạy gần bờ biển Bồ-đào-nha hay đã cách xa. Không, chúng tôi vẫn ở vùng biển Bồ-đào-nha. Tàu vẫn hướng về phía bắc, chạy dọc bờ biển. Đành phải phục tùng yêu cầu của Nét và chuẩn bị chạy trốn. Hành lý của tôi chẳng có gì ngoài những tài liệu ghi chép. Còn thuyền trưởng Nê-mô thì sao? Ông ta sẽ xử sự thế nào trước hành động của chúng tôi? Cuộc chạy trốn của chúng tôi có thể sẽ làm hại ông ta đến mức nào? Nê-mô sẽ đối xử với chúng tôi như thế nào nếu âm mưu này thất bại nhỉ? Ông ta đã làm tôi bất mãn ư? Trái lại! Ông ta đã tỏ ra rất ân cần mến khách. Nê-mô không thể kết tội tôi là vô ơn vì đã bỏ trốn. Tôi có hứa hẹn gì với ông ta đâu. Nê-mô biết chúng tôi bị trói buộc với ông ta chẳng phải vì những lời hứa mà vì hoàn cảnh... Tôi không gặp Nê-mô từ khi thăm đảo Xan-tô-rin. Chẳng biết trước khi chạy trốn, chúng tôi có tình cờ gặp nhau không? Tôi vừa muốn gặp Nê-mô, vừa sợ phải gặp. Tôi lắng nghe xem có tiếng chân bước trong phòng bên không. Tai tôi chẳng thấy một tiếng động nhỏ nào. Trong phòng chắc không có ai. Tôi chợt nghĩ: chẳng biết người thuyền trưởng bí hiểm này có mặt trên tàu không? Từ cái đêm chiếc xuồng rời tàu Nau-ti-lux đi làm một việc gì đó, tôi nhìn Nê-mô hơi khác trước một chút. Tôi biết mặc dù có tuyên bố này nọ, Nê-mô vẫn duy trì một mối quan hệ nào đó với mặt đất. Và có phải không bao giờ Nê-mô rời khỏi tàu Nau-ti-lux không? Ông ta đã chẳng từng vắng mặt hàng tuần lễ là gì? Ông ta làm gì trong thời gian ấy? Tôi tưởng Nê-mô mang nặng tư tưởng chán đời, nhưng biết đâu ông ta chẳng đang thực hiện một nhiệm vụ bí mật mà tôi không hiểu nổi? Những ý nghĩ ấy và hàng ngàn ý kiến khác nhau

day dứt tôi. Tình huống đặc biệt này đề ra biết bao giả thiết. Tôi bản khoản lo lắng vô cùng. Những giờ phút chờ đợi dài dằng dặc. Theo lệ thường, bữa tối được đưa vào phòng. Tôi chỉ ăn qua quýt cho xong chuyện và đứng dậy khỏi bàn lúc bảy giờ. Chỉ còn một trăm hai mươi phút nữa - tôi đếm từng phút - là đến lúc tôi phải hành động theo Nét Len. Tôi ngày càng bồn chồn. Mạch đập thành thịch. Tôi không ngồi yên được nữa mà cứ đi đi lại lại trong phòng, hy vọng như vậy sẽ xua tan được nỗi lo âu. Tôi ít bản khoản về ý nghĩ rằng mình có thể chết. Nhưng tim tôi thất lại khi nghĩ đến kế hoạch chạy trốn sẽ bị lộ trước khi thực hiện, rồi tôi sẽ phải đứng trước mặt thuyền trưởng Nê-mô lúc đó nổi giận điên cuồng, thậm chí đau buồn vì hành động phản phúc của tôi. Tôi muốn nhìn vào phòng khách lần cuối cùng. Tôi theo hành lang hẹp vào phòng bảo tàng, nơi tôi đã có biết bao giờ phút thú vị và bổ ích. Tôi nhìn tất cả những vật báu ấy như một người nhìn những chốn thân yêu trước khi phải rời bỏ đi mãi mãi. Tôi nói lời "vĩnh biệt" với tất cả những tác phẩm nghệ thuật, tất cả những hiện vật diệu kỳ của thiên nhiên đang được giữ kín ở đó! Tôi muốn nhìn lần cuối lần nước Đại Tây Dương, nhưng ô cửa đóng kín, che khuất mất đại dương mà tôi chưa được nghiên cứu. Khi bách bộ trong phòng khách, tôi bước tới cánh cửa bí mật dẫn sang phòng thuyền trưởng. Tôi rất ngạc nhiên thấy cửa hé mở. Tôi bất giác lùi lại một bước. Nếu Nê-mô có mặt trong phòng thì ông ta sẽ thấy tôi. Nhưng xung quanh im lặng như tờ. Tôi bước tới gần hơn. Trong phòng chẳng có ai. Tôi đẩy cửa, nhìn quanh rồi bước vào. Đồ đạc trong phòng vẫn khắc khổ như phòng thầy tu. Cái đập vào mắt tôi là mấy bức chân dung -lần trước tôi không để ý nên không thấy. Đó là chân dung những nhân vật lịch sử nổi tiếng đã hiến thân cho tư tưởng cao đẹp của chủ nghĩa nhân đạo: Côt-chút-xkô -người anh hùng đã đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng Ba Lan, O.Côn-nen -chiến sĩ đấu tranh cho độc lập của Ai-len, Oa-xinh-tơn -người sáng lập ra Hợp chủng quốc Hoa Kỳ; Ma-nin -nhà yêu nước người ý, Lin-côn -tổng thống Mỹ, bị một tên chủ nô sát hại, và cuối cùng là Giôn Brao -người đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng những người nô lệ da đen. Bức tranh khủng khiếp về Giôn Brao bị treo cổ, do chính tay Vic-to Huy-gô vẽ bằng bút chì!

Giữa thuyền trưởng Nê-mô và những người anh hùng này có thể có quan hệ gì? Chẳng biết những bức chân dung đó có hé mở ra bí mật của đời Nê-mô không? Phải chăng Nê-mô là người bảo vệ những dân tộc bị áp bức, là người giải phóng các bộ lạc bị bắt làm

nô lệ? Hay ông ta là một trong những người anh hùng của cuộc nội chiến giữa các bang miền bắc và miền nam nước Mỹ? Đồng hồ điểm tám giờ. Tiếng chuông đầu tiên cắt ngang những suy tưởng của tôi. Tôi rùng mình, tựa như bị một con mắt nào đó nhìn thấu những ước vọng bí mật của mình. Tôi liền chạy ra khỏi phòng Nê-mô. Đến phòng khách, tôi đưa mắt nhìn địa bàn lần cuối. Kim địa bàn chỉ hướng bắc. Tàu đang chạy ở tốc độ vừa phải dưới độ sâu khoảng hai mươi mét. Đây là những điều kiện thuận lợi để thực hiện ý đồ của Nét Len. Tôi trở về phòng, mặc quần áo ấm rồi ngồi đợi. Trên tàu hoàn toàn im lặng, chỉ có thân tàu hơi rung rung vì chân vịt quay nhanh. Tôi cố gắng nghe xem trong khoảng tịch mịch đó có tiếng kêu của Nét nếu anh ta bị tóm cổ không. Tình trạng bồn chồn khủng khiếp đó hành hạ tôi quá chừng!

Tôi cố lấy lại tự chủ nhưng vô hiệu. Gần chín giờ tôi áp tai vào cửa phòng thuyền trưởng. Hoàn toàn yên lặng. Tôi lại sang phòng khách vẫn chìm trong bóng tối và không một bóng người. Tôi mở cửa vào thư viện. Ở đây cũng tối om và vắng lặng như vậy. Tôi ngồi xuống gần cánh cửa thông sang cầu thang giữa và chờ ám hiệu của Nét. Lúc đó thân tàu bỗng rung nhẹ hẫng đi rồi hoàn toàn không rung nữa. Sự thay đổi có ý nghĩa gì? Tàu đổ lại sẽ là thuận lợi hay khó khăn cho kế hoạch của Nét? Ai biết được! Tôi bỗng cảm thấy một va chạm nhẹ. Tôi hiểu đó là tàu đã lặn xuống đáy biển. Nỗi lo lắng của tôi tăng lên. Chẳng có ám hiệu gì của Nét cả. Tôi muốn chạy ngay đến chỗ Nét để xin anh ta hoãn cuộc chạy trốn lần khác vì tôi cảm thấy trên chặng đường này đang diễn ra những điều kiện không bình thường... Nhưng cửa phòng khách bỗng mở ra, thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện! Thấy tôi, ông ta nói ngay, không có mào đầu:

- A! Giáo sư!

Giọng Nê-mô rất đáng mến.

- Tôi tìm ngài mãi! Ngài có biết lịch sử Tây Ban Nha không?

Nếu Nê-mô hỏi tôi có biết lịch sử nước Pháp không, thì trong lúc tâm trạng rối bời này, tôi cũng chẳng trả lời được.

- Thế nào, giáo sư có nghe thấy tôi hỏi không? Ngài biết lịch sử Tây Ban Nha chứ?

- Tôi biết ít lắm ạ.

- Nếu vậy thì mời ngài ngồi xuống, tôi sẽ kể ngài nghe một mẩu chuyện kỳ thú trong lịch sử Tây Ban Nha.

Nê-mô nằm dài trên đi-văng, còn tôi thì ngồi xuống cạnh ông ta. Xung quanh tranh tối tranh sáng.

- Xin giáo sư hãy lắng nghe. Đối với ngài, trường hợp này không phải là không lý thú vì ngài sẽ tìm thấy ở đây lời giải đáp cho câu hỏi mà chắc ngài chưa tìm thấy câu trả lời.

- Vâng, tôi đang nghe, - tôi nói, nhưng chưa biết Nê-mô sẽ dẫn dắt tới đâu. Tôi tự hỏi: câu chuyện này có liên quan gì đến việc chạy trốn của mình không?

- Thưa giáo sư, nếu ngài cho phép, chúng ta sẽ lui về quá khứ một chút. Năm ấy là năm 1702. Chắc ngài còn nhớ năm đó vua Lu-i 14 quá kiêu ngạo cho rằng chỉ phẩy tay một cái là cả dãy núi Pi-rê-nê sẽ sụp đổ, nên đã đặt cháu mình lên ngôi vua Tây Ban Nha. Chàng hoàng tử ngớ ngẩn vừa lên ngôi lấy hiệu là Phi-líp thứ năm, đã phải đương đầu với những kẻ thù mạnh bên ngoài. Cần nói rằng trước đó một năm, các triều đình Hà Lan, áo và Anh đã ký kết lập một liên minh có mục đích lật đổ ngôi vua Tây Ban Nha của Phi-líp thứ năm và trao cho một vương công nào đó mà họ gọi trước là Sác-lơ thứ ba. Tây Ban Nha phải chống lại liên minh đó nhưng họ hầu như không có quân đội. Tuy vậy, họ lại có vô số vàng bạc lấy được ở châu Mỹ và rất cần cho các tàu chở châu báu đó cập được các bến cảng Tây Ban Nha. Cuối năm 1702, một đoàn tàu chở vàng bạc có hai mươi ba tàu thuộc hạm đội Pháp dưới quyền chỉ huy của đô đốc Sa-tô Rơ-nô đang tiến về Tây Ban Nha. Sở dĩ phải hộ tống là vì ở Đại Tây Dương đang có hạm đội của liên quân Hà Lan -áo -Anh. Lẽ ra đoàn tàu chở vàng bạc phải đến cảng Ca-đích, nhưng đô đốc Sa-tô Rơ-nô biết là ở vùng biển đó có tàu chiến Anh, nên quyết định cho đoàn tàu vào một cảng nào đó của Pháp. Các thuyền trưởng tàu Tây Ban Nha nếu không cập bến Ca-đích thì phải vào vũng biển Vi-gô ở tây bắc bờ biển Tây Ban Nha, nơi chưa bị hạm đội đồng minh phong tỏa. Đô đốc Sa-tô Rơ-nô nhu nhược nghe theo yêu sách của các thuyền trưởng Tây Ban Nha. Thế là đoàn tàu vào vũng Vi-gô. Chẳng may Vi-gô là vũng biển hỏ, không tiện cho việc phòng thủ. Đúng ra phải tranh thủ bốc dỡ hàng trước khi tàu đồng minh đến. Thời gian có đủ để làm việc ấy nhưng vì một cơ rất nhỏ mọn mà xảy ra một vụ tranh chấp.

- Ngài có theo dõi chặt chẽ diễn biến các sự việc tôi đang kể không?

Nê-mô hỏi tôi.

- Thưa có, tôi vẫn lắng nghe đấy ạ.

Tôi trả lời, nhưng vẫn không hiểu Nê-mô kể cho nghe bài học lịch sử ấy làm gì?

- Tôi kể tiếp nhé! Bọn lái buôn ở Ca-đích vẫn có đặc quyền nhận tất cả các hàng từ Oét-In-đi-a tới. Vì vậy, dỡ hàng xuống cảng Vi-gô là vi phạm đặc quyền ấy của họ. Họ liền về Ma-đrít kiện. Vua Phi-líp thứ năm nhu nhược bèn ra lệnh giữ nguyên đoàn tàu ở Vi-gô cho tới khi hạm đội địch rút khỏi vùng biển Ca-đích. Kiện cáo chưa xong thì ngày 29 tháng mười 1702, tàu chiến Anh tiến vào vùng Vi-gô. Mặc dù bị lực lượng địch áp đảo, đô đốc Sa-tô Rơ-nô đã chống trả rất anh dũng. Nhưng khi biết rằng số vàng bạc ông ta có trách nhiệm bảo vệ sẽ rơi vào tay địch, Rơ-nô liền cho đốt và đánh chìm cả đoàn tàu xuống đáy biển. Nê-mô ngừng lại. Thú thật là tôi vẫn chưa hiểu câu chuyện đó có liên quan gì đến tôi.

- Thưa thuyền trưởng, rồi sao nữa?

- Chúng ta đang ở vũng biển Vi-gô. Nếu giáo sư muốn, ngài có thể làm quen với bí mật của vùng biển này.

Nê-mô đứng dậy và mời tôi đi theo. Tôi đã trấn tĩnh được và đành tuân theo lệnh Nê-mô. Trong phòng khách tối om, nhưng qua ô cửa pha lê vẫn nhìn thấy nước biển óng ánh. Tôi bước tới cửa sổ. Xung quanh tàu Nau-ti-lux chừng nửa hải lý đường bán kính - nước biển sáng trưng ánh điện. Nhìn thấy rõ cả đáy biển trải cát trắng. Ở đó, giữa những xác tàu đắm, tôi thấy các thủy thủ của tàu Nau-ti-lux mặc đồ lặn đang đi lại. Họ đang moi ra những hòm, thùng đã bị mục gổ và phủ đầy đất bùn. Từ trong những hòm, thùng đó rơi ra những thỏi vàng, bạc và các thứ châu báu khác. Toán thủy thủ thay nhau vác nguồn của cải vô tận đó về tàu. Tôi hiểu rồi. Nơi đây, ngày 22 tháng mười năm 1702 là chiến trường. Nơi đây, đoàn tàu chở vàng cho vua Tây Ban Nha đã bị đánh đắm. Nơi đây, thuyền trưởng Nê-mô đã lấy vàng và tích trữ trong tàu Nau-ti-lux. Ông ta, chỉ riêng ông ta làm chủ được chỗ của cải đó. Ông ta là người thừa kế duy nhất và trực tiếp những kho báu mà Phéc-đi-năng Coóc-tex đã chiếm đoạt của bộ lạc In-cơ. Nê-mô mỉm cười hỏi tôi:

- Thưa giáo sư, ngài có biết rằng biển cả giấu trong lòng mình nhiều của cải như vậy không?

Tôi trả lời:

- Tôi biết nước biển hòa tan hai triệu tấn bạc.

- Đúng! Nhưng muốn tách bạc ra khỏi nước thì phải tốn kém rất nhiều. Ở đây tôi chỉ thu lại những gì mọi người đã mất. Chẳng riêng gì vùng biển Vi-gô này mà còn ở hàng ngàn nơi khác có tàu bị đắm. Những nơi ấy đều được ghi trên tấm bản đồ đáy biển của tôi. Ngài đã tận mắt thấy tôi có bạc triệu, phải không ạ.

- Thưa thuyền trưởng, đúng vậy. Nhưng tôi xin phép được nói rằng trong việc khai thác vùng biển Vi-gô, ngài chỉ nhanh chân hơn một công ty cổ phần.

- À ra thế!

- Vâng, một công ty cổ phần được chính phủ Tây Ban Nha cho phép tìm kiếm những tàu chở vàng bị đắm. Những người của công ty này hy vọng sẽ phát to vì số vàng bạc bị mất trị giá tới năm trăm triệu!

- Năm trăm triệu cơ à!

Nê-mô ngạc nhiên.

- Số vàng bạc đó trước kia ở đây, nhưng giờ thì không còn nữa!

- Nếu vậy thì ta nên làm phúc báo cho họ biết trước về chuyện đáng buồn đó. Ta chưa biết họ sẽ phản ứng như thế nào. Nhưng tôi thì thương hại hàng ngàn người nghèo khổ mà số của cải đó nếu được chia công bằng thì sẽ làm cho đời sống của họ đỡ vất vả hơn. Bây giờ thì họ đã mất sạch! Nói xong, tôi cảm thấy ngay là những lời tôi vừa nói đã chạm vào chỗ sâu kín nhất của Nê-mô.

- Sao lại mất?

Nê-mô sôi nổi.

- Ngài cho rằng những của cải rơi vào tay tôi là mất ư? Tôi lấy chỗ vàng bạc đó đâu phải cho cá nhân mình? Ai bảo ngài là nó không được dùng để làm việc nghĩa! Chẳng lẽ tôi không biết rằng trên trái đất này có những người cùng khổ, những dân tộc bị áp bức hay sao? Những người bất hạnh đó, những nạn nhân đó cần

được trả thù! Chẳng lẽ ngài không hiểu rằng... Nê-mô không nói hết câu. Có lẽ ông ta hối tiếc là đã nói quá sự cần thiết! Nhưng tôi thì đoán ra rồi. Dù bất kỳ nguyên nhân gì đã đẩy ông ta đi tìm độc lập, tự do dưới biển sâu, ông ta vẫn là một con người! Trái tim Nê-mô vẫn cảm thông với những đau khổ của con người và Nê-mô dang hai tay ra cứu giúp những kẻ bị áp bức. Giờ đây tôi mới hiểu là số vàng bạc trị giá hàng triệu đồng kia Nê-mô đã gửi cho ai trong cái ngày đáng ghi nhớ, khi tàu Nau-ti-lux tiến vào vùng biển gần đảo Crét đang sôi sục phong trào khởi nghĩa!

CHƯƠNG 33

MỘT LỤC ĐỊA ĐÃ BIẾN MẤT

Sáng hôm sau, 19 tháng 2, Nét sang phòng tôi. Tôi cũng đang chờ Nét tới. Nét có vẻ rất buồn nản.

- Thế nào, giáo sư?

Nét hỏi.

- Thế nào, ông Nét?

Tôi trả lời.

- Tình hình diễn biến bất lợi cho chúng ta, phải không?

- Lẽ ra lão thuyền trưởng chết tiệt này phải cho tàu đổ lại đúng lúc chúng ta chuẩn bị chạy trốn mới phải!

- Nhưng ông Nét ạ, Nê-mô phải đến chỗ chủ ngân hàng.

- Sao lại chủ ngân hàng?

- Đúng hơn là đến ngân hàng. ý tôi muốn nói xuống đại dương là nơi những cửa cải của Nê-mô được bảo quản tốt hơn bất cứ một ngân hàng nhà nước nào. Tôi kể cho Nét nghe những chuyện xảy ra đêm qua, trong lòng thầm hy vọng rằng sẽ gây cho Nét ý nghĩ không bao giờ rời bỏ Nê-mô. Nhưng câu chuyện của tôi chỉ làm Nét rất ân hận là đã không dự cuộc tham quan vũng biển Vi-gô, nơi xưa kia là chiến địa. Nét nói:

- Tuy vậy chưa đến nỗi tuyệt vọng. Thua keo này ta bày keo khác! Tối nay có thể...

- Tàu chạy về hướng nào?

Tôi hỏi.

- Tôi không rõ.

- Thôi được, trưa nay ta sẽ biết.

Nét sang chỗ Công-xây. Còn tôi thì mặc quần áo rồi sang phòng khác. Kim địa bàn chỉ hướng tây-nam. Tàu quay lưng về châu Âu. Tôi nóng lòng mong đợi lúc tọa độ được ghi lên bản đồ. Đến gần 11 giờ rưỡi tàu nổi lên mặt biển. Tôi chạy vội lên boong. Nét Len đã lên đó trước tôi. Chẳng thấy gì ngoài cảnh sóng nước mênh mông và vài cánh buồm phía chân trời. Mấy chiếc tàu buồm chắc đang chờ gió xuôi để vòng qua mũi Hảo Vọng. Trời đầy mây đen. Nhất định sẽ có bão. Nét tức điên lên. Anh ta căng mắt nhìn qua lớp sương mù phủ kín chân trời. Nét vẫn hy vọng sau màn sương đó là mảnh đất anh ta mong đợi. Đến giữa trưa, mặt trời ló ra. Viên thuyền phó lợi dụng lúc đó để xác định độ cao của mặt trời. Biển bắt đầu động, nắp tàu đóng lại, tàu lại lặn xuống. Một giờ sau, tôi đưa mắt nhìn bản đồ thì thấy tàu đang cách bờ biển gần nhất là một trăm năm mươi dặm. Vấn đề chạy trốn không thể đặt ra được. Các bạn có thể hình dung ra sự tức giận của Nét khi tôi báo cho anh ta biết tọa độ của tàu. Về phần tôi, tôi chẳng thất vọng gì lắm. Đúng là tôi vừa trút được một gánh nặng và lại có thể yên tâm làm tiếp các việc bình thường của mình. Buổi tối, khoảng 11 giờ, thuyền trưởng Nê-mô đột ngột vào chỗ tôi. Ông ta rất lịch sự hỏi tôi đêm qua không ngủ được có mệt không. Tôi trả lời là không mệt.

- Thế thì xin mời giáo sư tham gia một cuộc dạo chơi kỳ thú.
- Thưa thuyền trưởng, tôi rất xúc động trước sự quan tâm của ngài.
- Giáo sư đã xuống đáy biển sâu ban ngày dưới ánh sáng mặt trời. Ngài có muốn quan sát đáy biển vào đêm tối trời không?
- Tôi rất sẵn sàng!
- Xin báo để ngài biết trước là chuyến đi này sẽ rất vất vả, vì phải đi xa, phải trèo núi và đường không được tốt lắm.
- Thưa thuyền trưởng, tất cả những cái đó chỉ kích thích thêm sự tò mò của tôi. Tôi sẵn sàng đi cùng ngài.
- Xin mời giáo sư đi! Giáo sư cần mặc quần áo lặn.

Vào phòng để quần áo, tôi chẳng thấy Nét và Công-xây, cũng chẳng thấy một thủy thủ nào. Họ không tham gia chuyến đi đêm này. Trái với lệ thường, thuyền trưởng không bảo tôi mang Nét hay Công-xây đi theo. Mấy phút sau, chúng tôi đã chuẩn bị xong.

Tôi đeo lên lưng những bình chứa không khí nhưng không được trang bị đèn điện. Tôi lưu ý Nê-mô về điều đó, ông ta trả lời:

- Chúng ta sẽ không cần đến đèn điện. Tôi cảm thấy hình như mình nghe không rõ, nhưng không hỏi lại được vì Nê-mô đã chụp chiếc mũ sắt lên đầu. Tôi cũng làm theo Nê-mô. Tôi được cấp thêm một chiếc gậy đầu bịt sắt. Một phút sau, chúng tôi đã đặt chân xuống đáy Đại Tây Dương ở độ sâu ba trăm mét. Sắp tới nửa đêm. Dưới đáy biển tối đen như mực, nhưng Nê-mô chỉ cho tôi xem vệt đỏ đỏ cách tàu Nau-ti-lux hai hải lý. Đó là lửa ư? Nếu là lửa thì bắt nguồn từ đâu? Và sao lửa lại cháy được trong chất lỏng? Tôi không thể giải thích được. Nhưng dù sao ngọn đuốc lập lòe ấy cũng giúp chúng tôi dễ đi hơn. Bây giờ tôi hiểu rằng đèn điện quả là không cần. Tôi đi cạnh Nê-mô, hướng theo ngọn lửa dẫn đường ấy. Đáy biển lúc đầu còn phẳng lặng, sau dâng cao dần. Chúng tôi chông gậy bước những bước dài nhưng chậm vì đáy biển đầy tảng và đá giăm...

Chúng tôi đi chừng nửa tiếng đồng hồ. Đáy biển ngày càng nhiều đá. Những con sò, các lớp giáp xác nhỏ li ti phát ra ánh sáng lân tinh yếu ớt. Tôi thoáng thấy những đồng đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín. Chân tôi trượt trên tấm thảm thực vật dính nhơm nhớp và nếu không có gậy thì tôi đã bị ngã nhiều lần. Quay lại, tôi vẫn thấy ánh sáng đèn pha tàu Nau-ti-lux. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi. Những đồng đá dưới đáy đại dương mà tôi vừa nói trên mang dấu vết một sự sắp đặt nhất định mà tôi không giải thích nổi. Ngoài ra còn một số hiện tượng kỳ lạ nữa. Tôi cảm thấy dưới đế giày bằng chì của tôi đang lạo xạo những xương khô. Phải chăng chúng tôi đang bước trên mảnh đất đầy xương?... ánh sáng soi đường cho chúng tôi ngày càng rực đỏ, tựa như ánh lửa của đám cháy phía chân trời. Lửa cháy trong nước kích thích tính tò mò của tôi đến cao độ. Có phải đó là ánh điện không? Hay là tôi đang được chứng kiến một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết? Tôi thoáng có ý nghĩ: biết đâu cái lò lửa ngầm dưới biển này không do bàn tay con người duy trì? Biết đâu tôi chẳng gặp ở đây những người bạn, những người đồng chí của Nê-mô, đang sống một cuộc đời độc đáo như Nê-mô? Biết đâu tôi chẳng gặp cả một đám người vì chán ghét những ràng buộc trên mặt đất mà đi tìm độc lập tự do dưới đáy biển? Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp

một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên. Con đường chúng tôi đi ngày càng sáng tỏ. Một ánh hào quang trắng trắng phát ra từ phía sau ngọn núi cao hơn đáy biển hai trăm mét. Nhưng ánh hào quang đó chỉ phản ánh những tia sáng bị khúc xạ trong nước biển. Bản thân cái nguồn phát sáng thì ở bên kia ngọn núi. Thuyền trưởng Nê-mô vững bước giữa những đồng đá ngổn ngang. Ông ta rất thông thạo con đường này. Tôi yên tâm đi theo Nê-mô. Đối với tôi, Nê-mô giống như một vị thần biển! Tôi ngắm nhìn vóc người cao lớn của Nê-mô in trên ánh hồng. Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hóa đá vì tác động của muối biển... Cảnh tượng thật chẳng lời lẽ nào tả xiết! Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát Nê-mô. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt...

Tôi hiểu rõ rằng những điều tôi miêu tả về cuộc tham quan dưới đáy biển này chắc các bạn sẽ cho là chuyện bịa hoàn toàn! Nhưng không, tôi không mơ ngủ đâu! Tất cả những cái đó tôi đều nhìn thấy tận mắt! Chúng tôi rời tàu Nau-ti-lux đã được hai tiếng đồng hồ. Chúng tôi đã vượt qua dải rừng. Phía trên chúng tôi chừng ba mươi mét là đỉnh núi nhọn hoắt. Từng đàn cá từ phía dưới chân chúng tôi bơi lên như những bầy chim hoảng sợ vụt bay lên khỏi bụi cỏ. Tim tôi đập thình thịch mỗi khi có một vòi bạch tuộc ghê rợn, hay một càng cua khủng khiếp bỗng chặn ngang đường! Hàng ngàn chấm sáng long lanh trong bóng đêm. Đó là mắt những con tôm khổng lồ đang lẩn vào hang, những con cua vĩ đại đứng sừng sững như những cỗ đại bác đặt trên xe, những con bạch tuộc đáng sợ đang ngoe nguẩy vòi như những đàn rắn. Thật là một thế giới quái dị! Nhưng thuyền trưởng Nê-mô đã quen với những quái vật đó nên chẳng chú ý gì tới chúng cả. Chúng tôi đã tới một cao nguyên, nơi có nhiều cái bất ngờ đang chờ đợi tôi. Trước mắt tôi hiện ra những cảnh hoang tàn xưa kia do bàn tay con người chứ không phải do thiên nhiên tạo nên. Những phiến đá chồng chất lên nhau có vẻ lộn xộn nhưng cũng có thể đoán ra xưa kia là những cung điện, đền đài, nhà cửa. Tôi đang ở đâu vậy? Tôi cần biết điều đó, nhưng không thể gọi Nê-mô được. Tôi bèn nắm

lấy tay ông ta. Nhưng Nê-mô lắc đầu chỉ lên đỉnh núi, hình như muốn nói:

“Cứ đi đi! Trèo lên cao nữa đi!” Tôi ráng sức đi theo Nê-mô và mấy phút sau thì tới đỉnh núi. Tôi nhìn lại. Sườn núi chúng tôi vừa trèo lên chỉ cao hơn đáy biển chừng hơn hai trăm mét. Nhưng sườn núi bên kia thì cao hơn gấp đôi và đâm thẳng xuống một hõm sâu. Trước mắt tôi trải ra một khoảng không gian mênh mông sáng lòa. Ngọn núi chúng tôi đang đứng là núi lửa, cách đỉnh chừng mười lăm mét, từ miệng núi phun ra những dòng thác lửa cuộn cuộn. Núi lửa, như một bó đuốc khổng khiếp, chiếu sáng cả một đáy biển bằng phẳng nằm dưới chân núi. Tôi nói núi lửa ngầm phun ra dung nham chứ không phun ra lửa. Muốn có lửa thì cần có không khí no dưỡng khí, và lửa không cháy được trong nước. Trước mắt tôi hiện ra một thành phố chết: những tòa nhà đổ nát, những đền đài hoang tàn. Xa xa là những ống dẫn nước khổng lồ. Xa hơn một chút là vết tích của một hải cảng, nơi xưa kia có nhiều tàu buôn và tàu chiến ra vào. Xa hơn nữa là những dãy nhà đổ nát, những dãy phố hoang vu. Tôi đang ở đâu? ở đâu?

Tôi muốn biết điều đó, muốn biết điều đó dù có phải vứt bỏ cái mũ sắt đang bảo vệ đầu! Nhưng thuyền trưởng Nê-mô đã bước đến gần tôi và ra hiệu cho tôi đừng làm như vậy. Sau đó, ông ta lấy một viên đá trắng mềm viết lên tường một chữ: át-lan-tích át-lan-tích! Đó là một lục địa mà sự tồn tại đã được nhiều nhà bác học tranh cãi. Lục địa đó đã nằm trước mắt tôi với tất cả những bằng chứng của tai họa đã xảy ra! Cách đây nhiều thế kỷ, những trận lũ lụt và động đất đã hoành hành trên hành tinh chúng ta. Chỉ cần một đêm và một ngày là lục địa át-lan-tích đã bị xóa sạch khỏi mặt đất. Chỉ có những ngọn núi cao nhất là còn được trông thấy ngày nay! Tôi nhớ lại tất cả những điều đó khi đọc chữ "át-lan-tích" của Nê-mô. Số phận kỳ lạ đã đưa tôi đến một ngọn núi của lục địa đã bị mất! Tôi được sờ mó vào những hòn đá của những tòa nhà đồng thời với các thời đại địa chất! Tôi được bước chân lên mảnh đất mà những người nguyên thủy đã đi! Dưới chân tôi lạo xạo những vật hóa thạch đã sống ở những thời kỳ xa xưa nhất dưới bóng cây giờ đây đã biến thành đá.

Chao ôi, sao tôi không có đủ thì giờ để theo sườn núi dốc đứng mà đi xuống! Tôi muốn đi suốt lục địa huyền diệu này xưa kia hẳn đã nối liền châu Phi với châu Mỹ! Tôi muốn thăm các thành phố cổ xưa nhất, nơi sinh sống của những người khổng lồ,

thọ hàng thế kỷ, có đôi tay hùng mạnh vẫn đi được những tảng đá chống lại được sự tàn phá của nước biển! Biết đâu một ngày kia lục địa át-lan-tích bị chôn vùi dưới đáy biển sẽ nổi lên mặt nước?... Trong khi tôi mơ tưởng và cố ghi lại trong trí nhớ tất cả những chi tiết của cái cảnh hùng vĩ này thì thuyền trưởng Nê-mô tì tay vào bức tường dày rêu và im lặng. Nê-mô đang nghĩ tới những thế hệ đã mất đi hay đang tìm lời giải đáp cho những số phận của con người? Hay Nê-mô đến đây để tìm nguồn sức mạnh mới trong quá khứ lịch sử, để sống trong giây lát như những người khổng lồ ngày xưa? Tôi đặt ra mọi giả thiết để tìm hiểu những ý nghĩ của Nê-mô và chia sẻ những ý nghĩ đó với ông ta. Suốt một tiếng đồng hồ chúng tôi ngắm nhìn khoảng đất bằng trải ra dưới ánh sáng của dung nham cháy đỏ đôi khi sáng rực. Lúc đó mặt trăng xuyên qua lớp nước dày và rọi những tia sáng yếu ớt xuống lục địa bị chìm ngập. Nê-mô đứng thẳng dậy, đưa mắt nhìn lần cuối rồi ra hiệu cho tôi đi theo. Chúng tôi xuống núi rất nhanh. Sau khi vượt qua khu rừng hóa thạch, tôi thấy ánh đèn pha của tàu Nau-ti-lux lấp lánh như một vì sao. Nê-mô hướng theo ánh đèn đó. Chúng tôi trèo lên tàu đúng lúc những tia sáng đầu tiên của mặt trời mọc vừa chạm mặt biển.

CHƯƠNG 34

MỎ THAN NGẦM DƯỚI BIỂN

Hôm sau, 20 tháng 2, tôi dậy rất muộn vì đêm trước khá mệt. Lúc ngủ dậy đã 11 giờ. Tôi vội mặc quần áo rồi ra xem hướng đi của tàu Nau-ti-lux. Địa bàn vẫn chỉ hướng nam, tốc độ hai mươi hải lý một giờ, độ sâu một trăm mét. Công-xây đến. Tôi kể cho anh ta nghe về cuộc tham quan đêm vừa rồi. Ạ cửa phòng khách mở nên Công-xây kịp nhìn thoáng qua một phần của lục địa bị chìm ngập. Tàu chạy trên đáy biển mười mét. Nó lướt trên lục địa átlan-tích như một quả cầu khinh khí gặp gió lướt trên những cánh đồng cỏ. Nói đúng hơn, nó chạy nhanh như một con tàu tốc hành... Những cảnh vật kỳ diệu lọt vào ánh đèn pha trên tàu và hiện ra trước mắt chúng tôi. Trong khi đó, tôi kể cho Công-xây nghe về lục địa átlan-tích. Công-xây nghe tôi một cách lơ đãng. Sự chú ý của anh ta bị thu hút vào hàng đàn cá đang bơi quanh tàu. Theo thói quen, khi thấy cá là Công-xây lao đầu vào việc phân loại và thoát li mọi thực tế. Vì vậy tôi chỉ còn biết làm theo anh ta và cùng anh ta tìm hiểu các loại cá ở đây. Cá ở Đại Tây Dương chẳng khác biệt gì lắm với cá ở các biển khác. Vừa quan sát động vật, tôi vừa ngắm cảnh bình nguyên của lục địa átlan-tích. Đôi khi đáy biển mấp mô nhiều khiến tàu phải chạy chậm lại và trườn lách qua những khe đồi nhỏ hẹp khéo léo như một con cá voi. Ở đôi chỗ địa hình phức tạp quá không len lỏi qua được thì con tàu lại vọt lên cao, vượt qua vật chướng ngại, rồi lại lao xuống cách biển chỉ vài mét. Gần bốn giờ chiều, tính chất của đáy biển bắt đầu thay đổi. Nó không còn phủ một lớp bùn dày xen với những cành cây hóa đá nữa mà ngày càng nhiều đá hơn. Tôi thấy tàu đang chạy vào một vùng núi, chấm dứt cảnh đồng bằng mênh mông. Tôi lại nhận thấy chân trời phía nam bị ngăn lại bởi một dãy núi cao chắc không vượt qua được, ngọn núi chắc nhô khỏi mặt biển. Bức tường đá đó hẳn là chân một lục địa hay ít nhất là chân một hòn đảo. Tọa độ chỗ này không được ghi trên bản đồ -biết đâu không phải là cố ý? -nên tôi không xác định được vị trí con tàu. Nhưng tôi cảm thấy hình như

bức tường đá này là đầu cùng của lục địa á-t-lan-tích mà tôi chỉ được thấy một phần nhỏ. Đêm đến, tôi vẫn không ngừng quan sát. Công-xây trở về phòng riêng. Tôi còn lại một mình trong phòng khách. Tàu Nau-ti-lux đang tới sát bức tường đá thì ô cửa sổ đóng lại. Tôi chưa hình dung được nó sẽ vượt qua trở ngại này thế nào, nhưng vẫn phải quay về phòng riêng. Tàu đỗ lại. Tôi ngủ thiếp đi với ý định là sẽ dậy sớm. Nhưng sáng hôm sau, khi tôi ra phòng khách thì đã tám giờ. Tôi nhìn đồng hồ chỉ độ sâu thì biết tàu đã nổi lên mặt nước. Có tiếng chân người trên boong. Nhưng sao không thấy thân tàu lắc lư như mỗi lần tàu chạy trên mặt biển? Tôi đến chỗ nắp tàu. Nắp tàu mở. Tôi nhìn ra ngoài nhưng chỉ thấy xung quanh tôi mịt mù. Chúng tôi đang ở đâu? Tôi lăm lăm rồi hay sao? Chẳng lẽ bây giờ còn là đêm? Không! Chẳng thấy một ngôi sao nào trên trời! Dù có là đêm đi nữa cũng không thể tôi đến mức này. Tôi hoang mang. Có tiếng người hỏi tôi:

- Giáo sư đây à?

- A! Thuyền trưởng Nê-mô! Chúng ta đang ở đâu vậy?

- Thưa giáo sư, đang ở dưới đất.

- Ở dưới đất!

Tôi sửng sốt.

- Nhưng tàu vẫn chạy?

- Vẫn chạy như thường.

- Tôi xin chịu, không sao hiểu được.

- Ngài hãy ráng chờ mấy phút. Tôi sẽ cho bật đèn pha, và nếu ngài muốn biết rõ tình hình thì ngài sẽ được toại nguyện. Tôi lên boong đợi. Tôi đến nỗi tôi không nhìn thấy Nê-mô nữa. Tuy vậy, ngược nhìn lên, tôi vẫn thấy đỉnh đầu một vệt sáng mờ lợt qua một lỗ thủng hình tròn. Nhưng lúc đó đèn pha được bật lên ánh đèn chói lòa nuốt trửng mất vệt sáng mờ kia. ánh điện sáng quắc, làm tôi phải nhắm mắt lại trong một phút. Sau đó tôi bắt đầu nhìn xung quanh. Tàu Nau-ti-lux đổ bập bênh gần bờ đá cao giống như bên cảng. Biển cả biến thành một cái hồ có tường đá bao quanh. "Hồ" có đường kính khoảng hai hải lý, chu vi khoảng sáu hải lý. Mực nước trong "hồ" không thể khác mực nước đại dương được vì "hồ" và biển nhất định thông nhau. Nhưng bức tường đá dần dần chụm lại ở độ cao năm trăm hay sáu trăm mét, tạo thành một cái phễu khổng lồ lật ngược. Giữa phễu có một cái lỗ nhỏ để

lọt qua ánh sáng mặt trời mờ mờ. Trước khi nghiên cứu cấu tạo bên trong của cái hang lớn này và tìm hiểu xem nó do bàn tay con người hay do thiên nhiên tạo nên, tôi hỏi Nê-mô:

- Thưa thuyền trưởng, tôi vẫn chưa hiểu chúng ta đang ở đâu.

- Trong lòng một núi lửa đã tắt. Trong khi giáo sư ngủ tàu Nau-ti-lux đã lọt vào đây qua một lạch nước tự nhiên ở độ sâu mười mét. Đây chính là bến tàu! Một bến tàu vững chắc, thuận tiện, không bị ai nhòm ngó và tránh được gió tất cả các cấp! Giáo sư khó tìm thấy ven bờ các lục địa hay đảo một nơi nào, bảo đảm cho tàu thuyền tránh bão tốt hơn ở đây!

- Thưa thuyền trưởng, rất đúng. Ở đây chúng ta được an toàn. Trong lòng núi lửa thì có cái gì đe dọa nổi chúng ta nữa! Nhưng ở đỉnh núi tôi thấy một cái lỗ.

- Đúng, đó là miệng núi lửa xưa kia phun ra dung nham hơi lưu huỳnh và lửa. Bây giờ miệng núi cung cấp cho chúng ta không khí trong lành. Vùng biển này rất nhiều đảo có nguồn gốc núi lửa. Đối với người đi biển bình thường thì đó chỉ là dải đá ngầm, còn đối với ta thì đó là một hang đá khổng lồ. Tôi tình cờ phát hiện ra nó, tình cờ mà rất có lợi.

- Thưa thuyền trưởng, có thể xuống đây qua miệng núi lửa được không?

- Không xuống cũng không lên được! Từ chân núi lên khoảng ba mươi mét thì còn trèo được, cao hơn nữa thì vách núi hình cuốn, trèo sao được!

- Thưa thuyền trưởng, tôi thấy ở mọi nơi mọi lúc thiên nhiên đều phục vụ ngài. Trong hồ nước này, ngài được an toàn tuyệt đối. Chẳng ai phá vỡ được sự yên tĩnh ở đây. Nhưng ngài cần bến tàu này làm gì? Tàu Nau-ti-lux đâu có cần bến!

- Thưa giáo sư, đúng là tàu không cần bến. Nhưng nó cần điện để chạy, cần có bình điện để sản ra điện năng, cần na-tri để nạp các bình điện, cần than để có na-tri, cần mỏ than để khai thác than. Từ những thời đại địa chất xa xưa, biển đã nuốt chửng nhiều rừng cây, rừng cây đã biến thành than đá và trở thành nguồn nhiên liệu vô tận.

- Nghĩa là các thủy thủ của ngài làm cả công việc thợ mỏ nữa?

- Vâng, đúng vậy. Những mỏ than đá nằm dưới nước. Các thủy thủ của tôi mặc đồ lặn, mang theo cuộc chim xuống đây đào than. Khi tôi đốt than để có na-tri thì khói theo miệng núi thoát ra khiến núi lửa có vẻ đang hoạt động.

- Chúng tôi có được thấy thủy thủ của ngài đào than không?

- Không! Tôi đang vội hoàn thành chuyến đi vòng quanh thế giới này. Vì vậy tôi chỉ cho lấy chỗ than dự trữ sẵn ở đây thôi. Lấy xong than, nghĩa là đúng ngày kia, chúng ta sẽ tiếp tục cuộc hành trình.

CHƯƠNG 35

BIỂN XÁC-GAX

Hy vọng trở về bờ biển châu Âu bị tiêu tan. Thuyền trưởng Nê-mô cho tàu chạy về hướng nam. Ông ta đi đâu? Tôi chịu không dám ước đoán nữa. Ngay hôm đó, tàu đi qua một vùng độc đáo của Đại Tây Dương. Dòng biển Gơn-xtơ-rim âm áp thì ai cũng biết. Từ bờ biển Phlo-ri-đa nó chảy về Spít-béc-ghen. Đến khoảng 44o vĩ bắc Gơn-xtơ-rim chia làm hai nhánh. Nhánh chính theo hướng đông bắc chảy dọc bờ biển Ai-len và Na-uy; nhánh thứ hai theo hướng nam chảy về nhóm đảo A-đo. Tới bờ biển châu Phi, nhánh nam vẽ thành hình vòng cung và trở về nhóm đảo ...ng-ti. Nhánh nước ấm này -gọi là "vòng đai" thì đúng hơn là "nhánh" -bao quanh một vùng biển của Đại Tây Dương, có tên là biển Xác-gax. Biển Xác-gax quả là một cái hồ giữa biển cả. Diện tích của nó lớn đến nỗi dòng biển Gơn-xtơ-rim phải mất ba năm mới chảy quanh được một vòng. Suốt ngày 22 tháng 2, tàu chạy ngầm dưới biển Xác-gax. Nơi đây, các loài cá ưa thực vật biển và các loài giáp xác có thể tìm thấy vô số thức ăn...

Từ 23 tháng 2 đến hết 12 tháng 3, nghĩa là suốt mười chín ngày, tàu Nau-ti-lux chạy giữa Đại Tây Dương, đưa chúng tôi về phía nam với tốc độ một trăm dặm trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Rõ ràng là thuyền trưởng Nê-mô đang thực hiện cuộc du hành vòng quanh thế giới này theo một kế hoạch định trước, và tôi tin rằng sau khi vòng qua mũi Hoóc, ông ta sẽ trở lại vùng biển phía nam Thái Bình Dương. Nhưng lo ngại của Nét Len là có căn cứ. Ở giữa biển khơi này họa hoằn mới gặp một hòn đảo thì còn nói chi đến việc chạy trốn. Ý muốn của thuyền trưởng Nê-mô là luật lệ trên tàu Nau-ti-lux. Thôi cũng đành phó mặc số phận. Nhưng nếu dùng bạo lực hay mưu mẹo để chống lại Nê-mô là điều vô ích thì sao không thể thương lượng với ông ta được? Kết thúc cuộc hành trình vòng quanh thế giới này, liệu Nê-mô có bằng lòng trả lại tự do cho chúng tôi, nếu chúng tôi thề sẽ giữ bí mật cho ông ta

không? Nê-mô sẽ có thái độ thế nào đối với những yêu sách tự do của tôi? Ông ta đã chẳng nhiều lần tuyên bố một cách cương quyết là chúng tôi sẽ bị trói buộc vĩnh viễn vào tàu Nau-ti-lux để khỏi bị lộ bí mật đó sao? Phải chăng Nê-mô xem sự im lặng của chúng tôi trong bốn tháng ròng là một sự thỏa thuận với tôi hậu thư của ông ta? Đặt vấn đề này ra liệu có làm cho Nê-mô ngờ vực, do đó ảnh hưởng xấu tới việc thực hiện ý đồ của chúng tôi không? Sau khi cân nhắc và suy nghĩ kỹ, tôi trao đổi ý kiến với Công-xây. Anh ta cũng phân vân như tôi. Tuy tôi chưa đến nỗi tuyệt vọng, nhưng nghĩ cho kỹ, tôi cũng hiểu rằng cơ hội trở về xã hội loài người ngày càng hiếm, nhất là khi Nê-mô đang cho tàu phóng vun vút trong vùng biển nhiệt đới của Đại Tây Dương! Suốt mười chín ngày nói trên không xảy ra chuyện gì đặc biệt. Thuyền trưởng Nê-mô ít khi xuất hiện. Ông ta làm việc nhiều. Ở thư viện, tôi thường thấy những cuốn sách, phần lớn là về lịch sử tự nhiên, đang đọc dở. Trong cuốn "Những bí mật của biển sâu" của tôi, Nê-mô đánh dấu chỉ chút bên lề, đôi khi ghi những ý kiến bác bỏ một số lập luận và giả thiết của tôi. Nhưng Nê-mô chỉ ghi tóm tắt những nhận xét đó trên lề sách mà không tranh luận trực tiếp với tôi. Thỉnh thoảng tôi lại nghe thấy những giai điệu buồn buồn đầy tình cảm. Nê-mô chơi đại phong cầm, nhưng chỉ chơi lúc khuya, khi bóng đêm đã bao trùm mặt biển và khi tàu Nau-ti-lux mơ màng giữa đại dương vắng lặng. Suốt mười chín ngày đó tàu chạy trên mặt nước. Thỉnh thoảng mới có một chiếc tàu buồm chờ hàng đi ấn Độ đang hướng về mũi Hảo Vọng. Một hôm có chiếc tàu săn cá voi vượt theo chúng tôi, chắc họ tưởng tàu Nau-ti-lux là một con cá voi khổng lồ. Nhưng Nê-mô không muốn họ phí thì giờ và sức lực nên cho tàu lặn xuống.

Cá vùng biển này về căn bản giống cá ở các vùng biển khác. Chúng tôi gặp cả cá mập bơi gần tàu. Đó là những con "chó biển", những con cá phàm ăn nhất. Cánh dân chài kể lại rằng trong bụng một con cá mập người ta thấy một cái đầu trâu và gần nguyên một chú bê con; có khi thấy hai con cá ngừ và cả một anh lính thủy với đầy đủ trang phục, hoặc một anh lính có đeo gươm hẵn hoi. Thậm chí có con cá mập nuốt chửng cả một kỵ mã lẫn ngựa. Tuy vậy những lời đồn đại ấy đều không đáng tin!... Từng đàn cá heo bám chặt lấy tàu và làm chúng tôi buồn cười về những trò nghịch ngợm của chúng. Mỗi đàn gồm năm sáu con, hệt như chó sói trong rừng! Cá heo rừng phàm ăn chẳng kém gì cá mập. Một giáo sư ở Cô-pen-ha-gen cho biết ông đã lấy từ dạ dày một con cá heo ra mười ba con

lợn biển và mười lăm con hải cẩu! Công-xây phân loại rất nhiều cá bay. Thật kỳ thú khi được thấy tài khéo léo của cá heo rượt bắt chúng. Dù chúng có bay cao, bay xa đến đâu -thậm chí vượt qua cả tàu Nau-ti-lux, chúng cũng không thoát khỏi cái mồm ngoác rộng của cá heo! Suốt ngày 13 tháng 3, tàu đo độ sâu của đại dương. Thuyền trưởng Nê-mô quyết định cho tàu lặn xuống độ sâu tối đa để xác định những số liệu của các vực sâu này ở Đại Tây Dương. Tôi sẵn sàng ghi chép những kết quả của cuộc thí nghiệm. Cửa sổ phòng khách được mở ra, tàu Nau-ti-lux chuẩn bị lặn xuống rốn biển Đại Tây Dương... Thân tàu rung lên như một chiếc dây đàn vắn căng, rồi nhẹ nhàng chìm xuống nước. Tôi và Nê-mô đứng trong phòng khách theo dõi áp kế. Một lát sau tàu đi qua chỗ ở của vô số loài cá. Càng xuống sâu, hệ động vật càng thay đổi. Một số cá chỉ sống ở lớp nước trên. Một số khác, ít hơn, ở các lớp nước dưới. Chính ở đây chúng tôi lọt vào giữa một thế giới động vật kỳ lạ. Kim đồng hồ chỉ độ sâu sáu ngàn mét. Tàu lặn đã được một tiếng đồng hồ. Càng xuống sâu, biển càng nghèo sự sống nhưng lại trong một cách lạ lùng. Tàu lặn thêm một tiếng nữa thì xuống tới độ sâu mười ba ngàn mét, nhưng vẫn chưa thấy đáy biển...

Tuy vậy, ở độ sâu mười bốn ngàn mét, giữa làn nước trong như pha lê, tôi nhìn thấy bóng đen của những ngọn núi Hy-mã-lạp-sơn hay Bạch-sơn, hay cao hơn nữa, bởi lẽ lòng chảo này sâu chưa biết đến đâu là cùng! Tàu Nau-ti-lux vẫn lướt xuống đáy đại dương sâu thẳm, mặc dù áp lực bên ngoài rất lớn. Tôi cảm thấy vỏ tàu kêu ken két, kính ở các ô cửa phòng khách bị lõm xuống vì áp lực nước. Nếu con tàu không có sức bền của thép như Nê-mô nói thì nó đã bị bóp bẹp rúm rồi. Ở độ sâu mười ba ngàn mét, tàu Nau-ti-lux đã vượt qua giới hạn của các lớp nước có sinh vật, tựa như một quả cầu lên cao quá sinh quyển. Vậy mà chúng tôi đã xuống sâu tới mười sáu ngàn mét - bốn dặm, - vỏ tàu chịu áp suất một ngàn sáu trăm ki-lô-gam trên một cen-ti-mét vuông!

- Thật là một cuộc thử sức lớn lao! - tôi thốt lên.

- Xuống tới đáy biển sâu mà chưa một người nào tới được! Thuyền trưởng hãy nhìn xem kìa! Những mỏm đá hùng vĩ, những hang ngầm mà không một sinh vật nào có thể dùng làm nơi ẩn náu! Đây chính là đầu cùng của các lục địa trên trái đất! Phía bên kia không còn sự sống nữa! Vì sao sau khi đến đây, chúng ta chỉ mang về được những kỷ niệm thôi?

- Ngài muốn mang về một cái gì thực chất hơn ư? - Nê-mô hỏi tôi.

- Thưa thuyền trưởng, tôi chưa hiểu ý ngài.

- Tôi muốn nói, chẳng có gì đơn giản hơn là ghi lại mãi mãi cảnh biển sâu này!

Tôi chưa kịp biểu lộ sự ngạc nhiên của mình thì Nê-mô đã ra lệnh mang máy ảnh đến. Cánh cửa sổ được mở rộng, biển bên ngoài được chiếu sáng, quả là một cảnh tuyệt đẹp. ánh sáng nhân tạo dùng để chụp ảnh biển sâu tốt hơn ánh sáng mặt trời nhiều. Tàu Nau-ti-lux đứng yên tại chỗ. Chúng tôi hướng ống kính vào một cảnh tráng lệ của đáy đại dương mà mấy giây sau được một âm bản rất đẹp. Chụp ảnh xong, Nê-mô nói:

- Thưa giáo sư, đã đến lúc ta phải lên rồi! Không nên lạm dụng những khả năng của chúng ta và bắt vỏ tàu phải chịu đựng quá lâu một áp lực quá lớn như vậy.

- Thưa thuyền trưởng, xin ngài cho tàu lên.

- Giáo sư đứng cho vững nhé!

Tôi chưa kịp hiểu rõ ý Nê-mô thì đã ngã lăn ra. Theo lệnh thuyền trưởng, chân vịt ngừng hoạt động, bánh lái điều khiển độ sâu chuyển sang chiều thẳng đứng. Thế là tàu Nau-ti-lux vút lên như một quả khí cầu. Nó rẽ nước và gây ra tiếng rít âm âm. Trong bốn phút, tàu vượt mười sáu ngàn mét -khoảng cách giữa đáy biển và mực nước -và nổi lên mặt đại dương như một con cá bay, làm vọt lên những tia nước tung tóe!

CHƯƠNG 36

CÁ NHÀ TÁNG VÀ CÁ VOI

Đêm 13 rạng 14 tháng 3, tàu Nau-ti-lux lại chạy về hướng nam. Tôi tưởng sau khi vòng qua mũi Hoóc, tàu sẽ vào vùng biển Thái Bình Dương và thế là sẽ kết thúc cuộc hành trình vòng quanh thế giới. Nhưng tàu lại hướng về phía châu úc. Nó đi Nam cực ư? Thế thì điên rồ quá chừng! Tôi bắt đầu thấy những hành động của Nê-mô chứng tỏ Nét Len lo ngại là có cơ sở. Thời gian gần đây Nét chẳng cho chúng tôi biết gì về những kế hoạch của mình. Nét trở nên dè dặt và ít nói hơn. Tôi thấy cảnh tù túng này đè nặng lên tâm tư anh ta khiến anh ta ngày càng bồn tính hơn. Mỗi lần gặp Nê-mô, mắt Nét lại nẩy lửa. Tôi sợ anh chàng Ca-na-đa nóng nảy này có thể liều lĩnh. Ngày 14 tháng 3, Công-xây và Nét bỗng nhiên vào phòng tôi. Tôi hỏi họ đến có việc gì.

- Thưa giáo sư, tôi muốn hỏi ngài vài điều, - Nét trả lời.
- Ông cứ hỏi.
- Ngài cho rằng trên tàu Nau-ti-lux có nhiều người không?
- Tôi không rõ, ông bạn ạ.
- Theo tôi, điều khiển một con tàu như tàu Nau-ti-lux không cần nhiều người.
- Rất đúng. - Tôi trả lời.
- Muốn điều khiển một con tàu có máy móc chạy điện thì mười người là đủ.
- Thế thì sao trên tàu số thủy thủ lại nhiều hơn?
- Vì sao à?

Tôi chăm chú nhìn Nét. Đoán ý của Nét cũng chẳng khó gì. Tôi nói:

- Bởi vì, nếu những lời phỏng đoán của tôi là đúng và nếu tôi không hiểu sai ý nghĩa cuộc sống của thuyền trưởng Nê-mô, thì

tàu Nau-ti-lux chẳng phải là một con tàu đơn thuần! Nó còn là nơi ẩn náu của những người đã cắt đứt mọi quan hệ với mặt đất như bản thân Nê-mô vậy.

- Rất có thể thế, - Công-xây nói.

- Nhưng dù sao tàu Nau-ti-lux cũng chỉ chứa được một số người có hạn. Giáo sư có thể tính được số người tối đa trên tàu không?

- Tính số người trên tàu à? Bằng cách nào hở Công-xây?

- Bằng phép tính đơn giản thôi. Giáo sư đã biết sức chở của tàu, do đó biết cả khối lượng không khí có thể dùng được trên tàu. Mặt khác, giáo sư lại biết mỗi người cần bao nhiêu dưỡng khí để thở và tàu Nau-ti-lux cứ hai mươi bốn tiếng đồng hồ lại phải nổi lên để dự trữ...

Công-xây không nói hết câu, nhưng tôi hiểu rất rõ ý anh ta. Tôi nói:

- Tôi hiểu anh, Công-xây ạ. Tính toán không khó lắm, nhưng chắc gì đã đúng.

- Không quan trọng!

Nét nói.

- Đại khái cũng được.

- Thế này nhé. Mỗi tiếng đồng hồ mỗi người tiêu thụ hết một số dưỡng khí chứa trong một trăm lít không khí. Như vậy trong hai mươi tư tiếng đồng hồ tiêu thụ hết dưỡng khí chứa trong hai ngàn bốn trăm lít. Bây giờ phải chia dung tích của tàu cho hai ngàn bốn trăm.

- Đúng vậy.

- Trọng tải tàu Nau-ti-lux là một ngàn năm trăm tấn, trong mỗi tấn có một ngàn lít không khí... Tôi lấy bút chì ra làm phép tính.

- ... Tàu N. chứa được một khối lượng không khí đủ cho sáu trăm hăm năm người dùng trong hai mươi tư tiếng đồng hồ.

- 625, - Nét nhắc lại.

- Nhưng tôi đoán chắc với ông tất cả những người trên tàu này cộng lại, cả hành khách, thủy thủ, sĩ quan cũng không đến

một phần mười con số trên. Vì vậy, ông Nét ạ, tôi chỉ có thể khuyên ông là nên kiên nhẫn một chút.

- Không phải chỉ kiên nhẫn mà còn phải nhẫn nhục nữa, - Công-xây dùng từ rất chính xác.

- Tuy vậy, Nê-mô cũng không thể đi về phía nam mãi được. Đến lúc nào đó, ông ta cũng phải dừng lại thôi! Khi gặp những đồng băng, Nê-mô sẽ phải quay về những vùng biển văn minh hơn. Lúc đó, anh Nét ạ, sẽ là thời cơ thuận lợi cho chúng ta.

Nét lắc đầu, lấy tay lau trán rồi đi ra chẳng nói một lời. Công-xây bảo tôi:

- Nếu giáo sư cho phép, tôi sẽ lựa lời khuyên giải anh ta. Anh chàng Nét khôn khổ này nhồi vào đầu óc mình đủ thứ linh tinh. Lúc nào cũng nhắc tới quá khứ!

Nét tự giày vò mình bằng những kỷ niệm cũ. Nên thông cảm với anh ta. Anh ta còn biết làm gì trên tàu này nữa? Nét không phải là bác học như giáo sư. Những cảnh kỳ diệu dưới biển sâu chẳng làm anh ta vui sướng như giáo sư. Nét sẵn sàng hy sinh hết thảy để có thể tới đến ngôi trong một quán rượu nào đó ở Ca-na-da! Cuộc sống đơn điệu trên tàu Nau-ti-lux quả thực đã đè nặng lên Nét Len, một người ưa hoạt động và phóng túng. ít có những sự việc làm anh ta thích thú. Tuy vậy, cũng có một chuyện khiến Nét nhớ lại thời oanh liệt xưa. Gần mười một giờ trưa, tàu Nau-ti-lux nổi lên mặt nước đúng vào giữa một đàn cá voi. Cuộc gặp gỡ này không làm tôi ngạc nhiên: tôi biết loài động vật có vú này bị nhiều đoàn tàu đánh cá săn bắt nên phải lẩn tránh sang Đại Tây Dương và những vùng biển kế cận. Cá voi đã đóng một vai trò quan trọng và giúp ích nhiều trong thời đại của những phát kiến lớn. Chúng đã lôi cuốn những người Bat-xơ, sau đó là những người A-xtu-ri-a, người Anh, người Hà Lan, dạy họ coi khinh những hiểm nguy của biển cả và dám đi ngang dọc các đại dương. Những truyền thuyết cổ xưa nói nhiều về "chiến công" của cá voi đã dẫn dắt các thợ săn tới gần Bắc cực -chỉ còn bảy dặm là tới! Rất có thể là nhờ đi săn cá voi ở các vùng biển cực bắc và cực nam, người ta đã tìm ra hai cực của trái đất! Chúng tôi ngồi trên boong. Biển lặng. Tháng mười ở độ vĩ này cho chúng tôi những ngày thu tuyệt đẹp. Nét là người đầu tiên -anh ta không thể làm lần được - phát hiện ra một con cá voi ở chân trời phía đông. Nếu nhìn kỹ thì

có thể thấy cách tàu độ năm hải lý, một vật màu đen lúc nổi lên lúc chìm xuống mặt biển.

- Chà!

Nét reo lên.

- Nếu tôi ở trên tàu đánh cá voi thì phen này phải biết! Chú cá voi này khá lắm. Nhìn cột nước nó phun lên kìa! Sao tôi lại bị trói chặt vào đây thế này?

- Ông còn nhớ nghề săn cá voi à, ông Nét?

- Thưa giáo sư, có người thợ săn nào quên được nghề cũ của mình? Có cái gì thay thế được nghề đó? Nó làm máu trong người tôi sôi lên!

- Ông chưa săn cá voi ở vùng biển này bao giờ à?

- Thưa giáo sư, chưa. Tôi đã từng lên các biển miền bắc, đã đến tận eo Bê-rinh và eo Đê-vix.

- Nghĩa là ông chưa quen biết những chú cá voi ở bán cầu nam. Cũng đúng thôi! Cho tới nay ông chỉ săn cá voi phương bắc mà cá voi phương nam thì không vượt qua vùng biển nóng của xích đạo.

- Giáo sư không nói đùa đấy chứ?

Nét hoài nghi.

- Tôi chỉ nói sự thực.

- Thế thì xin kể giáo sư nghe một câu chuyện: năm 1865 - cách đây gần hai năm rưỡi - tôi bắt được ở gần Grin-len một con cá voi trên sườn có mũi lao mang dấu của một chiếc tàu đánh cá ở eo Bê-rinh. Xin hỏi vì sao con cá bị thương ở bờ biển phía tây châu Mỹ lại bị hạ ở bờ biển phía đông, nếu sau khi vòng qua mũi Hoóc hay mũi Hảo Vọng, nó không vượt xích đạo?

- Tôi tán thành ý kiến của anh Nét, - Công-xây nói.

- Xin giáo sư giải đáp cho.

- Thưa các bạn, có nhiều loài cá voi sống ở các miền biển khác nhau và không bao giờ bỏ đi nơi khác. Và nếu một con cá voi nào từ eo Bê-rinh mò sang eo Đê-vix thì có nghĩa là giữa hai biển có một lối đi nằm gần bờ biển châu Mỹ hoặc gần bờ biển châu Á.

- Tôi có nên tin giáo sư không?

- Nét nheo mắt hỏi.

- Phải tin chứ! - Công-xây nói.

Nét phản đối:

- Nghĩa là nếu tôi chưa từng đến sấn ở đây thì tôi không thể quen biết cá voi ở đây chứ gì?

- Đúng vậy, ông Nét ạ.

- Thế thì cần làm quen với chúng.

Công-xây nói.

- Nhìn xem kia! Nhìn xem!

Nét kêu lên, giọng xúc động.

- Con cá voi đang tới gần! Chà! Nó bơi thẳng về phía ta. Thật là trêu ngươi! Nó thấy tôi tay không mà! Nét giậm chân, tay nắm chặt và lắc lắc như đang huơ lên một mũi lao tượng trưng.

- Thưa giáo sư, cá voi vùng này có to bằng ở miền bắc không?

- Cũng gần như vậy, ông Nét ạ.

- Thưa giáo sư, tôi đã từng thấy những con cá voi dài hơn ba mươi mét. Tôi còn nghe kể rằng ở vùng đảo A-lê-út có những con dài gần năm chục mét.

- Nói thế rõ ràng là cường điệu, - tôi trả lời.

- Đó không phải là cá voi thật đâu. Chúng có vây lưng, và cũng như cá nhà táng, thường nhỏ hơn cá voi.

- Kia, kia!

Nét vẫn không rời mắt khỏi mặt biển.

- Nó đến gần tàu rồi kia!

- Ngài bảo rằng cá nhà táng là loài cá nhỏ ư? Người ta kể rằng có những con cá nhà táng khổng lồ. Loài cá này rất thông minh. Chúng ngụy trang bằng rong biển và các thực vật biển khác, nên giống hết những hòn đảo nhỏ. Người ta ghé thuyền vào, trèo lên mình nó rồi nhóm lửa...

- Xây nhà dựng cửa trên đó nữa chứ!

Công-xây chêm vào.

- Cậu này chỉ tếu thôi! - Nét Len trả lời.

- Rồi một hôm con cá lặn xuống nước, thế là mọi người trên lưng nó cũng chìm ngấm theo xuống biển sâu. Tôi nhận xét:

- Hình như ông Nét ưa những chuyện kỳ lạ lắm thì phải! Tôi chắc bản thân ông cũng không tin những chuyện huyền hoặc ấy!

- Thưa nhà tự nhiên học, - Nét nghiêm trang trả lời, - khi nói đến cá voi thì phải tin hoàn toàn! Kìa kìa! Nhìn xem nó bơi, nó lặn tài tình làm sao! Người ta bảo loài cá này có thể bơi vòng quanh thế giới trong mười lăm ngày!

- Điều đó có thể tin được.

- Có thật là cá voi làm đắm tàu không?

Công-xây hỏi.

- Làm đắm tàu ư? Tôi nghi ngờ khả năng ấy, - Tôi trả lời.

- Tuy vậy, tôi cũng nghe nói năm 1820 ở vùng biển phía nam này, một con cá voi lao vào tàu ét-xéch và đẩy tàu lùi lại với tốc độ bốn ngàn mét giây. Chiếc tàu đắm ngay tức khắc! Nét nhìn tôi một cách ranh mãnh rồi nói:

- Một lần, có con cá voi lấy đuôi hất tôi, à không, hất xuống lên khiến tôi và mấy người bạn nữa bị tung lên cao sáu mét! So với con cá voi của giáo sư thì chú cá của tôi chỉ là loại nhép!... Con cá voi ngày càng tới gần. Nét nhìn một cách thêm thường:

- Chà chà! Không phải một con mà cả một đàn mười con, hai mươi con! Thế mà đành chịu bó tay có uất hận không!

- Anh Nét, anh hãy nghe tôi, - Công-xây nói, - sao anh không xin thuyền trưởng Nê-mô cho phép săn?... Công-xây chưa nói hết câu thì Nét đã lao xuống thang và biến mất.

Mấy phút sau, anh ta quay lại cùng với Nê-mô. Nê-mô nhìn đàn cá voi đang đùa giỡn cách tàu một hải lý rồi nói:

- Cá voi miền nam đấy. Đủ dùng cho cả một đội tàu đánh cá.

- Thưa thuyền trưởng, ngài có cho phép tôi săn chúng không ạ?

Nét hỏi.

- Nếu không thì tôi sẽ quên mất tay nghề đấy!

- Giết hại cá vô ích để làm gì?

Nê-mô trả lời.

- Chúng ta chẳng cần mỡ cá voi.

- Thưa giáo sư, sao ở biển Đỏ ngài lại cho phép săn hải cẩu?

- Đó là chuyện khác! Lúc đó anh em thủy thủ cần thịt tươi. Còn bây giờ thì giết hại sinh vật chỉ là để giải trí. Con người hay tự cho mình cái quyền ấy, tôi biết! Nhưng tôi không thừa nhận cái lối tiêu khiển man rợ như vậy. Khi giết hại giống cá voi miền nam, một giống vật hiền lành vô hại, các bạn nghề của ông đã làm một việc đáng chê trách, ông Nét ạ. Các ông hãy để cho những con vật bất hạnh đó được yên! Không có các ông, chúng cũng đã làm kẻ thù: cá nhà táng, cá kiếm, cá cưa! Chắc các bạn có thể hình dung được vẻ mặt của Nét khi nghe những lời giáo huấn của thuyền trưởng Nê-mô rồi! Thuyết đạo đức cho thợ săn nghe thì thật là phí lời vô ích. Nét trợn tròn mắt nhìn Nê-mô, tỏ vẻ không hiểu Nê-mô muốn nói gì. Dù sao, Nê-mô vẫn đứng. Việc giết hại loài động vật ấy một cách man rợ chẳng bao lâu nữa sẽ làm cho đại dương không còn một bóng cá voi nào. Nét Len huýt sáo một bài hát yêu nước của Bắc Mỹ, tay đút vào túi quần và quay lưng lại chúng tôi. Trong khi đó, thuyền trưởng Nê-mô vừa quan sát đàn cá voi vừa bảo tôi:

- Tôi nói đúng là ngoài con người ra, cá voi còn khá nhiều kẻ thù dưới nước. Ngay bây giờ, trước mắt chúng ta, đàn cá voi này sẽ phải đương đầu với một đối thủ mạnh. Giáo sư có thấy cách chúng ta tám hải lý những chấm đen đang di chuyển không?

- Thưa thuyền trưởng, có.

- Đó là cá nhà táng, những con vật khủng khiếp. Tôi đã gặp những đàn từ hai trăm đến ba trăm con! Chính loài cá hung dữ và có hại này mới cần tiêu diệt. Nghe câu nói cuối cùng này của Nê-mô, Nét vội quay người lại:

- Thưa thuyền trưởng, vẫn còn kịp, - Nét nói.

- Hơn nữa lại bảo vệ được đàn cá voi này...

- Ta chẳng cần dấn thân vào chỗ nguy hiểm làm gì! Tàu Nau-ti-lux tự nó sẽ xua tan lũ cá nhà táng kia. Tôi nghĩ, mũi tàu bằng thép sẽ chẳng thua kém gì mũi lao của ông Nét. Nét nhún vai, hình như muốn nói:

“Có đời thuở nào lại đánh cá nhà táng bằng mũi tàu?”

- Ngài A-rô-nắc, xin ngài chờ cho một chút.

Nê-mô nói.

- Chúng tôi sẽ mời ngài xem một cuộc săn cá mà ngài chưa bao giờ thấy. Không nên may mắn thương xót lũ cá khát máu này! Chúng chỉ có mõm và răng! Chỉ có mõm và răng! Đó là đặc điểm nổi bật của loài cá nhà táng khổng lồ dài tới hai mươi lăm mét. Cái đầu đồ sộ của chúng chiếm gần một phần ba thân. Đàn cá nhà táng gồm ghieếc đang tới gần. Chúng đã thấy đàn cá voi và chuẩn bị chiến đấu. Có thể đoán trước là chúng nắm chắc phần thắng không phải vì chúng được trang bị tốt hơn cá voi vốn không có răng mà vì chúng có thể lặn sâu hơn cá voi.

Phải nhanh chóng đến cứu cá voi! Tàu Nau-ti-lux lặn xuống. Công-xây, Nét và tôi ngồi gần ô cửa phòng khách. Thuyền trưởng Nê-mô sang phòng hoa tiêu để đích thân lái con tàu đó biến thành một vũ khí tiêu diệt. Một lát sau, chân vịt quay tít, đẩy tàu lao đi như mũi tên. Khi tàu tiến ra chiến trường thì lũ cá nhà táng đã bắt đầu tấn công đàn cá voi. Nê-mô chủ trương cho tàu xông thẳng vào lũ cá to đầu. Thoạt tiên chúng chẳng sợ hãi gì khi tàu Nau-ti-lux can thiệp vào cuộc chiến, nhưng ít phút sau chúng cảm thấy thấm đòn. Trận đánh thú vị đến nỗi Nét cũng phải khoái chí mà vỗ tay đen đét. Nê-mô đã biến con tàu thành một cái lao nhọn khủng khiếp. Nó lao vào các khối thịt đó mà chém thành hai khúc đầy máu đỏ lôm. Đuôi cá đập vào vỏ tàu rất mạnh nhưng chẳng hề gì. Diệt xong con này, tàu lại xông đến con khác, lúc chạy tới, lúc chạy lui, lúc ngoan ngoãn tuân theo bàn tay hoa tiêu lặn xuống sâu để vượt theo kẻ địch, lúc lại nổi lên mặt biển, khi tấn công chính diện, khi thì đánh ngang sườn. Mũi tàu bám vằm lũ cá một cách đáng sợ. Trên mặt biển nổi lên tiếng ầm ầm như sấm, tiếng rít, tiếng rống của loài cá khi giãy chết! Đuôi cá quẫy mạnh làm mặt biển trước đó phẳng lặng giờ sủi bọt lên như chảo nước sôi. Trong cuộc chiến đấu ác liệt kéo dài suốt một tiếng đồng hồ ấy, lũ cá nhà táng bị tiêu diệt thẳng tay. Mấy lần chúng tập hợp lại thành từng đàn mười, mười hai con để chuyển sang phản công hòng đè bẹp con tàu. Những cái mõm cá đầy răng ngoác rộng. Những cặp mắt ghieếc ở phía ngoài ô cửa khiến Nét nổi khùng. Anh ta không ngớt nguyên rửa lũ cá to đầu và giờ nắm tay ra dọa chúng. Lũ cá ngoạm răng vào vỏ tàu như chó săn ngoạm vào cổ con lợn rừng bị săn đuổi. Nhưng tàu Nau-ti-lux tuân theo ý người lái, khi thì kéo kẻ địch xuống tàu, khi lại nổi lên mặt biển, mặc dù bị o ép bốn phía. Cuối cùng lũ cá nhà táng bị đánh tan. Biển lại

lặng. Tàu nổi lên mặt biển. Chúng tôi mở nắp tàu rồi lên boong. Mặt biển đầy xác cá bị băm nát. Mấy con còn sống sót kinh hoàng, bỏ chạy. Nước biển nhuộm màu đỏ thẫm trong khoảng mấy hải lý. Tàu Nau-ti-lux chạy trên một biển máu. Thuyền trưởng Nê-mô bước tới chỗ chúng tôi và hỏi:

- Thế nào, ông Nét?

- Thưa thuyền trưởng, -nhiệt tình của Nét đã nguôi đi rất nhanh, -Cảnh tượng quả là khủng khiếp. Nhưng tôi là thợ săn chứ không phải là đồ tể, mà vừa rồi ngài đã sát sinh quá nhiều.

- Không phải là sát sinh mà là diệt trừ những con vật có hại,
- Nê-mô phản đối.

- Và tàu Nau-ti-lux cũng không phải là con dao của đồ tể.

- Theo tôi, dùng lao nhọn vẫn hơn.

- Mỗi người đều có vũ khí riêng của mình, - Nê-mô nhìn Nét chăm chăm. Tôi sợ Nét trong cơn tức giận có thể nói những lời xúc phạm với Nê-mô, gây nên những hậu quả tai hại. Nhưng cơn giận của Nét nguôi đi khi anh ta trông thấy con cá voi mà tàu Nau-ti-lux đang chạy tới gần. Con cá này không kịp tránh đòn của vũ khí nhà táng hung dữ. Nó nằm nghiêng, bụng đầy vết thương. Nó đã chết. Vây cá rách tả tơi, cuối vây có một chú cá voi con cũng đã chết. Từ mồm cá mẹ nước tuôn ra như suối. Thuyền trưởng Nê-mô ghé tàu vào sát con cá chết. Hai thủy thủ trèo lên sườn cá. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy họ vắt sữa từ vú con cá ra (trong vú có chừng hai, ba tấn sữa!). Nê-mô mời tôi uống một tách sữa nóng. Tôi không che giấu được sự ghê sợ đối với thứ nước uống này. Nhưng Nê-mô cam đoan với tôi rằng sữa cá voi rất ngon và chẳng kém gì sữa bò về hương vị. Tôi nếm thử và thấy quả là ngon! Thế là chúng tôi đã làm cho kho thực phẩm dự trữ thêm phong phú! Từ hôm đó tôi bắt đầu lo lắng khi thấy Nét tỏ vẻ thù địch ra mặt với thuyền trưởng Nê-mô, và tôi quyết định phải theo dõi chặt từng hành động của Nét.

CHƯƠNG 37

BĂNG GIÁ MỆNH MÔNG

Tàu Nau-ti-lux đi hoài về phía nam theo kinh tuyến 50. Chẳng lẽ nó hướng về Nam cực? Thật là vô lý! Mọi ý đồ lọt vào điểm đó của trái đất đều đã bị thất bại. Ngày 13 tháng 3 ở vùng Nam cực tương ứng với ngày 13 tháng 9 ở vùng bắc khi bắt đầu thời kỳ xuân thu phân. Ngày 14 tháng 3 ở gần độ vĩ 55o xuất hiện những tảng băng trôi màu xám như chì, cao chừng sáu, bảy mét, tạo thành những vật chướng ngại mà sóng biển xô vào ào ào. Tàu Nau-ti-lux chạy trên mặt đại dương. Nét đã nhiều lần đến vùng biển Bắc cực nên đối với anh ta cảnh băng trôi chẳng có gì lạ. Còn tôi và Công-xây thì mới được thấy lần đầu. Từ chân trời phía nam kéo dài lên một dải trắng toát. Dù mây có dày đến đâu cũng không thể làm lu mờ được ánh cực quang đó. Cực quang là do đồng băng phản chiếu lên. Chẳng bao lâu xuất hiện những tảng băng lớn hơn. ánh sáng phát ra khi mạnh khi yếu và bị một làn sương dày bao phủ. Càng đi về phía nam, tàu càng hay gặp những đồng băng trôi, những núi băng ngày càng lớn. Hàng ngàn chim nam cực làm tổ trên đó. Chim báo bão kêu choáng tai. Những con chim khác tưởng tàu chúng tôi là cá voi, liền đậu lên rồi lay mỗ mỗ boong boong xuống vỏ thép. Trong thời gian tàu chạy giữa đồng băng, thuyền trưởng Nê-mô hay lên boong. Ông ta đắm đắm nhìn cảnh băng giá mệnh mông. Thỉnh thoảng mắt Nê-mô lại sáng ngời lên. Ông ta nghĩ gì trong giây phút đó? Ông ta cảm thấy mình là người chủ duy nhất của vùng biển Nam cực này, của vùng băng hiểm trở và vô tận này chăng? Có lẽ thế. Nhưng Nê-mô im lặng. Ông ta đứng hàng giờ để trầm tư cho tới khi linh tính của người thủy thủ kéo ông ta về thực tế. Lúc đó Nê-mô đích thân cầm lái khéo đưa con tàu tránh những núi băng dài tới mấy hải lý và cao hơn mặt biển bảy, tám mươi mét. Nhiều khi băng tạo thành những bức tường chặn ngang đường. Gần độ vĩ 60o thì không còn nước tinh khiết nữa. Nhưng Nê-mô thường nhanh chóng tìm ra được một khe nhỏ giữa những tảng băng và mạnh dạn lái tàu vào... Nhiệt độ

không khí xuống khá thấp. Nhiệt kế chỉ -20, -30. Nhưng chúng tôi có đủ quần áo ấm may bằng da gấu và hải cẩu. Tàu Nau-ti-lux được sưởi nóng bằng điện, nhiệt độ trong tàu được điều hòa và không phụ thuộc vào nhiệt độ không khí bên ngoài. Hơn nữa, chỉ cần tàu lặn xuống mấy mét là chúng tôi thấy dễ chịu ngay.

Ngày 15 tháng 3 tàu đến vùng đảo Nam Sét-len và Nam Oóc-cơ-nây. Thuyền trưởng Nê-mô kể với tôi rằng trước đây ở chỗ này có rất nhiều hải cẩu. Nhưng bọn thợ săn cá voi người Anh và Mỹ đã giết hại bừa bãi những hải cẩu lớn, tiêu diệt hoàn toàn loài thú này ở một vùng biển xưa kia đầy sự sống và giờ đây chỉ còn một sự im lặng ghê người. Tàu Nau-ti-lux chạy dọc kinh tuyến 55 và vượt qua vòng Nam cực. Băng tấn công nó từ bốn phía, thu hẹp dần đường chân trời lại. Nhưng thuyền trưởng Nê-mô vẫn cho tàu chạy về phía nam.

- Ông ta đi đâu vậy? -Tôi hỏi.
- Đi lung tung, - Công-xây trả lời.
- Bao giờ bươu đầu sút trán thì sẽ dừng lại.
- Tôi không dám đoán chắc như vậy! - Tôi nói.

Thật tình, chuyến đi đầy gian nguy này rất hợp ý tôi. Tôi không thể tả sao cho hết được sự mê thích của mình trước cảnh hùng vĩ của miền Nam cực!...

Nhiều khi bị băng vây hãm, chúng tôi chẳng thấy lối ra. Nhưng nhờ có bản năng tuyệt vời, thuyền trưởng Nê-mô chỉ thoáng nhìn là tìm ngay được những khe hở đưa tàu ra khỏi chỗ hiểm. Những tia nước màu xanh nhạt trên đồng băng đã chỉ đường cho Nê-mô. Ông ta không bao giờ lầm lẫn trong việc lựa chọn đường đi. Chắc chắn là Nê-mô đã đến vùng biển băng Nam cực này nhiều lần. Tuy vậy, ngày 16 tháng 3 tàu cũng bị băng vây chặt không đi được. Đây chưa phải là băng vĩnh viễn mà chỉ là những cánh đồng băng rộng được gắn liền với nhau. Nhưng trở ngại đó không làm cho thuyền trưởng Nê-mô chùn bước. Ông ta cho tàu lao thật nhanh vào đồng băng. Vỏ tàu Nau-ti-lux bằng thép đâm thẳng vào khối băng giòn làm băng vỡ ra kêu rảng rác. Những mảnh băng bắn tung lên trời rồi rơi rào rào xuống quanh tàu. Do quán tính mà đôi khi tàu chồm lên băng rồi nhờ sức nặng mà phá vỡ nó. Trong những ngày này ở đây có gió giật mạnh. Sương mù dày đặc phủ xuống băng. Từ đầu này của boong tàu

không thấy đầu kia. Gió hay đổi hướng đột ngột. Tuyết rơi ban đêm phủ lên boong tàu một lớp băng phải dùng cuộc chim nẩy lên. Nói chung, khi nhiệt độ không khí xuống tới -50 thì tất cả các bộ phận bên ngoài của tàu đều bị băng phủ. Trong điều kiện đó, tàu buồm không thể hoạt động được. Chỉ tàu có động cơ điện không cần buồm và than mới có thể chạy ở vùng độ vĩ này. Phong vũ biểu chỉ rất thấp. Kim địa bàn chẳng đáng tin chút nào. Càng gần Nam cực nó càng chỉ linh tinh. Đành phải mang địa bàn đến các nơi khác nhau của tàu rồi lấy những thông số trung bình...

Cuối cùng, ngày 18 tháng 3, sau nhiều lần cố gắng mở đường không có kết quả, tàu Nau-ti-lux đã bị kẹt chặt vào băng. Đó chẳng phải là băng khối, băng trôi, đồng băng, mà là một dải núi băng sừng sững như trường thành. Đến giữa trưa, mặt trời ló ra. Thuyền trưởng Nê-mô xác định tọa độ con tàu. Té ra chúng tôi đã tới 51°30' độ kinh và 67°39' độ vĩ nam, nghĩa là đã tiến rất sâu vào châu Nam cực. Ở đây chẳng thấy một chỗ nào không đóng băng, chẳng có một chút nước tinh khiết nào! Trước mũi tàu Nau-ti-lux trải ra một dải băng mênh mông, sừng sững những tảng băng khổng lồ hình hộp có cạnh thẳng đứng. Cảnh thiên nhiên buồn tẻ chìm trong vắng lặng khắc khổ thỉnh thoảng mới có tiếng chim báo bão vỗ cánh. Mọi vật kể cả tiếng động đều biến thành băng. Tàu Nau-ti-lux buộc phải ngừng lại giữa đồng băng.

- Thưa giáo sư, - Nét bảo tôi, -nếu thuyền trưởng của ngài vượt qua được chỗ này và đi tiếp...

- Thì sao?

- Thì ông ta cừ lắm!

- Sao lại cừ, ông Nét?

- Vì chưa ai vượt qua được trở ngại này bao giờ. Thuyền trưởng của ngài rất giỏi. Nhưng khôn thay, ông ta giỏi hơn thiên nhiên thế nào được! Ở nơi mà thiên nhiên đã định ranh giới thì dù muốn hay không cũng phải dừng lại.

- Đúng thế, ông Nét ạ! Nhưng tôi vẫn muốn biết sau chỗ băng đóng này là cái gì. Bức tường trước mặt làm tôi bực mình vô cùng!

- Giáo sư nói phải, - Công-xây nhận xét.

- Những bức tường đó được dựng lên là để làm hỏng thần kinh của các nhà bác học. Ở đâu thì tường cũng là trở ngại. Nét nói:

- Ai chẳng biết đằng sau chỗ băng này là cái gì!

- Là cái gì? -Tôi hỏi.

- Là băng, chỉ là băng thôi!

- Ông có tin như vậy không, ông Nét? Tôi thì không tin. Chính vì vậy mà tôi muốn vượt qua chỗ băng này.

- Xin giáo sư hãy nghe tôi mà từ bỏ ý đồ ấy đi! - Nét trả lời.

- Chúng ta đã đi tới chỗ băng đóng liền, thế là đủ rồi. Ngài, thuyền trưởng của ngài và tàu Nau-ti-lux không thể nhích lên một bước nào nữa đâu. Dù muốn hay không thì chúng ta cũng phải quay về phương bắc, nghĩa là quay về những nước có những người tử tế ở. Tôi phải thừa nhận Nét nói đúng về một mặt: một khi tàu thuyền chưa được trang bị để hoạt động giữa đồng băng thì chúng ta phải dừng lại ở ranh giới này. Thực vậy, mặc dù đã tìm mọi cách phá băng, tàu Nau-ti-lux vẫn không nhúc nhích được chút nào. Trong những điều kiện bình thường, nếu tàu không thể tiếp tục hành trình thì nó quay lại. Nhưng ở đây tàu không tới không lui được vì bị kẹt vào giữa biển băng. Và nếu tàu cứ đứng mãi một chỗ thế này thì nó sẽ biến thành băng nốt! Phải thừa nhận rằng hành động của Nê-mô là quá liều lĩnh. Tôi đứng trên boong. Nê-mô hỏi tôi:

- Giáo sư thấy tình hình chúng ta thế nào?

- Thưa thuyền trưởng, tôi thấy chúng ta đang bị kẹt giữa biển băng.

- Bị kẹt? Tôi chưa hiểu ý giáo sư?

- Tôi muốn nói, chúng ta sẽ không thể nhích lên hay lùi xuống, không thể sang phải hay sang trái được nữa. Thế nghĩa là "bị kẹt" ạ?

- Như vậy, ngài cho rằng tàu Nau-ti-lux không thể thoát ra khỏi biển băng chứ gì?

- Thưa thuyền trưởng, khó khăn lắm! Bây giờ đang ngày đông tháng giá, khó có thể trông cậy vào chuyện phá băng mà đi.

- Giáo sư quả là người rất trung thành với mình!

- Nê-mô trả lời có vẻ hơi mỉa mai.

- ở đâu ngài cũng thấy khó khăn và trở ngại! Tôi xin tuyên bố rằng tàu Nau-ti-lux chẳng những sẽ ra khỏi biển băng mà còn tiếp tục tiến lên phía trước.

- Tiến về phía nam ạ?

Tôi nhìn Nê-mô.

- Vâng, đến tận Nam cực.

- Tận Nam cực?

Tôi sửng sốt và không giấu được sự nghi ngờ của mình.

- Vâng, - Nê-mô lạnh lùng trả lời, -đến tận Nam cực, đến một điểm chưa ai biết, nơi tất cả các kinh tuyến trên trái đất giao nhau. Ngài biết đấy, tôi có thể điều khiển tàu Nau-ti-lux hoàn toàn theo ý muốn của mình. Vâng, tôi đã biết! Tôi biết con người này dũng cảm đến mức liều lĩnh! Chỉ có người mất trí mới hy vọng vượt qua những trở ngại chặn ngang đường đi tới Nam cực, là nơi còn khó đến hơn Bắc cực, nơi mà những người đi biển gan góc nhất đã tốn bao công sức mà vẫn phải bó tay. Tôi nảy ra ý định hỏi Nê-mô xem thực tình ông ta đã tìm ra cái cực ghớm ghiếc này chưa.

- Thưa giáo sư, chưa, - Nê-mô trả lời.

- Chúng ta sẽ cùng nhau làm việc này. Cái gì người khác chưa làm được thì tôi sẽ làm được. Chưa bao giờ tàu Nau-ti-lux của tôi lại tiến sâu vào vùng biển miền Nam thế này. Nhưng, tôi xin nhắc lại, nó sẽ vào sâu hơn nữa.

- Thưa thuyền trưởng, tôi rất muốn tin ngài.

Tôi hơi mỉa mai.

- Và tôi vẫn tin ngài! Chúng ta cứ tiến lên phía trước! Đối với chúng ta chẳng có gì là trở ngại! Chúng ta sẽ phá vỡ biển băng này. Nếu nó không vỡ thì chúng ta sẽ chấp cánh cho tàu Nau-ti-lux bay lên trên băng!

- Lên trên băng?

Nê-mô bình thản.

- Không, không lên trên băng. Mà xuống dưới băng!

- Xuống dưới băng?

Tôi ngạc nhiên. Tôi bỗng hiểu rõ hết ý của Nê-mô. Những đặc tính của tàu Nau-ti-lux sẽ được miêu tả trong ý đồ táo bạo này của ông ta. Nê-mô mỉm cười:

- Tôi thấy chúng ta bắt đầu hiểu nhau. Cái mà tàu bình thường không làm nổi thì tàu Nau-ti-lux sẽ thực hiện được. Nếu gần vòng đai Nam cực mà có lục địa thì tàu sẽ dừng lại. Nếu không, nghĩa là nếu Nam cực được đại dương bao quanh, thì chúng ta sẽ tới tận nơi!

- Có lẽ ngài nói đúng, - tôi bị Nê-mô lôi cuốn.

- Nếu mặt biển bị đóng băng thì phía dưới vẫn là nước. Và nếu tôi không lầm thì phần băng nổi bằng một phần tư phần băng chìm, phải không ạ?

- Thưa giáo sư, gần như vậy! Những núi băng này không cao quá một trăm mét thì bề dày của phần chìm dưới mặt biển không quá ba trăm mét. Đối với tàu Nau-ti-lux thì ba trăm mét có ý nghĩa gì!

- Thưa ngài, chẳng có nghĩa gì!

- Tàu Nau-ti-lux có thể lặn xuống chỗ sâu nhất, nơi nhiệt độ ở tất cả các độ vĩ đều bằng nhau. Ở đó chúng ta chẳng sợ gì băng giá -30o hay -40o làm mặt biển đóng băng lại.

- Thưa ngài, đúng vậy, hoàn toàn đúng vậy.

Tôi phấn khởi.

- Chỉ có một khó khăn duy nhất là tàu phải ở dưới mặt biển mấy ngày liền, không thể nổi lên để lấy không khí được.

- Chỉ có thể thôi ạ?

Tôi hỏi.

- Các bể chứa trên tàu rất lớn. Chúng ta sẽ bơm đầy không khí vào đó và sẽ không thiếu đâu!

- Ngài A-rô-nắc nói rất chí lý, - Nê-mô cười.

- Nhưng tôi không muốn ngài trách là liều lĩnh nên xin nói trước rằng phải dè chừng một điều.

- Điều gì ạ?

- Chỉ một điều thôi! Nếu Nam cực có biển thì biển có thể bị đóng băng dày. Lúc đó ta sẽ không cho tàu nổi lên được đâu!

- Thưa thuyền trưởng, ngài quên rằng tàu Nau-ti-lux có sức húc rất mạnh rồi sao? Lẽ nào không thể cho tàu chạy ngược lên theo đường chéo và xuyên thủng lớp băng trên mặt?

- Chà chà! Hôm nay giáo sư thật là nhanh trí! Tôi càng phấn khởi nói tiếp:

- Biết đâu chẳng gặp một vùng biển không bị đóng băng ở Nam cực?

- Tôi cũng nghĩ như vậy, ngài A-rô-nắc ạ. Nhưng ngài cho phép tôi nhận xét là sau khi đưa ra bao nhiêu lời phản bác lại dự án của tôi, giờ đây ngài lại hết lời chứng minh là nó hợp lý. Thuyền trưởng Nê-mô nói đúng. Tôi đã vượt ông ta về sự dũng cảm. Giờ đây tôi đang lồi cuồn ông ta đến Nam cực. Nhưng tôi thật ngu dốt! Thuyền trưởng Nê-mô còn biết rõ những điểm mạnh điểm yếu trong kế hoạch của mình hơn tôi nhiều. Thấy tôi say sưa với những mơ ước viễn vông, chắc ông ta phải buồn cười. Nhưng Nê-mô không để mất thì giờ. Ông ta gọi thuyền phó đến. Hai người trao đổi ý kiến rất sôi nổi bằng một thứ tiếng khó hiểu. Chẳng biết vì được báo trước hay thấy đề nghị đó có thể thực hiện được, nhưng viên thuyền phó chẳng tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào. Công-xây còn thần nhiên hơn viên thuyền phó khi nghe nói về ý định cho tàu chạy đến Nam cực. "Xin tùy giáo sư"

- Anh ta trả lời bằng câu cửa miệng như vậy và chẳng nói gì thêm nữa. Còn Nét thì nhún vai và bảo tôi:

- Thưa giáo sư, ngài và thuyền trưởng của ngài làm tôi phải ái ngại.

- Chúng tôi sẽ tìm ra Nam cực, ông Nét ạ!

- Có thể như vậy, nhưng chẳng có đường về đâu! Rồi Nét lui về phòng riêng.

Trong khi đó, việc chuẩn bị cho đoàn thám hiểm của chúng tôi bắt đầu. Những máy bơm rất mạnh trên tàu Nau-ti-lux bơm đầy không khí vào các bể chứa dưới áp suất cao. Đến gần bốn giờ, thuyền trưởng Nê-mô báo rằng nắp tàu sắp đóng lại. Tôi đưa mắt nhìn lần cuối biển băng mênh mông mà chúng tôi chuẩn bị vượt qua. Trời quang mây tạnh, không khí trong lành, mặc dù khá lạnh -12o, nhưng vì lặng gió nên không buốt lắm. Mười thủy thủ mang cuộc chim lên boong rồi bắt đầu nạy lớp băng bám quanh vỏ tàu. Việc này không vất vả lắm vì lớp băng đó mỏng. Khi mọi việc đã

xong, chúng tôi lui vào trong tàu. Theo thường lệ, các bể chứa được bơm đầy. Tàu bắt đầu lặn. Tôi và Công-xây vào phòng khách. Qua các cửa sổ để ngỏ, chúng tôi có thể thấy được những lớp nước sâu của Nam Băng Dương. Thủy ngân trong nhiệt kế lên dần. Kim đồng hồ chỉ độ sâu lệch về bên phải. Ở độ sâu ba trăm mét, như Nê-mô đã dự kiến, tàu xuống tới mặt dưới của lớp băng hình sóng. Nhưng tàu vẫn lặn tiếp xuống sâu đến tám trăm mét. Nhiệt độ nước không còn là -12o như trên mặt biển nữa mà là -11o. Thế là bớt đi được một độ. Tất nhiên nhiệt độ trong tàu được các máy điện sưởi ấm còn cao hơn nhiều. Tàu Nau-ti-lux hoạt động chính xác vô cùng... Ở độ sâu không bị đóng băng này, tàu Nau-ti-lux hướng thẳng về Nam cực với tốc độ trung bình là sáu hải lý một giờ, nghĩa là bằng xe lửa chạy nhanh. Nếu tàu không giảm tốc độ thì bốn mươi tiếng đồng hồ nữa chúng tôi sẽ tới Nam cực.

Tôi và Công-xây ở lại phòng khách đến khuya. Cảnh vật mới lạ làm chúng tôi không rời mắt khỏi ô cửa. Nước biển lấp lánh dưới ánh đèn pha. Nhưng xung quanh hoang vắng, chẳng có một chú cá nào sống ở vùng nước đóng băng này. Thỉnh thoảng cá mới qua đây để tới những nơi ít băng giá hơn. Tàu chạy rất nhanh nhưng chúng tôi chỉ cảm thấy qua sự rung động của vỏ tàu bằng thép. Đến gần hai giờ sáng, tôi về phòng ngủ mấy tiếng. Công-xây cũng vậy. Khi đi dọc hành lang, tôi hy vọng gặp Nê-mô, nhưng chắc ông ta đang ở phòng hoa tiêu. Hôm sau, 19 tháng 3, từ năm giờ sáng, tôi đã sang phòng khách. Đồng hồ điện cho biết tàu chạy với tốc độ trung bình. Tàu từ từ bơm nước ra khỏi các bể chứa và thậm trọng nổi dần lên. Tim tôi đập thình thịch. Liệu tàu có lên tới mặt biển không? Biển ở Nam cực có bị đóng băng không? Nhưng tàu bỗng va mạnh vào mặt dưới của biển băng. Thế là phía trên tàu chúng tôi là cả một lớp băng dày hơn sáu trăm mét, dày hơn lớp băng nơi tàu lặn xuống! Tình hình này gay go thật! Hôm đó, tàu Nau-ti-lux mấy lần cố xuyên thủng lớp băng nhưng đều thất bại. Tới chiều tối tình hình vẫn không thay đổi. Chiều dày của lớp băng xê dịch giữa bốn và năm trăm mét. Băng có mỏng đi nhiều nhưng từ con tàu đến mặt đại dương vẫn còn một khoảng cách khá lớn. Tám giờ tối. Theo quy định thì tàu Nau-ti-lux phải nổi lên để lấy không khí từ bốn tiếng đồng hồ trước đó. Tuy vậy, tôi chưa cảm thấy thiếu không khí lắm, và thuyền trưởng Nê-mô cũng chưa dùng tới các bể chứa dự trữ. Đêm hôm đó tôi ngủ không ngon, trong lòng vừa hoảng sợ vừa nhen nhóm một niềm hy vọng. Mấy lần tôi bật dậy khỏi giường. Tàu Nau-ti-lux thỉnh thoảng lại thăm dò lớp băng

phía trên. Đến gần ba giờ sáng, các máy móc trong phòng khách cho tôi biết phần dưới của đồng băng chỉ dày có năm mươi mét. Chúng tôi chỉ còn cách mặt biển có năm mươi mét! Tôi không rời mắt khỏi đồng hồ chỉ độ sâu. Tàu đang nổi dần lên theo một đường chéo. Lớp băng mỏng dần. Cuối cùng, sáu giờ sáng ngày 19 tháng 3 đáng ghi nhớ ấy, cửa phòng khách mở ra. Thuyền trưởng Nê-mô bước vào và nói:

- Biển!

CHƯƠNG 38

NAM CỰC

Tôi chạy lên boong. Đúng là biển rồi! Chỉ có mấy khối băng trôi rải rác đây đó. Xung quanh là biển nước mênh mông. Hàng ngàn chim bay lượn trên trời, hàng ức triệu cá bơi dưới nước. Tùy tính chất đáy biển nước chuyển từ màu xanh thẫm sang màu xanh lá cây. Nhiệt kế chỉ -30. Sau khi vượt qua biển băng, dường như chúng tôi vừa gặp một mùa xuân tươi mát!

- Đây là Nam cực ă? -Tôi hỏi Nê-mô, lòng bồi hồi xúc động.
- Tôi không rõ. Đến giữa trưa tôi sẽ xác định tọa độ.
- Nhưng liệu có thấy được mặt trời qua lớp sương mù dày đặc không?
- Chỉ cần ló ra một tí là đủ.

Cách tàu Nau-ti-lux mười hải lý về phía nam, chúng tôi thấy một hòn đảo đơn độc, cao hơn mặt biển hai trăm mét. Tàu từ từ tiến vào gần đảo, có lẽ quanh đảo có những mỏm đá ngầm. Một tiếng đồng hồ sau, tàu đến sát đảo. Hai giờ sau thì đi quanh đảo được một vòng. Chu vi đảo khoảng bốn, năm hải lý. Một eo biển hẹp ngăn đảo với đất liền, có thể là một lục địa. Sở dĩ khó xác định là vì dải đất chạy khuất sau chân trời. Sợ mắc cạn, tàu Nau-ti-lux dừng lại cách bờ hơn năm trăm mét. Một chiếc xuồng được hạ xuống nước. Thuyền trưởng, hai thủy thủ mang theo các máy đo, Công-xây và tôi ngồi vào xuồng. Lúc đó là chín giờ sáng. Hôm nay tôi chẳng thấy Nét đâu. Có lẽ anh ta khăng khăng giữ ý kiến của mình, mặc dù đã gần tới Nam cực. Chỉ mấy mái chèo là xuồng đã tới bờ cát. Công-xây định nhảy lên bờ nhưng tôi ngăn lại.

- Thưa thuyền trưởng, - Tôi nói, - ngài có vinh dự là người đầu tiên đặt chân lên mảnh đất này.

- Vâng, thưa giáo sư. Tôi không do dự gì khi bước lên mảnh đất Nam cực, nơi chưa có dấu chân người đặt tới! Nói đoạn, Nê-mô

nhẹ nhàng nhảy lên bờ. Tôi thấy ông ta rất xúc động. Sau khi leo lên một vách đá dựng lên ở ngoài cùng, Nê-mô dừng lại, tay khoanh trước ngực. Ông ta đứng trong tư thế trầm lặng và trang trọng ấy, tựa như đang tiếp nhận quyền sở hữu đối với vùng đất đai này. Năm phút trôi qua, Nê-mô bảo tôi:

- Xin mời ngài! Tôi liền nhảy ra khỏi xuống, theo sau là Công-xây. Hai thủy thủ ở lại xuống. Dải đất mênh mông này đỏ như màu gạch. Xi than, những vết tích dung nham chứng tỏ đất ở đây có nguồn gốc núi lửa. Ở đôi chỗ từ lòng đất bốc lên những làn khói có mùi lưu huỳnh. Rõ ràng là hoạt động bên trong của núi lửa chưa chấm dứt. Nhưng khi lên tới mỏm đá cao, tôi chẳng thấy một quả núi lửa nào trong khoảng mấy hải lý... Thực vật trên hòn đảo hoang vắng này rất nghèo nàn. Bờ biển đầy nhuyễn thể, ngoài ra còn có một số san hô hình cây. Nhưng cuộc sống trên bầu trời mới thật nhộn nhịp! Hàng ngàn chim thuộc nhiều loại khác nhau vừa bay lượn vừa kêu nhức óc. Hàng ngàn con đậu trên các mỏm đá lơ lảo nhìn chúng tôi và đàn hoàng đạo chơi ngay cạnh chỗ chúng tôi đứng. Đó là những con chim panh-goanh rất nhanh nhẹn dưới nước nhưng rất nặng nề vụng dại trên cạn. Chúng tụ tập từng đàn lớn, ít hoạt động nhưng hay kêu la ầm ĩ. Vào cách bờ nửa hải lý nữa, chúng tôi thấy mặt đất đầy tổ chim panh-goanh. Thuyền trưởng Nê-mô tổ chức săn bắt được mấy trăm con chim này. Thịt panh-goanh màu thẫm nhưng rất ngon. Tiếng nó kêu giống tiếng lửa hí. Chim panh-goanh to bằng con ngỗng, ngực trắng. Chúng không thềm lặn trôn nên bị trúng đá là lăn quay ra! Sương mù chưa tan. Đã mười một giờ trưa mà chẳng thấy mặt trời. Tôi rất sốt ruột. Nếu không có mặt trời thì còn quan sát được gì nữa? Và làm thế nào để xác định được rằng đã tới Nam cực hay chưa? Tôi bước đến chỗ Nê-mô. Ông ta đứng tì tay vào mỏm đá và nhìn lên trời. Hình như Nê-mô cũng bồn chồn, lo lắng. Nhưng biết làm thế nào? Con người quả cảm và cương nghị ấy không đủ quyền lực để điều khiển được mặt trời như đã chê ngự biển cả! Đến trưa, mặt trời vẫn biệt tăm. Sương mù vẫn không cho phép xác định độ cao của mặt trời. Một lát sau sương mù chuyển thành bão tuyết.

- Ta chờ đến mai, - Nê-mô nói.

Chúng tôi quay về tàu Nau-ti-lux. Trong khi chúng tôi vắng mặt, thủy thủ trên tàu buồm lưới. Về đến tàu, tôi rất hứng thú bắt tay vào nghiên cứu những con cá vừa bắt được. Vùng biển Nam cực là nơi di cư quy mô của các loài cá trốn bão ở các độ vĩ

thấp hơn. Con bão tuyết hoành hành đến sáng. Không ai đứng nổi trên boong. Từ phòng khách, nơi tôi ghi chép tất cả những biến cố của cuộc thám hiểm châu Nam cực, tôi nghe tiếng kêu của chim báo bão vẫn bay lượn không kể gì bão tuyết. Tàu Nau-ti-lux chạy thêm mười hải lý nữa dọc bờ biển về phía nam. Xung quanh tranh tôi tranh sáng. Hôm sau, 20 tháng 3, cơn bão tuyết chấm dứt. Trời hơi lạnh hơn. Nhiệt kế chỉ -20. Sương mù bốc lên cao làm tôi hy vọng hôm nay có thể xác định được tọa độ. Thuyền trưởng Nê-mô chưa lên boong, nhưng chiếc xuồng đã sẵn sàng cho chúng tôi sử dụng. Tôi và Công-xây chèo xuồng lên bờ. Đất ở đây có nguồn gốc núi lửa. Nhưng nhìn mãi tôi cũng không phát hiện được miệng núi. Ở đây cũng như trên đảo, ngàn vạn chim chóc làm cho cảnh thiên nhiên khắc khổ của Nam cực tươi vui lên. Ở đây còn có hàng ngàn động vật có vú nhìn chúng tôi bằng những cặp mắt hiền lành. Có đủ loại hải cẩu, một số nằm trên bờ, một số nằm trên những tảng băng. Số khác thì ngụp lặn dưới nước rồi lại ngoi lên. Chúng chẳng sợ gì chúng tôi. Rõ ràng là chúng chưa gặp người bao giờ. Chúng sống thành bầy: hải cẩu đực trông nom săn sóc gia đình, hải cẩu cái cho con bú. Những chú choai choai thì đùa giỡn ở phía xa. Hải cẩu di chuyển trên mặt đất một cách khó nhọc. Chúng nhảy từng bước ngắn rất vụng về. Nhưng ở môi trường nước thân thuộc thì chúng lại bơi rất cừ. Trên mặt nước và khi bò lên cạn để nghỉ, hải cẩu có tư thế rất đẹp. Tôi lưu ý Công-xây về sự phát triển bán cầu não của loài động vật thông minh này. Ngoài con người, không động vật có vú nào có bộ não phát triển như vậy. Vì vậy, hải cẩu dễ dạy, dễ thuần dưỡng. Tôi đồng ý với các nhà tự nhiên học cho rằng, nếu thuần dưỡng tốt thì hải cẩu có thể rất có ích trong việc đánh cá biển, giống như chó săn vậy. Trong đám hải cẩu thỉnh thoảng lẫn vào một số voi biển giống như hải cẩu, nhưng có vòi ngắn và linh hoạt, thân hình đồ sộ cao tới sáu mét, dài tới mười mét. Thấy chúng tôi xuất hiện, chúng cũng chẳng thêm động đậy.

- Những con vật này có nguy hiểm không ạ?

Công-xây hỏi tôi.

- Nếu không động vào chúng thì chẳng nguy hiểm gì. Nhưng khi hải cẩu bảo vệ con thì chúng ghê gớm lắm. Đã có lần hải cẩu phá tan một chiếc tàu đánh cá.

- Giống vật có quyền xử sự như vậy, - Công-xây nói.

- Đúng thế. Chúng tôi đi thêm hai hải lý nữa. Đến đây có nhiều mỏm đá lớn chồm chặn ngang đường. Những mỏm đá này nhô lên mặt biển theo chiều thẳng đứng, từng làn sóng bạc xô vào dưới chân. Từ phía bên kia vọng tới tiếng rống âm âm, tựa như ở đó có cả một bầy động vật thuộc loài nhai lại. Công-xây nói:

- Chà, nghe như bò đang hòa nhạc!

- Anh lầm rồi! Đó là hải mã.

- Chúng đang đánh nhau ạ?

- Hoặc đang đánh nhau, hoặc đang đùa nghịch.

- Xin giáo sư cho ngó qua một chút.

- Phải ngó qua chứ. Thế là chúng tôi bước lại dọc những mỏm đá ba-dan đen, trên những tảng đá đóng băng trơn tuột. Nhiều lần tôi bị ngã, sườn đau ê ẩm. Công-xây vì thận trọng hơn hay cứng chân hơn nên không vấp ngã, và mỗi lần nâng tôi dậy lại nói:

- Nếu giáo sư chịu khó bước dài ra một chút thì dễ giữ thăng bằng hơn.

Trèo tới đỉnh núi đá, tôi thấy trước mặt trải ra một cánh đồng tuyết bao la trên đó có vô số hải mã thân màu thẫm. Chúng đang đùa nghịch. Tiếng rống biểu hiện sự vui thích chứ không phải sự giận dữ. Hải mã rất giống hải cẩu về hình thể. Nhưng hàm dưới chúng không có răng nanh và răng cửa. Ở hàm trên, răng nanh lại là hai cái ngà, mỗi cái dài tám mươi cen-ti-mét, chu vi ba mươi cen-ti-mét. Ngà hải mã rắn chắc hơn ngà voi, vì vậy quý hơn. Vì quý hơn nên hải mã bị săn bắt bừa bãi đến nỗi sắp bị tiêu diệt hoàn toàn. Bọn thợ săn mỗi năm bắn giết cả hải mã cái, cả hải mã con, có tới hơn bốn ngàn con. Khi đi ngang qua những con vật kỳ lạ này, tôi có dịp ngắm chúng một cách thoải mái. Da hải mã dày, nhăn nheo, lông hơi hung đỏ, ngắn và không dày lắm. Một số hải mã dài tới bốn mét. Hải mã ở đây bình thản và bạo dạn hơn hải mã Bắc cực nên không cần có con canh gác cho cả bầy. Ngắm nhìn hải mã hồi lâu, tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện quay về tàu. Đã mười một giờ. Nếu thuyền trưởng Nê-mô cho rằng có thể xác định được tọa độ thì tôi cũng muốn có mặt lúc đó. Nhưng tôi ít hy vọng rằng mặt trời sẽ lộ ra, vì mây đang phủ kín cả bầu trời. Dù sao tôi cũng quyết định quay về tàu Nau-ti-lux. Đến mười một giờ rưỡi chúng tôi về tới chỗ đỗ bộ. Tôi thấy ngay thuyền trưởng Nê-mô. Ông ta

đang đứng trên một tảng đá ba-dan, cạnh đó là những máy móc thiên văn. Nê-mô phóng mắt nhìn chân trời phía bắc.

Tôi lặng lẽ đứng cạnh Nê-mô. Đã đến mười hai giờ nhưng mặt trời vẫn chưa ló ra. Thế là chúng tôi lại thất bại, không sao xác định được tọa độ. Nếu trưa mai vẫn không thấy mặt trời thì đành phải bỏ ý định này. Hôm nay là 20 tháng 3. Mai là ngày xuân phân, mặt trời sẽ khuất sau chân trời, sẽ bắt đầu đêm Nam cực dài dằng dặc... Tôi tỏ ý lo ngại với thuyền trưởng Nê-mô.

- Giáo sư lo là đúng, - Nê-mô nói.

- Nếu ngày mai tôi không xác định được độ cao của mặt trời thì việc này phải hoãn lại sáu tháng nữa. Nhưng nếu trưa mai mặt trời ló ra thì xác định độ cao sẽ hết sức dễ dàng vì tình cờ mà chúng ta đến vùng biển này đúng trước ngày xuân phân!

Thuyền trưởng Nê-mô quay về tàu. Chúng tôi tha thần dọc bờ biển tới năm giờ chiều, vừa đi vừa quan sát, trò chuyện, phân loại sinh vật. Chúng tôi chẳng gặp một vật gì lạ ngoài một quả trứng panh-goanh. Ai ưa của lạ hẳn sẽ mua ngay quả trứng này với giá một ngàn phrăng. Trứng màu xanh thẫm điểm nhiều vết ngoằn ngoèo như chữ Hán. Thật là một vật hiếm ngộ nghĩnh. Tôi giao trứng cho Công-xây. Anh ta nâng niu nó như một cái bình cổ Trung Quốc và mang lên tàu. Tôi đặt trứng vào một ngăn tủ kính của bảo tàng. Sau đó chúng tôi ăn tối rất ngon miệng. Bữa tối có món gan hải cầu, vị giống như mỡ lợn tươi. Hôm sau 21 tháng 3, năm giờ sáng tôi lên boong. Thuyền trưởng Nê-mô đã ở đó.

- Thời tiết có sáng sủa hơn một chút, - Nê-mô nói.

- Có hy vọng.

Ăn sáng xong, chúng ta sẽ lên bờ tìm một chỗ thuận tiện để quan sát. Sau khi đã thống nhất kế hoạch, tôi đi tìm Nét Len. Tôi muốn mang anh ta đi theo. Mặc dù tôi đã hết sức thuyết phục, anh chàng ương bướng ấy vẫn từ chối. Tôi thấy sự u uất, cáu kỉnh của Nét ngày càng tăng lên. Tuy vậy, trong tình huống này, tính ương bướng của anh ta không làm tôi buồn phiền lắm. Trên bờ có nhiều hải cầu, đưa anh ta lên chỉ làm cho hải cầu chết oan thôi! ...n sáng xong, tôi lên bờ. Đêm qua, tàu Nau-ti-lux đi thêm được mấy hải lý nữa. Giờ đây nó đỗ cách bờ một hải lý... Trên xuồng, ngoài tôi ra còn có thuyền trưởng, hai thủy thủ và mấy dụng cụ đơn giản: đồng hồ chính xác, kính viễn vọng và phong vũ biểu. Đến chín giờ,

chúng tôi áp xuống vào bờ. Trời đã sáng rõ. Mây kéo về phía nam. Mặt biển lạnh giá giữ làn sương mù ra khỏi mình. Thuyền trưởng Nê-mô tiến thẳng lên đỉnh ngọn núi mà ông ta chọn làm nơi quan sát. Mặc dù Nê-mô như mất thói quen đi trên bộ, ông ta vẫn leo lên các mỏm đá dốc đứng một cách khéo léo, khiến cho những người trèo núi giỏi nhất cũng phải ghen tị. Tôi vất vả lắm mới theo kịp Nê-mô. Chúng tôi trèo núi mất hai tiếng đồng hồ. Từ đỉnh cao, tầm mắt chúng tôi bao quát được mặt biển bao la tới chân trời. Phía dưới chúng tôi là đồng tuyết trắng long lanh. Trên đầu chúng tôi là bầu trời trong vắt không một gợn mây! Như một quả cầu đỏ bị chân trời cắt đôi mặt trời lộ ra ở phía bắc! Từ dưới biển sâu xuất hiện trăm ngàn tia nước đẹp tuyệt vời. Tàu Nau-ti-lux ở phía xa trông hết như một con cá đang ngủ. Đằng sau chúng tôi, ở phía đông là khoảng đất mênh mông, ngổn ngang những mỏm đá và băng tuyết! Lên tới đỉnh núi, thuyền trưởng Nê-mô dùng phong vũ biểu đo rất kỹ độ cao của nó so với mặt biển để trên cơ sở những số liệu đó chỉnh lý những quan sát của mình. Đến mười hai giờ kém mười lăm, mặt trời nhô hẳn lên khỏi chân trời như một cái đĩa vàng và rọi những tia sáng cuối cùng lên cái lục địa hoang vắng này, lên vùng biển mà chưa một con tàu thuyền nào tới! Thuyền trưởng Nê-mô dùng kính viễn vọng quan sát mặt trời đang lặn xuống chân trời. Tôi cầm đồng hồ chính xác trong tay. Tim tôi đập mạnh. Nếu mặt trời khuất một nửa sau chân trời đúng vào mười hai giờ trưa thì đúng là chúng tôi đang ở giữa Nam cực!

- Đúng mười hai giờ!

Tôi reo lên.

- Nam cực!

Thuyền trưởng Nê-mô nói một cách trang trọng rồi trao cho tôi ống kính. Tôi đưa mắt nhìn: mặt trời đang bị chân trời cắt đôi. Trong lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô đặt tay lên vai tôi rồi nói:

- Năm 1600, Ghê-rích, người Hà Lan, bị bão dạt tới độ vĩ 64o nam và phát hiện ra quần đảo Niu Sét-len. Ngày 17 tháng giêng năm 1773, thuyền trưởng Cúc nổi tiếng theo kinh tuyến 38 đã đi tới độ vĩ 67°37', và năm 1774 ngày 30 tháng giêng theo kinh tuyến 109 đã đi tới độ vĩ 71°15'. Năm 1819 nhà đi biển người Nga là Ben-lin-xhao-den tới vĩ tuyến 69°, năm 1821 tới vĩ tuyến ở 111o kinh tây. Năm 1820, Bran-xphin, người Anh, đã tới vĩ tuyến 65°. Cũng năm đó. Mo-ren, người Mỹ, thuật lại, tuy không đáng tin lắm,

rằng đã phát hiện ra vùng biển không bị đóng băng ở độ vĩ $70^{\circ}19'$. Năm 1825, Pao-oen, người Anh, vì vướng băng nên không vượt qua được độ vĩ 62° . Cùng năm đó, một người Anh đi săn hải cẩu là Oét-đen đã tới độ vĩ $72^{\circ}14'$ ở kinh tuyến 35 và $74^{\circ}15'$ ở kinh tuyến 36. Năm 1829, Pho-xtơ, người Anh, chỉ huy tàu San-tơ-clơ, phát hiện ra lục địa Nam cực ở độ vĩ $63^{\circ}26'$ và $66^{\circ}26'$.

Ngày 1 tháng giêng năm 1831, Bit-xcô, người Anh, phát hiện ra đất En-đơc-bi ở độ vĩ $68^{\circ}50'$, ngày 5 tháng 2 năm 1832 tìm ra đất A-đê-la-ít ở độ vĩ 67° ; ngày 21 tháng 2 tìm ra đất Gre-hem ở độ vĩ $64^{\circ}45'$. Năm 1838, Duy-mông Duyéc-vin, người Pháp, bị băng kẹt ở độ vĩ $62^{\circ}57'$ đã phát hiện ra đất Lu-i Phi-líp. Hai năm sau, ngày 21 tháng giêng, Duyéc-vin đã phát hiện ra đảo A-đê-li ở độ vĩ $66^{\circ}30'$. Năm 1838, Uyn-cơ, tới được vĩ tuyến 69 trên kinh tuyến 100. Năm 1839, Be-le-ni, người Anh, phát hiện ra đất Xa-brin ở ranh giới vòng cực quyền. Cuối cùng, ngày 12 tháng giêng năm 1842, Giem-rôx, người Anh, đi trên tàu S-rê-bux và Te-rơ, phát hiện ra đất Vic-to-ri-a ở độ vĩ $67^{\circ}56'$ và độ kinh $171^{\circ}07'$. Ngày 23 tháng ấy, ông ta tới vĩ tuyến 74, ngày 27 đến độ vĩ $76^{\circ}08'$, ngày 28 đến độ vĩ $77^{\circ}32'$, ngày 2 tháng 2 đến độ vĩ $78^{\circ}04'$. Năm 1842 ông ta lại đi Nam cực nhưng không vượt qua được độ vĩ 71° . Tôi, thuyền trưởng Nê-mô, ngày 21 tháng 3 năm 1868 đã tới Nam cực ở 90° vĩ nam và tuyên bố quyền sở hữu đối với phần đất đai rộng bằng một phần sáu tất cả các lục địa đã được phát hiện.

- Nhân danh ai, thưa thuyền trưởng?

- Nhân danh cá nhân tôi!

Nói đoạn, Nê-mô giương cao ngọn cờ đen có thêu chữ "N" màu vàng. Rồi Nê-mô hướng về phía mặt trời lúc đó đang rọi những tia sáng cuối cùng xuống mặt biển bao la và nói:

- Vĩnh biệt mặt trời! Người hãy khuất đi, hãy ra khỏi giới hạn của vùng biển tự do này. Hãy để cho đêm Nam cực dài sáu tháng phủ lên vùng đất mới của ta!

CHƯƠNG 39

MỘT TRỞ NGẠI NGẪU NHIÊN HAY MỘT TRƯỜNG HỢP RỦI RO

Sáu giờ sáng hôm sau, 22 tháng 3, tàu bắt đầu chuẩn bị lên đường. Băng giá ngày càng dữ dội. Sao trên trời đặc biệt sáng. Nhiệt kế chỉ -12° . Gió quất vào mặt rất rát. Trên mặt biển ngày càng có nhiều băng tảng. Biển sắp đóng thành băng liền. Lúc đó các bể chứa được bơm đầy nước, tàu Nau-ti-lux từ từ lặn xuống. Đến độ sâu ba trăm mét, nó dừng lại. Sau đó chân vịt hoạt động, đẩy tàu về hướng bắc với tốc độ mười lăm hải lý một giờ. Gần tối, tàu đã chạy dưới lớp băng liền. Cửa sổ phòng khách đóng lại, để phòng tàu có thể vô tình va phải tảng băng trôi. Vì vậy, suốt hôm đó tôi ngồi viết lại những ghi chép của mình. Đầu óc tôi hoàn toàn bị thu hút vào những kỷ niệm vừa qua ở Nam cực. Thế là chúng tôi đã tới được cái địa điểm chưa có dấu chân người, tới một cách tốt đẹp, không vất vả gì lắm, hết như một toa tàu lăn bánh trên đường sắt. Giờ đây đường về của chúng tôi bắt đầu. Nó có hứa hẹn cho tôi nhiều điều kỳ diệu như vậy không? Tôi nghĩ chắc chắn là có, vì dưới biển sâu này: có bao giờ hết những hiện tượng kỳ diệu! Năm tháng rưỡi trước đây, sự tình cờ đã xô đẩy chúng tôi đến tàu Nau-ti-lux. Chúng tôi đã vượt qua một vạn bốn ngàn dặm nghĩa là hơn chiều dài của xích đạo. Và biết bao chuyện phiêu lưu khủng khiếp và kỳ thú làm cho cuộc hành trình của chúng tôi thành huyền ảo: cuộc đi săn ở đảo Crét-xpô, thoát nạn ở eo biển Tô-rêx, nghĩa địa san hô, cảnh mò trai ở Xây-lan, con đường ngầm A-ra-bi-a, những kho vàng ở vũng biển Vi-gô, lục địa át-lan-tích, Nam cực! Những kỷ niệm đó suốt đêm nối tiếp nhau sống lại khiến đầu óc tôi không phút nào được nghỉ. Đến ba giờ sáng một chấn động dữ dội làm tôi tỉnh giấc. Tôi vừa nhòm dậy lắng nghe thì bỗng bị xô ra giữa phòng. Rõ ràng là tàu Nau-ti-lux vừa va chạm vào một vật gì. Tôi lân sang phòng khách. Tất cả đồ đạc đều bị lật đổ. Rất may là những chiếc tủ kính được vít chặt xuống sàn nên còn đứng nguyên. Tàu bị nghiêng về bên phải và cứ nằm như vậy. Trong tàu có tiếng chân bước và tiếng người nói nghe không rõ. Nhưng thuyền trưởng

Nê-mô không xuất hiện. Đúng lúc tôi định ra khỏi phòng khách thì Nét và Công-xây vào. Tôi hỏi:

- Có chuyện gì thế, các bạn?
- Tôi đang muốn hỏi giáo sư về điều đó, - Công-xây trả lời.
- Khôn khổ khôn nạn!

Nét nói.

- Tôi biết xảy ra chuyện gì rồi! Tàu Nau-ti-lux bị va vào một vật gì đó, và căn cứ vào tình trạng hiện nay thì khó lòng thoát nạn một cách nhẹ nhàng như ở eo biển Tô-rex.

- Thế nó đã nổi lên mặt biển chưa? -Tôi hỏi.
- Chúng tôi không rõ, - Công-xây trả lời.
- Muốn biết cũng chẳng khó gì, -Tôi nói. Tôi nhìn đồng hồ chỉ độ sâu và hết sức ngạc nhiên khi thấy kim đồng hồ chỉ 360 mét.
- Thế là thế nào?-Tôi nói.
- Cần hỏi thuyền trưởng Nê-mô xem sao, - Công-xây đề nghị.
- Biết tìm ông ta ở đâu? Nét hỏi.
- Theo tôi!

Tôi bảo Nét và Công-xây. Chúng tôi ra khỏi phòng khách. Trong thư viện chẳng có ai. Tôi cho rằng Nê-mô đang ở phòng hoa tiêu. Tốt nhất là nên chờ. Chúng tôi quay về phòng khách. Mặc cho Nét Len trách oán, tôi chỉ lặng thinh. Anh ta tha hồ nổi nóng. Tình trạng đó kéo dài hai mươi phút. Suốt thời gian ấy chúng tôi lắng nghe từng tiếng động nhỏ trong tàu. Thuyền trưởng Nê-mô đột nhiên bước vào. Hình như ông ta không nhìn thấy chúng tôi. Về mặt Nê-mô thường thản nhiên, nhưng lần này cũng biểu lộ một nỗi lo lắng nhất định. Nê-mô lặng lẽ nhìn địa bàn, đồng hồ chỉ độ sâu, rồi lấy ngón tay chỉ một điểm trên bản đồ, chỗ vẽ Nam Băng Dương. Tôi không muốn làm phiền Nê-mô. Nhưng mấy giây sau, khi ông ta quay về phía tôi, tôi dùng ngay câu mà ông ta đã nói ở eo biển Tô-rex để hỏi:

- Thưa thuyền trưởng, đây là một trở ngại ngẫu nhiên ạ?
- Không, lần này là một trường hợp rủi ro.
- Có nghiêm trọng lắm không ạ?
- Có thể nghiêm trọng.

- Tàu bị mắc cạn ạ?

- Vâng.

- Bị mắc cạn vì...?

- Lỗi tại thiên nhiên chứ không phải tại con người. Chúng ta không phạm một sai lầm nào trong việc điều khiển con tàu, nhưng chúng ta không đủ sức chống lại tác động của quy luật thăng bằng. Có thể đi ngược lại những luật lệ của con người chứ không thể chống lại những quy luật của thiên nhiên. Thuyền trưởng đã chọn giây phút kỳ quặc này để triết lý! Câu trả lời của ông ta cũng chẳng giải đáp cho tôi được điều gì. Tôi hỏi:

- Thưa thuyền trưởng, có thể biết được nguyên nhân của chuyện chẳng may này không ạ?

- Có một tảng băng lớn như trái núi bị lật ngược. Khi chân núi băng bị lớp nước ấm bao quanh, hay khi chân núi bị phá vỡ vì va chạm nhiều thì trọng tâm chuyển lên cao hơn. Khi đó núi băng bị lật úp xuống. Nguyên nhân là như vậy. Một núi băng nào đó bị lật và đập mạnh vào tàu Nau-ti-lux lúc nó đang đổ dưới nước. Sau đó băng trườn theo vỏ tàu, nhấc bổng tàu lên lớp nước có tỷ trọng kém hơn, khiến tàu bị nằm nghiêng bất động.

- Ta có thể giải phóng được tàu bằng cách bơm hết nước ra khỏi các bể chứa để lấy lại thăng bằng không ạ?

- Đang bơm đấy. Giáo sư có thể thấy tiếng máy bơm đang chạy. Ngài hãy nhìn kim đồng hồ này xem. Nó cho biết tàu đang nổi lên, nhưng tảng băng cũng đồng thời nổi lên theo. Nếu sự di chuyển đó của tảng băng không bị cản lại thì tình trạng của tàu sẽ vẫn như cũ. Thật vậy, tàu Nau-ti-lux vẫn bị nghiêng về bên phải. Tất nhiên, nếu tảng băng ngừng chuyển động thì tàu sẽ trở lại vị trí bình thường. Nhưng có gì bảo đảm rằng giờ đây tàu sẽ không vấp phải lớp băng phía trên và bị kẹt vào giữa hai khối băng lớn? Tôi suy nghĩ về hậu quả có thể xảy ra trong tình huống này. Thuyền trưởng Nê-mô vẫn xem đồng hồ. Từ khi tảng băng bị lật xuống, tàu Nau-ti-lux nổi lên chừng năm mươi mét nhưng vẫn nghiêng như cũ. Thân tàu bỗng hơi chuyển động. Tàu bớt nghiêng dần. Những đồ vật treo trên tường phòng khách bắt đầu trở về vị trí bình thường, mặt tường dần dần trở về chiều thẳng đứng. Vì hồi hộp, chúng tôi không ai nói một lời. Mười phút trôi qua.

- Chúng ta đứng thẳng lại rồi! -Tôi reo lên.

- Đúng. -Thuyền trưởng Nê-mô vừa nói vừa đi về phía cửa phòng khách.

- Ta có cho tàu nổi lên mặt nước không? -Tôi hỏi.

- Tất nhiên. Khi nước trong các bể chứa được bơm ra hết thì tàu Nau-ti-lux sẽ nổi lên mặt biển.

Nê-mô đi ra. Một lát sau, tôi thấy tàu ngừng nổi lên. Quyết định đó của Nê-mô là đúng. Nếu cứ cho tàu nổi lên tiếp thì nó có thể va phải phần dưới của các tầng băng. Vì vậy, tốt hơn cả là giữ tàu ở khoảng nước giữa hai lớp băng... Lúc đó cửa sổ được mở ra, ánh sáng bên ngoài ủa vào qua các tấm kính. Như tôi vừa nói, tàu đang ở giữa một lớp nước, nhưng hai bên, chỉ cách mười mét, là những bức tường băng dựng đứng. Phía trên và phía dưới cũng có những bức tường như vậy. Té ra tàu Nau-ti-lux bị kẹt vào giữa một đoạn hầm băng băng rộng chừng hai mươi mét và chứa đầy nước. Tàu có thể dễ dàng thoát ra ngoài bằng cách tiến lên hoặc lùi lại rồi lặn xuống sâu hơn độ vài trăm mét để tìm một lối ra dưới đồng băng. Nhờ khả năng phản chiếu ánh sáng, những bức tường băng hắt rất mạnh ánh đèn pha của tàu Nau-ti-lux vào phía trong đường hầm. Đường hầm trông hết như một mỏ đá quý tỏa ánh sáng muôn sắc chói lòa. Cường độ ánh sáng từ đèn pha chiếu ra được tăng lên gấp trăm lần.

- Đẹp quá chừng! Đẹp quá chừng! - Công-xây thốt lên.

- Đúng, đẹp vô cùng! -Tôi nói.

- Đẹp thật! - Nét Len nói.

- Cảnh đẹp chưa từng thấy, nhưng nó có thể bắt ta trả giá rất đắt.

Công-xây bỗng kêu to làm tôi bất giác quay lại.

- Cái gì thế? -Tôi hỏi.

- Nhắm mắt lại! Đừng nhìn nữa! Vừa nói, Công-xây vừa lấy tay che mắt lại.

- Làm sao thế, Công-xây?

- Tôi bị mù rồi!

Tôi quay lại nhìn tấm cửa kính và không chịu nổi ánh sáng quá gay gắt. Tôi hiểu ra rồi. Tàu Nau-ti-lux bắt đầu phóng rất nhanh về phía trước. Mọi vật xung quanh vừa rồi chỉ lấp lánh một

cách hiền hòa, bỗng biến thành một dải ánh sáng chói lòa như ánh chớp. Cửa kính trong phòng khách đã đóng lại, nhưng chúng tôi vẫn lấy tay che mắt đứng đó. Phải một lúc sau mắt mới làm việc được bình thường. Cuối cùng, chúng tôi bỏ tay xuống.

- Thú thực là tôi rất khó tin, - Công-xây nói.

- Tôi thì đến bây giờ vẫn chưa tin! - Nét nói.

- Chúng ta đã được ngắm nhìn thỏa mãn những kỳ quan này của thiên nhiên thì khi được trở về mặt đất, chúng ta sẽ nghĩ gì về những lực địa đáng thương hại và những tác phẩm quá tầm thường do con người tạo ra? Thế giới mà con người đang ở thật không xứng đáng với chúng ta, - Công-xây nói tiếp.

Những lời đó từ miệng Công-xây nói ra chứng tỏ chúng tôi hào hứng đến mức nào. Nhưng ngay lúc đó, Nét vẫn không quên giọt nước lạnh vào chúng tôi. Anh ta lắc đầu, nhại lại:

- “Thế giới mà con người đang ở!” Anh đừng lo, Công-xây ạ. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ quay về cái thế giới đó đâu. Đồng hồ điểm năm giờ sáng. Trong giây phút ấy, tàu Nau-ti-lux bỗng húc phải một vật gì đó, có lẽ là một tảng băng. Chắc đây là do một thiếu sót rất dễ phạm phải trong việc điều khiển con tàu vì con đường hầm này ngổn ngang đá băng rất khó đi. Tôi nghĩ, thuyền trưởng Nê-mô sẽ lợi dụng những chỗ khúc khuỷu của đường hầm để lái tàu tránh những trở ngại. Dù thế nào, con đường chúng tôi đi cũng không thể có cản trở gì không vượt qua được. Nhưng tàu Nau-ti-lux vẫn phải lùi lại.

- Chẳng lẽ chúng ta lại lùi?

Công-xây hỏi.

- Đúng, -Tôi trả lời, -chắc là về phía này đường hầm không có lối ra.

- Làm thế nào bây giờ?

- Rất đơn giản thôi. Chúng ta sẽ quay lại và sẽ thoát qua hướng nam. Tôi vừa nói vừa cố làm ra vẻ tin chắc vào thành công. Trong khi đó tàu vẫn lùi lại với tốc độ ngày càng lớn. Nét nói:

- Thế là bị ngừng trệ rồi.

- Nhanh hay chậm mấy tiếng đồng hồ có nghĩa gì? -Tôi trả lời.

- Cứ thoát khỏi chỗ này là tốt rồi! Tôi đi đi lại lại từ phòng khách sang thư viện trong mấy phút rồi ngồi xuống đi-văng, lấy một quyển sách và đọc lướt qua như một cái máy. Mười lăm phút sau, Công-xây đến hỏi tôi:

- Cuốn sách giáo sư đang đọc có hay không ạ?

- Rất hay.

- Tất nhiên, vì đó là sách do giáo sư viết ra.

- Thật ư? Đúng là tôi đang đọc cuốn "Những bí mật của biển sâu". Tôi thật chẳng ngờ tới điều đó. Tôi gấp sách lại rồi tiếp tục đi đi lại lại. Nét và Công-xây đứng dậy, chuẩn bị đi. Tôi muốn giữ họ lại:

- Hãy khoan. Chúng ta nên ở lại gần nhau cho tới khi thoát khỏi con đường hầm này.

- Xin tùy giáo sư, - Công-xây trả lời.

Mấy tiếng đồng hồ nữa trôi qua. Tôi luôn đưa mắt nhìn đồng hồ treo trên tường phòng khách. Tàu Nau-ti-lux lúc nào cũng ở độ sâu ba trăm mét. Địa bàn luôn luôn chỉ hướng nam, tốc độ của tàu là hai mươi hải lý một giờ - một tốc độ quá mức trong khoảng không gian hẹp như thế này. Nhưng thuyền trưởng Nê-mô biết rằng vội vã không phải là thừa, một phút lúc này có giá trị bằng một thế kỷ. Đến tám giờ hai mươi năm phút, tàu lại bị va chạm lần thứ hai, lần này ở phía lái. Tôi tái mặt. Nét và Công-xây bước lại chỗ tôi. Tôi nắm chặt tay Công-xây. Chúng tôi đưa mắt hỏi nhau. Không nói một lời, nhưng sâu sắc hơn bất cứ lời nói nào. Đúng lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện. Tôi hỏi ông ta:

- Đường về phía nam cũng bị tắc ạ?

- Vâng. Một tảng băng bị lật ngược đã chặn mất lối ra cuối cùng của ta.

- Thế là chúng ta đã bị khóa chặt?

- Vâng.

CHƯƠNG 40

THIẾU KHÔNG KHÍ

Thế là tàu Nau-ti-lux đã bị băng vây kín sáu mặt. Chúng tôi biến thành tù binh của băng! Nét đăm mạnh tay xuống bàn Công-xây im lặng, còn tôi thì nhìn Nê-mô. Mặt ông ta vẫn bình thản như xưa. Nê-mô đứng, tay khoanh trước ngực. Ông ta đang suy nghĩ. Tàu Nau-ti-lux đứng yên. Cuối cùng Nê-mô nói:

- Thưa các ngài, trong tình hình hiện nay của chúng ta, có hai cách chết. Con người khó hiểu này có dáng vẻ một giáo sư toán học đang chứng minh một định lý trước học trò của mình.

- Cách chết thứ nhất là bị đè nát. Cách thứ hai là chết vì thiếu không khí. Về khả năng chết đói tôi không nói tới, vì dự trữ lương thực trên tàu chắc chắn sẽ tồn tại lâu hơn chúng ta. Vì vậy, chúng ta chỉ xét đến hai khả năng: bị đè nát hay bị chết ngạt thôi. Tôi nói:

- Về khả năng chết ngạt, tôi thấy không có cơ sở để lo ngại vì ta có những bể chứa đầy không khí.

- Đúng, - Nê-mô trả lời, - nhưng chỉ đủ cho hai ngày. Tàu đã lặn xuống ba mươi sáu tiếng đồng hồ, không khí trong tàu đã bắt đầu khó thở và cần được thay đổi. Trong khoảng hai ngày hai đêm nữa, dự trữ không khí sẽ cạn.

- Nếu vậy thì, thưa thuyền trưởng, chúng ta hãy tự giải phóng trước thời hạn đó.

- Dù sao chúng ta cũng sẽ gắng phá vỡ bức tường bao quanh.

- Về phía nào ạ?

- Phải thăm dò trước đã. Tôi sẽ cho tàu hạ xuống bức tường băng phía dưới. Thủy thủ của tôi sẽ mặc đồ lặn xuống đục vỏ băng ở chỗ mỏng nhất.

- Có thể mở cửa sổ phòng khách được không ạ?

- Bây giờ thì an toàn rồi vì tàu không chạy nữa. Thuyền trưởng Nê-mô đi ra. Những tiếng rít báo hiệu là các bể chứa đang lấy nước vào. Tàu Nau-ti-lux từ từ chìm xuống lớp băng dưới ở độ sâu ba trăm năm mươi mét. Tôi nói:

- Các bạn, tình hình nghiêm trọng, nhưng tôi tin vào lòng dũng cảm và nghị lực của các bạn.

- Tất nhiên, - Nét trả lời, -bây giờ không phải là lúc tôi làm khổ ngài bằng những lời kêu ca phàn nàn và chất vấn của mình. Tôi sẵn sàng làm mọi việc để tất cả cùng thoát khỏi tai nạn này.

- Tốt lắm, ông Nét ạ, -Tôi bắt tay Nét. Nét nói tiếp:

Tôi xin nói thêm rằng tôi sử dụng tốt cả cuộc chim lẫn lao nhon. Nếu thuyền trưởng cần tôi giúp việc gì thì cứ ra lệnh. Tôi đưa Nét tới căn phòng, nơi một số thủy thủ đang mặc đồ lặn. Tôi báo cho Nê-mô biết đề nghị của Nét và được ông ta chấp thuận. Nét vội mặc đồ lặn và chuẩn bị xong cùng một lúc với các thủy thủ kia... Ngay sau đó, tôi quay về phòng khách. Cửa sổ đã được mở. Tôi đứng cạnh Công-xây và bắt đầu quan sát những tảng băng xung quanh tàu. Một phút sau, chúng tôi thấy mười hai thủy thủ đi ra, trong đó nổi bật lên thân hình cao lớn của Nét. Thuyền trưởng Nê-mô cùng đi với họ. Trước khi đục bức tường băng, Nê-mô ra lệnh cho thăm dò để đảm bảo đúng hướng. Những mũi khoan dài bắt đầu xoáy vào bức tường bên của đường hầm. Nhưng khoan được mười lăm mét thì mắc phải một bức tường khác. Nếu cứ tập trung sức vào khoan tiếp thì thật vô ích vì đó là nhiều lớp băng chồng chất lên nhau cao hơn bốn trăm mét. Nê-mô ra lệnh thăm dò lớp băng dưới. Té ra chúng tôi chỉ cách mặt nước có mười mét. Bây giờ chỉ cần khoét một lỗ có diện tích bằng diện tích tàu Nau-ti-lux. Nghĩa là muốn cho tàu hạ được xuống dưới đồng băng thì phải khoét một lỗ to và lấy ra khoảng 6500 mét khối băng. Tốp thợ lặn bắt tay ngay vào việc. Sau hai tiếng đồng hồ lao động hết sức khẩn trương và bền bỉ, Nét thấm mệt và quay về phòng khách, Nét và các thủy thủ cùng làm được một kíp khác đến thay thế. Tôi và Công-xây đi với kíp thứ hai này. Người chỉ huy là viên thuyền phó. Tôi cảm thấy nước lạnh buốt, nhưng cuộc một lát, tôi nóng người lên. Tôi cử động hoàn toàn thoải mái mặc dù áp suất bên ngoài là ba mươi átmốt-phe. Làm được hai tiếng, tôi quay về phòng khách để ăn uống và nghỉ ngơi. Tôi cảm thấy một sự khác biệt rất lớn giữa luồng không khí tươi mát do bình dưỡng khí 95 96 cung cấp với không khí trên tàu đã chứa nhiều thán khí. Đã bốn

mười tám tiếng đồng hồ không khí trên tàu không được thay đổi nên chất lượng đã giảm sút nhiều. Thế mà trong mười hai tiếng đồng hồ chúng tôi mới bóc được 600 mét khối. Giả sử cứ mười hai tiếng đồng hồ chúng tôi lại làm được một khối lượng công việc như vậy thì phải mất bốn ngày mới đạt được mục tiêu đề ra.

- Mất bốn ngày năm đêm nữa! - Tôi bảo Nét và Công-xây.

- Mà dự trữ không khí chỉ đủ dùng trong hai ngày! Nét nói thêm:

- Đây là chưa kể sau khi thoát khỏi cái ngục tù đáng nguyên rủa này, chúng ta sẽ còn bị giam hãm dưới những tảng băng và chưa tiếp xúc được với không khí.

Nét đúng. Ai có thể nói trước được rằng muốn giải phóng hoàn toàn, còn cần bao nhiêu thời gian nữa? Liệu chúng tôi có bị chết ngạt trước khi tàu Nau-ti-lux nổi lên mặt biển không? Liệu tàu có bị chôn vùi dưới năm mờ băng băng này cùng với tất cả những gì có trên tàu không. Mỗi đe dọa này thật đáng sợ. Nhưng ai nấy đều nhìn thẳng vào nó và quyết tâm làm tròn nghĩa vụ của mình. Như dự kiến của tôi, trong một đêm lại bóc thêm được một mét băng nữa. Nhưng sáng hôm sau, khi mặc đồ lặn và bắt đầu bước đi trong khoảng nước có nhiệt độ -60, -70 ấy, tôi nhận thấy những bức tường băng hai bên bắt đầu xích lại gần nhau. Những lớp nước cách xa chỗ đào hơn bắt đầu đóng băng lại. Khi xuất hiện mỗi đe dọa mới đó thì những hy vọng của chúng tôi sẽ ra sao? Nếu không ngăn được nước đóng băng thì nó sẽ đè nát thành tàu như đè một miếng kính. Tôi không nói điều đó với những người cùng đi. Thử thách họ làm gì? Làm họ nhụt chí trong công việc tự cứu gian khổ này làm gì? Nhưng khi quay về tàu, tôi báo ngay cho thuyền trưởng biết về chuyện rắc rối đó.

- Tôi biết, - Nê-mô trả lời bằng một giọng bình thản như trong bất cứ tình huống nào, dù gay go nhất.

- Vâng, lại thêm một mối đe dọa nữa, nhưng tôi chưa biết sẽ vượt qua thế nào. Khả năng duy nhất để chúng ta thoát thân là phải hành động nhanh hơn. Chúng ta phải tới đích trước. Thế thôi!...

Hôm đó tôi cuộc rất hăng trong mấy tiếng đồng hồ nên trong người thấy dễ chịu. Ngoài ra, làm việc có nghĩa là ra khỏi tàu, thở không khí tươi mát do các bình chứa trên tàu cung cấp, có nghĩa là

xa lánh cái không khí ngột ngạt và có hại trên tàu. Đến chiều tối chúng tôi lại bóc được thêm một mét nữa. Khi quay về tàu, chút nữa thì tôi bị ngạt thở vì khí các-bo-nic đang bão hòa trên tàu. Trời ơi, sao chúng tôi không có trong tay một hóa chất hấp thụ được khí độc đó! Tối hôm ấy, thuyền trưởng Nê-mô đành cho mở vòi các bình chứa để tháo một ít không khí trong lành vào trong tàu. Không có biện pháp ấy, có lẽ chúng tôi không thể dậy được. Hôm sau, 26 tháng 3, tôi lại đi làm việc và bắt tay vào cuộc mét băng thứ năm. Trần băng và tường băng hai bên dày lên một cách rõ rệt. Đúng là chúng sẽ chập vào nhau trước khi tàu Nau-ti-lux thoát ra khỏi chỗ này. Trong giây phút, tôi ngã lòng. Chiếc cuộc chim suýt rơi khỏi tay tôi. Cuộc băng bây giờ còn ý nghĩa gì nếu số tôi là sẽ bị chết ngạt hay bị băng đè nát, một kiểu hành hình mà quân man rợ nhất cũng chưa nghĩ ra? Tôi cảm thấy mình đang nằm trong cái mồm ngoác rộng của một quái vật sắp nghiền chặt hai hàm răng khủng khiếp lại. Đúng lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô đi ngang qua chỗ tôi (ạng ta cũng đào băng với anh em). Tôi chỉ cho Nê-mô xem những bức tường của đường hầm. Bức tường bên trái chỉ cách tàu không quá bốn mét. Thuyền trưởng hiểu ý tôi và ra hiệu cho tôi đi theo. Chúng tôi quay về tàu. Tôi tháo bộ đồ lặn ra cùng Nê-mô vào phòng khách. Nê-mô nói:

- Ngài A-rô-nắc, cần có một biện pháp dũng cảm. Nếu không, khi nước biển thành băng, nó sẽ bám chặt lấy tàu như xi-măng.

- Vâng, nhưng biết làm thế nào?

Tôi trả lời.

- Chao ôi, nếu tàu Nau-ti-lux của tôi có đủ sức chịu được áp suất này và an toàn!

- Thế thì sao?

Tôi chưa nắm được ý của Nê-mô.

- Lẽ nào giáo sư không hiểu rằng khi đó hiện tượng nước đóng băng chỉ có lợi cho ta? Lẽ nào giáo sư không thấy rằng bản thân việc nước đóng băng sẽ phá vỡ đông băng đang bao vây ta? Lẽ nào giáo sư không hiểu rằng nó sẽ trở thành phương tiện cứu sống ta chứ không phải là phương tiện tiêu diệt ta?

- Thưa thuyền trưởng, có thể như vậy. Nhưng dù sức bền của tàu Nau-ti-lux có lớn đến đâu, nó cũng không chịu nổi áp suất khủng khiếp như vậy và sẽ bị cán mỏng như một lá thép.

- Tôi biết. Vì vậy, ta không thể trông chờ vào sự giúp đỡ của thiên nhiên mà phải trông vào chính ta. Phải tìm quá trình đóng băng lại. Chẳng những tường băng hai bên đương xích lại gần nhau mà phía trước và phía sau tàu cũng chỉ còn không quá ba mét nước. Nghĩa là chúng ta bị nước đóng băng cả bốn phía.

- Những bình chứa trên tàu còn cung cấp không khí cho chúng ta thở bao lâu nữa? Thuyền trưởng nhìn thẳng vào mặt tôi và nói.

- Đến ngày kia thì các bình chứa sẽ rỗng. Tôi lạnh cả người. Trong lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô lặng im suy tính một điều gì. Nhìn nét mặt thì hình như trong óc ông ta vừa thoáng một ý nghĩ. Nhưng Nê-mô lắc đầu, gạt bỏ ý nghĩ đó. Cuối cùng, Nê-mô bật ra:

- Nước sôi!

- Nước sôi?

Tôi ngạc nhiên.

- Vâng. Chúng ta bị kẹt vào một khoảng không gian tương đối hạn chế. Nếu các máy bơm trên tàu liên tục phun nước nóng thì lẽ nào nhiệt độ môi trường quanh ta không tăng lên và không tìm được quá trình đóng băng lại?

- Cần thử ngay.

Tôi nói dứt khoát.

- Ta thử xem, giáo sư nhé! Nhiệt kế bên ngoài chỉ -7°. Thuyền trưởng Nê-mô dẫn tôi vào phòng chế biến nước ngọt bằng phương pháp làm bốc hơi. Ở đó có những máy cất lớn. Người ta bơm đầy nước vào các máy đó rồi dẫn nhiệt từ các máy phát điện vào. Mấy phút sau nước được đun nóng tới 100° và đưa vào máy bơm. Nhiệt ở các máy phát điện tỏa ra nóng đến nỗi nước lạnh từ biển đưa thẳng vào chỉ qua máy cất là sôi lên. Ba tiếng đồng hồ sau khi phun nước sôi, nhiệt kế bên ngoài chỉ -6°. Thế là nhích lên được một độ. Hai tiếng đồng hồ sau, nhiệt kế đã chỉ -4°.

- Chúng ta sẽ thắng, - Tôi bảo thuyền trưởng, đã vững tin vào thành công của những biện pháp vừa áp dụng.

- Tôi cũng nghĩ vậy, - Nê-mô trả lời, - Chúng ta sẽ không bị đè bẹp. Chỉ còn sợ bị ngạt nữa thôi. Sau một đêm, nhiệt độ tăng lên -1°. Phun nước nóng không thể nâng nhiệt độ lên được nữa. Nhưng vì nước biển chỉ đóng băng ở -2° nên tôi yên tâm. Thế là

mỗi đe dọa này sẽ bị tan. Hôm sau, 27 tháng ba, chúng tôi đã bóc được sáu mét băng. Còn phải đào bốn mét, mất bốn mươi tám tiếng đồng hồ nữa. Vì vậy, không thể thay không khí trong tàu được. Tình hình chúng tôi hôm đó càng tồi tệ hơn. Người tôi nặng trình trịch không sao chịu nổi. Đến ba giờ chiều thì cảm giác nặng nề lên tới đỉnh cao nhất. Hai hàm răng bị sái đi vì ngáp quá nhiều. Hai lá phổi quần quai tìm chút không khí trong lành để thở, nhưng không khí ngày càng hiếm. Trong tình trạng kiệt sức, tôi nằm đờ ra, gần như ngất đi. Anh chàng Công-xây đáng yêu của tôi cũng có những triệu chứng đau đớn tương tự, cũng chịu đựng những nỗi khổ tương tự, nhưng vẫn không rời bỏ tôi. Anh ta nắm lấy tay tôi động viên. Tôi còn nghe tiếng Công-xây thì thào:

- Trời! Nếu như tôi có thể ngừng thở để dành thêm một chút không khí cho giáo sư.

Mất tôi rung rung khi nghe thấy lời Công-xây nói. Nhưng nếu những người trên tàu đang ở trong tình trạng không thể chịu đựng được, thì mỗi khi đến phiên lao động, ai này đều phấn khởi mặc ngay đồ lặn.

Chúng tôi cuộc băng rất hăng. Vai chúng tôi mỏi rời, hai bàn tay phồng lên, nhưng mệt nhọc bây giờ chẳng có nghĩa gì, những vết xây xước chẳng đáng để ý tới. Không khí trong mát ủa vào phổi chúng tôi! Chúng tôi thở! Tuy vậy, chẳng ai tiếp tục công việc của mình dưới nước quá thời gian quy định. Vừa hết giờ là chúng tôi chuyển ngay bình chứa không khí cho bạn mình để truyền sức sống cho họ. Thuyền trưởng gương mẫu trong việc này và là người đầu tiên phục tùng kỷ luật nghiêm ngặt đó. Đúng giờ là thuyền trưởng trao ngay bình chứa không khí cho người khác rồi quay về con tàu đầy khí độc. Lúc nào thuyền trưởng cũng bình thản, không hề uể oải, không một lời phàn nàn. Hôm đó, công việc được tiến hành hết sức khẩn trương. Chỉ còn phải đào hai mét băng nữa. Chúng tôi chỉ cách chỗ biển không bị đóng băng có hai mét! Nhưng các bình chứa không khí gần như đã rỗng. Còn lại một ít thì phải dành cho những người đang lao động. Không thể cung cấp cho tàu thêm một chút nào nữa! Về đến tàu, tôi đã gần chết ngạt. ại, đêm hôm đó không bút nào tả xiết! Sáng hôm sau tôi vừa nhức đầu lại vừa chóng mặt như người say rượu. Các bạn tôi cũng vậy. Mấy thủy thủ chỉ còn thở khò khè. Hôm nay, chúng tôi đã bị cầm tù đến ngày thứ sáu, thuyền trưởng Nê-mô cho rằng cuộc và xà-beng là những phương tiện quá chậm chạp nên quyết định phá vỡ lớp băng

còn lại bằng cách khác. Nê-mô vẫn giữ được sự bình tĩnh và nghị lực của mình. Ông ta dùng sức mạnh tinh thần để dẹp tan những đau đớn vật chất. Nê-mô suy nghĩ, phối hợp và hành động...

Nê-mô ra lệnh cho tàu nổi nên khỏi lớp băng và đổ đúng phía trên cái hố lớn đang đào theo hình tàu. Các bể chứa vừa được bơm đủ nước thì tàu Nau-ti-lux hạ xuống và lọt vào đúng hố. Trước đó, toàn thể thủy thủ đã vào trong tàu và đóng tất cả các cửa ngoài. Tàu Nau-ti-lux nằm trên lớp băng mỏng một mét đã bị đục thủng nhiều chỗ. Lúc đó, các vòi nước ở các bể chứa được mở hết nấc, hút vào bể một trăm mét khối nước nữa, tăng trọng lượng tàu lên một trăm tấn. Chúng tôi chờ đợi, nghe ngóng, quên cả đau đớn. Tuy đầu nhức như búa bổ, một lát sau tôi vẫn nghe thấy tiếng rầm rắc dưới thân tàu. Mặt băng đang rạn nứt. Cuối cùng, lớp băng vỡ hẳn ra, gây nên một tiếng động đặc biệt, giống tiếng một tờ giấy bị xé rách. Tàu Nau-ti-lux bắt đầu chìm xuống.

- Thoát rồi!

Công-xây khẽ nói vào tai tôi. Tôi không còn đủ sức để trả lời nữa. Tôi chỉ nắm lấy tay Công-xây rồi bất giác xiết mạnh. Nhờ tác động của trọng lượng lớn mà tàu Nau-ti-lux bắt đầu lặn xuống nước như một hạt gè rơi vào khoảng không. Lập tức toàn bộ điện năng tập trung vào các máy bơm để đẩy nước ra khỏi các bể chứa. Một phút sau, tàu ngừng lặn rồi bắt đầu nổi lên. Chân vịt quay nhanh đến nỗi làm toàn thân tàu rung mạnh. Tàu lao về hướng bắc. Nhưng tàu còn phải chạy dưới băng bao lâu nữa thì mới đến chỗ mặt đại dương không đóng băng? Một ngày nữa ư? Tôi sẽ chết trước lúc đó mất! Tôi nửa nằm nửa ngồi trên chiếc đi-văng ở thư viện và ngạt thở. Mặt tôi bầm lại, môi nhợt nhạt, sự rối loạn hoàn toàn về chức năng bắt đầu. Các bắp thịt mất khả năng co bóp. Tôi không nhớ tình trạng đó kéo dài mấy giờ. Tôi chỉ biết rằng mình đang hấp hối. Tôi bỗng hồi tỉnh. Máy hút không khí mát lọt vào phổi tôi. Chẳng lẽ tàu đã nổi lên mặt biển rồi? Không! Đó là Nét và Công-xây, những người bạn đáng yêu của tôi đã hy sinh thân mình để cứu tôi bằng cách cho tôi hít chút không khí còn sót lại trong một bình chứa! Đáng lẽ để mình thở, họ lại dành cho tôi trong khi chính họ đang bị ngạt. Tôi muốn đẩy cái bình ra, nhưng hai người giữ chặt tay tôi. Thế là tôi được thở thoải mái trong mấy phút. Tôi đưa mắt nhìn đồng hồ: mười một giờ trưa. Nghĩa là đã sang ngày 28 tháng ba. Tàu Nau-ti-lux chạy với tốc độ ghê người là bốn mươi hải lý một giờ. Thuyền trưởng Nê-mô ở đâu? Ông ta

chết rồi sao? Các bạn ông ta cũng chết rồi sao? Căn cứ vào đồng hồ chỉ độ sâu, chúng tôi chỉ cách mặt biển hơn sáu mươi mét. Một lớp băng mỏng ngăn cách chúng tôi với không khí phía trên. Sao không thể phá vỡ được? Được chứ! Dù thế nào, tàu Nau-ti-lux cũng sẽ làm như vậy, tôi cảm thấy thế! Nó hạ phía lái xuống và ngéch mũi nhọn lên. Sau đó nó mở hết tốc lực lao thẳng lên lớp băng, phá vỡ dần từng mảng. Cuối cùng, tàu xuyên thủng được mặt biển bị đóng băng và dùng sức nặng của mình phá vỡ lớp băng đó. Các cửa kính được mở rộng, không khí biển ủa vào tàu Nau-ti-lux.

CHƯƠNG 41

TỪ MŨI HOỐC ĐẾN A-MA-DÔN

Tôi không biết vì sao tôi lại có mặt trên boong tàu. Có lẽ Nét đã vác tôi lên đó. Dù sao tôi cũng đang thở hít không khí trong lành của biển. Các bạn tôi cũng đang thở hít say sưa như vậy.

- Chà chà! Dưỡng khí quả là của quý!

Công-xây nói.

- Thưa giáo sư, giờ thì giáo sư đừng e dè gì cả. Có đủ không khí cho tất cả mọi người.

Nét Len chẳng nói chẳng rằng. Anh ta chỉ ngoác miệng ra để thở đến nỗi cá mập nom thấy cũng phải mất tinh thần! Chúng tôi lại sức rất nhanh, nhưng khi quay lại, ngoài chúng tôi ra, tôi chẳng thấy bóng một thủy thủ nào. Cả thuyền trưởng nữa. Những thủy thủ kỳ dị của tàu Nau-ti-lux chỉ cần chút không khí trong tàu là đủ. Những lời nói đầu tiên của tôi là lời cảm ơn hai người bạn cùng đi. Trong những giờ hấp hối kéo dài. Công-xây và Nét đã cố gắng cho tôi sông. Rõn nghĩa này biết lấy gì trả được!

- Giáo sư nói đến chuyện ân huệ làm gì!

Nét trả lời.

- Có gì đáng gọi là ơn đâu. Đó là chỉ một con tính đơn giản. Tính mệnh giáo sư quý hơn chúng tôi nhiều. Vì vậy cần bảo vệ.

- Không đúng đâu, ông Nét ạ, -Tôi trả lời.

- Không có gì cao quý hơn tấm lòng tốt và cao thượng như tấm lòng của ông!

- Giáo sư quá khách khí!

Nét ngượng ngịu.

- Cả anh nữa, Công-xây ạ, anh cũng rất mệt.

- Không ạ, không mệt lắm đâu ạ. Thú thực, tôi cũng thiếu chút ít không khí, nhưng tôi đã quen rồi. Hơn nữa, tôi thấy giáo sư bị ngất nên bản thân tôi cũng chẳng muốn thở nữa. Tôi hết sức xúc động.

- Các bạn, từ nay chúng ta mãi mãi gắn bó với nhau. Đối với tôi, các bạn có đầy đủ quyền hạn...

- Và tôi sẽ sử dụng quyền đó, - Nét ngất lời tôi.

- Ấy ấy!

Công-xây nói.

- Đúng, - Nét nói tiếp, - tôi sẽ sử dụng quyền mang giáo sư đi theo, khi tôi rời bỏ cái tàu Nau-ti-lux quý quái này.

- Thực ra, chúng ta chẳng đang đi theo một chiều hướng tốt là gì, - Công-xây nói.

- Đúng vậy, - Tôi trả lời, - chúng ta đang hướng về mặt trời, mà mặt trời ở đây là phương bắc.

- Nhưng vấn đề là ở chỗ tàu sẽ chạy về Đại Tây Dương hay Thái Bình Dương, nói khác đi là sẽ chạy đến một vùng biển có nhiều tàu qua lại hay hoang vắng, - Nét nói.

Tôi không giải đáp được câu hỏi đó. Bản thân tôi cũng sợ thuyền trưởng Nê-mô sẽ đưa chúng tôi về Thái Bình Dương nằm giữa bờ biển châu Mỹ và châu á. Tới đó, ông ta sẽ kết thúc chuyến đi vòng quanh thế giới của mình và sẽ quay về những vùng biển, nơi tàu Nau-ti-lux được độc lập, tự do nhất. Nhưng nếu tàu quay lại Thái Bình Dương, xa miền đất có người ở thì kế hoạch của Nét sẽ ra sao? Một thời gian ngắn nữa chúng tôi sẽ được biết chính xác về điều này. Tàu chạy rất nhanh, vượt qua vòng Nam cực rồi hướng về mũi Hoóc. Bảy giờ tối 31 tháng ba, tàu chạy ngang qua điểm cực nam của châu Mỹ. Tới đây, tất cả những gian khổ vừa qua của chúng tôi đã bị quên đi. Chúng tôi chỉ nghĩ đến tương lai. Thuyền trưởng Nê-mô không xuất hiện trên boong tàu cũng như trong phòng khách. Viên thuyền phó hàng ngày đánh dấu trên bản đồ bán cầu, giúp tôi theo dõi chính xác đường đi của tàu. Tối hôm đó, tôi rất sung sướng khi thấy tàu đang rẽ sóng Đại Tây Dương mà chạy về hướng bắc. Tôi báo cho Nét và Công-xây biết kết quả quan sát của tôi.

- Rất tốt, - Nét nói, -nhưng tàu chạy về đâu?

- Cái đó thì tôi chịu, ông Nét ạ.

- Biết đâu sau chuyến đi Nam cực, thuyền trưởng chẳng cho tàu chạy lên Bắc cực rồi quay về Thái Bình Dương qua cái eo biển tây bắc gớm ghiếc ấy?

- Biết ông ta thế nào mà nói trước!

Công-xây trả lời.

- Thôi kệ ông ta, - Nét nói, - chúng ta sẽ chuồn trước.

- Dù sao, - Công-xây nói thêm, - thuyền trưởng Nê-mô cũng là một người chân chính, và chúng ta sẽ không phải ân hận gì vì đã quen với ông ta.

- Đặc biệt là khi phải chia tay với ông ta!

Nét nói. Hôm sau mùng 1 tháng 4, mười hai giờ kém mấy phút tàu nổi lên mặt biển. Chúng tôi thấy ở phía tây có bờ biển. Đó là miền Đất Lửa. Sở dĩ những người đi biển gọi như vậy là vì họ thấy nhiều khói từ những túp lều của thổ dân bốc lên. Đất Lửa là một nhóm đảo trải ra trong khoảng ba mươi dặm chiều dài và hai mươi dặm chiều ngang, giữa 53° và 56° độ vĩ nam, giữa 67°50' và 77°15' độ kinh tây. Bờ biển có vẻ thấp, nhưng phía xa sừng sững những ngọn núi lớn. Tôi phân biệt được cả ngọn Xác-mi-en-tô nhọn hoắt. Nét cho tôi biết là tùy theo đỉnh núi có bị mây che phủ hay không mà người ta dự đoán được thời tiết xấu hay tốt.

- Thật là một phong vũ biểu tuyệt vời.

Tôi nhận xét.

- Vâng, đó là phong vũ biểu tự nhiên. Nó chưa lừa dối tôi lần nào khi tàu chạy qua eo Ma-gien-lăng.

Đúng lúc đó, đỉnh núi Xác-mi-en-tô nổi lên trên nền trời, báo trước thời tiết tốt. Tàu Nau-ti-lux lặn xuống rồi tiến đến gần bờ, nhưng chỉ chạy dọc theo bờ có mấy hải lý. Đến chiều tối, tàu đã tới gần nhóm đảo Phôn-clen. Sớm hôm sau, tôi nhìn thấy những ngọn núi trên nhóm đảo này. Biển ở đây không sâu lắm. Lưới trên tàu thả xuống lấy được mấy loài tảo đặc biệt. Từng đàn ngỗng trời và vịt trời bay đến bờ biển. Thế là bữa ăn trưa trên tàu lại được cải thiện. Tôi ngắm nhìn nhiều loài sứa rất đẹp mắt và muốn giữ lại mấy tiêu bản của những động vật hình cây này, nhưng tiếc là ở ngoài môi trường nước biển, chúng sẽ bị phân hủy nhanh chóng. Khi những ngọn núi cuối cùng của đảo Phôn-clen khuất sau chân

trời, tàu Nau-ti-lúx lặn xuống sâu hai mươi, hai nhăm mét rồi chạy dọc bờ biển Nam Mỹ. Thuyền trưởng Nê-mô vẫn không xuất hiện. Tối mùng 3 tháng 4, tàu vẫn chạy dọc bờ biển Pa-ta-gô-ni-a. Cuối cùng, tàu vượt qua vùng cửa sông La Pla-ta, rồi ngày mùng 4 tháng 4 thì chạy ngang U-ru-guay, nhưng cách bờ biển năm mươi hải lý. Tàu lượn theo bờ biển ngoằn ngoèo kỳ dị của Nam Mỹ nhưng vẫn hướng về phía bắc. Thế là từ khi đặt chân lên tàu Nau-ti-lúx ở biển Nhật Bản, chúng tôi đã đi được một vạn sáu ngàn dặm. Đến 11 giờ trưa, tàu vượt qua chí tuyến nam rồi chạy ngang qua mũi Phri-ô ra khơi. Thuyền trưởng Nê-mô không ưa quăng bờ biển Bra-xin có người ở này nên cho tàu phóng nhanh vun vút khiến Nét rất bức mình. Chẳng một chú cá nào, chẳng một con chim nào theo kịp tàu, và tất cả những kỳ quan của vùng biển này đều chỉ lướt qua chúng tôi. Tàu phóng nhanh như vậy mấy ngày liền. Chiều mùng 9 tháng 4, chúng tôi nhìn thấy điểm cực đông của Nam Mỹ là mũi Xanh-rôc. Nhưng tàu Nau-ti-lúx lại chạy về phía khác và lặn xuống lớp nước sâu nhất của lòng chảo nằm giữa mũi đất đó và dãy núi Xi-e-ra Lê-ôn trên bờ biển châu Phi. Dưới đáy lòng chảo đó nổi lên mấy ngọn núi tô điểm thêm cho cảnh vật biển sâu. Tôi nói vậy chủ yếu là dựa vào những bản đồ do chính tay thuyền trưởng Nê-mô vẽ và căn cứ vào những quan sát riêng của ông ta. Suốt hai ngày tàu băng qua quăng biển sâu vắng lặng đó. Nhưng ngày 11 tháng tư tàu bỗng nổi lên, chúng tôi trông thấy bờ một vùng biển lớn do cửa sông A-ma-dôn tạo nên. Con sông này đổ vào biển một khối nước lớn đến nỗi nước biển bị nhạt đi trong khoảng nhiều dặm. Tàu vượt xích đạo. Cách chúng tôi hai mươi hải lý về phía tây là Guy-an thuộc Pháp, nơi chúng tôi có thể tìm được nơi nương náu. Nhưng gió đang thổi mạnh làm nổi lên những đợt sóng còn hung dữ. Với một chiếc xuống mỏng manh thì sao có thể bơi tới bờ được! Nét Len hiểu rõ được điều đó nên không đả động gì đến chuyện chạy trốn cả. Còn tôi thì cũng lờ đi chẳng nói một lời về những kế hoạch của Nét, sợ anh ta sẽ làm những việc liều lĩnh chắc chắn sẽ đưa tới thất bại. Tôi được đền bù đầy đủ về sự trì hoãn đó bằng công việc nghiên cứu khoa học rất thú vị. Hai ngày vừa qua, 11, 12 tháng 4, tàu Nau-ti-lúx không lặn xuống. Chiếc xuống con đã đem về tàu đủ loại động vật, hình cây, cá và bò sát. Có lần một con cá đuối rất dẹt bị mắc lưới. Con cá này tròn và dẹt đến nỗi nếu chặt đuôi thì nó sẽ giống hệt một cái đĩa. Nó cân nặng hai mươi ki-lô-gam, dưới trắng, trên hơi đỏ có xen những chấm xanh thẫm lớn, da nhẵn. Khi đặt nó lên boong nó quẫy

mạnh hòng thoát xuống biển, nhưng Công-xây rất quý con cá đuối đó nên nhào tới. Tôi chưa kịp ngăn lại thì hai tay anh ta đã nắm lấy con cá. Công-xây tức khắc bị tê liệt, ngã bổ chửng và la to gọi tôi:

- Giáo sư! Giáo sư cứu tôi với! Tôi và Nét nâng anh ta dậy rồi xoa bóp cho. Công-xây vừa tỉnh dậy thì miệng đã lắp bắp:

- Lớp có sụn, bộ cá mập có mang di động, họ cá đuối, giống cá đuối điện.

- Đúng là cá đuối điện, anh bạn ạ. Chính nó đã làm anh đau đấy.

- Thưa giáo sư, ngài có thể tin là tôi sẽ trả mối thù này.

- Trả thù bằng cách gì?

- Bằng cách ăn thịt nó!

Anh ta thịt con cá to ngay chiều tối hôm đó nhưng chỉ ăn qua loa cho hả giận vì nói thực, thịt nó cứng như đế giày. Ngày 12 tháng 4, tàu Nau-ti-lux đến gần Guy-an thuộc Hà Lan, cách cửa sông Ma-rô-ni không xa. Ở đây có mấy nhóm bò biển. Những con vật đẹp đẽ, hiền lành này dài sáu, bảy mét, nặng bốn tấn. Thiên nhiên đã dành cho loài bò biển này một vai trò quan trọng. Cũng như hải cẩu, bò biển tìm thức ăn ở những đồng cỏ ngầm, do đó chúng dọn sạch những đồng cỏ chất đầy của những con sông nhiệt đới. Tôi nói thêm:

- Các bạn có biết, từ khi con người tiêu diệt gần hết giống vật có ích này thì xảy ra chuyện gì không? Hiện nay cỏ chất đông lại bị thối rữa, làm ô nhiễm không khí. Không khí bị ô nhiễm gây ra bệnh sốt vàng là một tai họa cho đất nước này. Bệnh sốt tự do hoành hành từ cửa sông Ri-ô đờ La-pla đến eo Phlo-ri-đa. Tuy thủy thủ tàu Nau-ti-lux không dám coi thường điều này, nhưng họ vẫn hạ độ sáu chú bò biển. Bêp ăn quả là đang rất cần dự trữ thịt tươi, mà thịt bò biển thì ngon tuyệt, ngon hơn thịt bò nhà nhiều. Cuộc săn bò biển chẳng có gì thú vị. Chúng cứ để người ta giết mà không chống đỡ lại. Thế là mấy tấn thịt được sấy khô rồi đưa vào kho thực phẩm trong tàu. Cũng hôm đó, chiếc thuyền con thả lưới bắt được một số cá bầm, một loài cá ở đầu có một cái "đĩa" bầu dục. Cái "đĩa" này gồm những bản sụn nằm ngang di động, có khả năng tạo nên giữa những bản sụn này một khoảng chân không giúp nó bám vào các vật khác như một ống giác. Khi việc bắt cá đã kết

thúc, tàu Nau-ti-lux tiến lại gần bờ. Ở đây có mấy con rùa biển đang ngủ bập bênh trên mặt nước. Bắt giống rùa này rất khó vì chúng rất thính và có mai rất cứng. Nhưng nếu dùng cá bắm thì có thể bắt dễ dàng. Loài cá bắm này thực là những lưỡi câu sống.

Thủy thủ trên tàu buộc vào đuôi cá một cái vòng rộng để cá bơi được thoải mái. Chiếc vòng này được buộc vào thuyền bằng một đoạn thừng dài. Được thả xuống biển, cá bắm liền bơi đến bám chặt lấy mai rùa. Chúng bám chặt đến nỗi thà bị vỡ nát ra chứ không chịu buông tha con mồi. Sau đó, cá được kéo về thuyền, kèm theo những chú rùa bị chúng bám. Thế là chúng tôi tóm được mấy chú rùa dài một mét, nặng tới hai tạ. Mai rùa được phủ nhiều lớp sừng mỏng, trong suốt, màu nâu xám, đốm trắng và vàng, là vật rất hiếm. Ngoài ra, thịt rùa biển cũng ngon như rùa thường. Tới đây, chúng tôi kết thúc những ngày ở gần vùng biển A-ma-dôn và ngay đêm ấy tàu Nau-ti-lux ra khơi.

CHƯƠNG 42

BẠCH TUỘC

Tàu Nau-ti-lux tới bờ biển châu Mỹ đã mấy ngày. Rõ ràng là nó không muốn vào vịnh Méc-xích và vùng đảo ...ng-ti. Vùng biển này rải rác nhiều đảo và có nhiều tàu bè qua lại nên thuyền trưởng Nê-mô không thích. Ngày 16 tháng 4, chúng tôi làm quen với đảo Gua-đơ-lúp và Mác-ti-ních, nhưng ở khoảng cách độ ba mươi hải lý. Trước đây Nét Len định thực hiện ý đồ của mình ở vịnh Méc-xích bằng cách nhảy thẳng lên bờ hoặc bằng cách bơi đến một chiếc tàu nào đó trong số tàu thuyền chạy con thoi giữa các đảo. Trước tình hình này, Nét hết sức thất vọng. Cuộc chạy trốn của chúng tôi hoàn toàn có thể thực hiện được nếu Nét bí mật chiếm được chiếc xuồng trên tàu. Nhưng ở giữa biển khơi này thì còn nói chi đến chuyện ấy! Nét Len, Công-xây và tôi trao đổi ý kiến khá lâu với nhau về vấn đề này. Chúng tôi bị cầm tù trên tàu Nau-ti-lux đã được nửa năm. Trong thời gian ấy, chúng tôi đã vượt một vạn bảy ngàn dặm và, như Nét nói, chưa biết bao giờ mới kết thúc chuyến đi này. Cuối cùng, Nét yêu cầu tôi hỏi thẳng thuyền trưởng Nê-mô lần nữa xem ông ta có ý định giam giữ chúng tôi vĩnh viễn không. Biện pháp này tôi không tán thành lắm.

Theo tôi, làm như vậy sẽ không đạt được mục đích. Không thể trông chờ gì ở Nê-mô, mọi sự đều tùy thuộc ở chúng tôi. Hơn nữa, Nê-mô càng ngày càng trầm lặng, xa lánh chúng tôi và không niềm nở như trước. Ông ta muốn tránh mặt tôi. Trước kia, Nê-mô vui vẻ giải thích cho tôi về những kỳ quan dưới biển. Giờ đây, ông ta để mặc tôi làm việc một mình và không lui tới phòng khách nữa. Tâm tư Nê-mô có gì thay đổi? Và vì sao thay đổi? Tôi tự thấy mình chẳng có gì đáng trách. Có lẽ sự có mặt của chúng tôi trên tàu đã làm Nê-mô phiền lòng? Nhưng tôi cũng không hy vọng một người như Nê-mô có thể trả lại tự do cho chúng tôi. Vì vậy, tôi xin Nét cho tôi thì giờ để suy nghĩ chín chắn trước khi hành động. Nếu việc tôi làm không đem lại kết quả gì thì sẽ khiến cho Nê-mô nghi

ngờ, tình hình của chúng tôi sẽ xấu đi và có hại cho kế hoạch của chính Nét. Lấy cơ sức khỏe bị sút kém tôi thấy cũng không ổn. Nếu không kể trường hợp bị thử thách gay go ở Nam cực thì Công-xây, Nét và tôi chưa bao giờ khỏe mạnh, dễ chịu như bây giờ. ...n uống đầy đủ, thở hít không khí trong lành, sinh hoạt điều độ đã loại trừ khả năng ốm đau. Tôi hiểu rõ tính chất ưu việt của kiểu sống như thế này đối với con người đã vứt bỏ không thương tiếc những kỷ niệm về mặt đất, đặc biệt là đối với một người như thuyền trưởng Nê-mô coi tàu Nau-ti-lux là nhà, cho tàu chạy đi khắp nơi theo ý muốn và vươn tới mục đích của mình bằng những con đường chỉ riêng mình biết. Nhưng chúng tôi thì không cắt đứt quan hệ với nhân loại. Về phần tôi, tôi không muốn mang theo xuống mồ những công trình rất mới lạ và kỳ thú của mình. Đúng là giờ đây tôi có quyền viết một cuốn sách thực sự về biển cả và tôi muốn cuốn sách đó được xuất bản càng sớm càng tốt. Ở ngay đây thôi, trong vùng đảo ...ng-ti này, chỉ dưới mặt biển mười mét, nhìn qua ô cửa phòng khách, tôi đã thấy được biết bao tác phẩm kỳ diệu của thiên nhiên!... Tàu Nau-ti-lux lặn xuống sâu hai, ba ngàn mét và ngày 20 tháng 4 lại lên cách mặt biển một ngàn năm trăm mét. Gần chúng tôi nhất là quần đảo Lu-cai. Từ đáy biển nổi lên những mỏm đá lớn dựng đứng, phủ đầy những loài tảo khổng lồ... Khoảng 11 giờ trưa, Nét Len lưu ý tôi giữa đám tảo đó có một con vật gì đó rất đáng sợ. Tôi nói:

- Đúng, ở đây có nhiều hang thích hợp với bạch tuộc. Nếu có gặp những quái vật đó ở đây, tôi cũng chẳng ngạc nhiên chút nào.

- Có gì mà gọi là quái vật?

Công-xây thắc mắc.

- Không, - Tôi trả lời, - đó là loài bạch tuộc lớn. Nhưng chắc ông bạn Nét của chúng ta trông lầm, tôi chẳng thấy gì cả.

- Thật tiếc, - Công-xây nói, - tôi muốn được nhìn tận mắt một con thuộc loại ấy. Người ta kể rằng chúng có thể kéo cả một chiếc tàu xuống đáy biển. Nét phản đối:

- Tôi không bao giờ tin rằng trên đời này lại có một giống vật như vậy.

- Sao lại không?

Công-xây cãi.

- Không thể phủ nhận rằng trong số bạch tuộc có những con rất lớn tuy không bằng cá voi, - Tôi nói.

- Anh em dân chài thường gặp những con bạch tuộc hơn một mét tám. Ở Viện bảo tàng Tư-ri-ét và Mông-pe-li-ê còn giữ được những bộ xương bạch tuộc dài hai mét. Theo tính toán của các nhà tự nhiên học thì bạch tuộc dài hai mét phải có vòi dài hai mươi bảy mét. Thế là đủ khủng khiếp lắm rồi!

- Thế bây giờ người ta còn bắt được những con to như vậy nữa không?

Nét hỏi.

- Dù không bắt được, nhưng dân đánh cá vẫn gặp luôn. Một ông bạn tôi là Thuyền trưởng Pôn Bốt ở Ha-vơ nhiều lần cam đoan với tôi rằng ông ta đã thấy những quái vật đó ở Ấn Độ Dương. Nhưng trường hợp kỳ lạ nhất khiến ta không thể nghi ngờ gì về sự tồn tại của loài bạch tuộc này, đã xảy ra cách đây mấy năm.

- Trường hợp đó thế nào?

Nét hỏi.

- Năm 1861, về phía tây bắc Tê-nê-ríp, cũng ở khoảng vĩ độ này, thủy thủ tàu A-léch-tôn phát hiện ra một con bạch tuộc khổng lồ đang bơi cùng tuyến đường. Thuyền trưởng Bu-ghe cho tàu chạy sát con vật và dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn đều xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông. Sau mấy lần thất bại, cánh thủy thủ bèn dùng thòng lọng để bắt. Thòng lọng mắc vào thân bạch tuộc nhưng tới vây đuôi mới thất lại được. Lúc đó, mọi người cố sức kéo con vật lên tàu nhưng nó nặng quá đến nỗi đuôi bạch tuộc bị đứt ra. Thế là nó lặn xuống biển mất.

- Thế nó dài bao nhiêu?- Nét hỏi.

- Có phải chừng sáu mét không? - Công-xây hỏi. Anh ta đứng bên cửa sổ và nhìn vào các hốc đá.

- Đúng vậy. - Tôi trả lời. Công-xây hỏi tiếp:

- Có phải trên đầu nó có tám vòi, ngo ngoay trong nước biển như một cây rần không?

- Đúng vậy, Công-xây ạ.

- Có phải hai hàm của nó rất giống mỏ vẹt, nhưng lớn hơn nhiều không?

- Rất đúng.

- Thế thì, thưa giáo sư, có phải nó kia không ạ? Tôi nhìn Công-xây, còn Nét Len thì lao đến cửa sổ.

- Con vật khủng khiếp quá! - Nét la lên.

Tôi cũng đưa mắt nhìn qua ô cửa và bất giác lùi lại. Trước mắt tôi, một quái vật đang bơi tới. Đó là một con bạch tuộc dài chừng tám mét. Nó bơi lùi rất nhanh về phía tàu. Mắt nó màu xanh xám nhìn thẳng không động đậy. Tám cánh tay, hay đúng hơn, tám chân từ đầu mọc ra dài gấp đôi thân và luôn luôn uốn cong. Nhìn thấy rõ hai trăm rưỡi cái giác ở phía trong vòi. Hai hàm răng bạch tuộc giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra khép lại. Lưỡi nó cũng bằng chất sừng có mấy hàm răng nhọn, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm. Thân nó hình thoi phình ở giữa, là một khối thịt nặng chừng hai mươi, hăm nhăm tấn. Màu sắc nó thay đổi rất nhanh từ màu xám chì sang màu nâu đỏ. Vì sao con bạch tuộc tức giận? Hẳn là vì sự xuất hiện của tàu Nau-ti-lux to lớn hơn nó và vì vòi cũng như hai hàm răng của nó chẳng làm nên chuyện gì... Được gặp một con bạch tuộc như thế này đối với tôi thật là dịp may hiếm có, nên tôi không muốn bỏ lỡ cơ hội nghiên cứu nó cận kề. Tôi cố nén sự sợ hãi mà cầm bút chì vẽ nó.

- Có lẽ đây chính là con bạch tuộc mà tàu A-léch-tôn đã gặp?

Công-xây hỏi.

- Không, - Nét trả lời, -con này còn nguyên vẹn, còn con kia đã mất đuôi.

- Không phải thế đâu, -Tôi phản đối.

- Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại. Trong bảy năm, con bạch tuộc mà tàu A-léch-tôn gặp tất nhiên có khả năng mọc một cái đuôi mới. Ở bên phải cửa sổ xuất hiện bảy con bạch tuộc nữa. Chúng bơi theo tàu. Tôi nghe tiếng chúng lấy mỏ mổ chanchát vào vỏ tàu. Chúng tôi được một phen vô cùng khoái chí. Tôi tiếp tục vẽ. Lũ quái vật bám sát con tàu đến nỗi dường như chúng đứng yên tại chỗ và giúp tôi vẽ chúng trực tiếp trên tấm kính ô cửa. Hơn nữa, con tàu chỉ chạy ở tốc độ vừa phải. Tàu Nau-ti-lux bỗng dừng lại, toàn thân tàu rung lên.

- Chẳng lẽ chúng ta lại vấp phải cái gì?

Tôi hỏi. Nét trả lời:

- Dù có vấp phải cái gì, ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong. Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong, nhưng đứng yên không nhúc nhích. Chân vịt không quay nữa rồi. Một phút trôi qua. Thuyền trưởng Nê-mô và viên thuyền phó bước vào phòng khách. Đã mấy hôm nay tôi không gặp Nê-mô. Ông ta không nói chuyện với chúng tôi, có lẽ chẳng nhìn thấy chúng tôi nữa. Ông ta bước tới cửa sổ, nhìn lũ bạch tuộc rồi nói mấy câu với thuyền phó. Ông này đi ra. Cửa sổ lập tức đóng lại. Đèn trên trần bật sáng. Tôi đến chỗ Nê-mô.

- Thật là một "bộ sưu tập" bạch tuộc thú vị.

Tôi nói.

- Vâng, thưa nhà tự nhiên học, giờ đây chúng ta sắp giáp chiến với chúng. Tôi hoang mang nhìn Nê-mô. Tôi cho rằng mình không hiểu ý ông ta.

- Giáp chiến ạ?

Tôi hỏi lại.

- Vâng. Chân vịt đã ngừng quay. Tôi đoán rằng hàm răng bằng sừng của một con bạch tuộc đã mắc vào cánh chân vịt làm tàu không chạy được nữa.

- Thế ngài định làm thế nào?

- Cho tàu nổi lên mặt nước rồi tiêu diệt sạch lũ quỷ này.

- Khó đấy.

- Đúng là khó. Những viên đạn có điện khi xuyên vào thân bạch tuộc mềm không thể nổ được vì không gặp đủ sức cản. Nhưng ta sẽ tiến công bằng rìu.

- Và bằng dao nhọn, thưa ngài thuyền trưởng, - Nét bổ sung, - nếu ngài không từ chối sự giúp đỡ của tôi.

- Xin đồng ý với ông.

- Chúng tôi cũng sẽ giúp ngài một tay, - Tôi nói rồi cùng đi với Nê-mô đến cầu thang trung tâm. Ở đó đã tập hợp chừng hai mươi người cầm rìu sẵn sàng chiến đấu. Nét cầm lấy dao nhọn, còn tôi và Công-xây thì dùng rìu. Tàu Nau-ti-lux đã nổi lên mặt nước. Một

thủy thủ vừa vắn ê-cu ra thì nắp tàu đã bật lên rất mạnh, rõ ràng là do sức hút của một con bạch tuộc nào đó. Lập tức một cái vòi dài trườn xuống dưới thang như một con rắn, còn độ hai chục vòi nữa thì ngoằn ngoèo ở phía trên. Thuyền trưởng Nê-mô lấy rìu chặt đứt phăng cái vòi khủng khiếp đó khiến nó lặn xuống. Trong khi chúng tôi cố mở đường lên boong thì hai cái vòi khác lao tới một thủy thủ đứng trước Nê-mô rồi nhấc bổng anh ta lên. Thuyền trưởng vừa kêu vừa nhảy vọt ra ngoài. Chúng tôi vội lao theo. Cảnh tượng thật đáng sợ! Người thủy thủ khôn khổ bị vòi bạch tuộc quấn chặt, đang chơi với trên không. Anh ta bị nghẹt thở, kêu lên:

"Cứu tôi với! Cứu tôi với!" Anh ta kêu bằng tiếng Pháp khiến tôi sửng sốt. Trên tàu có một đồng bào của tôi và có lẽ không phải là người duy nhất! Tiếng kêu xé ruột xé gan đó tôi sẽ còn nghe thấy suốt đời. Người xấu số đang ngắc ngoải. Ai có thể giằng anh ta ra khỏi cái vòi bạch tuộc bây giờ?

Nhưng Nê-mô đã xông đến và chặt đứt luôn cái vòi. Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba người chúng tôi cũng dùng vũ khí chiến đấu quyết liệt với những con bạch tuộc khác đang bò trên thành tàu. Thật là khủng khiếp! Có lúc tôi tưởng người bị nạn sắp được cứu thoát khỏi sức hút của vòi bạch tuộc. Con quái vật có tám vòi thì bảy vòi đã bị chặt đứt. Cái vòi còn lại vẫn quấn chặt người thủy thủ và ngoe nguẩy trên không. Khi Nê-mô và viên thuyền phó vừa lao tới thì quái vật liền phun ra một chất lỏng màu đen. Chúng tôi lập tức bị tối tăm mặt mũi chẳng nhìn thấy gì. Khi đám "mây" đen tan đi thì quái vật đã biến mất, mang theo cả người đồng hương xấu số của tôi! Chúng tôi xông đến lũ bạch tuộc. Ai nấy đều sôi sục căm thù! Trên boong tàu và ở thành tàu có độ mười, mười hai con. Chúng bị chém đứt ra từng đoạn và quần quai trong máu đỏ và "mực" đen. Nét Len phóng lao nhọn vào những cái mắt xanh xám của lũ quái vật, lần nào cũng trúng đích. Tuy vậy, khi anh bạn dũng cảm của tôi chưa kịp quay lại thì đã bị một đôi thủ dùng vòi quật ngã. Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã há hốc ra ở phía trên Nét. Tôi lao tới cứu anh ta. Nhưng Nê-mô đã đến trước tôi. Lưỡi rìu của Nê-mô cắm phập vào mồm quái vật. Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngáp mũi lao vào tim kẻ thù.

- Tôi có bốn phen trả ơn ông!

- Nê-mô bảo Nét. Nét chỉ nghiêng mình đáp lại. Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết,

phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu. Thuyền trưởng Nê-mô, mình nhuốm đầy máu, đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình. Mất Nê-mô ứa lệ.

CHƯƠNG 43

DÒNG BIỂN GƠN-XTƠ-RIM

Chúng tôi không ai quên được sự kiện hãi hùng ngày 20 tháng 4. Khi thuật lại, tôi vẫn cảm thấy hết sức xúc động. Chuyện viết xong, tôi đọc lại rồi đọc cho Công-xây và Nét nghe. Họ thấy tôi đã thuật lại sự kiện một cách chính xác nhưng chưa sinh động lắm. Như trên đã nói, thuyền trưởng Nê-mô vừa nhìn xuống biển vừa khóc. Nỗi đau khổ của Nê-mô thật vô hạn. Kể từ khi chúng tôi có mặt trên tàu Nau-ti-lux, đây là người đồng chí thứ hai của ông ta bị chết. Và chết một cách bi thảm! Chết mà không được an nghỉ giữa những đồng chí của mình trong nghĩa trang san hô. Về phần tôi, tôi đứt từng khúc ruột khi nghe thấy tiếng kêu tuyệt vọng thốt ra từ miệng người thủy thủ xấu số giữa trận chiến đấu quyết liệt. Người Pháp bất hạnh đó đã quên mất thổ ngữ vẫn dùng trên tàu mà trở về với tiếng mẹ đẻ, tiếng quê hương, dùng nó để kêu cứu lần cuối cùng, nhưng vô hiệu!... Thuyền trưởng Nê-mô trở về phòng riêng. Tôi không gặp ông ta suốt thời gian sau đó. Nhưng căn cứ vào cách đi đứng của con tàu mà thuyền trưởng Nê-mô là linh hồn, thì có thể đoán được rằng Nê-mô đã buồn bã, thất vọng và do dự như thế nào khi ngồi một mình trong phòng riêng. Tàu Nau-ti-lux khi chạy tới, khi chạy lui, chẳng theo hướng nào nhất định. Nó bập bênh theo sóng như một xác chết. Chân vịt đã được lau rửa sạch, nhưng gần như không hoạt động nữa. Thuyền trưởng Nê-mô lái tàu chẳng có chủ định gì. Ông ta không đủ sức đi khỏi nơi diễn ra trận chiến đấu vừa rồi, đi khỏi vùng biển đã nuốt sống người bạn của mình! Mười ngày đã trôi qua như vậy.

Cuối cùng, ngày 1 tháng 5, tàu Nau-ti-lux hướng hẳn về phía bắc như cũ và chạy ngang qua nhóm đảo Lu-cai. Tàu xuôi theo một dòng biển lớn nhất có ranh giới riêng, có các loài cá và nhiệt độ riêng. Tôi muốn nói về dòng biển Gơn-xtơ-rim. Đó là một con sông thật sự, nhưng chảy giữa Đại Tây Dương. Nước sông cũng mặn, thậm chí mặn hơn nước biển chung quanh. Độ sâu trung

bình của nó là chín trăm mét, rộng trung bình sáu mươi hải lý. Ở đôi chỗ, nước chảy nhanh 4 ki-lô-mét một giờ. Lượng nước dòng biển này cố định hơn các dòng sông khác trên trái đất nhiều. Dòng biển Gơn-xơ-rim bắt nguồn thực sự từ vịnh Gát-xcôn. Ở đây nước biển được sưởi ấm một chút rồi chảy về phía nam, dọc bờ biển châu Phi xích đạo. Sau khi được mặt trời châu Phi hun nóng, nó chảy ngang qua Đại Tây Dương, tới mũi Xanh Rốc ở bờ biển Bra-xin rồi chia thành nhánh. Một bộ phận của nó hướng về nhóm đảo ...ng-ti và lại được hun nóng. Ở đây, hình như được thiên nhiên trao cho chức năng cân bằng nhiệt độ, dòng Gơn-xơ-rim hòa nước biển nhiệt đới với nước biển miền bắc. Được mặt trời ở vịnh Mếch-xích đốt nóng, dòng Gơn-xơ-rim ngược lên phía bắc tới bờ biển Niu Phao-len ở Bắc Mỹ. Ở đây do tác động của dòng nước lạnh đại dương, đến kinh tuyến 43, dòng biển chia thành hai nhánh. Một nhánh chịu tác động của tín phong tây-bắc, trở lại vịnh Gát-xcôn và nhóm đảo A-xơ. Nhánh kia sưởi ấm bờ biển Ai-len và Na-uy rồi chảy tới Spit-béc, nơi nhiệt độ hạ xuống tới 40 nhưng vẫn đủ để tạo nên một vùng biển không bị đóng băng.

Tàu Nau-ti-lux cứ theo dòng biển ấy mà đi. Ra khỏi eo Ba-ha-ma rộng mười bốn dặm và sâu ba trăm năm mươi mét, dòng Gơn-xơ-rim chảy với tốc độ tám ki-lô-mét một giờ. Càng lên phía bắc, tốc độ nó càng giảm. Mong sao dòng biển giữ vững mãi được sự điều hòa này. Nếu lúc nào đó, Gơn-xơ-rim thay đổi tốc độ và hướng chảy, như người ta dự kiến, thì khí hậu các nước châu Âu sẽ bị lay chuyển rất mạnh, gây nên những hậu quả không thể lường trước được... Dòng biển chảy mạnh cuốn theo cả một thế giới sinh vật phong phú. Ban đêm nước ở đây lấp lánh lân tinh có thể sánh được với ánh sáng đèn pha trên tàu. Ngày 8 tháng 5, tàu chạy ngang qua mũi Gat-te-rax ở độ vĩ Bắc Ca-rô-li-na. Đến đây dòng Gơn-xơ-rim rộng tới bảy dặm hải lý, sâu hai trăm mười mét. Tàu Nau-ti-lux chạy không có phương hướng rõ rệt. Trên tàu chẳng có ai canh gác. Phải thấy rằng trong điều kiện này có thể chạy trốn được. Bờ biển có người ở là nơi nương náu rất thuận lợi. Biển lúc nào cũng có tàu bè qua lại. Có thể hy vọng là sẽ được họ cứu. Tất cả những điểm đó là điều kiện tốt, mặc dù tàu Nau-ti-lux còn cách bờ biển nước Mỹ ba mươi hải lý.

Nhưng một điểm khác rất đáng buồn, đã bác bỏ hoàn toàn kế hoạch của Nét. Thời tiết rất xấu. Tàu Nau-ti-lux đang đến gần vùng bờ biển rất hay có bão, nơi chính dòng Gơn-xơ-rim sản sinh

ra gió xoáy và vòi rồng nước. Dùng chiếc thuyền con này mà lao vào vùng biển động thì có nghĩa là cầm chắc cái chết trong tay. Nét cũng đồng ý như vậy. Ngay hôm đó, anh ta bảo tôi:

- Thưa giáo sư, đã đến lúc chấm dứt tình trạng này. Tôi muốn hành động công khai. Ông Nê-mô của ngài cho tàu chạy xa đất liền về hướng phía bắc. Tôi xin tuyên bố với ngài rằng tôi đã xin đủ cái đất Nam cực và sẽ không bao giờ theo ông ta đi Bắc cực cả!

- Biết làm thế nào, hả ông Nét, một khi việc chạy trốn không thể thực hiện được?

- Tôi vẫn giữ ý kiến của tôi. Ta phải nói chuyện với thuyền trưởng. Ngài không muốn nói chuyện với ông ta khi tàu ở vùng biển nước ngài. Nay tàu đang ở vùng biển Tổ quốc tôi. Tôi chỉ có một ý nghĩ: mấy hôm nữa tàu sẽ chạy ngang Tây Xcôt-len; gần Niu Phao-len có một vũng biển lớn, nơi con sông Xanh Lô-ranh đổ vào. Sông này là sông của tôi, sông của thành phố quê hương tôi. Chỉ cần nghĩ vậy là máu đã dồn lên mặt tôi và tôi đã thấy ngứa ngáy khó chịu. Giáo sư biết không, thà tôi đâm đầu xuống biển còn hơn là ở lại tàu này! Ở đây mãi tôi sẽ chết mất! Rõ ràng Nét không thể chịu đựng được hơn nữa. Cái bản chất hảo hán của anh ta không thích nghi được với cảnh tù túng lâu như vậy. Về mặt Nét ngày càng âu sầu hơn. Tôi cũng thông cảm với nỗi đau khổ của Nét vì chính tôi cũng nhớ quê hương đất nước da diết. Đã bảy tháng nay chúng tôi chẳng biết tin tức gì về mặt đất cả. Ngoài ra, sự lạnh nhạt của thuyền trưởng Nê-mô, sự thay đổi tính tình của ông ta, nhất là sau đêm chiến đấu với bạch tuộc, sự im lặng của ông ta - tất cả những cái đó khiến tôi nhìn thấy sự vật khác hẳn trước. Phải là người như Công-xây mới sống nổi trong môi trường đúng ra chỉ dành riêng cho cá voi và các động vật khác của biển sâu.

- Thế nào giáo sư?

Nét Len hỏi vì không thấy tôi trả lời.

- Ông muốn tôi hỏi thuyền trưởng Nê-mô xem ông ta định xử sự với chúng ta thế nào, phải không?

- Vâng.

- Mặc dù Nê-mô đã tỏ ý rõ ràng rồi?

- Vâng, tôi muốn xác định điều đó lần cuối cùng. Nếu ngài muốn, ngài có thể chỉ nói về tôi, nhân danh cá nhân tôi.

- Nhưng tôi rất ít gặp Nê-mô. Thậm chí ông ta tránh mặt tôi.
- Thế thì càng cần gặp.
- Tôi sẽ nói chuyện với Nê-mô, ông Nét ạ.
- Bao giờ nói?- Nét hỏi gặng.
- Khi nào gặp sẽ nói.
- Ngài A-rô-nác, thế ngài muốn để tôi đến gặp Nê-mô à?
- Không, ông cứ để tôi. Ngày mai...
- Ngay hôm nay!
- Được. Tôi sẽ gặp Nê-mô hôm nay,

Tôi trả lời Nét vì cảm thấy nếu để anh ta trực tiếp làm việc này thì sẽ hỏng bét. Tôi ngồi lại một mình. Một khi vấn đề được đặt ra, tôi muốn giải quyết dứt khoát ngay. Tôi trở về phòng riêng và nghe thấy tiếng chân bước trong phòng thuyền trưởng. Không nên để lỡ cơ hội gặp ông ta. Tôi gõ cửa. Không có tiếng trả lời. Tôi lại gõ và vặn quả đấm cửa. Cửa mở ra. Tôi vào. Trong phòng chỉ có một mình thuyền trưởng. Ông ta không nghe thấy tôi vào vì mãi cắm cúi trên bàn. Tôi đến gần, Nê-mô vội ngẩng đầu lên, nhúm mày và nói khá gay gắt:

- Ngài đấy à? Ngài muốn gì?
- Thưa thuyền trưởng. Tôi muốn nói chuyện với ngài.
- Nhưng tôi đang bận việc. Tôi để ngài được tự do một mình, chẳng lẽ tôi không được hưởng cái tự do đó sao? Cuộc gặp gỡ này chẳng có gì đáng phấn khởi lắm. Nhưng tôi quyết nghe cho hết để có thể nói được hết. Tôi lạnh lùng trả lời:
- Thưa thuyền trưởng, tôi muốn thưa với ngài một chuyện không thể trì hoãn được.
- Chuyện gì vậy?

Nê-mô hỏi một cách châm biếm.

- Ngài vừa tìm ra một điều gì mà trước đây tôi chưa biết? Hay biển cả vừa lộ ra cho ngài những bí mật mới? Chúng tôi khó nói chuyện với nhau quá! Nhưng tôi chưa kịp trả lời thì Nê-mô đã chỉ cho tôi tập bản thảo đang mở ra trước mặt rồi nói một cách trang trọng:

- Ngài A-rô-nắc, đây là bản thảo đã dịch ra mấy thứ tiếng. Nó gồm có bản thông báo tóm tắt về những công trình nghiên cứu biển của tôi, may ra sẽ không mất đi theo tôi. Bản thảo này kèm theo chuyện cuộc đời tôi, sẽ được đặt trong một cái máy không chìm được. Ai là người sống sót cuối cùng trên tàu này sẽ ném máy xuống biển để nó tự do trôi theo sóng. Tên tuổi con người này ư? Tiểu sử nữa ư? Nghĩa là có lúc nào đó, bí mật của Nê-mô sẽ được sáng tỏ? Nhưng trong giờ phút này, điều đó đối với tôi chỉ là một phương tiện để tiến tới câu chuyện muốn nói. Tôi trả lời:

- Thưa thuyền trưởng, tôi không thể tán thành ý định đó của ngài. Không thể để những kết quả của nghiên cứu khoa học của ngài mai một đi được. Nhưng phương tiện mà ngài lựa chọn tôi thấy quá thô sơ. Ai biết gió sẽ đẩy cái máy đó trôi đi đâu và nó sẽ rơi vào tay ai? Chẳng lẽ ngài không thể nghĩ ra cách gì chắc chắn hơn? Chẳng lẽ bản thân ngài hay ai đó trong số...

- Không!

Nê-mô ngắt lời tôi.

- Thế thì tôi và các bạn tôi sẵn sàng nhận bảo quản tập bản thảo của ngài, nếu ngài trả tự do cho chúng tôi...

- Tự do ư? - Nê-mô đứng dậy hỏi.

- Vâng, tôi muốn nói với ngài chính về vấn đề đó. Chúng tôi ở trên tàu của ngài đã được bảy tháng. Hôm nay, thay mặt bạn tôi và nhân danh cá nhân, tôi xin hỏi: ngài có định giam giữ chúng tôi vĩnh viễn không?

- Ngài A-rô-nắc, hôm nay tôi sẽ trả lời ngài như đã trả lời bảy tháng trước đây:

"Ai đã xuống tàu Nau-ti-lux thì người đó không bao giờ ra khỏi tàu cả".

- Nghĩa là ngài biến chúng tôi thành nô lệ?

- Nếu ngài muốn gọi thế thì tùy ngài.

- Nhưng ở đâu kẻ nô lệ cũng có quyền giành lại tự do cho mình! Và để đạt được mục đích đó, thì phương tiện nào cũng tốt!

- Có ai phủ nhận cái quyền đó của ngài đâu? Phải chăng đã có lúc nào đó tôi bắt các ngài phải thề bồi? Nê-mô khoanh tay trước ngực, nhìn tôi. Tôi nói:

- Thưa thuyền trưởng, ngài cũng như tôi đều không muốn trở lại vấn đề này. Nhưng một khi đã đề cập tới, thì chúng ta nên giải quyết đến nơi đến chốn. Xin thưa lại với ngài rằng, vấn đề này không phải chỉ liên quan đến riêng tôi. Đối với tôi, nghiên cứu khoa học là một nguồn cổ vũ, một niềm say sưa có thể khiến tôi quên hết mọi sự. Cũng như ngài, tôi có thể sống không cần ai biết đến, sống ẩn danh, với hy vọng mỏng manh là sẽ truyền lại cho đời sau những kết quả nghiên cứu của mình. Tóm lại, chỉ riêng tôi là có thể vừa thán phục ngài, vừa thích thú ngài, và đóng một vai trò mà tôi cũng hiểu được đôi phần. Nhưng trong cuộc đời ngài còn có một mặt khác rất phức tạp và bí ẩn, mà tôi và các bạn tôi không liên quan đến chút nào. Chính vì chúng tôi xa lạ với tất cả những gì riêng tư của ngài, mà chúng tôi không thể chịu đựng được hoàn cảnh hiện nay. Tôi cũng vậy, hướng chỉ là Nét Len. Mỗi con người ở đời này đều xứng đáng được quan tâm tới. Ngài có bao giờ tự hỏi rằng lòng yêu tự do và căm ghét ách nô lệ có thể thúc đẩy những người như Nét mưu tính và hành động trả thù như thế nào không? Tôi ngừng lời, Nê-mô đứng dậy nói:

- Nét Len có thể mưu tính và làm gì, tôi không cần quan tâm đến! Có phải tôi tìm ông ta đâu! Giữ ông ta trên tàu này thì tôi thích thú gì? Còn ngài thì thuộc loại người có thể hiểu được tất cả, ngay cả sự im lặng.

Tôi không có gì để trả lời nữa. Lần nói chuyện của ngài hôm nay về vấn đề này sẽ là lần cuối cùng. Vì lần sau, tôi có thể sẽ không trả lời nữa. Tôi đi ra. Từ ngày đó, chúng tôi sống rất căng thẳng. Tôi thuật lại chuyện này cho Nét và Công-xây nghe. Nét nói:

- Bây giờ ít nhất ta cũng biết rằng chẳng thể mong đợi gì ở Nê-mô. Tàu Nau-ti-lux đang đến gần Long Ai-len. Dù thời tiết thế nào, ta cũng sẽ chạy trốn. Nhưng những triệu chứng của một cơn bão đã xuất hiện. Không khí chuyển sang màu trắng đục. Biển bắt đầu nổi sóng lớn. Chim chóc biến mất cả, trừ chim báo bão. áp kế hạ thấp rõ rệt, chứng tỏ không khí đã tích tụ nhiều hơi nước...

Cơn bão nổ ra ngày 18 tháng 5, đúng lúc tàu Nau-ti-lux chạy ngang qua Long Ai-len cách những lạch biển Niu I-oóc mấy hải lý. Sở dĩ tôi miêu tả được cảnh bão tố này là nhờ thuyền trưởng Nê-mô muốn cho tàu độ sức với bão trên mặt biển. Gió tây-nam lúc đầu rất mát, thổi với tốc độ mười lăm mét một giây, đến ba giờ chiều thì đạt tới hăm nhăm mét một giây. Thuyền trưởng Nê-mô

đứng trên boong đương đầu với ngọn gió điên cuồng ấy. Ông ta tự buộc ngang mình vào boong tàu để khỏi bị sóng dữ cuốn đi mất. Tôi cũng trèo lên boong, tự buộc mình như vậy, rồi vừa ngắm cảnh bão tố, vừa ngắm con người không ai sánh nổi, con người đang chiến đấu với thiên nhiên hung dữ. Gần năm giờ chiều, mưa rào ập xuống, nhưng gió vẫn to, sóng vẫn lớn. Con bão đi với tốc độ bốn năm mét một giây, hay bốn mươi dặm một giờ. Với sức gió ấy, nó phá đổ nhà, cuốn theo ngôi, nhổ bật cả hàng rào sắt. Tuy nhiên, ngay trong bão lớn như vậy, tàu Nau-ti-lux vẫn chứng minh lời một kỹ sư - bác học nói là đúng:

“Không một con tàu nào đóng tốt mà không đương đầu được với biển cả”. Tàu Nau-ti-lux là một con thoi bằng thép ngoan ngoãn, cơ động, không có cột buồm và các thiết bị bên ngoài, nên có thể hiện ngang chống chọi lại biển dữ. Tôi chăm chú quan sát những đợt sóng khổng lồ. Chúng cao tới mười lăm mét và dài tới một trăm năm mươi, một trăm bảy mươi mét, còn tốc độ thì bằng nửa tốc độ gió, nghĩa là mười lăm mét một giây. Biển càng sâu, sóng càng cao. Bây giờ tôi đã hiểu được vai trò đặc biệt của sóng, khi chúng cuốn theo dưỡng khí và đưa nguồn sống xuống tận lòng biển sâu. Đêm tới cơn bão càng hung dữ. Trong bóng đêm, tôi nhận ra ở chân trời một con tàu đang vật lộn vất vả với sóng gió. Một lát sau, nó bị chân trời che khuất. Gần mười giờ đêm, bầu trời rực lửa. Mọi vật xung quanh đều chìm trong ánh chớp. Tôi không chịu nổi ánh sáng chói lòa ấy, nhưng thuyền trưởng Nê-mô thì lại nhìn không chớp mắt, dường như muốn thu cái hồn của bão tố vào mình. Dòng biển Gơn-xơ-rim quả xứng đáng với tên gọi là "Vua bão"! Do sự chênh lệch nhiệt độ giữa nó và các lớp không khí nằm trên nó mà sinh ra tất cả những cơn gió xoáy khủng khiếp này... Tôi mệt lả nên nằm xuống mở nắp tàu ra rồi xuống phòng khách. Lúc đó cơn bão lên tới đỉnh cao nhất.

Trong tàu Nau-ti-lux không ai có thể đứng vững. Gần nửa đêm, thuyền trưởng Nê-mô cũng quay xuống. Tôi nghe thấy tiếng nước từ từ chảy vào các bể chứa. Tàu Nau-ti-lux nhẹ nhàng chìm xuống dưới mặt biển. Qua ô cửa mở, tôi thấy những con cá lớn hoảng sợ bơi như những bóng ma trong khoảng nước lấp lánh ánh chớp. Tàu vẫn lặn xuống. Tôi tưởng đến độ sâu mười lăm mét nó sẽ tìm thấy sự yên tĩnh. Nhưng không, những lớp nước trên còn lên quá dữ dội. Muốn yên tĩnh thì phải lặn xuống sâu nữa, tới năm mươi mét. Ở đây mới thực phẳng lặng, thực thanh bình! Ai có thể bảo rằng phía trên đang có một cơn bão khủng khiếp.

CHƯƠNG 44

Ở ĐỘ VĨ 47°24' VÀ ĐỘ KINH 17°28'

Cơn bão đã đánh giạt con tàu về phía đông. Thế là tiêu tan hy vọng chạy trốn lên bờ biển Niu I-oóc hay sông Xanh Lô-răng. Anh chàng Nét khốn khổ vì tuyệt vọng nên lảng tránh mọi người giống như Nê-mô, nhưng tôi và Công-xây thì vẫn không rời nhau. Tôi đã nói rằng tàu Nau-ti-lux quay sang hướng đông. Đúng hơn là sang hướng đông bắc. Trong khoảng mấy ngày, khi nổi, khi lặn, tàu lang thang giữa đám sương mù mà người đi biển rất hoảng sợ. Sở dĩ có sương mù là do khi băng tan, hơi ẩm được giữ lại rất nhiều trong không khí. Biết bao tàu thuyền đã bị đắm ở đây! Sương mù dày đặc đã gây biết bao tai họa! Biết bao tàu thuyền đã va phải đá ngầm, khi tiếng gió gào thét át hẳn tiếng sóng gào, biết bao tàu thuyền đã đâm vào nhau mặc dù đã phát tín hiệu bằng đèn, đã rúc còi và rung chuông! Chính vì vậy mà đáy biển ở đây giống hệt một bãi chiến trường, nơi chôn vùi tất cả những kẻ bị đại dương đánh bại: có nhiều tàu thuyền cũ kỹ đã phủ đầy bùn đất, có những chiếc khác mới hơn, còn lấp lánh những bộ phận bằng sắt và bằng đồng dưới ánh đèn pha của tàu Nau-ti-lux. Tàu Nau-ti-lux đi giữa đồng tàu thuyền hoang tàn ấy tựa như đang duyệt những xác chết. Ngày 15 tháng 5, chúng tôi tới mỏm phía nam của bãi biển Niu Phao-len. Nhưng tàu Nau-ti-lux không ở lâu trong vùng biển gần bờ có nhiều tàu bè qua lại này. Nó ngược lên tới 42° độ vĩ bắc. Đó là nơi có một đầu dây cáp chạy qua Đại Tây Dương. Đáng lẽ tiếp tục hành trình lên phương bắc, tàu Nau-ti-lux lại chạy về phía đông, hình như chuẩn bị chạy dọc theo dây cáp ngầm đặt trên đáy biển đã được thăm dò nhiều.

Ngày 17 tháng 5, ở độ sâu hai ngàn tám trăm mét, tôi trông thấy đường dây cáp. Công-xây tưởng lầm đó là một con rắn biển lớn và định xếp loại theo phương pháp của anh ta. Nhưng tôi giúp Công-xây thấy ngay sai lầm, và để anh ta đỡ bẽ, tôi liền kể cho anh ta nghe tỉ mỉ về lịch sử đặt dây cáp ngầm này. Dây cáp đầu

tiên được đặt trong hai năm 1857 và 1858. Nhưng sau khi chuyển được chừng bốn trăm bức điện, nó ngừng hoạt động. Năm 1863, các kỹ sư lại chế tạo dây cáp mới, dài ba ngàn bốn trăm ki-lô-mét, nặng bốn ngàn năm trăm tấn rồi đưa lên tàu Grét I-xton. Công cuộc đó cũng thất bại. Ngày 25 tháng 5, tàu Nau-ti-lux lặn xuống sâu ba ngàn tám trăm ba mươi mét, đúng vào chỗ dây cáp bị đứt khiến những người chủ của nó bị phá sản. Dây bị đứt cách Ai-len sáu trăm ba tám hải lý. Hôm đó, lúc hai giờ chiều, người ta thấy liên lạc với châu Âu bỗng bị đứt. Toán thợ điện quyết định trước hết phải cắt đứt dây cáp rồi mới vớt lên. Gần 11 giờ đêm, họ vớt được chỗ dây cáp bị hỏng, sửa chữa cẩn thận rồi thả xuống biển. Nhưng mấy hôm sau, dây lại bị đứt ở một chỗ nào đó ngoài đại dương, không thể vớt lên được. Người đề xướng chủ yếu ra công cuộc này là Ki-rux Phin liền đem cả gia sản của mình ra để xin làm một đường dây mới. Đường dây này được bảo đảm trong những điều kiện tốt nhất. Dây dẫn điện được bọc một lượt cao su cách điện, ngoài lại có một lượt vải đặc biệt. Tất cả được đặt trong một vỏ bằng kim loại. Ngày 13 tháng 7 năm 1866 tàu Grét I-xton lại ra khơi. Việc đặt dây được tiến hành rất tốt đẹp. Tuy vậy, không phải là không có chuyện. Khi tháo dây cáp ra, nhóm thợ điện mấy lần phát hiện thấy dây vừa bị đinh đóng vào, rõ ràng là nhằm làm hỏng dây. Thuyền trưởng An-đơ-xơn bèn triệu tập các kỹ sư và sĩ quan trên tàu lại để thảo luận về chuyện phá hoại này. Sau đó, cuộc họp công bố quyết định: nếu ai trên tàu bị bắt quả tang làm việc này thì người đó sẽ bị ném ngay xuống biển không cần xét xử gì. Từ đó việc phá hoại mới chấm dứt...

Đường dây cáp nằm yên đó, không bị sóng biển tác động. áp lực nước ở đây cũng thuận lợi cho dòng điện chạy từ châu Âu sang châu Mỹ chỉ mất ba mươi hai phần trăm dây đồng hồ. Thời gian hoạt động của đường dây này là vô tận, vì theo quan sát của các thợ điện, vỏ cao su bên ngoài càng ngâm trong nước biển càng tốt. Ngoài ra, dây cáp còn được đặt rất khéo trên cao nên không bao giờ xuống tới độ sâu có thể nổ được. Tàu Nau-ti-lux đã xuống sâu đến bốn ngàn bốn trăm ba mươi mét, nhưng ở đây dây cáp vẫn không có vẻ gì là căng cả. Sau đó tàu chạy tới chỗ xảy ra chuyện rủi ro năm 1863, và ngày 28 tháng 5 chỉ cách Ai-len có một trăm năm mươi mét. Không biết thuyền trưởng Nê-mô có định lái tàu lên phía trên và đổ bộ lên quần đảo Anh-cát-lợi không? Không. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy ông ta lại đi về phía nam và quay lại vùng bờ biển châu Âu. Một câu hỏi rất quan trọng nảy ra trong óc tôi.

Liệu tàu Nau-ti-lux có dám vào eo biển Măng-sơ không? Từ khi tàu chạy gần bờ biển thì Nét Len lại tiếp xúc với những người xung quanh. Anh ta luôn hỏi tôi về điều đó. Tôi biết trả lời Nét thế nào? Thuyền trưởng Nê-mô không xuất hiện. Ông ta đã cho Nét nhìn thấy bờ biển châu Mỹ, chẳng biết có cho tôi thấy bờ biển nước Pháp không? Trong khi đó, tàu Nau-ti-lux tiếp tục đi về phía nam. Ngày 30 tháng 5, nó chạy qua Len-xen và nhóm đảo Xi-li ở bên phải. Nếu nó định vào eo biển Măng-sơ thì phải tiến thẳng về phía đông chứ! Nó không vào Măng-sơ thật. Suốt ngày 31 tháng 5, tàu Nau-ti-lux chạy quanh mấy vòng ngoài biển làm tôi rất thắc mắc. Hình như nó đang tìm điểm nào đó trên đại dương, nhưng gặp khó khăn. Đến trưa, thuyền trưởng Nê-mô đích thân cầm lái. Ông ta chẳng nói với tôi một lời. Về mặt Nê-mô rầu rĩ hơn bao giờ hết. Nê-mô buồn phiền vì lẽ gì? Có thể vì gần đây là bờ biển châu Âu, hay vì những kỷ niệm về quê hương đã sống lại? Nê-mô cảm thấy gì trong lúc này? Ông ta hối tiếc hay bị lương tâm cắn dứt? Những ý nghĩ đó vương vấn trong lòng tôi, đồng thời tôi linh cảm rằng trong tương lai rất gần đây, những bí mật của Nê-mô sẽ được sáng tỏ. Hôm sau, tàu Nau-ti-lux lại lượn vòng như vậy. Rõ ràng là nó đang tìm kiếm một chỗ nào đó rất cần thiết. Cũng như hôm trước, thuyền trưởng Nê-mô lên boong xác định độ cao của mặt trời. Biển lặng, trời trong. Phía chân trời hiện lên một chiếc tàu lớn chạy bằng hơi nước. Ở đuôi tàu không treo cờ nên tôi không đoán được là tàu nước nào. Lúc đó, tàu Nau-ti-lux đứng yên. Xác định được độ cao của mặt trời, Nê-mô nói:

- Đây rồi! Rồi ông ta đi xuống. Chẳng biết ông ta có thấy chiếc tàu hơi nước kia đã đổi hướng đi và hình như đang tiến lại gần tàu Nau-ti-lux không?

Tôi quay xuống phòng khách. Cửa sổ được đóng lại, sau đó tôi nghe thấy tiếng nước chảy ào ào vào các bể chứa. Tàu Nau-ti-lux bắt đầu lặn xuống theo chiều thẳng đứng, và mấy phút sau thì xuống tới đáy sâu tám trăm ba mươi mét. Đèn trên trần phòng khách tắt đi, các cửa sổ lại mở ra. Qua ô cửa kính, tôi lại thấy biển được đèn pha trên tàu chiếu sáng trong khoảng nửa hải lý đường bán kính. Tôi nhìn sang phải, nhưng chỉ thấy một khối nước phẳng lặng. Từ đáy biển bên trái tàu hiện lên một khối gì đó to lớn, khiến tôi chú ý ngay tức khắc. Nhìn kỹ, thì hình như nó là một chiếc tàu không có cột buồm bị chìm, mũi cắm xuống. Chuyện đáng buồn này chắc xảy ra đã lâu. Nếu chiếc tàu đắm bị phủ một

lớp vỏ dày như vậy thì nhất định nó đã nằm dưới đáy biển nhiều năm rồi. Chiếc tàu đó là thế nào? Vì sao tàu Nau-ti-lux lại đến thăm nơi nó bị đắm? Tôi chưa biết nên suy nghĩ thế nào, thì thuyền trưởng Nê-mô bỗng cất tiếng nói chậm rãi, điềm đạm:

- Xưa kia chiếc tàu này có tên là "Mác-xây-e". Nó được đưa xuống nước năm 1762 và có bảy mươi tư đại bác. Ngày 13 tháng 8 năm 1778, nó đã dũng cảm chiến đấu với tàu Prét-xton... Năm 1794, nước Cộng hòa Pháp đổi tên cho nó. Ngày 16 tháng 4 năm đó, nó gia nhập hạm đội của Vi-la-rê Gioay-ơ-dơ ở Brét. Hạm đội này có nhiệm vụ bảo vệ đoàn tàu do đô đốc Van Xta-ben chỉ huy chở lúa mì từ Mỹ về, và đã gặp hạm đội Anh. Hôm nay là mừng 1 tháng 6 năm 1868. Đúng bảy mươi tư năm trước đây, đúng ở nơi này, tàu Mác-xây-e đã dũng cảm chiến đấu với hạm đội Anh. Khi cả ba cột buồm đã bị gãy, hầm tàu đã ngập đầy nước và một phần ba số quân bị thương vong, tàu đã tự đánh đắm cùng với 356 chiến sĩ trên tàu. Sau khi cắm cờ ở phía lái, tất cả các chiến sĩ đã hô to:

"Nước cộng hòa muôn năm!" rồi theo tàu chìm xuống đáy biển.

- Tàu "Báo thù!" - Tôi kêu lên.

- Đúng là tàu "Báo thù"! Cái tên mới đẹp làm sao!

Thuyền trưởng Nê-mô thăm thì, tay khoanh trước ngực.

CHƯƠNG 45

NGHĨA ĐỊA KHÔNG LỒ

Cuộc gặp gỡ ấy, cách nói ấy, việc thuật lại lịch sử chiếc tàu yêu nước ấy được bắt đầu một cách lạnh lùng, nhưng càng về cuối càng có vẻ xúc động, vả lại bản thân cái tên "Báo thù" được Nê-mô nhấn mạnh - tất cả những điều đó đã khắc sâu trong lòng tôi. Tôi đắm đắm nhìn thuyền trưởng. Nê-mô giơ tay ra phía biển và nhìn những tàn tích của chiếc tàu vinh quang ấy bằng đôi mắt rực lửa. Có lẽ tôi sẽ không biết được ông ta là ai, từ đâu đến, đang đi đâu, nhưng càng ngày tôi càng thấy rõ con người thực sự của Nê-mô đang xuất hiện và che khuất con người bác học của ông ta. Không, không phải sự chán đời hèn kém, mà là lòng căm thù rất sâu sắc và cao cả mà thời gian không thể làm nguôi, đã đẩy thuyền trưởng Nê-mô và các bạn ông xuống tàu Nau-ti-lux. Nhưng lòng căm thù đó có tìm thời cơ để thể hiện một cách hiệu quả không? Điều này đã được chứng minh ngay sau đó. Tàu Nau-ti-lux bắt đầu nổi dần lên mặt biển. Hình dáng tàu "Báo thù" ngày càng mờ nhạt trước mắt tôi. Cuối cùng, một cái lắc nhẹ cho biết là tàu đã tiếp xúc với không khí trong lành. Lúc đó tôi nghe thấy một tiếng súng lớn nổ. Tôi đưa mắt nhìn Nê-mô, Nê-mô vẫn đứng không nhúc nhích.

- Thuyền trưởng!

Tôi gọi. Nê-mô không trả lời. Tôi bỏ lên boong. Nét, Công-xây đã tới đó trước rồi.

- Tiếng súng đó từ đâu bắn tới?

Tôi hỏi. Nhìn chiếc tàu hơi nước, tôi thấy nó đang tăng tốc độ tiến gần chúng tôi. Hai tàu còn cách nhau sáu hải lý.

- Tiếng đại bác đó, - Nét trả lời.

- Tàu ấy là tàu nào, ông Nét?

- Xét về thiết bị và cột buồm thấp, tôi cam đoan đây là tàu chiến. Cứ để nó đến gần và nếu cần thì đánh đắm luôn chiếc tàu Nau-ti-lux đáng quyền rửa này đi.

- Ông bạn Nét ơi, - Công-xây mĩa mai, -nó làm gì nổi tàu Nau-ti-lux, hả ông? Liệu nó có thể tiến công dưới mặt biển không, có bắn được từ dưới đáy biển không?

- Ông có xác định được đó là tàu nước nào không, ông Nét?

Tôi hỏi. Nét nhú mày, nheo mắt tập trung nhìn thật kỹ chiếc tàu:

- Thưa giáo sư không thể xác định được, vì tàu không treo cờ. Tôi chỉ có thể khẳng định được đó là tàu chiến vì trên cột buồm chính có một lá cờ đuôi nheo dài. Chúng tôi theo dõi chiếc tàu đã được mười lăm phút. Nó đang tiến thẳng về chúng tôi. Tôi tin rằng ở một khoảng cách như vậy nó không thể thấy rõ tàu Nau-ti-lux, càng không thể hiểu tàu Nau-ti-lux là loại tàu gì. Một lát sau, Nét bảo cho tôi biết đó là một tàu chiến có mũi nhọn và boong bọc thép. Hai ống khói của nó nhả khói đen thẫm. Khoảng cách giữa hai tàu không cho phép xác định được màu của lá cờ đuôi nheo. Chiếc tàu đó đang băng mình về phía trước. Nếu thuyền trưởng Nê-mô cho nó lại gần thì chúng tôi sẽ có khả năng trốn thoát. Nét bảo tôi:

- Thưa giáo sư, nếu tàu kia đến cách chúng ta một hải lý, tôi sẽ nhảy xuống biển. Xin ngài cũng nhảy xuống theo tôi. Tôi không trả lời đề nghị của Nét mà tiếp tục quan sát con tàu đang lớn dần trước mắt tôi. Dù nó là tàu Anh, tàu Mỹ, tàu Pháp, tàu Nga, chắc chắn nó sẽ vớt chúng ta lên nếu ta bơi được tới mạn tàu. Nét nói:

- Thưa giáo sư, xin ngài nhớ rằng tôi cũng biết bơi đôi chút. Nếu ngài đồng ý đi theo Nét này, thì ngài có thể giao phó cho anh ta nhiệm vụ dìu ngài cùng bơi theo. Tôi vừa định trả lời Nét, thì thấy một làn khói trắng phụt ra từ phía mũi con tàu kia. Một giây sau, viên đạn đại bác rơi xuống làm nước biển tung tóe lên đuôi tàu Nau-ti-lux. Liên sau đó tiếng súng nổ vọng đến tai tôi.

- Sao? Họ bắn chúng ta à?

Tôi sửng sốt.

- Khá lắm!

Nét vừa nói xong thì phát đạn thứ hai nổ... Tôi nhớ lại, ngay khi tàu Lin-côn giáp chiến, khi Nét phóng lao vào con "cá thiết

hình", thì thuyền trưởng Pha-ra-gút đã hiểu rằng con "cá" này chẳng qua là một chiếc tàu ngầm, nhưng nguy hiểm hơn rất nhiều. Chắc là vì vậy mà giờ đây trên khắp các mặt biển, người ta đang tìm diệt con cá có sức phá hoại khủng khiếp này. Trên thực tế, nếu thuyền trưởng Nê-mô dùng tàu Nau-ti-lux để trả thù, thì nó quả là một công cụ đáng sợ! Ở ẩn Độ Dương đêm nọ, Nê-mô nhốt chúng tôi trong phòng kín, phải chăng đó là lúc ông ta tấn công một chiếc tàu nào đó? Và người thủy thủ được chôn cất ở nghĩa trang san hô, phải chăng là nạn nhân của trận tấn công đó? Đúng, chắc là như vậy thôi! Một phần nhỏ của cuộc đời bí ẩn của thuyền trưởng Nê-mô đã sáng tỏ. Mặc dù lai lịch ông ta chưa được xác định, nhưng chính phủ các nước đã hợp sức lại để tìm diệt một con người luôn đe dọa họ bằng lòng căm thù không đội trời chung! Tất cả quá khứ hải hùng đó lại hiện ra trước mắt tôi. Đáng lẽ những người trên chiếc tàu chiến đang tiến đến kia là bạn chúng tôi, nhưng họ lại thành kẻ thù của chúng tôi. Trong lúc đó, đạn súng lớn ngày càng rơi nhiều xuống quanh tàu Nau-ti-lux, nhưng chẳng viên nào rơi trúng tàu. Chiếc tàu chiến chỉ còn cách chúng tôi ba hải lý. Tuy bị bắn dữ dội, thuyền trưởng Nê-mô vẫn không xuất hiện trên boong. Chỉ cần một viên đạn đại bác đâm thẳng xuống thân tàu nguy khôn ngay. Nét bảo tôi:

- Ta phải làm mọi việc để thoát ra khỏi tình trạng tồi tệ này. Ta ra hiệu cho chiếc tàu chiến đi! Có lẽ họ sẽ hiểu chúng ta là những người lương thiện! Nét rút khăn tay ra vẫy. Nhưng vừa giờ khăn ra thì anh ta đã bị một bàn tay sắt đánh ngã quỵ xuống sàn tàu.

- Đồ khôn kiếp!

Thuyền trưởng quát lớn.

- Mi muốn ta cột mi vào mũi tàu trước khi diệt chiếc tàu kia à! Nghe Nê-mô nói thật đáng sợ, nhưng nhìn ông ta còn sợ hơn. Mặt Nê-mô trắng bệch ra vì tim bị co thắt lại và chắc ngừng đập trong giây lát. Con người mở hết sức to. Ông ta gầm lên chứ không phải là nói. Nê-mô cúi xuống người Nét, lắc lắc vai anh ta, rồi bỏ Nét nằm đó, quay về phía chiếc tàu chiến đang bắn như mưa xuống tàu Nau-ti-lux. Nê-mô hét lên giọng sang sảng:

- A ha! Chiếc tàu của cái quyền lực đáng nguyên rủa kia! Mi sẽ biết ta là ai! Còn ta, ta chẳng cần thấy sắc cờ của mi mới biết mi là ai! Mi hãy nhìn đây! Ta sẽ cho xem sắc cờ của ta! Thuyền trưởng

Nê-mô liền phát cao lá cờ đen, giống hệt lá cờ ông ta đã cắm ở Nam cực. Lúc đó, một viên đạn súng lớn rơi sạt thân tàu Nau-ti-lux nhưng không gây hại gì. Nó lia qua chỗ thuyền trưởng đứng rồi rơi tòm xuống biển. Nê-mô chỉ nhún vai. Sau đó, ông ta bảo tôi:

- Ngài và các bạn của ngài xuống tàu ngay!
- Thưa thuyền trưởng, ngài sắp đánh chiếc tàu kia sao?
- Tôi sẽ đánh chìm nó!
- Ngài không được làm thế!
- Tôi sẽ làm, - Nê-mô lạnh lùng trả lời.
- Tôi khuyên ngài, đừng lên án tôi. Số phận đã cho ngài được thấy những điều lẽ ra ngài không thể thấy được. Chúng đã tấn công tôi. Đòn giáng trả sẽ khủng khiếp. Ngài xuống đi!
- Thế tàu đó của nước nào?
- Ngài không biết ư? Càng tốt! ít nhất quốc tịch của nó cũng sẽ là một điều bí mật đối với ngài. Thôi, ngài xuống đi! Tôi, Nét và Công-xây chỉ còn biết tuân theo lệnh đó. Mười lăm thủy thủ vây quanh thuyền trưởng và nhìn chiếc tàu đang đến gần một cách hết sức căm thù. Tôi đang bước xuống thang thì một quả đạn nữa rơi sượt thân tàu Nau-ti-lux. Có tiếng thuyền trưởng Nê-mô hét to:
- Chiếc tàu điên đại kia, mi cứ bắn đi! Bắn cho hết đạn đi! Mi sẽ không thoát khỏi mũi tàu Nau-ti-lux này đâu! Nhưng mi sẽ không được chết ở chỗ này! Ta không muốn xác mi nằm lẫn với xác tàu "Báo thù" anh hùng!

Tôi quay xuống phòng riêng, còn Nê-mô và viên thuyền phó thì ở lại trên boong. Chân vịt bắt đầu quay. Tàu Nau-ti-lux nhanh chóng chạy ra ngoài tầm bắn của chiếc tàu chiến. Cuộc đuổi bắt tiếp tục, nhưng Nê-mô giữ cho hai con tàu cách nhau một khoảng cách nhất định. Khoảng gần bốn giờ chiều, tôi nóng ruột quá nên quay lại cầu thang trung tâm. Nấp tàu để ngó. Tôi đánh bạo trèo lên. Thuyền trưởng vừa đi đi lại lại trên boong vừa nhìn chiếc tàu chiến cách đó độ năm, sáu hải lý. Nê-mô cho tàu lượn quanh chiếc tàu chiến như một con thú dữ, nhử nó vượt theo về hướng đông. Nhưng Nê-mô không tấn công. Có lẽ ông ta còn lưỡng lự chưa quyết định. Tôi muốn khuyên can Nê-mô một lần nữa. Nhưng tôi vừa cất tiếng thì ông ta bắt tôi phải im.

- Chính tôi là pháp luật, là tòa án!- Nê-mô nói.

- Tôi là người bị áp bức, còn kia là kẻ áp bức tôi! Chúng đã tước đoạt của tôi tất cả những gì tôi yêu quý triu mến và tôn thờ: Tổ quốc, vợ con, cha mẹ! Tất cả những gì tôi căm thù đang ở kia! Ngài im đi! Tôi nhìn chiếc tàu chiến lần cuối cùng. Nó đang tăng tốc độ. Sau đó, tôi xuống phòng khách. Tôi bảo Nét và Công-xây:

- Ta trốn đi thôi!

- Ta trốn!- Nét nói.

- Tàu nước nào vậy?

- Tôi không rõ. Nhưng tàu nước nào thì cũng bị đánh đắm trước đêm nay! Dù sao, thà hy sinh cùng với nó còn hơn là làm những kẻ đồng lõa trong việc trả thù này mà ta chưa biết có chính đáng không.

- Tôi cũng nghĩ vậy, - Nét trả lời.

- Ta hãy đợi đêm nay.

Đêm đã tới. Trên tàu Nau-ti-lux im lặng như tờ. Địa bàn cho biết tàu không đổi hướng đi. Tôi thấy tiếng chân vịt quay nhanh và nhịp nhàng trong nước biển. Tàu chạy trên mặt nước, thân tàu hơi lắc. Ba chúng tôi quyết định sẽ bỏ trốn khi chiếc tàu chiến đến thật gần và có thể nghe thấy tiếng hoặc trông thấy chúng tôi nhờ trăng sắp tròn chiếu sáng vàng vạc. Khi đã lên được tàu chiến, nếu không kịp báo trước cuộc tấn công đang đe dọa nó, thì chúng tôi sẽ cố gắng làm tất cả những gì mà hoàn cảnh cho phép. Đã mấy lần tôi tưởng tàu Nau-ti-lux chuẩn bị chiến đấu. Nhưng không, nó chỉ nử cho đối thủ tới gần rồi lại bỏ chạy. Một phần đêm đã trôi qua mà chưa xảy ra chuyện gì. Chúng tôi chờ đợi thời cơ chạy trốn. Nét Len muốn lao ngay xuống biển. Tôi buộc anh ta phải nán thêm một chút. Theo tôi, tàu Nau-ti-lux sẽ tấn công chiếc tàu kia trên mặt biển. Nếu vậy, việc chạy trốn của chúng tôi sẽ dễ dàng hơn. Đến ba giờ sáng, tôi bồn chồn trèo lên boong. Thuyền trưởng Nê-mô vẫn ở đó. Ông ta đứng cạnh lá cờ đang bay trong làn gió nhẹ, mắt không rời khỏi chiếc tàu chiến. Mặt trăng đang đi qua kinh tuyến. Sao Mộc xuất hiện ở phía đông. Trong cảnh thiên nhiên tịch mịch đó, bầu trời và biển cả ganh đua nhau về sự phẳng lặng. Mặt biển cho những vì sao đêm soi bóng xuống tấm gương tuyệt vời. Chiếc tàu chiến còn cách chúng tôi hai hải lý. Nó vẫn dõi theo ánh sáng lấp lánh của tàu Nau-ti-lux mà lướt tới. Tôi đã nhìn thấy ánh đèn tín hiệu xanh đỏ và chiếc đèn treo trên cột buồm. Tôi đứng

trên boong trước sáu giờ sáng, nhưng thuyền trưởng Nê-mô làm ra vẻ không chú ý gì đến tôi. Chiếc tàu kia còn cách chúng tôi một hải lý rưỡi. Nó nổ súng ngay khi vừa hừng sáng. Đã tới lúc tàu Nau-ti-lux tấn công. Tôi và các bạn tôi sẽ vĩnh biệt con người mà bản thân tôi không muốn lên án. Tôi định xuống dưới tàu để báo cho Nét và Công-xây biết, thì viên thuyền phó và mấy thủy thủ nữa lên boong. Họ tự động làm những việc cần thiết, có thể gọi là "chuẩn bị chiến đấu". Những việc đó rất đơn giản. Lan can bằng sắt bao quanh boong được hạ xuống. Đèn pha và phòng hoa tiêu cũng được đưa vào trong thân tàu. Giờ đây mặt ngoài chiếc xì gà bằng thép dài này chẳng còn một chỗ nào lòi ra có thể gây trở ngại khủng khiếp cho trận đánh. Ngày mùng 2 tháng 6 khủng khiếp đã tới. Năm giờ sáng, tàu Nau-ti-lux giảm tốc độ. Tôi hiểu rằng nó đang để đối thủ lại gần. Tiếng súng bắn nghe rõ hơn nhiều. Đạn pháo rít lên quanh tàu Nau-ti-lux rồi rơi xuống biển. Tôi nói:

- Các bạn, chúng ta sẽ hiệp sức cùng nhau, và cầu mong thượng đế che chở!

Nét Len rất quyết tâm. Công-xây vẫn bình thản, còn tôi thì hết sức bồn chồn. Chúng tôi sang thư viện. Nhưng khi mở cửa thông sang cầu thang trung tâm, tôi nghe thấy tiếng nắp tàu đóng sập xuống. Nét lao đến bậc thang, nhưng tôi ngăn anh ta lại. Tiếng rít rất quen thuộc báo hiệu nước bắt đầu chảy vào các bể chứa. Mấy phút sau, tàu Nau-ti-lux lặn xuống dưới mặt biển mấy mét. Tôi hiểu cách đánh của nó rồi. Nó đã từ bỏ ý định tấn công vào chỗ bọc thép của đối thủ mà chuẩn bị đánh vào phần dưới mực nước là chỗ vỏ tàu không được bọc thép. Chúng tôi lại bị nhốt và trở thành những người chứng kiến bất đắc dĩ của tám thảm kịch sắp nổ ra. Vả lại, chúng tôi cũng chẳng có thì giờ để suy nghĩ nhiều về chuyện đó. Cả ba người tập trung ở phòng tôi và chỉ nhìn nhau, không nói một lời. Đầu óc tôi mù hắc đi. Tôi chẳng làm được việc gì nữa. Tôi khắc khoải đợi chờ giây phút sắp có tiếng nổ khủng khiếp. Trong khi đó, tốc độ tàu Nau-ti-lux tăng lên rõ rệt. Nó đang lấy đà. Toàn thân nó rung lên. Tôi bỗng kêu to: tàu Nau-ti-lux đã đánh! Tôi cảm thấy mũi tàu bằng thép nhọn xuyên qua thân chiếc tàu chiến, nhẹ nhàng như chiếc kim khâu xuyên qua tấm vải buồm. Tôi không tự kiềm chế được nữa. Tôi phát điên lên, lao ra khỏi phòng rồi sang phòng khách. Thuyền trưởng Nê-mô đứng đó, im lìm, trầm lặng, và nhìn qua ô cửa kính bên phải tàu. Chiếc tàu chiến đồ sộ chìm xuống đại dương. Tàu Nau-ti-lux cũng

lặn xuống theo để quan sát kỹ từng phút cảnh hấp hối đó. Cách tôi mười mét, đuôi chiếc tàu chiến bị vỡ, nước đang ào ào chảy vào.

Trên boong tàu, từng đám người nhón nháo như những bóng ma. Nước ngày càng dâng cao. Những người bất hạnh trèo lên bầu víu vào cột buồm, giãy giụa trong nước. Thật giống một tổ kiến bồng dựng bị đổ đầy nước. Tôi chờ dần ra vì đau khổ, tóc tôi dựng ngược lên, mắt tôi muốn nổ ra, hơi thở bị tắc lại! Chiếc tàu to lớn từ từ chìm xuống. Tàu Nau-ti-lux vẫn lặn theo. Bỗng có một tiếng nổ lớn. Không khí bị nén lại đã phá tung boong tàu, tựa như có ai vừa đốt kho thuốc súng. Nước xô mạnh đến nỗi hất cả tàu Nau-ti-lux đi. Từ đây, chiếc tàu chiến bất hạnh bắt đầu chìm nhanh xuống đáy cùng với toàn bộ thủy thủ. Tôi quay lại nhìn thuyền trưởng Nê-mô. Người quan tòa đáng sợ ấy không rời khỏi chiếc tàu đang đắm. Khi mọi việc đã xong, Nê-mô đi về phòng riêng. Tôi đưa mắt nhìn theo. Trên bức tường đối diện với cửa ra vào, phía trên chân dung các anh hùng, tôi thấy chân dung một phụ nữ còn trẻ và hai đứa con. Thuyền trưởng Nê-mô đưa tay về phía họ và ngắm nhìn mấy giây. Rồi Nê-mô quỳ xuống và khóc nức nở.

CHƯƠNG 46

NHỮNG LỜI CUỐI CÙNG CỦA THUYỀN TRƯỞNG NÊ-MÔ

Cảnh tượng ghê sợ chấm dứt, cửa sổ đã đóng lại, nhưng đèn phòng khách chưa bật sáng. Bên trong tàu Nau-ti-lux im phăng phắc và tối om. Tàu chạy hết sức nhanh ra khỏi chỗ đau thương vừa rồi ở độ sâu một trăm mét. Nó đi đâu? Xuống phía nam hay lên phía bắc? Tôi trở về phòng riêng. Nét và Công-xây đang ngồi ở đó và chẳng nói năng gì...

Đến 11 giờ, đèn điện bật sáng. Tôi sang phòng khách. Chẳng có ai ở đó. Tôi nhìn các máy móc. Tàu Nau-ti-lux đang chạy về phía bắc với tốc độ hăm năm hải lý một giờ, khi thì trên mặt biển, khi thì ở dưới độ sâu mười mét. Theo những dấu ghi trên bản đồ, tôi thấy tàu đã chạy ngang qua biển Măng-sơ và lao rất nhanh về phía bắc. Đến chiều, tàu đã đi được hai trăm hải lý trên Đại Tây Dương. Trời đã hoàng hôn, nhưng trăng chưa lên nên biển bị bóng tối bao phủ. Cảnh tượng khủng khiếp vừa qua lúc nào cũng ám ảnh tôi. Từ hôm nay, ai có thể biết tàu Nau-ti-lux sẽ đưa chúng tôi đến đâu trong khu vực Bắc Đại Tây Dương này?... Tôi chẳng biết bao thời gian đã trôi qua. Thời gian đã ngừng lại trên các đồng hồ của tàu. Hình như ngày và đêm không nối tiếp nhau một cách bình thường nữa. Tôi đoán -có thể sai -rằng tàu Nau-ti-lux đã chạy được mười lăm hay hai mươi ngày. Và chẳng biết nó còn chạy tiếp bao lâu nữa, nếu không xảy ra một tai nạn lớn kết thúc cuộc hành trình này. Thuyền trưởng Nê-mô chẳng thấy tăm hơi đâu. Viên thuyền phó cũng vậy. Không một thủy thủ nào xuất hiện, dù chỉ một giây. Tàu Nau-ti-lux gần hết thời gian ở dưới mặt biển. Khi nó nổi lên để lấy không khí, cửa sổ mở ra đóng vào một cách tự động. Trên bản đồ không có một dấu ghi nào. Tôi chẳng biết tàu hiện đang ở đâu. Nét Len vì kiệt sức và nản lòng nên cũng tránh mặt, Công-xây không cạy được ở Nét một lời, nên sợ trong cơn quần trí hay nhớ quê hương quá, Nét sẽ tự sát, Công-xây bám chặt Nét không rời một phút. Ai cũng hiểu rằng trong những điều kiện như

vậy, chúng tôi thực không chịu đựng nổi. Một buổi sáng, khó nói là ngày bao nhiêu, tôi chớp mắt đi trong một giấc ngủ nặng nề, đau đớn. Khi tỉnh dậy, tôi thấy Nét cúi xuống người tôi thì thào:

- Ta trốn đi thôi!

Tôi bật dậy hỏi:

- Bao giờ?

- Ngay đêm nay. Hình như tàu Nau-ti-lux chẳng còn ai trông nom nữa. Có thể nói, mọi hoạt động trên tàu đều đã ngừng. Ngài sẽ chuẩn bị sẵn sàng chứ?

- Vâng. Nhưng chúng ta đang ở đâu?

- Đang ở gần đất liền. Sáng nay, tôi đã nhìn thấy đất liền qua sương mù, cách tàu hai mươi hải lý về phía đông.

- Đó là đất nào?

- Tôi không rõ, nhưng dù đất nào thì ta cũng sẽ tìm được chỗ trú chân.

- Đúng vậy, đêm nay chúng ta sẽ trốn, dù có bị chết đuối ngoài biển.

- Biển động gió to. Nhưng vượt hai mươi hải lý trên chiếc xuồng con của tàu Nau-ti-lux, tôi chẳng hãi gì. Tôi có thể bí mật cất giấu một ít lương thực và mấy chai nước vào xuồng.

- Tôi sẽ theo ông, ông Nét ạ.

- Nếu bị lộ thì tôi sẽ chống cự lại đến cùng.

- Chúng ta sẽ sống chết có nhau, ông Nét ạ.

Nét đi ra. Tôi lên boong, nhưng vất vả lắm mới đứng được vì sóng lắc rất mạnh. Bầu trời không hứa hẹn điều gì tốt lành, nhưng một khi đã nhìn thấy đất liền, thì phải trốn ngay, không được chậm một ngày, một giờ nào. Tôi quay về phòng khách, trong lòng vừa sợ vừa muốn gặp thuyền trưởng Nê-mô. Tôi sẽ nói gì với ông ta? Liệu tôi có che giấu được nỗi kinh hoàng mà ông ta đã gây cho tôi không? Không! Thế thì tốt hơn là không nên chạm trán bây giờ! Tốt hơn là nên quên ông ta đi!... Cái ngày cuối cùng trên tàu Nau-ti-lux này sao dài thế! Tôi còn lại một mình. Nét và Công-xây tránh gặp tôi để khỏi bị lộ. Đến sáu giờ, tôi ngồi vào bàn ăn dù chẳng thấy đói chút nào. Nhưng tôi tự ép mình ăn vì không muốn bị đuổi sức đi. Đến sáu giờ rưỡi, Nét vào phòng tôi và nói:

- Từ nay đến lúc xuất phát, chúng ta sẽ không gặp nhau nữa. Đến mười giờ đêm vẫn chưa có trăng đâu. Chúng ta sẽ lợi dụng trời tối. Giáo sư hãy đến chỗ để xuống. Công-xây và tôi sẽ chờ ở đó.

Nét rút lui ngay, chẳng chờ tôi trả lời nữa. Tôi muốn kiểm tra lại hướng đi của tàu Nau-ti-lux, nên sang phòng khách. Tàu phóng như tên bắn về phía đông-bắc ở độ sâu năm mươi mét. Lần cuối cùng tôi nhìn kỳ quan của thiên nhiên, những tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời chen chúc nhau trong phòng bảo tàng này, nhìn những bộ sưu tập có một không hai, đến ngày nào đó sẽ bị mất đi cùng với người đã tìm kiếm ra nó. Tôi muốn in sâu mãi mãi những vật quý đó vào ký ức. Tôi đứng nhìn suốt một tiếng đồng hồ. Sau đó, tôi trở về phòng riêng rồi mặc bộ đồ đi biển không thấm nước. Tôi thu thập những sổ ghi và giấu kín trong người. Tim tôi đập thình thịch. Vẻ lúng túng và xúc động của tôi tất nhiên không thể lọt qua mắt thuyền trưởng Nê-mô. Nê-mô đang làm gì lúc này? Tôi đến gần cánh cửa thông qua sang phòng ông ta. Có tiếng chân người bên đó. Đó là Nê-mô. Ông ta không ngủ. Mỗi cử động nhỏ của Nê-mô khiến tôi tưởng tượng rằng ông ta sắp xuất hiện trước mặt tôi và hỏi:

"Vì sao ngài lại muốn chạy trốn?" Tôi sợ hãi từng tiếng động nhỏ. Óc tưởng tượng càng tăng thêm nỗi khiếp sợ của tôi. Tình trạng căng thẳng ấy lên tới mức độ khiến tôi mấy lần tự hỏi: hay là ta sang phòng Nê-mô và nhìn thẳng vào mặt ông ta mà thách thức? Thật là một ý nghĩ điên rồ! Cũng may là tôi tự kìm lại được và trở về phòng, nằm xuống giường cho thể xác đỡ mệt mỏi. Thần kinh tôi dịu xuống, nhưng óc thì vẫn làm việc.

Những kỷ niệm trên tàu Nau-ti-lux lướt qua rất nhanh. Tôi nhớ lại tất cả những sự kiện đã xảy ra từ khi tôi bị văng ra khỏi tàu Lin-côn: những cuộc đi săn ngầm dưới biển, eo Tô-rex, bờ biển Pa-poa, nghĩa trang san hô, kênh đào Xuy-ê, vũng biển Vi-gô, lục địa át-lan-tích, Nam cực, trận chiến đấu với bạch tuộc, cơn bão ở dòng biển Gơn-xtơ-rim, tàu "Báo thù" và chiếc tàu chiến bị đắm cùng toàn bộ thủy thủ. Tất cả những sự kiện đó diễn lại trước mắt tôi như phong cảnh di động ở rạp hát. Và trên cái phong cảnh độc đáo ấy nổi bật lên hình dáng của thuyền trưởng Nê-mô. Ông ta không còn là người thường, mà là kẻ ngự trị sóng nước, là thần biển! Đã chín rười. Tôi lim dim mắt và lấy tay ôm đầu cho khỏi vỡ tung ra. Tôi chẳng muốn nghĩ gì nữa. Còn phải chờ đợi nửa tiếng, nửa tiếng đồng hồ đầy ác mộng khiến tôi phát điên lên được! Lúc

đó, tôi nghe thấy tiếng đại phong cầm huyền ảo, tiếng đàn buồn thảm như một tiếng hát thê lương. Tôi lắng nghe và bị tiếng đàn tuyệt diệu lôi cuốn đi như nó đã từng lôi cuốn thuyền trưởng Nê-mô vào một thế giới khác. Nhưng tôi bỗng hoảng sợ khi thấy Nê-mô sang phòng khách, mà muốn chạy trốn thì tôi phải qua đó. Tôi sẽ gặp ông ta lần cuối. Nê-mô sẽ thấy tôi và có thể sẽ nói chuyện với tôi. Nê-mô có thể giết tôi bằng một cử chỉ, cột chặt tôi vào tàu Nau-ti-lux bằng một lời nói! Sắp mười giờ. Đã đến lúc phải ra khỏi phòng để gặp Nét và Công-xây. Dù thuyền trưởng Nê-mô có đứng ngay trước mặt, cũng không thể do dự được. Tôi mở cửa rất cẩn thận, nhưng vẫn cảm thấy nó kêu to quá.

Có lẽ tiếng cót két đó chỉ là do tôi tưởng tượng ra. Tôi bắt đầu bò theo các hành lang tối mò trong tàu, luôn luôn phải dừng lại để tìm đỡ đập mạnh. Tôi mò đến cánh cửa ở góc phòng khách rồi khẽ hé mở. Trong phòng khách tối om. Tiếng đại phong cầm thoảng nhẹ. Nê-mô đang ngồi đó. Ông ta không thấy tôi. Tôi bò trên tấm thảm mềm, cố không vấp phải cái gì vì một tiếng động nhỏ cũng có thể làm lộ. Mất năm phút tôi mới tới được chỗ cửa chính thông sang thư viện. Tôi sắp mở cửa thì bỗng tiếng thở dài của Nê-mô làm tôi nằm chết đi tại chỗ. Tôi biết là ông ta đang đứng dậy. Tôi nhìn thấy cả người ông ta, tuy không rõ lắm, nhờ một tia sáng từ bên phòng khách lọt sang. Nê-mô đi về phía tôi, trầm lặng, tay khoanh trước ngực. Ngực ông ta phập phồng, nức nở. Tôi nghe thấy tiếng nói của Nê-mô, những lời cuối cùng mà tôi nghe được:

- Ôi, thế là đủ rồi! Đủ rồi! Cái gì vậy? Tiếng nói của lương tâm hay tiếng kêu của tâm hồn con người đó?

Trong sự kinh hoàng tột độ, tôi vọt sang thư viện trèo lên cầu thang trung tâm rồi chạy đến chỗ để xuống. Tôi chui vào xuống qua một lỗ hổng. Trong xuống đã có Nét và Công-xây rồi.

- Ta đi thôi, đi thôi! - Tôi giục.

- Đi ngay đây! - Nét trả lời.

Chúng tôi đẩy lỗ hổng ở vỏ tàu lại rồi vặn chặt ê-cu. Sau đó chúng tôi đẩy kín lỗ hổng ở xuống rồi Nét tháo ê-cu gắn xuống với tàu Nau-ti-lux. Trong tàu bỗng có tiếng người gọi nhau í ới. Có chuyện gì vậy? Họ phát hiện ra chúng tôi rồi chăng? Nét đưa cho tôi một con dao găm. Tôi khẽ nói:

- Đúng, chúng ta biết chết một cách xứng đáng!

Nét tạm ngừng công việc. Lúc đó tôi nghe thấy một tiếng kêu, được nhắc lại độ hai mươi lần, một tiếng kêu khủng khiếp, nhờ đó mà tôi hiểu rõ ngay vì sao thủy thủ tàu Nau-ti-lux lại nhón nháo.

- Man-xơ-rim! Man-xơ-rim!

Trong hoàn cảnh khốn khổ của chúng tôi, còn tiếng kêu nào nghe khủng khiếp hơn thế không? Thế là tàu đã lọt vào vùng biển nguy hiểm nhất của Na-uy. Từ lâu, người ta đã biết rằng khi triều dâng lên giữa nhóm đảo Lô-phô-đen và nhóm đảo Phê-rô thì nước biển ở đây bị ép lại và biến thành một dòng thác khổng lồ. Giữa dòng thác đó hình thành một vũng nước xoáy mà chưa một tàu thuyền nào thoát ra khỏi. Từ bốn phía chân trời xô tới những đợt sóng khủng khiếp. Chính những đợt sóng ấy tạo thành vực thẳm Man-xơ-rim mà người ta gọi rất đúng "cái rốn của Đại Tây Dương". Vùng nước xoáy mạnh đến nỗi hút vào tất cả mọi vật trong khoảng mười lăm ki-lô-mét. Nó nuốt cả tàu bè, cả cá voi và gấu trắng của vùng Bắc cực. Tàu Nau-ti-lux đã rơi vào vực thẳm đó một cách vô tình và cũng có thể là do ý muốn của thuyền trưởng Nê-mô. Nó quay tròn theo hình xoáy ốc mà bán kính ngày càng ngắn lại. Chiếc xuống con của chúng tôi tất nhiên cũng quay với tốc độ ghê gớm như vậy. Chúng tôi kinh hoàng, máu trong người như ngừng chảy, phản ứng thần kinh biến mất, mồ hôi toát ra lạnh ngắt như người đang hấp hối! Xung quanh chiếc xuống mỏng manh của chúng tôi là tiếng gầm thét vang vọng nhiều dặm xa, là tiếng sóng gào đập vào những mỏm đá nhọn mà những vật rắn chắc nhất va vào cũng tan thành mảnh vụn...

Tàu Nau-ti-lux vật lộn như một con người. Những bắp thịt thép của nó kêu răng rắc. Thỉnh thoảng nó lại nổi bênh lên, chúng tôi cũng lên theo. Nét nói:

- Phải bám chắc lấy tàu và vắn ê-cu lại! Còn bám được vào tàu thì ta còn khả năng thoát nạn!... Nét chưa dứt lời thì ê-cu bị bật tung ra. Chiếc xuống bị hất xuống vùng nước xoáy! Đầu tôi bị đập mạnh vào khung xuống bằng sắt. Tôi ngất đi.

CHƯƠNG 47

KẾT LUẬN

Cuộc hành trình của tôi đến đây là hết. Chuyện gì đã xảy ra đêm ấy, chiếc xuồng của chúng tôi làm sao ra khỏi vùng nước xoáy khủng khiếp ấy, vì sao Nét Len, tôi và Công-xây thoát khỏi vực thẳm ấy? Tôi không thể biết được. Nhưng khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trong túp lều của một người đánh cá ở đảo Lô-phô-đen. Cả hai bạn tôi đều bình yên vô sự. Họ ngồi cạnh tôi và nắm chặt tay tôi. Chúng tôi hôn nhau thấm thiết. Lúc đó chúng tôi không thể nghĩ đến chuyện về Pháp. Tàu chở khách giữa miền Bắc và miền Nam Na-uy thường rất hiếm. Hành phải chờ chuyển tàu chạy hai tháng một lần đến mũi biển bắc. Trong thời gian nường nhờ những người dân chài đáng mến, tôi xem lại câu chuyện kể về cuộc phiêu lưu của chúng tôi. Câu chuyện này thật chính xác, không bỏ sót một sự việc nào, không thổi phồng một chi tiết nào. Đó là câu chuyện xác thực về một cuộc thám hiểm rất kỳ lạ dưới lòng biển chưa ai đặt chân tới. Những sự tiến bộ của văn hóa sẽ biến nơi đó thành những con đường tự do, ai đến cũng được. Vấn đề đặt ra là không biết mọi người có tin tôi không? Thật ra, cũng không quan trọng lắm. Tôi có thể khẳng định một điều là giờ đây tôi có quyền nói về những đáy biển sâu, nơi tôi đã vượt hai vạn dặm và đi vòng quanh thế giới trong không đầy mười tháng. Chuyến đi này đã cho thấy bao điều kỳ diệu ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, ở biển Đỏ và Địa Trung Hải, ở Đại Tây Dương và các biển miền bắc, miền nam. Nhưng còn tàu Nau-ti-lux? Chẳng biết nó có chống chọi được với vùng nước xoáy Man-xơ-rim không? Thuyền trưởng Nê-mô còn sống không? Nê-mô vẫn cho tàu chạy dưới biển sâu và tiếp tục việc trả thù khủng khiếp, hay con đường của ông ta đã bị cắt đứt ở cái nghĩa địa khổng lồ vừa rồi? Liệu sóng nước có đem lại cho chúng ta tập bản thảo nói về cuộc đời Nê-mô không? Chiếc tàu bị mất tích có giúp cho ta biết được quốc tịch của thuyền trưởng Nê-mô không? Tôi hy vọng. Tôi còn nghĩ rằng, chiếc tàu ngăm vừng vàng đó đã thắng được biển cả

ngay trong vùng nước xoáy kinh khủng nhất, rằng tàu Nau-ti-lux vẫn còn nguyên vẹn ngay ở chỗ rất nhiều tàu thuyền khác đã bị đắm. Nếu thực như vậy, và nếu thuyền trưởng Nê-mô còn sống ngoài đại dương mênh mông kia, thì cầu sao cho lòng căm thù trong trái tim tàn nhẫn đó dịu đi! Cầu sao cho những kỳ quan của thiên nhiên kia dập tắt đi ngọn lửa hận thù! Cầu sao cho quan tòa đáng sợ trong ông ta nhường chỗ cho nhà bác học hiền hòa tiếp tục công cuộc nghiên cứu đáy biển! Số phận của thuyền trưởng Nê-mô vừa kỳ lạ, vừa cao cả. Phải chăng tôi không hiểu ông ta? Phải chăng tôi đã không sống cuộc sống siêu nhiên của Nê-mô trong mười tháng trời? Sáu ngàn năm trước đây, kinh thánh đã đề ra câu hỏi:

“Ai đã đo được các vực thẳm?”. Chỉ hai người trên đời này có quyền trả lời câu hỏi đó: thuyền trưởng Nê-mô và tôi.

1870

(Dịch theo bản tiếng Nga của
Nhà xuất bản văn học Mát-xcơ-va 1956
do N.G. I-a-cô-vơ-lê-va và E. Ph. Co-rơ-sa
dịch từ tiếng Pháp)